TS. NGUYỄN QUANG TRUNG (Chủ biên)

ĐỂ ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

Ngữ Văn 6

- KIẾN THỨC CƠ BẢN
- KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO
- LUYỆN TẬP (TRẮC NGHIỆM, TỰ LUẬN)



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TS. NGUYỄN QUANG TRUNG (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO - NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO

ĐỂ ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN NGỮ VĂN 6

- Kiến thức cơ bản
- Kiến thức mở rộng, nâng cao
- Luyện tập (trắc nghiệm, tự luận)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI - 2007

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ sách ***Để đọc - hiểu văn bản Ngữ văn*** tập hợp được một đội ngũ tác giả là các giáo viên giàu kinh nghiệm và nhiều tâm huyết với nghề nghiệp thuộc các trường trung học phổ thông có uy tín ở Hà Nội như Trường Chuyên Ngoại ngữ, Trường Chuyên Hà Nội - Amsterdam, Trường Chu Văn An, Trường M.V. Lômônôxốp. Từ khi chương trình Ngữ văn trung học cơ sở theo tinh thần cải cách giáo dục đi vào nhà trường, nhiều bộ sách tham khảo ra đời và đã phần nào đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh trong cả nước. **Cái mới** của bộ sách này là ở chỗ tạo nên một hệ thống vừa toàn diện, vừa thiết thực, xuyên suốt cả bốn năm học lớp 6, 7, 8, 9, với một mô hình bài soạn thống nhất, các văn bản được sắp xếp theo **trật tự thể loại**. Nếu biên soạn theo từng khối lớp, quyển sau không tiếp nối quyển trước, thì dễ sa vào cách làm tản mạn, nhỏ lẻ, không hình thành được hệ thống phương pháp cho học sinh, các năm học không kế thừa được thành quả của nhau. Xây dựng bộ sách này, chúng tôi muốn khắc phục hạn chế trên, tạo cho người đọc một **hệ phương pháp** xuyên suốt cấp học, với một **cái nhìn mới** về chương trình Ngữ văn, từ đó mà tạo ra một **hiệu quả mới** trong việc học văn. Để bạn đọc thuận lợi hơn trong việc sử dụng, chúng tôi xin nhấn mạnh hai đặc điểm cấu trúc quan trọng của bộ sách:

- Cấu trúc bộ sách được xây dựng trên **tiêu chí thể loại**, vì ý thức về thể loại chính là cơ sở phát triển của văn học, đồng thời là cơ sở để đọc - hiểu (cảm thụ và phân tích) văn bản văn học. Tiêu chí thể loại vừa phù hợp với tinh thần cải cách môn Ngữ văn, vừa giúp tích hợp với phân môn Tập làm văn. Tất nhiên, thể loại có tính lịch sử nên chúng tôi sắp xếp văn bản theo hệ thống thể loại kết hợp phần nào với tiến trình lịch sử. Cách làm của chúng tôi tạo ra một chút khác biệt với sách giáo khoa Ngữ văn trung học cơ sở, nhưng không hề gây trở ngại trong quá trình sử dụng, nếu không muốn nói có phần dễ quan sát hơn hệ thống văn bản trong sách giáo khoa.

- Cấu trúc bài soạn từng văn bản được thống nhất trong toàn bộ sách như sau:

Tên văn bản (...)

Tên tác giả (...)

A. Kiến thức cơ bản

I. Tác giả: Nêu ngắn gọn về con người và sự nghiệp văn học của người sáng tác văn bản.

II. Tác phẩm (trọng tâm): Trình bày cô đọng về xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, đặc điểm thể loại, vị trí đoạn trích, bố cục, tóm tắt văn bản, đặc biệt là phần **nội dung cơ bản** (gồm: nội dung khái quát, các khía cạnh chính) và **đặc sắc nghệ thuật** (gồm những đặc điểm chính về bút pháp tác giả).

B. Kiến thức mở rộng, nâng cao: Tập hợp một số ý kiến nhận xét, đánh giá về tác giả, tác phẩm.

C. Luyện tập: Có hai loại bài tập là **trắc nghiệm** và **tự luận.**

Cuối mỗi bộ sách có phần Gợi ý làm bài. Đây là mô hình biên soạn vừa đáp ứng **nhu cầu thiết thực** (khắc sâu kiến thức cơ bản một cách dễ hiểu, dễ nhớ), vừa **nâng cao, mở rộng tầm hiểu biết** về một văn bản (qua việc tham khảo các ý kiến khác nhau về tác giả, tác phẩm), đồng thời **gắn lí thuyết với thực hành**, biến quá trình học thành **quá trình tự học** (phần luyện tập và gợi ý làm bài cung cấp cho học sinh một hệ thống bài tập phong phú, với nhiều kiểu loại để thực hành và tự đánh giá năng lực Ngữ văn của mình).

Cảm thụ phân tích văn bản, nhất là văn bản nghệ thuật, là công việc không có tận cùng. Bạn đọc hãy coi bộ sách của chúng tôi là những gợi ý tham khảo cho các thầy cô giáo, các bậc phụ huynh, các sinh viên sư phạm và đặc biệt là các em học sinh trung học cơ sở. Nếu bộ sách có gì chưa ổn về nội dung, phương pháp... xin được bạn đọc chỉ giáo để lần tái bản được hoàn thiện hơn, còn nếu bộ sách có chút ít lợi ích cho bạn đọc thì đó là niềm vui lớn của những người biên soạn.

Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2007

TM NHÓM BIÊN SOẠN

TS. NGUYỄN QUANG TRUNG

PHẦN MỘT

VĂN BẢN TỰ SỰ

VĂN BẢN TỰ SỰ VIỆT NAM

TRUYỀN THUYẾT

- Là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ.

- Thường có yếu tố tưởng tượng, kì ảo.

- Truyền thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể.

Trong những truyền thuyết được học ở lớp 6, ***Con Rồng cháu Tiên, Bánh chưng bánh giầy, Thánh Gióng, Sơn Tinh Thuỷ Tinh*** *là những truyền thuyết về thời đại Hùng Vương- thời đại mở đầu lịch sử Việt Nam.* ***Sự tích Hồ Gươm*** *là truyền thuyết thời kì Hậu Lê. Truyền thuyết về thời kì dầu dựng nước gắn với nguồn gốc dân tộc và công cuộc dựng nước, giữ nước thời các vua Hùng, sử dụng nhiều yếu tố kì ảo hoang đường. Truyền thuyết sau thời các vua Hùng ít các yếu tố hoang đường hơn và theo sát lịch sử hơn.*

BẢNG THỐNG KÊ TÁC PHẨM

Số TT	Tên tác phẩm	Tóm tắt nội dung - ý nghĩa
1.	Con Rồng cháu Tiên	Qua câu chuyện có nhiều yếu tố tưởng tượng kì ảo về Lạc Long Quân và Âu Cơ, truyện giải thích, suy tôn nguồn gốc cao quý, thiêng liêng của cộng đồng người Việt; đề cao nguồn gốc chung và biểu hiện ý nguyện đoàn kết thống nhất của nhân dân ta ở mọi miền đất nước. Truyện còn phản ánh và lưu trữ những dấu vết văn minh buổi đầu của dân tộc ta.
2.	Bánh chưng, bánh giầy	Truyền thuyết kể về cuộc thi tài chọn người nối ngôi của Hùng Vương, qua đó giải thích nguồn gốc bánh chưng, bánh giầy và ý nghĩa của từng loại bánh. Truyền thuyết còn phản ánh thành tựu văn minh nông nghiệp vào buổi đầu dựng nước với thái độ đề cao lao động, đề cao nghề nông, thể hiện sự tôn kính Tổ tiên, Trời đất của nhân dân ta.
3.	Thánh Gióng	Truyền thuyết kể về người anh hùng làng Gióng với vẻ đẹp rực rỡ, sức mạnh phi thường đánh thắng giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước. Truyện xây dựng hình tượng Thánh Gióng mang nhiều ý nghĩa: - Gióng là hình tượng cao đẹp, tiêu biểu cho phẩm chất anh hùng của thế hệ trẻ, của dân tộc Việt Nam trong buổi đầu giữ nước. - Gióng là người anh hùng mang trong mình sức mạnh của cả cộng đồng ở buổi đầu dựng nước. Hình tượng Gióng thể hiện quan niệm và mơ ước của nhân dân ta ngay từ buổi đầu lịch sử về người anh hùng cứu nước, chống ngoại xâm.

4.	Sơn Tinh, Thuỷ Tinh	Qua câu chuyện Hùng vương kén rể, cuộc đánh ghen dữ dội giữa hai người cầu hôn Mị Nương là Sơn Tinh và Thủy Tinh, truyền thuyết giải thích hiện tượng lũ lụt hằng năm; thể hiện sức mạnh, mong ước của người Việt Cổ muốn chế ngự thiên tai. Truyền thuyết còn suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.
5.	Sự tích Hồ Gươm	Truyện kể về việc Long Quân cho Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần, đánh thắng được giặc Minh, bảo vệ bờ cõi. Truyền thuyết ca ngợi tính chất chính nghĩa, tính chất nhân dân và chiến thắng vẻ vang của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh do Lê Lợi đánh giặc ở đầu thế kỷ XV. Truyền thuyết còn giải thích nguồn gốc tên gọi Hồ Gươm (hồ Hoàn Kiếm), đồng thời thể hiện khát vọng hoà bình của nhân dân ta.

CON RỒNG CHÁU TIÊN

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

I. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Kể về nguồn gốc, giống nòi cao quý của dân tộc người Việt, qua đó thể hiện ý nguyện đoàn kết, thống nhất cộng đồng của người Việt.

2. Các khía cạnh chính

a. Lạc Long Quân và Âu Cơ - cha Rồng mẹ Tiên – có nguồn gốc hình dạng kì lạ, lớn lao, đẹp đẽ: Lạc Long Quân là thần mình rồng, có sức khoẻ vô địch, ở dưới nước, thỉnh thoảng lên cạn, giúp dân diệt trừ những loại yêu quái bấy lâu làm hại dân lành. Âu Cơ là một nàng tiên, con Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Lạc Long Quân và Âu Cơ là hai nhân vật được xây dựng bởi trí tưởng tượng bay bổng, thể hiện niềm tự hào của cha ông ta về nòi giống cao quý của mình

b. Cuộc gặp gỡ, hôn nhân và sinh nở kì lạ: Một người ở miền nước thẳm, một người ở chốn non cao gặp nhau, đem lòng yêu thương nhau, nên vợ nên chồng. Cuộc hôn nhân kì lạ của Cha Rồng Mẹ Tiên đã có một cuộc sinh nở kì lạ: Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra một trăm người con, đẹp đẽ như các vị thần. Hình tượng bọc trăm trứng mang nhiều ý nghĩa, vừa giải thích nguồn gốc các dân tộc anh em cùng cha mẹ sinh ra, vừa thể hiện ý nguyện đoàn kết các dân tộc của cha ông ta từ ngàn đời xưa.

c. Hai người chia con, mỗi người cai quản một phương. Do tập quán khác nhau nên Lạc Long Quân và Âu Cơ không thể ở cùng nhau một nơi lâu dài được. Chính vì thế họ đã chia con, năm mươi theo cha xuống biển, năm mươi theo mẹ lên rừng xây dựng đất nước. Chi tiết này thể hiện ý nguyện đoàn kết dân tộc của cha ông ta.

d. Người con trưởng theo Âu Cơ được tôn làm vua, lấy hiệu Hùng Vương gây dựng mở mang bờ cõi. Đây là chi tiết có liên quan tới lịch sử nước ta thời quá khứ, khiến câu chuyện trở nên có cơ sở, thể hiện rõ hơn niềm tự hào của cha ông ta về nguồn gốc giống nòi cao quý của mình.

e. Bằng câu chuyện thấm đẫm màu sắc thần kì, tác giả dân gian đã khơi dậy tinh thần đoàn kết dân tộc, niềm tự hào về nguồn gốc giống nòi trong lòng mỗi

người con đất Việt. Niềm tự hào ấy, ý nguyện ấy tạo nên sức mạnh cho dân tộc ta trong suốt hàng nghìn năm xây dựng và bảo vệ đất nước.

* *Con Rồng cháu Tiên* là một thần thoại được lịch sử hoá trở thành một truyền thuyết nhiều ý nghĩa. Trước hết, đây là một truyền thuyết giải thích về nguồn gốc dân tộc và đất nước của người Việt Cổ. *Con Rồng cháu Tiên* vừa thể hiện sự tự ý thức về dòng giống cao quý, vừa thể hiện niềm tự hào dân tộc: đất nước mình đang sống được gây dựng bởi tổ tiên phi thường, vừa mang dáng dấp con người, vừa mang dáng dấp thần tiên. (Truyện không nhằm giải thích con người sinh ra như thế nào, từ đâu.)

Nếu như chỉ là giải thích nguồn gốc của loài người, thì *Con Rồng cháu Tiên* cũng giống nhiều thần thoại khác. Nhưng trong truyện, tác giả dân gian còn thể hiện ý thức, khát vọng đoàn kết các dân tộc anh em trên cùng một đất nước. Hình ảnh bọc trứng nở trăm con, rồi trăm con ấy lại *chia nhau cai quản các phương* thể hiện sự gắn bó đoàn kết của mọi dân tộc trên đất nước. Ý thức về nguồn cội, ý thức về tình máu mủ ruột rà sẽ gắn kết các dân tộc dù ở miền ngược hay miền xuôi. Mặt khác đó cũng là mong ước của tổ tiên qua lời Cha dặn *Kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp đỡ lẫn nhau, đừng quên lời hẹn.*

Con Rồng cháu Tiên dù mang ít nhiều yếu tố tưởng tượng, kì ảo nhưng vẫn chứa đựng không ít cốt lõi sự thật lịch sử về nền văn minh buổi đầu của dân tộc ta, đất nước ta. Đó là những ngày đầu bộ tộc Lạc Việt đã phải trải qua cuộc đấu tranh gian khổ để tồn tại. Những Ngư tinh, Hồ tinh, Mộc tinh chính là đại diện của những khó khăn gian khổ ấy. Việc thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi chính là thành quả sơ khai của con người trong buổi đầu khai phá, còn việc thần dạy dân cách ăn ở chính là thành tựu ban đầu về cách tổ chức làng xóm, gia đình, tổ chức cuộc sống... Tất cả chứng tỏ một cộng đồng đã vượt qua mông muội để xây dựng một đất nước ổn định. Và cốt lõi lịch sử đầy sức thuyết phục chính là Nhà nước Văn Lang được các Vua Hùng gây dựng, đóng đô ở Phong Châu với nguyên tắc tổ chức bộ máy quản lý đất nước rõ ràng. Như vậy, tuy ngắn gọn nhưng truyền thuyết *Con rồng cháu Tiên* đã thể hiện niềm tin, niềm tự hào về nguồn gốc giống nòi, dân tộc, đất nước, thể hiện khát vọng gắn bó đoàn kết giữa các dân tộc anh em. Truyện mãi lay động tâm hồn, ý thức người Việt Nam chúng ta.

II. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

- Sử dụng nhiều chi tiết kì ảo, hoang đường: nguồn gốc, hình dạng tài năng của nhân vật, sự sinh nở kì lạ, sự lớn lên phi thường của những người con.

- Những chi tiết kì ảo hoang đường đó thể hiện sự tôn kính, thái độ suy tôn của người Việt đối với nguồn gốc giống nòi của mình. Mặt khác, nó làm tăng tính li kì, hấp dẫn cho câu chuyện.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* *Đất nước* ấy là biểu tượng chung cho địa vực cư trú và hoàn cảnh thiên nhiên của người Việt Cổ (...). Đất nước ấy có *chim* và *thuồng luồng* ở. Hai giống này đại diện cho cuộc sống tự nhiên nói chung, chẳng bao lâu cũng trở thành biểu tượng của người Lạc Việt. Và tất nhiên nó được nhân hoá thành mẹ Âu Cơ và bố Rồng Lạc là những người khai sáng lịch sử dân tộc. Mẹ và bố ấy đẻ ra trăm trứng trong cùng một bọc nở *thành trăm chàng trai khổng lồ* xinh đẹp. Mẹ và bố ấy lại chia đều con đi ở miền núi và miền biển thành ra đồng bào các dân tộc thiểu số và Kinh bây giờ.

Ý niệm về địa vực cư trú, về đất mẹ quê cha manh nha từ đó và mở rộng dần ra thành ý niệm về lãnh thổ, Tổ quốc sau này. Ý niệm về giống nòi cũng bắt đầu từ đó và mở rộng thành tình cảm dân tộc lớn đoàn kết nhiều nhóm người lại với nhau như anh em ruột thịt. Hình tượng "sinh ra trong cùng một bọc" là cội nguồn của hai tiếng "đồng bào" mãi mãi nghe rất thân thương... Mẹ Âu Cơ là mẹ của mọi người, của đất nước và văn hoá Lạc Việt... Bố là biểu tượng của tinh thần dũng cảm, ý thức dựng nước của nhân dân ta. Bố là người cha của mọi người, của đất nước. Bố là chủ quyền của người Lạc Việt.

(Cao Huy Đỉnh, *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*,
NXB Khoa học Xã hội. H. 1974)

* Nguồn gốc dân tộc đã được thần thánh hoá. *Con Rồng cháu Tiên* thành ngữ đó đã trở nên quen thuộc với nhân dân hàng bao đời nay. Hình tượng một bọc trăm trứng, trăm con có nội dung lịch sử của nó. Đó là sự sinh sôi nảy nở của những thị tộc vốn cùng một nguồn gốc. Nhưng bên cạnh ý nghĩa đó, có một ý nghĩa lớn hơn: ấy là tình đồng bào thắm thiết đã hình thành trong cuộc đấu tranh gian khổ và trường kỳ để xây dựng và bảo vệ đất nước. Tất nhiên ý thức dân tộc về sau này mới phát sinh. Đến thế kỷ X, khi Ngô Quyền chiến thắng quân Nam Hán ở sông Bạch Đằng (năm 938) phất cao ngọn cờ độc lập dân tộc, khi Đinh Bộ Lĩnh dẹp mười hai sứ quân (năm 968) phất cao ngọn cờ thống nhất đất nước, thì ý thức dân tộc của tổ tiên đã hình thành. Ý thức về một dân tộc độc lập, về một dân tộc thống nhất ấy là kết quả của mấy ngàn năm đoàn kết đấu tranh để khắc phục thiên nhiên rất phong phú nhưng cũng rất dữ dội ở nước ta, để đánh đuổi nhiều kẻ thù ngoại xâm luôn luôn muốn cướp bóc và thôn tính nước ta. Mầm mống của nó đã tìm thấy ở những truyền thống rất xưa, ở ngay trong thần thoại.

(Đinh Gia Khánh – Chu Xuân Diên, *Văn học dân gian tập II*
NXB Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1973)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời:

1. Con Rồng cháu Tiên thuộc thể loại nào của văn học dân gian?

a. Thần thoại. c. Truyền thuyết.

b. Truyện cổ tích. d. Sử thi.

2. Trong các chi tiết sau, chi tiết nào không phải là chi tiết tưởng tượng, kì ảo?

A. Thần mình rồng, thường sống ở dưới nước, thỉnh thoảng sống trên cạn, sức khoẻ vô địch, có nhiều phép lạ.

B. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khoẻ mạnh như thần.

C. Người con trưởng theo Âu Cơ được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang.

3. Các chi tiết tưởng tượng, kì ảo có vai trò gì trong truyện?

A. Tăng tính li kì, hấp dẫn cho câu chuyện.

B. Đề cao, thiêng liêng hoá nguồn gốc giống nòi.

C. Thể hiện lòng tự hào, tôn kính tổ tiên.

D. Kết hợp cả A, B, C.

4. Trong các chi tiết sau, chi tiết nào thể hiện ý nguyện đoàn kết, thống nhất của nhân dân trên mọi miền đất nước?

A. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống trên cạn ở cung điện Long Trang.

B. Âu Cơ sinh ra bọc một trăm trứng, trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường.

C. Người con trai trưởng theo Âu Cơ được tôn lên làm vua lấy hiệu là Hùng Vương đóng đô ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang.

5. Truyền thuyết có đặc điểm gì khác với các thể loại văn học dân gian khác?

A. Có yếu tố tưởng tượng, kì ảo.

B. Có nhân vật, sự kiện liên quan đến lịch sử thời quá khứ.

C. Thường ngắn gọn.

II. TỰ LUẬN

1. Hình tượng bọc trăm trứng và việc Lạc Long Quân và Âu Cơ chia con gợi cho em những suy nghĩ gì?

2. Viết đoạn văn nêu lên những cảm nghĩ của em sau khi học xong truyền thuyết *Con Rồng cháu Tiên*.

BÁNH CHƯNG, BÁNH GIẦY

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Bánh chưng, bánh giầy là truyền thuyết về thời các Vua Hùng, vừa giải thích nguồn gốc của bánh chưng bánh giầy, vừa phản ánh thành tựu văn minh nông nghiệp ở buổi đầu dựng nước với thái độ đề cao lao động, đề cao nông nghiệp và thể hiện sự thờ kính Trời, Đất, Tổ tiên của nhân dân ta.

2. Các khía cạnh chính

a. Hùng Vương về già muốn truyền ngôi nhưng không theo tục lệ cũ (truyền ngôi cho con trưởng), mà muốn chọn người tài đức để nhân dân có cuộc sống ấm no, đất nước bền vững. Vì thế, Nhà vua ra điều kiện "*người nối ngôi ta phải nối được chí ta (....). Năm nay nhân lễ Tiên vương, ai làm vừa ý ta, ta sẽ truyền ngôi cho*". Có thể thấy đây là một quan niệm hết sức đúng đắn, phù hợp với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Nối được chí của Hùng Vương là giữ cho đất nước ổn định, đánh được thù trong, dẹp được giặc ngoài, quan tâm tới dân chúng. Có vậy, ngai vàng mới vững, đất nước mới yên ổn.

b. Các Lang không ai biết ý vua cha như thế nào nên đua nhau làm cỗ thật hậu, mong ngôi báu về mình. Chi tiết này cho thấy các Lang mong được ngôi báu nhiều hơn là làm vừa ý vua cha; và cũng không ai hiểu "*chí*" mà vua cha nói đến ở đây là gì... Riêng Lang Liêu buồn nhất vì chàng không thể làm cỗ như các anh em khác, chỉ có khoai lúa bình thường mà thôi.

c. Được thần báo mộng, Lang Liêu hiểu rằng những hạt gạo, những thứ mình làm ra là quý, bèn lấy gạo, đỗ, thịt lợn, lá dong... toàn những thứ bình thường, thân thuộc, tạo thành hai thứ bánh ngon dâng lên vua cha. Chàng đã làm với tất cả tấm lòng thành kính của mình mà không thấy có mong muốn như các Lang khác. Có lẽ đây là điều khác biệt nhất của chàng so với anh em mình

d. Vua cha rất vừa ý với chồng bánh giản dị của Lang Liêu, nghe kể lại giấc mộng gặp Thần lại càng ngẫm nghĩ. Vua chọn bánh của Lang Liêu đem tế Trời, Đất cùng Tên Vương. Nhà vua đã thấy được ý nghĩa sâu sắc của hai thứ bánh, nói lên cho mọi người hiểu, chọn Lang Liêu nối ngôi. Lang Liêu biết quý trọng hạt gạo, có lòng tôn kính Trời, Đất, Tổ tiên, có ý nguyện đùm bọc nhau thật xứng đáng nối ngôi Vua Hùng.

e. Bánh chưng bánh giầy trở thành thứ bánh không thể thiếu trong ngày Tết của nước ta, dịp con cháu bày tỏ lòng biết ơn, sự thờ kính Trời, Đất, Tổ tiên.

* *Bánh chưng bánh giầy* là một truyền thuyết về thời các vua Hùng, truyền thuyết về quá trình lao động, xây dựng một nền văn hoá phát triển và bền vững của cha ông ta. Câu chuyện tuy ngắn gọn nhưng chứa đựng một lượng thông tin lớn, giàu ý nghĩa.

Trước hết, truyện giải thích cặn kẽ, thuyết phục về nguồn gốc bánh chưng bánh giầy, hai thứ bánh không thể thiếu trong ngày Tết cổ truyền của dân tộc. Hai thứ bánh ấy không thể thiếu được bởi nó là sản vật của đồng quê nội cỏ nước ta, bởi nó nói lên bản sắc con người nước ta: Vừa khéo léo, vừa trân trọng hạt gạo bình thường nuôi sống con người. Nguyên liệu làm nên hai thứ bánh ấy là gạo nếp, một giống lúa nước rất dẻo, thơm ngon cùng đỗ xanh, thịt lợn, đều là những sản vật quen thuộc của nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Để gói bánh chưng, người ta sử dụng lá dong (và lạt giang) vốn rất sẵn ở nước ta. Trong tâm trí người Việt, nguyên liệu ấy, cách làm ấy, sản vật ấy là tiêu biểu cho dân tộc ta và chỉ có ở nước ta. Và trên thực tế, ở nhiều nước khác thuộc khu vực Đông Nam Á cũng sử dụng lúa nếp nhưng không đâu chế biến ra thứ bánh như ở nước ta.

Không chỉ đơn thuần giải thích nguồn gốc bánh chưng bánh giầy, trong khi kể chuyện, tác giả dân gian đã đề cao lao động, đề cao thành quả lao động và sự trân trọng thành quả ấy của con người. Thái độ ấy được gửi gắm vào lời Thần báo mộng cho Lang Liêu: *Không gì quý bằng hạt gạo* bởi hạt gạo *nuôi sống con người và ăn không bao giờ chán*, lại do *mình trồng lấy, trồng nhiều, được nhiều*. Như vậy, chính lao động giúp con người có thể tồn tại được chứ không phải những của quý hiếm trên rừng dưới biển. Thái độ đề cao lao động và trân trọng thành quả lao động còn được thể hiện qua thái độ của vua Hùng trước chồng bánh của Lang Liêu. Trước lễ vật giản dị ấy, nhà vua: *vừa ý, bèn gọi lên hỏi. Lang Liêu đem giấc mộng gặp Thần kể lại. Vua cha ngẫm nghĩ rất lâu rồi chọn hai thứ bánh ấy đem tế Trời, Đất cùng Tiên Vương.* Quyết định trao ngôi báu cho Lang Liêu chính là sự khẳng định đề cao lao động và sự sáng tạo trong lao động của vua Hùng cũng như của cha ông ta.

Truyền thuyết còn cho ta thấy thái độ của nhân dân ta đối với Trời, Đất, Tổ tiên. Đó là thái độ tôn kính, đầy lòng biết ơn. Một truyền thống cao đẹp của dân tộc Việt Nam. Thái độ ấy thể hiện ở việc coi trọng lễ vật dâng cúng Tổ tiên của vua Hùng, lấy đó làm điều kiện chọn người nối ngôi. Thái độ ấy còn thể hiện ở việc vua Hùng chọn hai thứ bánh của Lang Liêu để tế, giải thích thật cặn kẽ ý nghĩa của chúng. Hình dáng "*tròn*", "*vuông*", các thứ nguyên liệu làm nên bánh thể hiện sự tôn kính Trời, Đất... *lá bọc ngoài mĩ vị để trong là ngụ ý đùm bọc nhau.* Dùng sản vật của quê hương, nhờ bàn tay lao động tài hoa và sáng tạo làm nên để dâng cúng Trời, Đất, Tổ tiên, quả là lòng biết ơn và tôn kính sâu sắc của con cháu.

II. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

Truyện có nhiều chi tiết nghệ thuật tiêu biểu cho truyện dân gian:

- Có yếu tố tưởng tượng kì ảo, làm tăng tính hấp dẫn của truyện, thể hiện thái độ của nhân dân với nhân vật chính: chi tiết Thần báo mộng, Lang Liêu chăm chỉ, thật thà lại thiệt thòi nên được giúp đỡ.

- Có những chi tiết gắn với lịch sử thời quá khứ: Vua Hùng, ngày lễ Tiên vương...

- Nhân vật chính - Lang Liêu - thiệt thòi, trải qua cuộc thi tài, được thần giúp đỡ, cuối cùng được nối ngôi vua, phần thưởng xứng đáng cho người có tài, có đức, có tấm lòng thơm thảo.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Nét độc đáo của bánh chưng, bánh giầy còn là hình dáng gắn với quan niệm "Trời tròn, Đất vuông" của người xưa. Bánh giầy tượng hình bầu trời, bánh chưng tượng hình mặt đất. Cắt nghĩa như thế, cha ông bộc lộ cái nhìn và muốn chiếm lĩnh vũ trụ bao la. Hình dáng bánh chưng, bánh giầy cũng chứa đựng tấm lòng, tâm tình của con cháu tôn công lao của cha mẹ, tổ tiên như trời, như đất. Bánh chưng, bánh giầy vui lòng hiếu dưỡng, ấm tình cảm con người.

Bánh chưng, bánh giầy còn có ý nghĩa đề cao lao động, đề cao nhà nông. Lang Liêu nhân vật chính trong truyện, hiện lên như một anh hùng văn hoá. Bánh chưng, bánh giầy càng có ý nghĩa bao nhiêu thì càng nói lên tài năng, phẩm chất của Lang Liêu bấy nhiêu.

Bánh chưng, bánh giầy đã đi vào ngày Tết cổ truyền của dân tộc ta. Phong tục ấy mang biểu tượng về Trời, về Đất, cầm thú muôn loài, tài năng, tình cảm của nhân dân. Nhân dân ta đã xây dựng phong tục của mình từ những cái bình thường, giản dị nhưng rất giàu ý nghĩa.

(Bùi Mạnh Nhị, Dẫn theo sách giáo viên Ngữ văn 6 tập I,
NXB Giáo dục, 2002)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời.

1. Vua Hùng có ý định chọn người như thế nào để nối ngôi?

A. Là con trưởng.

B. Có nhiều tiền của.

C. Nấu ăn thật ngon.

D. Có thể nối chí Hùng Vương, giúp dân có cuộc sống yên ổn, ấm no.

2. Vì sao Lang Liêu được thần giúp đỡ?

A. Chàng là người thiệt thòi nhất.

B. Chàng có cuộc sống như một người dân thường, có thể hiểu được giá trị của lúa a gạo cũng như hiểu được lời gợi ý của Thần.

C. Chàng lo làm lễ vật xứng đáng để lễ Tiên vương chứ không phải để giành ngôôi báu.

D. Kết hợp cả A, B, C.

3. Vì sao Hùng Vương truyền ngôi cho Lang Liêu?

A. Vì chàng có mâm cỗ thật hậu, thật ngon.

B. Vì chàng được thần giúp đỡ.

C. Vì hai thứ bánh của chàng nhiều ý nghĩa, thể hiện cái tài, cái đức của chàng, choo thấy chàng có thể nối chí Hùng Vương.

D. Vì chàng biết quý trọng lao động và những gì mình làm ra.

4. Chi tiết nào sau đây thể hiện rõ nhất tài năng sáng tạo của Lang Liêu?

A. Người buồn nhất là Lang Liêu.

B. Chàng bèn chọn thứ gạo nếp thơm lừng, trắng tinh hạt nào hạt ấy tròn mẩy, đemm vo thật sạch, lấy đậu xanh, thịt lợn làm nhân, dùng lá dong trọng vườn gói thàành hình vuông, nấu một ngày, một đêm thật nhừ. Để đổi vị, đổi kiểu, cũng thứ gạoo nếp ấy chàng đồ lên, giã nhuyễn, nặn hình tròn.

C. Lá bọc ngoài mĩ vị để trong ngụ ý đùm bọc nhau.

D. Trong trời đất không có gì quý bằng hạt gạo.

5. Theo em, việc dùng bánh chưng, bánh giầy để tế Trời, Đất, Tiên Vương có ý nghĩa gì?

A. Thể hiện sự tôn kính, lòng biết ơn Trời, Đất, Tổ tiên của nhân dân ta.

B. Nhắc nhở con cháu không quên cội nguồn của mình.

C. Đề cao nghề nông và sự sáng tạo của người lao động.

II. TỰ LUẬN

1. Viết đoạn văn ngắn nêu lên suy nghĩ của em về một chi tiết trong truyện mà em tâm đắc nhất.

2. Truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy* cho em những hiểu biết gì?

THÁNH GIÓNG

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Số lượng truyền thuyết trong kho tàng văn học dân gian ở nước ta không nhiều nhưng đã phản ánh nhiều mặt cuộc sống, nhân vật và sự kiện lịch sử từ thời dựng nước. Thánh Gióng là truyền thuyết về người anh hùng đánh ngoại xâm cứu nước, vừa thể hiện niềm tự hào về sức trẻ của dân tộc, vừa thể hiện quan niệm và ước mơ của người dân về người anh hùng dân tộc.

2. Các khía cạnh chính

a. Người anh hùng đánh thắng giặc ngoại xâm bảo vệ bờ cõi trong tâm thức của nhân dân ta là một con người thật phi thường:

- Phi thường trong sự ra đời: Là con của hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. Do ướm vào vết chân to, bà có thai và mười hai tháng sau sinh ra Gióng. Sự ra đời không bình thường của nhân vật là một mô tip thường thấy trong văn học dân gian, như sự báo trước những điều khác thường mà nhân vật sẽ làm nên trong cuộc đời mình. Đây cũng là quan niệm dân gian về những con người có công với cộng đồng.

- Phi thường trong sự lớn lên: Lên ba không biết nói, biết cười. Tiếng nói đầu tiên là tiếng nói đòi đánh giặc. Sau đó, chú bé bỗng lớn nhanh như thổi, rồi vươn mình thành tráng sĩ.

- Phi thường trong việc đánh giặc: Cưỡi ngựa sắt, mặc giáp sắt, cầm roi sắt xông ra giết giặc. Roi gẫy, Gióng nhổ những bụi tre bên đường quật vào giặc. Một mình Gióng đánh khiến giặc tan, dẫm đạp lên nhau chạy trốn.

- Phi thường trong cách ra đi: Thắng giặc, Gióng cùng ngựa bay về trời. Đó là sự hoá thân của người anh hùng vào trong trời đất, cõi vĩnh hằng, bất tử.

b. Người anh hùng đánh thắng giặc ngoại xâm cũng thật gần gũi với nhân dân. Chàng là người con của những người lao động chăm chỉ, phúc đức. Chàng lớn lên

bằng cơm gạo của nhân dân, bằng tình yêu thương đùm bọc của dân làng. Chàng mang trong mình lòng căm ghét quân xâm lược, ý chí đánh giặc ngoại xâm bảo vệ bờ cõi. Gióng cũng chẳng màng danh lợi, không trở về để nhận ban thưởng.

c Gióng còn là biểu tượng cho lòng yêu nước, sức quật cường của dân tộc ta trong buổi đầu chống ngoại xâm. Sức mạnh tự cường của dân tộc, là sức mạnh đoàn kết thống nhất của nhân dân.

d Gióng mãi là một hình tượng đẹp, sống mãi trong lòng người dân nước Việt, là biểu tượng rực rỡ cho lòng yêu nước, sức mạnh bảo vệ đất nước của nhân dân ta.

* Hình tượng Gióng trong truyền thuyết *Thánh Gióng* quả là một sáng tạo tuyệt vời của nhân dân ta về người anh hùng chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước; là một biểu tượng rực rỡ của ý thức và sức mạnh bảo vệ đất nước của dân tộc Việt Nam. Gióng là một anh hùng, được phong là Phù Đổng Thiên Vương, được nhân dân tôn là Thánh - một trong bốn vị thần linh bất tử trên điện thờ của người dân Việt Nam - có một nguồn gốc vừa hiện thực, vừa hoang đường. Vì vậy Gióng vừa gần gũi với nhân dân lao động, vừa vĩ đại, đáng được tôn thờ. Sự ra đời, sự lớn lên, sức mạnh của Gióng đều có những nét rất phi thường: Người mẹ ướm chân vào dấu chân rất to ngoài đồng, về nhà có thai. Mười hai tháng mới sinh ra Gióng. Lên ba, Gióng vẫn không biết nói, biết cười, biết đi. Tiếng nói đầu tiên là tiếng nói đòi đánh giặc. Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ, một mình đánh tan quân giặc. Thắng giặc, Gióng bay về trời... Tất cả những chi tiết ấy cho ta thấy Gióng quả thực là anh hùng vĩ đại và bất tử trong lòng người dân. Nhưng vị anh hùng vĩ đại ấy cũng có những nét hết sức bình dị. Gióng ra đời trong một gia đình lao động bình thường, lớn lên bằng cơm gạo của nhân dân, mang lòng yêu nước và căm thù giặc vô cùng. Gióng đánh giặc bằng roi sắt, nhưng khi roi sắt gẫy, Gióng dùng những bụi tre, vũ khí tuy thô sơ nhưng cũng thật hiệu quả.

Truyền thuyết *Thánh Gióng* không chỉ kể về chàng Gióng mà tác giả dân gian muốn kể về chiến công đánh thắng giặc ngoại xâm bảo vệ bờ cõi của dân tộc Việt Nam ngay từ buổi đầu dựng nước. Bên cạnh hình tượng Gióng ta còn thấy nhiều nhân vật tham dự vào cuộc chiến tranh giữ nước và góp phần làm nên chiến thắng chung của cả cộng đồng. Đó là Hùng Vương thứ sáu và sứ giả. Là người thủ lĩnh tối cao của dân tộc khi giặc Ân xâm phạm bờ cõi, nhà vua đã lo lắng, có quyết định quan trọng là đi tìm người giỏi cứu nước. Chứng tỏ, vua Hùng biết lo lắng đến cuộc sống của người dân, luôn biết dựa vào sức mạnh của nhân dân. Đó là toàn thể nhân dân. Những người thợ không quản ngày đêm rèn ngựa sắt,

roi sắt và áo giáp sắt - những thứ vũ khí cần thiết cho chú bé làng Gióng ra trận, bà con làng xóm gom góp gạo nuôi chú bé lớn lên, gom góp vải để may áo cho chú bé mặc, sức mạnh của nhân dân, sức mạnh của một người con xuất sắc của dân tộc đã làm nên chiến thắng vẻ vang, bảo vệ bờ cõi, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân.

II. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

Truyền thuyết được xây dựng bằng nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo làm tăng tính hấp dẫn của câu chuyện, đồng thời thể hiện quan niệm thái độ của nhân dâm ta đối với người anh hùng đánh giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước.

Truyền thuyết có nhiều chi tiết liên quan đến lịch sử, văn hoá nước ta, tăng tính chân thực cho câu chuyện: Thời Hùng Vương thứ sáu, làng Gióng, giặc Ân xâm lược nước ta; lễ hội ở Đền Gióng đến nay vẫn được tổ chức hằng năm...

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Chúng ta hãy ngẫm nghĩ về truyền thuyết Thánh Gióng! Ở đây có màu sắc thần thoại, tất nhiên! Nhưng ở đây chắc chắn có cái cốt của câu chuyện: Một trang sử oanh liệt chống ngoại xâm trong đó nổi bật chiến công của con em người dân thường. Ngày nay ở nhiều nơi thuộc Hà Nội và Hà Bắc còn có đền thờ Thánh Gióng, trước đây hàng năm đều có làm lễ.

Ở những nơi đó, người ta còn có thể chỉ cho chúng ta những cái ao, đinh ninh rằng đây là vết chân ngựa sắt của Thánh Gióng.

(Phạm Văn Đồng - *Nhân ngày giỗ Tổ vua Hùng*
Báo *Nhân dân* Số 5494 ra ngày 29.4.1969)

* Truyện này tượng trưng cho cái hùng khí lẫm liệt của một dân tộc trẻ trung đang trỗi dậy, tự tin, tự hào cảm thấy có thể quét sạch một cuộc ngoại xâm ồ ạt và hung hãn bằng một cái vung roi. Đó là một bản anh hùng ca, ca ngợi cái uy vũ của một loài giống tự giác về lực lượng của mình, tự thấy mình là tướng của nhà Trời vươn vai lên mấy cái là cao lên bấy nhiêu trượng, có con thần mã nhảy lên lưng nó, bám vào cổ nó, húc vào hông nó, thì nó bay vút lên, mũi phun hình vòi rồng, lửa đỏ đụng đâu cháy đó, càng đánh càng khoẻ, càng thắng càng hăng, nhổ một bụi tre đằng ngà bằng một bàn tay nắm lại, và bước lên trời bằng dùng mỗi ngọn núi làm một bậc thang... Người ấy có phải là người thường đâu? Đó là một siêu nhân, một thiên tướng được dân tộc quan niệm ra, xây dựng lên... chết làm sao được.

(Trần Thanh Mại)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời.

1. Thánh Gióng là truyền thuyết kể về điều gì?

A. Nguồn gốc loài người, nguồn gốc dân tộc.

B. Sự kiện văn hoá của đất nước ta.

C. Chiến công đánh thắng giặc ngoại xâm để bảo vệ bờ cõi đất nước của dân tộc Việt Nam từ buổi đầu dựng nước.

D. Giải thích nguồn gốc tên gọi một số sự vật.

2. Theo em, vì sao Gióng được tôn là Thánh?

A. Gióng có sự ra đời khác thường.

B. Gióng mang sức mạnh của nhân dân, chiến thắng quân xâm lược, bảo vệ bờ cõii, sau đó bay về trời.

C. Gióng lớn nhanh như thổi.

D. Thắng giặc, Gióng bay về trời.

3. Chi tiết nào sau đây thể hiện sự bất tử của Gióng?

A. Roi sắt gãy, tráng sĩ nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc.

B. Những bụi tre đằng ngà bị ngựa phun lửa cháy nên có màu vàng óng.

C. Hiện nay, vẫn còn đền thờ Gióng ở làng Phù Đổng.

D. Đến núi Sóc, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, cả người, cả ngựa, từ từ bay lên trời.

4. Hình tượng Thánh Gióng có ý nghĩa gì?

A. Là hình tượng cao đẹp, tiêu biểu cho phẩm chất anh hùng của thế hệ trẻ, của dân tộc Việt Nam trong buổi đầu giữ nước.

B. Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của cả dân tộc.

C. Thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân ta về người anh hùng chống ngoại xâm cứu nước.

D. Kết hợp cả A, B, C.

II. TỰ LUẬN

1. Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nghĩ của em về một hình ảnh đẹp, giàu ý nghĩa của Gióng trong truyền thuyết *Thánh Gióng*.

2. Em có suy nghĩ gì về quan niệm và ước mơ của nhân dân ta về người anh hùng chống ngoại xâm bảo vệ bờ cõi?

SƠN TINH, THUỶ TINH

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* bắt nguồn từ thần thoại cổ về núi Tản Viên nhưng đã được lịch sử hoá thành truyền thuyết. Truyện được gắn vào một thời đại lịch sử, trở thành một truyện quan trọng trong chuỗi truyền thuyết về thời đại các vua Hùng. Nhiều chi tiết tưởng tượng, hoang đường trong truyện liên quan đến công cuộc dựng nước thời cổ đại, thể hiện được thực tế đó. Sơn Tinh đã trở thành người anh hùng văn hoá trong nhận thức dân gian. Hiện nay ở Hà Tây, Vĩnh Phúc vẫn còn nhiều đền thờ Sơn Tinh. Xu hướng lịch sử hoá thần thoại là đặc trưng nổi bật của chuỗi truyền thuyết về thời đại các vua Hùng.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Sơn Tinh, Thuỷ Tinh là câu chuyện tưởng tượng, kì ảo giải thích hiện tượng lũ lụt và thể hiện sức mạnh, mong ước của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai, đồng thời suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.

2. Các khía cạnh chính

a. Câu chuyện tưởng tượng kì ảo, giải thích hiện tượng lũ lụt: Vua Hùng thứ mười tám kén rể, cả Thần núi và Thần nước đều đến cầu hôn. Không biết chọn ai, vua Hùng đưa ra giải pháp: Ai mang lễ vật đến sớm hơn sẽ được lấy Mị Nương. Sơn Tinh mang được voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao đến sớm hơn nên lấy được Mị Nương, Thuỷ Tinh đến sau không lấy được vợ, nổi giận dâng nước đánh Sơn Tinh. Thuỷ Tinh thua, nhưng oán thù vẫn sâu nặng nên năm nào cũng dâng nước đánh Sơn Tinh. Và năm nào Thuỷ Tinh cũng thua, phải rút quân. Tưởng tượng một câu chuyện mang màu sắc kì ảo, cha ông ta đã giải thích một cách sinh động hiện tượng hằng năm ở vùng đồng bằng Bắc Bộ nước ta luôn luôn có hiện tượng lũ lụt. Cách giải thích đó thể hiện những nhận thức còn ngây thơ và chưa hiểu hết các hiện tượng thiên nhiên của cha ông ta thời xưa.

b. Câu chuyện thể hiện sức mạnh, ước mong của người Việt Cổ muốn chế ngự thiên tai: Trong quá trình dựng nước, chế ngự thiên tai luôn là ước mong cháy bỏng

của con người. Cho nên trong truyền thuyết, nhân dân đã chống lại thần nước hay gieo rắc tai hoạ bằng việc ngăn lũ; con người đã chống lại dòng nước hung hãn. Đó là sức mạnh, là thành quả của con người trong công cuộc dựng nước. Sơn Tinh chính là hình ảnh của sức mạnh chế ngự thiên tai mà cha ông ta mơ ước. Gạt bỏ lớp vỏ hoang đường với những phép màu phi thường, ta thấy con người đã phần nào chiến thắng thiên tai. Câu chuyện khiến cho cư dân nông nghiệp tự tin hơn vào công cuộc xây dựng và bảo vệ thành quả lao động của mình.

c. Câu chuyện suy tôn công lao dựng nước của các vua Hùng. Gắn với thời đại Hùng Vương, quyết định lựa chọn Sơn Tinh làm rể, Sơn Tinh lại chiến thắng Thuỷ Tinh, chính là lời ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.

III. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

- Sử dụng nhiều yếu tố tưởng tượng, kì ảo để xây dựng nhân vật, như nhân vật có phép lạ, có sức khoẻ và có tài năng phi thường... Yếu tố tưởng tượng, kì ảo khiến nhân vật có tầm vóc lớn lao, làm tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện.

- Tạo dựng tình huống hấp dẫn: Nhà vua chỉ có một nàng công chúa mà có tới hai vị thần cầu hôn. Tình huống ấy khiến câu chuyện diễn biến vừa tự nhiên, vừa tạo sự căng thẳng, đẩy sự việc tới cao trào.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Câu chuyện "kén rể đánh ghen" ở đây chẳng qua là cái áo khoác hoang đường bên ngoài để ẩn chứa bên trong một nội dung hiện thực sâu sắc và một ước mơ đẹp của người xưa. Đó là hiện tượng bão lụt hàng năm (mang tính chu kì) thường xảy ra ở đồng bằng sông Hồng vào mùa hè, và ước mơ đẹp của người xưa muốn chiến thắng được nạn lụt ấy. Cái hay và cũng là cái độc đáo của truyện, là đã kết hợp được câu chuyện "đánh ghen" dữ dội có một không hai này để phản ánh sinh động cái hiện tượng thiên nhiên cũng dữ dội như vậy. Còn chi tiết Thuỷ Tinh dâng nước cao bao nhiêu, Sơn Tinh cũng dâng núi Tản Viên cao bấy nhiêu thì thật nên thơ và độc đáo, đã nói lên cái ước mơ chiến thắng nạn lụt từ ngày xưa qua trí tưởng tượng của người Việt thời cổ.

Vì "muốn kén cho con người chồng thật xứng đáng" trong địa vị người cha, nhà vua đã tận dụng tục thách cưới của dân gian xưa, bởi vì tục thách cưới có thể tạo điều kiện cho người ta lựa chọn chàng rể theo ý muốn. Nhà vua đã thách cưới những gì? "*Một trăm ván cơm nếp, một trăm nẹp bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi*". Toàn là những báu vật khó kiếm, nhưng ai sẽ là người khó kiếm hơn, và vì sao vua Hùng lại thách cưới như vậy? Ở đây rõ ràng có sự "thiên vị", cảm tình của nhà vua đối với Sơn Tinh. Bởi tất cả những thứ ấy đều là sản vật của vùng rừng núi, quê hương của Sơn Tinh. Và do đó,

việc Sơn Tinh thắng cuộc lấy được Mị Nương là điều Hùng Vương đã mong muốn và dự kiến, chuẩn bị từ khi thách cưới. Vì vậy mà hôm sau, tờ mờ sáng, Sơn Tinh đã mang đầy đủ lễ vật đến rước Mị Nương về núi" như là một sự tất yếu vậy.

Nhưng sự "thiên vị", cảm tình của Hùng Vương đối với Sơn Tinh đâu phải là ngẫu nhiên, đâu phải là "thích" người này hơn người khác, trong khi chính nhà vua đã nói: "*Hai ngài đều vừa ý ta*". Sự "thiên vị" này xuất phát từ chỗ Sơn Tinh là Thần Núi còn Thuỷ Tinh là Thần Nước. Nó phản ánh thái độ, tình cảm của người Việt thời kì Văn Lang đối với các hiện tượng và thế lực tự nhiên: núi rừng và lũ lụt. Núi rừng chẳng những đã cung cấp thức ăn, vật dụng hàng ngày cho người Việt thời cổ mà còn giúp họ thoát chết khi lũ lụt lên cao. Trong đời sống tâm linh của người Việt Nam xưa và nay, Sơn Tinh là một *phúc thần*. Thời xưa khi chưa có đủ điều kiện và phương tiện, trị thủy thì những dòng nước hung dữ trong mùa lũ lụt quả thật là một tai họa khủng khiếp, đến mức cha ông ta đã coi đó là một tai họa hàng đầu, đáng sợ nhất trong bốn thứ tai họa lớn: "Thuỷ, hoả, đạo, tặc". Và người xưa, khi xây dựng nên truyện này với chi tiết thách cưới thú vị ấy, đã để cho Hùng Vương "thiên vị" theo mong muốn của mình.

Nhưng không chỉ phản ánh và giải thích hiện thực, truyện còn nói lên mơ ước của người Việt thời cổ. Trong cuộc giao tranh kì lạ ấy nổi lên một chi tiết thật lạ kì "Nước dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu". Đó là một chi tiết hoang đường nhưng lại nên thơ, độc đáo và đầy ý nghĩa. Nếu cởi bỏ cái áo hoang đường ra ta thấy gì ở cốt lõi bên trong? Đó chính là mơ ước của người xưa muốn chinh phục tự nhiên chiến thắng nạn lũ lụt để có cuộc sống bình yên. Và chắc chắn cái tai họa "thuỷ tặc" đã thành mối đe dọa hàng năm, thành sự ám ảnh khủng khiếp trong cuộc sống của họ nên ước mơ mới táo bạo và bay bổng đến thế. "*Nước dâng lên đến đâu, núi cao dâng lên đến đấy*" mãi mãi là một hình tượng đầy chất thơ, chứa đựng một ước mơ đẹp, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc của người xưa. Chúng ta trân trọng ước mơ đó, vì chính chúng ta trong ngày hôm nay đã và đang biến ước mơ của cha ông thành những hiện thực đẹp đẽ nhất của đất nước trong thời kì công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

(Nguyễn Xuân Lạc, *Văn học dân gian Việt Nam trong nhà trường*,
NXB Giáo dục, 1998)

* Câu chuyện được kể bằng những hình ảnh vừa hiện thực, vừa lãng mạn ngân nga như một bản anh hùng ca, bản anh hùng ca trị thuỷ của dân tộc ta trong buổi đầu dựng nước. Là truyền thuyết xuất hiện từ xa xưa nhưng âm vang của câu chuyện, nhất là hai hình tượng của nhân vật Sơn Tinh, Thuỷ Tinh vẫn sống động, nhắc nhở chúng ta ngày nay nhiều điều, cả về công cuộc chế ngự thiên tai lẫn cảnh giác, chế ngự với thói đời ghen ghét, hờn giận.

(Vũ Dương Quỹ - Lê Bảo, *Sđd*)

* Đằng sau lại còn thấp thoáng một câu chuyện tình duyên giữa hai chàng ngoại

tộc là Tản Viên và Thục Phán đều muốn lấy Mị Nương xứ Lạc, đồng thời cũng là một cuộc đua tài, đọ sức, thi sản phẩm quý (Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao) hay đúng hơn là một cuộc trao đổi văn hoá giữa các bộ lạc đang tự nguyện gia nhập vào cộng đồng Lạc Việt... Cũng từ đó Tản Viên đi vào thần điện Việt... làm biểu tượng diễn tả cuộc thiên di của những bộ tộc đi từ cửa biển Thần Phù định cư ở chung quanh núi Ba Vì, và tập trung ở nơi cao nhất ấy tất cả hùng khí thiêng liêng của lãnh thổ đang mở rộng về phía Tây Nam.

(Cao Huy Đỉnh. *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*,
NXB Khoa học xã hội, H. 1974)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời.

1. ***Truyền thuyết*** *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* ***được gắn với thời đại nào trong lịch sử Việt Nam?***

A. Thời đại Hùng Vương.

B. Thời đại An Dương Vương.

C. Chưa xác định rõ.

2. ***Truyền thuyết*** *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* ***gắn với sự thật lịch sử nào trong lịch sử Việt Nam?***

A. Hùng Vương kén rể.

B. Tục lễ thách cưới.

C. Công cuộc trị thuỷ của người dân Việt thời Cổ.

D. Kết hợp cả A, B, C

3. ***Truyện*** *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* ***có ý nghĩa gì?***

A. Giải thích hiện tượng lũ lụt hàng năm xảy ra ở đồng bằng Bắc Bộ.

B. Thể hiện sức mạnh, ước mong của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai.

C. Suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.

D. Kết hợp cả A, B, C.

II. TỰ LUẬN

1. Nhân dân đã gửi gắm điều gì trong hai nhân vật chính: Sơn Tinh - Thuỷ Tinh? (Nêu ý nghĩa tượng trưng của hai nhân vật chính.)

2. Viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của mình về một trong hai nhân vật Sơn Tinh, Thuỷ Tinh.

3. Nhân vật Hùng Vương, Mị Nương có vai trò gì trong truyện?

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Sự tích Hồ Gươm là truyền thuyết địa danh - loại truyền thuyết giải thích nguồn gốc những tên núi, tên sông, hồ .... nguồn gốc hình thành những vùng đất, địa bàn dân cư, thiêng hoá những địa danh không gian được kể. Nhưng đây cũng là một truyện thuộc chuỗi truyền thuyết về người anh hùng Lê Lợi. Truyền thuyết dân gian về Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn rất phong phú. *Sự tích Hồ Gươm* là một trong những truyền thuyết tiêu biểu nhất về Hồ Gươm và Lê Lợi. Truyện chứa đựng nhiều ý nghĩa, có nhiều chi tiết nghệ thuật hay và đẹp.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Sự tích Hồ Gươm ca ngợi tính chất chính nghĩa, tính chất nhân dân và chiến thắng vẻ vang của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh do Lê Lợi lãnh đạo ở đầu thế kỷ XV. Truyện cũng nhằm giải thích tên gọi hồ Hoàn Kiếm, đồng thời thể hiện khát vọng hoà bình của dân tộc ta.

2. Các khía cạnh chính

a. Câu chuyện ca ngợi người anh hùng Lê Lợi: - Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn chống lại quân Minh tàn bạo, được nhân dân ủng hộ. Nhưng thế và lực của nghĩa quân lúc bấy giờ còn non yếu. Đó là một sự thật lịch sử. Nhưng truyền thuyết không dừng lại ở đó. Câu chuyện còn mang màu sắc kì ảo. Đó là việc Lê Lợi được tổ tiên, thần thánh ủng hộ bằng việc cho mượn gươm thần.

- Gươm thần không được Long Quân trực tiếp trao ngay cho Lê Lợi mà phải qua nhiều bước: Lưỡi gươm lọt vào lưới chàng đánh cá Lê Thận, Lê Thận gia nhập nghĩa quân. Một lần tình cờ Lê Lợi ghé qua nhà Lê Thận, lưỡi gươm rực sáng hai chữ Thuận Thiên. Trên đường chạy giặc, Lê Lợi bắt gặp chuôi gươm nạm bạc. Đem tra lưỡi gươm bắt được dưới nước vào chuôi gươm bắt được trên rừng thì vừa như in, chúng hợp nhất thành thanh gươm hoàn chỉnh: Thuận Thiên. Câu chuyện cho mượn

gươm nói lên tính chất nhân dân của cuộc khởi nghĩa: Sức mạnh, khả năng cứu nước có ở khắp mọi miền của Tổ quốc. Đó cũng là cơ sở cho chiến thắng vẻ vang của nghĩa quân Lam Sơn. Câu chuyện ấy cũng ca ngợi người anh hùng Lê Lợi tài đức đáng được gửi gắm niềm tin.

b. Câu chuyện giải thích tên gọi hồ Hoàn Kiếm (Hồ Gươm). Đức Long Quân cho mượn gươm thần, khi đã hoàn thành sứ mệnh cứu nước, Người cho đòi lại. Rùa vàng nổi lên mặt hồ Tả Vọng, tiến lại gần thuyền rồng nói rõ với vua yêu cầu của Long Quân. Trả gươm cho Rùa Vàng, Lê Lợi đổi tên hồ thành hồ Hoàn Kiếm, đánh dấu một giai đoạn mới trong lịch sử dân tộc.

c. Câu chuyện về khát vọng hoà bình của nhân dân ta: Nhân dân ta luôn có khát vọng hoà bình. Khi giặc sang xâm chiếm, toàn thể nhân dân đứng lên chống giặc, có sự góp sức của tổ tiên. Nhưng khi đất nước đã hoà bình, chúng ta xếp vũ khí lại bắt tay vào xây dựng cuộc sống. Gươm thần trả lại cho Long Quân vẫn luôn còn đó, như lời nhắc nhở dân tộc về quyết tâm bảo vệ đất nước, đồng thời là lời cảnh báo đối với bất cứ một tên xâm lược nào có ý định nhòm ngó nước ta.

III. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

- Như mọi truyền thuyết khác, *Sự tích Hồ Gươm* sử dụng những chi tiết tưởng tượng, kì ảo làm tăng sự hấp dẫn cho câu chuyện, tô đậm tính kì vĩ, lớn lao của nhân vật. Tuy nhiên, yếu tố tưởng tượng, kì ảo không còn đậm đặc như trong các truyền thuyết thời các vua Hùng nữa.
- Truyện có kết cấu chặt chẽ, nhiều chi tiết giàu ý nghĩa.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Gươm thần tượng trưng cho sức mạnh cứu nước của nhân dân ta. Lưỡi gươm thì ở dưới nước, chuôi gươm trong rừng. Điều đó cũng có nghĩa là *khả năng cứu nước ở khắp nơi, từ miền sông nước đến vùng rừng núi một lòng cứu nước.* (...) Gươm chờ người, chọn người mà dâng và người đã nhận ra gươm báu. Đoạn kể Lê Thận được lưỡi gươm rất hấp dẫn, hai lần chàng đã vứt đi mà cuối cùng gươm vẫn chui vào lưới. Chỉ có gươm thần thì mới như vậy, và ở đây, gươm đã tìm đúng đến người trao (cũng giống như chuôi gươm nạm ngọc đã đến với Lê Lợi trên ngọn cây đa trong rừng).

Chuyện được gươm đã kì lạ, khi khớp lại còn lạ kì hơn. Lưỡi gươm dưới nước, chuôi gươm trong rừng, hai vật xa nhau là vậy, tưởng không có gì liên quan với nhau nhưng khi khớp lại thì vừa như in, đã nói lên *nguyện vọng của dân tộc là nhất trí.* Sự giúp đỡ của Trời, của vua Rồng Lạc Long Quân, của Rùa Vàng.... khẳng định thêm sự nhất trí đó. Các bộ phận của Gươm khớp vào nhau, đấy là hình ảnh dân tộc trên dưới đồng lòng, hợp nhau tạo thành sức mạnh ...

... Thanh gươm toả sáng có sức tập hợp mọi người xung quanh Lê Lợi. Lê Lợi nhận được gươm thần nên đã lôi kéo được rất nhiều người theo mình. Ánh sáng của thanh gươm chính là ánh sáng của chính nghĩa.

Lúc chiến đấu, *gươm sáng rực*, biểu hiện tinh thần khí thế, sức mạnh của nghĩa quân, gươm thần tung hoành ngang dọc, mở đường cho nghĩa quân đánh tràn ra mãi, cho đến lúc không còn bóng giặc nào trên đất nước.

Khi gươm được trả cho Rùa Vàng, ánh sáng vẫn còn le lói như ánh sáng của chính nghĩa, hào quang của thắng lợi còn lưu lại đến muôn đời.

Ánh sáng tỏa ra từ thanh gươm thần là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc, làm ngời sáng lên câu chuyện người anh hùng áo vải đất Lam Sơn.

(Nguyễn Xuân Lạc, *Văn học dân gian trong nhà trường*, Sđd)

* Truyền thuyết này sử dụng một mô típ rất quen thuộc: mô típ trao gươm thần giúp người anh hùng cứu dân, cứu nước. (...)

Mô típ đẹp và giàu ý nghĩa đó ở lịch sử Hồ Gươm được gắn với Lê Lợi. Cũng trong truyền thuyết này, ta gặp những nhân vật rất quen thuộc và giàu ý nghĩa của truyền thuyết Việt Nam: Lạc Long Quân và Rùa Vàng. Lạc Long Quân là hùng khí của dân tộc. Rùa Vàng là con vật linh thiêng của sông núi, đã dạy dân cách làm nhà, giúp An Dương Vương xây thành chế nỏ... Bây giờ những nhân vật ấy lại trở về giúp Lê Lợi.

Lịch sử Hồ Gươm li kì, hoang đường mà như thực. Cái thực và cái ảo hoà quyện với nhau tạo nên ý nghĩa, sức hấp dẫn của truyện.

(Bùi Mạnh Nhị, *Phân tích tác phẩm văn học dân gian*,
Sở Giáo dục An Giang xuất bản, 1988)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời.

1. Chi tiết nào dưới đây cho thấy Lê Lợi là người chủ tướng xứng đáng được nhận gươm thần?

A. Ba lần Lê Thận đều vớt được cùng một lưỡi gươm.

B. Lê Lợi đến nhà Lê Thận, thanh gươm sáng rực ở xó nhà, cầm lên xem thì thấy chữ Thuận Thiên. Khi chạy giặc, Lê Lợi thấy ánh sáng lạ trên ngọn cây đa, bắt được chuôi gươm nạm bạc, đem tra vào lưỡi gươm thì vừa như in.

C. Đứng ở mạn thuyền, vua thấy lưỡi gươm thần đeo bên người tự nhiên động đậy.

D. Vua nâng gươm hướng về phía Rùa Vàng.

2. Việc Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn và Lê Lợi mượn gươm có ý nghĩa gì?

A. Nhắc nhở con cháu đề cao lòng căm thù giặc.

B. Thể hiện mong ước của người dân về sự giúp đỡ của lực lượng siêu nhiên.

C. Khẳng định vai trò chủ tướng của Lê Lợi, tính chất chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và sự ủng hộ giúp sức của Tổ tiên, Trời, Đất.

3. Trong các chi tiết dưới đây, chi tiết nào thể hiện tính chất thần linh của thanh gươm.

A. Ba lần thả lưới, Lê Thận đều vớt được duy nhất một lưỡi gươm.

B. Khi Lê Lợi đến nhà Lê Thận, lưỡi gươm sáng lên hai chữ Thuận Thiên. Chuôi gươm ở ngọn đa cũng phát sáng.

C. Gươm có sức mạnh làm tăng nhuệ khí của nghĩa quân, giúp nghĩa quân đánh tan quân giặc.

D. Khi Rùa Vàng nổi lên, gươm tự nhiên động đậy.

E. Kết hợp cả A, B, C.

4. Theo em, chi tiết nào ca ngợi tính chất toàn dân của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?

A. Lưỡi gươm được người đánh cá vớt được dưới nước, chuôi gươm được chủ tướng thấy trên ngọn cây. Tra lưỡi gươm vào chuôi gươm thì vừa như in.

B. Có thanh gươm, nhuệ khí của nghĩa quân ngày một tăng.

C. Gươm thần giúp nghĩa quân đuổi hết giặc, đất nước sạch bóng quân thù.

D. Gươm và Rùa đã chìm đáy nước, người ta vẫn thấy có vật gì sáng le lói dưới đáy hồ xanh.

5. Nêu ý nghĩa của truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm

A. Ca ngợi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và vai trò chủ tướng của Lê Lợi.

B. Giải thích tên gọi Hồ Gươm (Hồ Hoàn Kiếm).

C. Thể hiện khát vọng và truyền thống yêu chuộng hoà bình của nhân dân ta.

D. Kết hợp cả A, B, C.

II. TỰ LUẬN

1. Chi tiết lưỡi gươm thần toả sáng có ý nghĩa như thế nào?

2. Việc Long Quân cho mượn gươm thần và đòi lại có ý nghĩa như thế nào?

3. Truyện gợi cho em những suy nghĩ, tình cảm gì về Đức Long Quân?

TRUYỆN CỔ TÍCH

Truyện cổ tích là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc: nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ, nhân vật có tài năng kì lạ, nhân vật thông minh, nhân vật ngốc nghếch; nhân vật là động vật. Truyện cổ tích có boa loại:

- Truyện cổ tích về loại vật có nhân vật chính là các con vật, thường giải thích các thói quen, đặc điểm của các con vật hoặc kể về quan hệ giữa các con vật từ đó đúc kết những kinh nghiệm về thế giới loài vật và ngụ ý về các vấn đề đạo đức, kinh nghiệm sống của con người.

- Truyện cổ tích thần kì là những câu chuyện có rất nhiều yếu tố tưởng tượng, thần kì về người em út, người mang lốt xấu xí, người mồ côi, người dũng sĩ, người có tài lạ v.v... phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, ước mơ của nhân dân về công lí xã hội và về sự đổi đời.

- Truyện cổ tích sinh hoạt kể về sự thông minh sắc sảo, tài phân xử hoặc sự lém lỉnh, mẹo lừa v.v... của các nhân vật. Loại truyện này rất gần với cuộc sống thật, ít hoặc không sử dụng yếu tố thần kì.

BẢNG THỐNG KÊ CÁC TÁC PHẨM

Số TT	Tên tác phẩm	Loại (kiểu) nhân vật	Ý nghĩa
1.	Sọ Dừa	Người mang lốt xấu xí (Truyện cổ tích thần kì)	Qua câu chuyện về chàng Sọ Dừa xấu xí nhưng có tài năng, trải qua nhiều sự việc khó khăn, cuối cùng có được cuộc sống hạnh phúc, truyện thể hiện tình cảm yêu thương đối với những người bất hạnh của nhân dân ta. Truyện cũng đề cao vẻ đẹp, giá trị bên trong của con người. Truyện thể hiện mơ ước đổi đời của người dân: Người tốt sẽ có cuộc sống hạnh phúc, tốt đẹp, tránh được cuộc sống bất hạnh.
2.	Thạch Sanh	Nhân vật là dũng sĩ (Truyện cổ tích thần kì)	Truyện kể về chàng dũng sĩ Thạch Sanh có sức khoẻ, tài năng phi thường, có nhiều phẩm chất tốt đẹp, lập nhiều chiến công lớn. Qua đó truyện thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu hoà bình của nhân dân ta.
3.	Em bé thông minh	Nhân vật thông minh (Truyện cổ tích sinh hoạt)	Một em bé có nguồn gốc xuất thân từ nhân dân lao động nhưng có trí thông minh hơn người, đã trải qua nhiều thử thách bằng trí khôn dân gian. Truyện đề cao sự thông minh và trí khôn dân gian. Truyện còn thể hiện mơ ước của người dân về người tài cứu nước.

SỌ DỪA

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Sọ Dừa thuộc kiểu truyện cổ tích về người mang lốt xấu xí - một kiểu truyện rất phổ biến ở Việt Nam, Đông Nam Á và các nước trên thế giới. Nhân vật chính của kiểu truyện này là người có hình hài dị dạng, thường là mang lốt vật, bị mọi người xem thường, coi là "vô tích sự". Nhưng đây cũng là nhân vật có phẩm chất, tài năng đặc biệt. Cuối cùng, nhân vật trút bỏ "lốt" vật, kết hôn cùng người đẹp, có phẩm chất tốt, sống cuộc đời hạnh phúc.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Truyện kể về nhân vật trong lốt Sọ Dừa xấu xí nhưng có tài năng. Trút bỏ lốt vật. Sọ Dừa thành chàng trai khôi ngô tuấn tú, đậu trạng nguyên, đi sứ rồi sống hạnh phúc với cô út tốt bụng.

2. Các khía cạnh chính

a. *Nhân vật Sọ Dừa*

- Sự ra đời khác thường: Người mẹ uống nước trong Sọ Dừa, có mang, sinh ra cậu với hình dáng không bình thường: không chân tay, tròn như quả dừa. Sự khác thường này của nhân vật trong truyện cổ tích thể hiện sự quan tâm của nhân dân tới một loại người trong xã hội. Đó là những con người bất hạnh có hình dạng xấu xí hay bị hắt hủi, chịu sự coi thường, ghẻ lạnh của những người xung quanh. Ngay người mẹ của Sọ Dừa cũng định bỏ cậu đi. Nhưng tiếng nói của Sọ Dừa đã khiến người mẹ giữ cậu lại nuôi. Tiếng nói của Sọ Dừa cũng là một sự khác thường của nhân vật, thể hiện khát vọng sống, khát vọng được làm người của những con người xấu xí, bất hạnh.

- Có tài năng:

+ Tuy không chân tay nhưng chăn bò rất giỏi. Hằng ngày chỉ lăn sau đàn bò ra đồng nhưng cả đàn bò con nào con nấy đều no căng bụng và không mất con nào.

+ Cậu thổi sáo rất hay.

+ Sắm đủ sính lễ đến hỏi cô út làm vợ.

+ Thi đỗ trạng nguyên.

+ Có tài dự đoán, lo xa chính xác.

Với một con người bình thường, làm được những điều đó đã khó, với Sọ Dừa, đó quả là tài năng phi thường. Và đặc biệt nhất là Sọ Dừa có thể trút bỏ lốt vật để trở thành chàng trai khôi ngô tuấn tú.

* Xây dựng nhân vật Sọ Dừa đối lập giữa hình thức bên ngoài với thực chất bên trong tốt đẹp, nhân dân lao động muốn khẳng định tuyệt đối giá trị bên trong của con người, coi đó là bản chất cần có của con người. Mặt khác, nó cũng thể hiện mơ ước của người dân lao động. Con người dù xấu xí đến đâu nhưng có phẩm chất tốt đẹp cũng xứng đáng hưởng một cuộc sống hạnh phúc.

b. *Các nhân vật khác*

- *Phú ông tham lam tính toán*: Đây là bản chất tiêu biểu của tầng lớp thống trị. Nhận Sọ Dừa chăn bò, phú ông tính *nuôi nó thì được cái ít tốn cơm, công sá chẳng là bao*. Nhận gả con gái cho Sọ Dừa vì chàng sắm đủ *mười chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm*.

- *Hai cô chị*: Xấu xa ác nghiệt, cũng tiêu biểu cho tầng lớp thống trị. Thái độ coi thường, coi khinh người lao động; ghen tức trước hạnh phúc của người khác; độc ác, vô lương tâm, sẵn sàng hãm hại em gái; trơ trẽn khi tranh nhau kể về cái chết của em gái, khóc lóc ra chiều thương xót lắm.

- *Cô út*: Đối lập với phú ông và hai cô chị. Không chỉ hiền lành, hay thương người, cô út còn biết trân trọng người lao động. Nhân vật cô út thể hiện mơ ước của nhân dân lao động về con người nhân hậu, giàu lòng yêu thương người khác, mơ ước cho con người có phẩm chất tốt đẹp được sống cuộc đời hạnh phúc.

* *Sọ Dừa* là truyện cổ tích hấp dẫn, cho ta nhiều bài học ý nghĩa.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Truyện *Sọ Dừa* nêu bật một cách độc đáo quan niệm dân chủ về kiểu người bị coi là hèn kém ở xã hội có đẳng cấp vốn đẻ ra nhiều định kiến xã hội về kiểu người ấy. Truyện *Sọ Dừa* còn có một chủ đề khác là đấu tranh bảo vệ hạnh phúc chân chính, thông qua việc mô tả số phận người em út (cô gái út). Hai mô típ quan trọng ở truyện này: một mô típ về "sự ra đời thần kì của nhân vật" (lí do kì lạ khiến người mẹ mang thai), một mô típ về "người mang lốt vật" (dạng thức xấu xí mà về sau nhân vật trút bỏ) đều có quan hệ về nguồn gốc tín ngưỡng vật tổ thời cổ, riêng mô típ "sự ra đời thần kì" thì liên quan đến nhận thức rất cổ xưa của con người về

hiện tượng sinh đẻ. Nhưng ở truyện *Sọ Dừa*, hai mô típ này chỉ còn mang chức năng thuần thẩm mĩ để thể hiện một ý niệm dân chủ tự phát ở dân gian về cách nhìn con người bị định kiến là hèn kém.

(Lại Nguyên Ân, *Từ điển văn học*, NXBGD, H.1999)

* Kể về những nhân vật xấu xí mà tài ba này, tác giả dân gian xưa thật muốn đưa đến cho ta thấy số phận của một loại người vốn bị xã hội xưa hắt hủi, sống cô đơn. Song, với cách nhìn nhân đạo nhân dân đã cho họ đổi đời, đã bộc lộ ở họ những đức tính quý báu cũng như những tài năng vô hạn. Rồi cũng bằng chính tấm lòng nhân đạo ấy, nhân dân đã đưa đến một kết thúc tốt đẹp cho cuộc đời nhân vật: vĩnh viễn sống sung sướng, hạnh phúc, vợ chồng sum họp. Chất lạc quan tràn đầy ở các hình tượng nhân vật xấu xí mà tài ba trong các cốt truyện về đề tài này".

(Nguyễn Thị Huế, *Nhân vật xấu xí mà tài ba trong truyện cổ tích Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, 1999)

* Tích truyện ở người Chăm: Một cô gái do uống nước và tắm ở một mạch nước chảy trong hang đá mà có mang, sinh ra một cục thịt tròn như quả dừa. Lên ba Sọ Dừa đi chăn trâu cho vua. Đàn trâu đông đến ba chục vạn con, được Sọ Dừa trông nom không mất con nào. Vua còn giao thêm nhiều việc khác như chặt tre, cắt dây buộc nhà... việc nào Sọ Dừa cũng làm tròn khiến mọi người thán phục. Hàng ngày, ba cô công chúa con vua được giao việc thay nhau đem cơm trưa vào rừng cho Sọ Dừa. Hai cô lớn thoái thác, chỉ có cô công chúa thứ ba nhận đem cơm, nhờ vậy cô biết được điều lạ: ở giữa rừng, Sọ Dừa bỏ lốt xấu xí, biến thành chàng trai đẹp, các công việc chặt tre, chăn trâu đều có kẻ hầu người hạ đông đúc làm hết. Khi công chúa cất tiếng gọi, tất cả biến mất, Sọ Dừa trở lại lốt cũ, lăn đến nhận cơm. Ít lâu sau, Sọ Dừa xin mẹ đi hỏi cho mình một trong ba công chúa làm vợ. Lúc vua cha hỏi, chỉ có công chúa ba ưng thuận. Sau ngày cưới, cứ đêm đến Sọ Dừa biến thành người, sáng ra lại về lốt cũ. Một hôm công chúa đem cái lốt xấu xí giấu đi, từ đó bí mật của Sọ Dừa không còn nữa. Hai công chúa chị đâm ra ghen với hạnh phúc của em. Sau đó ít lâu, Sọ Dừa sắm một chiếc tàu lớn đi buôn xa, có vợ và hai chị đi theo. Tàu ra khơi, hai cô chị bảo em tháo chiếc nhẫn chồng tặng cho xem, rồi vờ tuột tay để rơi xuống biển. Cô em nhảy xuống vớt bị chết đuối. Hai cô chị thay em lấy Sọ Dừa, nhưng chàng không nguôi nhớ vợ. Trong khi ấy, nàng công chúa ba nhờ phép màu của chiếc nhẫn đã biến thành một người tí hon ẩn vào trong một vỏ trai lớn. Có hai vợ chồng người bắt trai đem về nhà. Hàng ngày nàng chui

từ trong vỏ trai ra quét dọn nấu nướng. Một lần vợ chồng người bắt trai rình biết được điều bí mật ấy và nhận nàng làm con nuôi. Nàng dệt một tấm chăn, đưa chăn và chiếc nhẫn cho mẹ nuôi mang đến cung vua. Vua cha và Sọ Dừa nhận ra dấu tích công chúa ba. Sau đó hai vợ chồng Sọ Dừa tái hợp, rồi Sọ Dừa được nối ngôi vua.

(Lại Nguyên Ân, *Từ điển Văn học Việt Nam*, Sdd)

* Truyện khép lại bằng hạnh phúc trọn vẹn của vợ chồng Sọ Dừa, làm ngời sáng lên gương mặt của con người chính nghĩa.(...). Đó cũng là mơ ước của nhân dân về một sự đổi đời, một sự thay đổi số phận trong xã hội cũ. Và sau hết, đó còn là sự đề cao con người theo một tinh thần nhân đạo cao cả.

(Nguyễn Xuân Lạc, *Văn học dân gian Việt Nam trong nhà trường*, Sdd)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời.

1. Sọ Dừa thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích?

A. Nhân vật bất hạnh: Người có hình dạng xấu xí.

B. Nhân vật có tài năng kì lạ.

C. Nhân vật bất hạnh: Người mồ côi.

D. Nhân vật thông minh.

2. Nhân dân muốn thể hiện điều gì khi xây dựng nhân vật Sọ Dừa?

A. Niềm cảm thông, thương xót với những con người bất hạnh.

B. Mơ ước đổi đời: Người có phẩm chất tốt đẹp sẽ có cuộc sống hạnh phúc.

C. Đánh giá con người không nên dựa vào vẻ ngoài mà phải chú ý tới phẩm chất bên trong.

D. Kết hợp cả A, B, C.

3. Vì sao chỉ mình cô út biết Sọ Dừa không phải là người phàm trần?

A. Vì cô út không thích Sọ Dừa nhưng tình cờ biết được hình dạng thật của Sọ Dừa.

B. Vì cô út là người hiền lành, tính hay thương người, đối đãi với Sọ Dừa rất tử tế nên tình cờ biết hình dạng thật của Sọ Dừa.

C. Vì cô út theo dõi Sọ Dừa.

D. Vì cô út được thần báo mộng nên biết

4. Trong những chi tiết sau, chi tiết nào có yếu tố tưởng tượng, kì ảo?

A. Hằng ngày Sọ Dừa lăn sau đàn bò ra đồng; tối đến lại lăn sau đàn bò về chuồng.

B. Cuối mùa ở, Sọ Dừa về giục mẹ đến hỏi con gái phú ông làm vợ.

C. Đến lúc rước dâu, không ai thấy Sọ Dừa đâu cả. Bỗng một chàng trai khôi ngô tuấn tú cùng cô út của phú ông từ phòng cô dâu đi ra.

D. Năm ấy, Sọ Dừa đỗ trạng nguyên.

5. Nhận xét nào sau đây đúng về nhân vật phú ông?

A. Là một người có lòng thương người.

B. Vô cùng độc ác.

C. Đại diện cho người dân nghèo lương thiện.

D. Đại diện cho tầng lớp thống trị, tham lam, tính toán.

II. TỰ LUẬN

1. Hãy nêu những ý nghĩa chính của truyện *Sọ Dừa*.

2. Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về chi tiết: *Khi chia tay, quan trạng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà, dặn phải giắt luôn trong người phòng khi dùng đến.*

3. Chi tiết nào trong truyện để lại trong em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?

4. Qua truyện *Sọ Dừa*, em có thêm những hiểu biết gì về tâm hồn nhân dân lao động thời xưa?

THẠCH SANH

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Thạch Sanh là truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, diệt đại bàng cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa và chống quân xâm lược. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu hoà bình của nhân dân ta.

2 . Các khía cạnh chính

a. *Nhân vật Thạch Sanh:*

a1.Thạch Sanh được xây dựng là một nhân vật mơ ước của người dân về người dũng sĩ trừ diệt cái ác, bảo vệ cuộc sống yên bình nên chàng vừa có những nét bình thường, vừa có những nét khác thường trong sự ra đời.

- Những nét bình thường: Cha mẹ của Thạch Sanh là những người lao động nghèo khổ, sống bằng nghề đốn củi nhưng ăn ở phúc đức, thường giúp người khác. Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, chàng lại kiếm sống bằng nghề đốn củi của cha mẹ, sống cô đơn dưới gốc đa.

Thạch Sanh là đại diện cho những người dân lao động bất hạnh, nghèo khổ. Nhân vật được xây dựng như vậy tạo cảm giác gần gũi với người nghe, khơi dậy những tình cảm xót xa thương cảm.

- Những nét khác thường:

Thạch Sanh là Thái tử con Ngọc Hoàng, được sai xuống đầu thai. Mẹ Thạch Sanh mang thai mấy năm mới sinh ra chàng. Khi cầm được búa, chàng lại được các thiên thần dạy cho võ nghệ và các phép thần thông.

Những con người bình thường nhưng có phẩm chất khác thường sẽ lập nên những chiến công khác thường, kỳ lạ.

* Qua việc giới thiệu nhân vật, tác giả đã mở ra hướng phát triển cho câu chuyện, khiến người nghe chờ đợi những chiến công mà nhân vật lập nên.

a 2. Những chiến công của Thạch Sanh:

- Thạch Sanh bị lừa, đi nộp mạng cho chằn tinh thay Lý Thông. Chàng đã giết được chằn tinh và có được bộ cung tên bằng vàng.

- Thạch Sanh đánh đại bàng, cứu công chúa, cứu được con vua Thủy Tề.

- Bị hồn chằn tinh, đại bàng làm hại, chàng bị hạ ngục. Nhờ tiếng đàn thần (do vua Thuỷ Tề ban tặng), chàng đã minh oan được cho mình, vạch tội Lý Thông. Chàng được kết hôn cùng công chúa.

- Dùng cây đàn thần và niêu cơm thần, Thạch Sanh đánh lui binh mười tám nước chư hầu. Sau, chàng được nhà vua nhường cho ngôi báu.

Những trở ngại, thử thách ngày càng khó khăn, gay gắt hơn nhưng Thạch Sanh vẫn luôn vượt qua, những chiến thắng ngày càng cao hơn, thể hiện rất rõ tài năng của nhân vật.

a 3 .Những phẩm chất của Thạch Sanh:

- Thật thà, chất phác, giàu lòng thương người, hết lòng vì người khác.

- Có lòng dũng cảm phi thường, có tài năng khác thường.

- Có lòng nhân hậu, khoan dung (tha chết cho mẹ con Lý Thông, dùng tiếng đàn đánh lui quân các nước chư hầu, chinh phục họ bằng bữa cơm nấu trong chiếc niêu thần).

Đó chính là những phẩm chất mà nhân dân ta mong ước.

b. Nhân vật Lý Thông: là nhân vật phản diện, đối lập hẳn với Thạch Sanh.

- Tính toán, mưu lợi cho mình (kết nghĩa với Thạch Sanh để lợi dụng sức lao động của chàng).

- Gian giảo, mưu mô hiểm ác: Lừa để Thạch Sanh chết thay mình, lừa để cướp công Thạch Sanh, lấp cửa hang để giành phần thưởng. Lý Thông là đại diện cho cái ác, bất tài nhưng xấu xa. Kết cục của Lý Thông là kết cục của cái ác: dù được Thạch Sanh tha mạng nhưng mẹ con Lý Thông vẫn bị sét đánh chết, bị biến thành bọ hung.

Cái ác bị trừng phạt cũng là mơ ước của người dân lao động về một xã hội công bằng.

c. Truyện có nhiều chi tiết thần kì, hấp dẫn người nghe. Chi tiết về cây đàn thần và niêu cơm thần là những chi tiết giàu ý nghĩa.

- Cây đàn thần (và tiếng đàn thần): là tiếng đàn của công lí, vạch mặt kẻ xấu, minh oan cho người tốt. Đó còn là tiếng đàn của hoà bình, cảm hoá kẻ thù. Cây đàn thần tượng trưng cho cái thiện, cho lòng yêu chuộng hoà bình của nhân dân ta.

- Niêu cơm thần: Tượng trưng cho tinh thần nhân đạo của nhân dân ta. Thể hiện tài năng phi thường của Thạch Sanh khiến quân mười tám nước chư hầu nể phục.

Sáng tạo nên những chi tiết ấy chứng tỏ trí tưởng tượng của nhân dân ta vô cùng bay bổng.

* Thạch Sanh giống nhiều truyện cổ tích của nước ta, kết thúc có hậu, thể hiện mơ ước của nhân dân về công lí xã hội, mơ ước về hạnh phúc, về tài năng và phẩm chất con người.

II. ĐẶC SẮC VỀ NGHỆ THUẬT

Truyện sử dụng nhiều yếu tố thần kì, đặc biệt là những vật thần kì như cây đàn thần, niêu cơm thần làm tăng tính hấp dẫn cho câu chuyện, đồng thời qua đó bộc lộ trí tưởng tượng phong phú và bay bổng của nhân dân ta, thể hiện mơ ước của người dân về người dũng sĩ tài năng đức độ.

Truyện còn sử dụng một mô típ quen thuộc trong truyện dân gian, đó là mô típ *Dũng sĩ diệt đại bàng cứu công chúa* tạo nên những nét gần gũi trong cảm nhận của nhiều dân tộc.

Cách kể chuyện lôi cuốn hấp dẫn với nhiều tình tiết để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc, người nghe.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Đây là loại truyện dũng sĩ trong loại cổ tích thần kì. Nó lại nằm trong một kiểu truyện rất phổ biến ở Đông Nam Á, mà mô típ trung tâm là "dũng sĩ diệt đại bàng cứu người đẹp", với những dạng truyện khác nhau, tuỳ theo trình độ phát triển của quan hệ xã hội. Một loại truyện gắn với trình độ quan hệ thị tộc như *Cô tóc thơm* và *Hai ông vua giao chiến* của người Thái, *Chàng Rok* của người Kor, *Rok và Xét* của người Bana, *Đơm Tơrit* của người Katu, *Azit đánh bại đại bàng* của người Giarai... Một loại khác gắn với trình độ xã hội đã phân hoá giai cấp như *Xin Xay* của người Lào, *Xen Xê Ki, Thạch Sanh chém chằn* của Campuchia, *Ramayana* của Ấn Độ.

Truyện *Thạch Sanh* của người Việt thuộc loại truyện kể dưới, ở đây còn xuất hiện gã lái buôn Lý Thông xảo quyệt, sản phẩm của quan hệ giai cấp đã phức tạp. Nhưng trong truyện cũng có những mô típ có nguồn gốc từ một thực tế xã hội cổ hơn. Có thể là truyện đã trải qua nhiều biến đổi, qua nhiều thời đại. Hai mô típ cổ nhất là "dũng sĩ diệt trăn tinh" và "dũng sĩ diệt đại bàng cứu người đẹp" (...). Ở dạng truyện được kể như ta biết, các mô típ trên của truyện Thạch Sanh đã được cải biến để mô tả tượng trưng các lực lượng xấu và ác trong thiên nhiên và xã hội mà Thạch Sanh như một dũng sĩ đã chiến đấu chống lại, vì cuộc sống yên vui của xóm làng và hạnh phúc của con người.

Nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích Thạch Sanh mang nhiều nét của nhân vật

dũng sĩ trong sử thi dân gian thời thị tộc bộ lạc, lại cũng có những nét của loại nhân vật nghèo khổ, hiền lành, thật thà, trải qua nhiều gian truân, cuối cùng trở nên cao sang, hạnh phúc. Những gian truân Thạch Sanh phải trải qua được mô tả qua đề tài tranh công. Ở đây, nhân vật Lý Thông đại diện cho sự bất công, cho cái ác và xấu trong xã hội.

(Lại Nguyên Ân, *Từ điển Văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục, 1999)

* Tiếng đàn là bằng chứng của hai tấm lòng cảm thông. Tiếng đàn khơi gợi tình yêu chân thành say đắm. Tiếng đàn làm cho người câm biết nói. Tiếng đàn làm rõ được trắng đen. Tiếng đàn là tiếng tơ lòng mà cũng là tiếng nói của chân lí. Tiếng đàn lại có một sức mạnh thần kì hơn nữa khi quân ngoại xâm kéo đến, Thạch Sanh đã dạo đàn lên. Tiếng đàn làm cho giặc khủng khiếp, thấy được gây sự đánh nhau là vô ích. Chúng xin đầu hàng. Tiếng đàn hoá thành một lợi khí dẹp yên mọi nguy nan.. Đó là tiếng đàn địch vận. Thạch Sanh biết dùng âm nhạc để chinh phục lòng người..

(Vũ Ngọc Khánh, *Bình giảng thơ ca - Truyện dân gian*,
NXB Giáo dục, 1998)

* Có thể nói trong những nhân vật chính diện mà truyện cổ tích Việt Nam đã xây dựng, Thạch Sanh là hình tượng đẹp nhất, phong phú nhất, hoàn hảo nhất, do đó cũng tiêu biểu nhất. Đối lập với Thạch Sanh, Lý Thông cũng là hình tượng nhân vật phản diện, xấu xa ghê tởm nhất, tập trung nhiều nhất những âm mưu và hành động khôn khéo thâm độc, tàn bạo mà hầu như không một nhân vật phản diện nào trong truyện cổ tích Việt Nam có thể sánh được.

(Hoàng Tiến Tựu, *Văn học dân gian Việt Nam, Tập II*,
NXB Giáo dục. H. 1998)

* So với những truyện cổ tích quen thuộc trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam như *Chử Đồng Tử*, *Tấm Cám*, *Cây khế*, *Trầu cau*, *Sọ Dừa*..., truyện cổ tích *Thạch Sanh* có nội dung, kết cấu, số phận, tính cách nhân vật phong phú đa dạng hơn nhiều. Nhân vật Thạch Sanh trong truyện vừa mang những nét đặc trưng của các nhân vật dũng sĩ trong anh hùng ca thời thị tộc - bộ lạc, vừa có những nét tính cách và số phận tiêu biểu cho loại nhân vật trong cổ tích thần kì ra đời trong xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp. Vì thế Thạch Sanh vừa là biểu tượng cho con người lương thiện, nêu cao điều thiện để đấu tranh diệt trừ cái ác, vừa là người anh hùng tài năng, trí dũng vẹn toàn chiến đấu chống ngoại xâm, giữ yên bờ cõi. Đỉnh cao của phẩm chất nhân nghĩa, anh hùng trong Thạch Sanh phải chăng là tiếng đàn và niêu cơm? Kéo tấm màn huyền thoại, hoang đường, sương khói kì ảo của trí tưởng tượng dân gian, chúng ta nhìn thấy được những chứng tích lịch sử, lắng nghe được những tiếng nói cha ông về khát vọng hoà bình, no ấm từ ngàn đời nay vọng

lại. Tiếng đàn Thạch Sanh hay chính là văn hoá, văn học nghệ thuật Việt Nam có khả năng hóa giải mọi bi kịch? Niêu cơm Thạch Sanh hay chính là hạt thóc, nồi cơm, của cải vật chất trên mảnh đất Việt Nam đã từng nuôi lớn dân tộc, đã từng chiến thắng ngoại xâm và sẽ mãi mãi đem lại ấm no, hạnh phúc cho mỗi gia đình, cho mọi người Việt Nam chúng ta? Ôi, tiếng đàn kì diệu, niêu cơm nhỏ bé mà có sức chứa vô hạn, vô biên, đáng yêu, đáng nhớ làm sao!

(Vũ Dương Quỹ-Lê Bảo, *Bình giảng Văn 6*, Sdd)

* Chống xâm lược là nội dung mang tính dân tộc, là sự giải quyết mâu thuẫn giữa dân tộc này với dân tộc khác. Nhưng lí do dẫn đến xâm lược là để phản đối một cuộc hôn nhân không "môn đăng hộ đối", giữa một người nghèo với một người giàu, để "con vua thì lại làm vua" theo luật lệ của xã hội phong kiến thì sự xâm lược và chống xâm lược theo chúng tôi đó là một phương diện của mâu thuẫn và đấu tranh xã hội. Nói cách khác, thực chất của cuộc đấu tranh chống xâm lược trong truyện *Thạch Sanh* là sự phản ánh cuộc đấu tranh xã hội, chủ đề quen thuộc và nổi bật trong truyện cổ tích.

(Nguyễn Bích Hà, *Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á*, NXB Giáo dục, 1998)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời.

1. Thạch Sanh thuộc thể loại truyện cổ tích nào?

A. Cổ tích sinh hoạt. B. Cổ tích thần kì. C. Cổ tích về loài vật.

2. Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật nào sau đây?

A. Nhân vật thông minh.

B. Nhân vật bất hạnh: Người có hình dạng xấu xí.

C. Nhân vật dũng sĩ.

3. Thạch Sanh bộc lộ những phẩm chất nào qua những chiến công chàng đạt được?

A. Thật thà, chất phác, giàu lòng thương người, có tài năng và dũng cảm phi thường, có lòng nhân đạo, khoan dung.

B. Thật thà, dũng cảm.

C. Có nhiều tài năng kì lạ, có lòng thương người.

D. Thông minh, hiếu thảo.

4. Nhận xét nào sau đây đúng về nhân vật Lý Thông?

A. Là nhân vật chính diện, có nhiều phẩm chất tốt đẹp.

B. Là nhân vật phản diện, tính toán, gian giảo, bất tài.

C. Là nhân vật phản diện, ngu dốt và keo kiệt.

5. Những vật thần kỳ nào xuất hiện trong truyện *Thạch Sanh?*

A. Cây sáo thần, cây cung thần.

B. Cây búa thần, cây đàn thần.

C. Bộ cung tên bằng vàng, cây đàn thần, niêu cơm thần.

D. Cây đàn thần, niêu cơm thần.

6. Chi tiết mẹ con Lý Thông *bị sét đánh chết, rồi bị hoá kiếp thành bọ hung* ***có ý nghĩa gì?***

A. Mẹ con Lý Thông không xứng đáng được sống.

B. Mẹ con Lý Thông phải bị trừng trị như vậy mới đích đáng.

C. Thể hiện quan niệm của nhân dân ta: Cái ác phải bị diệt trừ tận gốc. Tuy được Thạch Sanh tha tội nhưng tội ác của chúng trời không dung, đất không tha.

D. Kết hợp cả A, B, C.

7. Qua cách kết thúc truyện *Thạch Sanh,* ***nhân dân ta muốn thể hiện điều gì?***

A. Mơ ước về công lí xã hội: ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác.

B. Mơ ước về một sự đổi đời: người nghèo khổ, bất hạnh sẽ có địa vị, có cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc.

C. Mơ ước về một cuộc sống yên bình, có người tài giỏi, dũng cảm, đại diện cho nhân dân làm chủ đất nước.

D. Kết hợp cả A, B, C.

II. TỰ LUẬN

1. Nhân vật Thạch Sanh để lại trong em những ấn tượng, cảm xúc gì? Viết đoạn văn nêu những cảm nghĩ của em về nhân vật này sau khi học xong truyện.

2. Lý Thông là nhân vật như thế nào? Theo em, tác giả dân gian xây dựng nhân vật Lý Thông nhằm mục đích gì?

3. Chi tiết nào trong truyện để lại cho em nhiều ấn tượng nhất? Vì sao?

EM BÉ THÔNG MINH

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Em bé thông minh là một truyện cổ tích sinh hoạt, kể về nhân vật thông minh, một kiểu nhân vật rất phổ biến trong truyện cổ tích Việt Nam và thế giới. Truyện gần như không có yếu tố thần kì, được cấu tạo theo lối "xâu chuỗi" gồm nhiều mẩu chuyện - nhân vật chính trải qua một chuỗi thử thách (ở đây là những lần thách đố), từ đó hiện lên sự thông minh, tài trí hơn người.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Truyện kể về một em bé có trí thông minh hơn người, vượt qua được những thử thách khó khăn bằng trí tuệ dân gian. Truyện đề cao trí khôn dân gian; trí khôn kinh nghiệm tạo nên tiếng cười vui vẻ, hồn nhiên, chất phác nhưng không kém phần thâm thúy của nhân dân trong cuộc sống hằng ngày.

2. Những khía cạnh chính

a. Em bé thông minh: người nhà vua tìm kiếm.

Viên quan được nhà vua phái đi tìm người tài giỏi đã đi nhiều nơi nhưng vẫn chưa tìm được người thật sự thông minh. Đến khi gặp em bé, qua câu đố - đáp, viên quan đã thấy tài trí hơn người của em. Sự thông minh của em bé thể hiện ở chỗ: Em hỏi lại khiến viên quan không thể trả lời được. Điều kiện để em giải câu đố *trâu một ngày cày được mấy đường* không được thoả mãn, em bé đã giành thế chủ động và thắng cuộc. Rõ ràng đặt ra câu hỏi dễ hơn trả lời, nhất là những câu hỏi oái oăm như của viên quan nọ.

b. Trí thông minh cứu dân làng.

Nhà vua thử để khẳng định trí thông minh của em bé. Câu đố lần này do vua đặt ra còn cái oăm hơn, hơn nữa lại liên quan đến cả dân làng, nếu không có trí tuệ hơn người thì không thể giúp dân làng thoát tội được. Cậu bé đã bộc lộ trí thông minh ở chỗ: khôn khéo khiến vua phải nói ra sự vô lí trong câu đố của mình. Nhờ vậy, dân làng em thoát tội.

c. Trí thông minh của em bé còn được bộc lộ qua việc vua thử thêm một lần nữa:

Đưa một con chim sẻ, bắt dọn thành ba cỗ thức ăn. Em bé lại chỉ ra khả năng không thể của câu đố: nếu rèn cây kim thành con dao thì em sẽ mổ thịt chim.

d. Trí thông minh cứu nguy cho đất nước: Để khẳng định trí tuệ của em bé, tác giả dân gian không dừng lại ở những câu đố, thử thách của vua quan. Nhân dân làm nổi bật trí tuệ ấy qua việc giải câu đố của sứ thần nước lớn. Trong khi vua quan đều bất lực, cậu bé chỉ cần hát một bài đồng dao đã có thể giải được câu đố. Cậu đã biết vận dụng kinh nghiệm dân gian đúng lúc, đúng chỗ để có thể gỡ được những khó khăn tưởng chừng không gỡ nổi.

III. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

- Sử dụng biện pháp dùng câu đố để thử tài nhân vật, một biện pháp quen thuộc trong truyện dân gian. Qua hình thức dùng câu đố, tài năng, phẩm chất của nhân vật được bộc lộ; cốt truyện, tình huống truyện phát triển, tạo sự hấp dẫn cho người nghe.

- Sử dụng biện pháp tăng cấp rất thành công:

+ Lần thứ nhất chỉ là câu đố vô thưởng vô phạt của viên quan. Để làm nổi bật trí thông minh của em bé, tác giả dân gian chỉ so sánh em với người cha của mình (thể hiện quan niệm "Con hơn cha là nhà có phúc").

+ Lần thứ hai là câu đố của nhà vua ra cho cả dân làng, liên quan đến số phận cả làng. Để làm nổi bật trí thông minh của em, tác giả so sánh em với toàn thể dân làng.

+ Lần thứ ba là câu đố của vua ra trực tiếp cho hai cha con em. Lần này, em bé phải đối mặt với nhà vua (người được coi là có trí tuệ cao nhất trong truyện này).

+ Lần thứ tư là câu đố của sứ thần nước lớn. Để làm nổi bật trí thông minh của em, tác giả dân gian đã so sánh em với vua và toàn thể triều đình, những ông trạng, những nhà thông thái... Chẳng cần suy nghĩ nhiều, em đã tìm ngay được lời giải, hơn nữa lại vừa chơi vừa giải đố.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Truyện không có yếu tố thần kì. Không có ông Tiên, ông Bụt...hoặc các vật thiêng phù trợ. Nhân vật tự lo liệu lấy số phận, khẳng định phẩm chất của mình thông qua những ứng xử cụ thể. Thời gian, không gian trong truyện gần giống với thực tại. Tư duy lôgic được tăng cường, nhân vật chủ động hơn.

(Trần Gia Linh, *Truyện dân gian Việt Nam*, Sđd)

* ...Cậu bé được xem là nhân tài, được phong trạng nguyên không qua tuyển chọn bằng thi cử, hoặc đánh giá qua văn chương chữ nghĩa... Kiểu nhân vật này tiêu biểu cho trí khôn dân gian. Trí khôn dân gian là trí khôn kinh nghiệm, là trí khôn được đúc kết từ hoạt động thực tiễn và luôn luôn được ứng dụng trong đời sống thực tế.

(Đỗ Bình Trị, *Dẫn theo Trần Gia Linh, Truyện dân gian Việt Nam*, Sđd)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời.

1. Trí thông minh của nhân vật em bé trong truyện* Em bé thông minh *được bộc lộ bằng hình thức nào?

A. Hình thức thi cử.

B. Dân làng tiến cử.

C. Dùng câu đố để thử tài.

D. Tự tiến cử.

2. Kiến thức trong những lần thử thách ấy là những kiến thức như thế nào?

A. Kiến thức Hán học.

B. Kiến thức, kinh nghiệm dân gian.

C. Cả A và B đều sai.

3. Nhận xét nào sau đây đúng về những lần thử thách tài trí của em bé?

A. Lần đố sau có nội dung khó hơn lần đố trước.

B. Lần đố sau có đối tượng ra câu đố cao hơn lần đố trước.

C. Lần đố sau có đối tượng tham gia trả lời nhiều hơn lần đố trước.

D. Kết hợp cả A, B, C.

4. Cách giải câu đố của em bé có gì lí thú?

A. Đẩy thế bí về phía người ra câu đố.

B. Làm cho họ tự thấy điều mà họ đố thật phi lí.

C. Dùng kinh nghiệm dân gian rất giản dị để trả lời câu đố tưởng chừng rất hóc búa.

D. Kết hợp cả A, B, C.

5. Đáp án nào sau đây nêu đầy đủ nhất ý nghĩa truyện* Em bé thông minh*?

A. Đề cao sự thông minh của con người.

B. Ca ngợi trí khôn dân gian.

C. Tạo tiếng cười sảng khoái, hồn nhiên.

D. Đề cao sự thông minh, trí khôn dân gian, từ đó tạo nên tiếng cười hồn nhiên, vui vẻ trong cuộc sống hằng ngày.

II. TỰ LUẬN

1. Theo em, truyện cổ tích *Em bé thông minh* có gì khác so với các truyện cổ tích khác?

2. Viết đoạn văn nêu lên những mong ước mà tác giả dân gian gửi gắm qua truyện này.

TRUYỆN NGỤ NGÔN

Truyện ngụ ngôn là loại truyện kể, bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người, nhằm khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống.

Nhiều câu tục ngữ, thành ngữ được rút ra từ những truyện ngụ ngôn.

BẢNG THỐNG KÊ TÁC PHẨM

Số TT	Tác phẩm	Tóm tắt nội dung- ý nghĩa
1.	Ếch ngồi đáy giếng	Qua chuyện một con ếch sống trong một môi trường nhỏ bé, hiểu biết hạn hẹp mà huênh hoang, bị một con trâu dẫm bẹp, truyện cho ta nhiều bài học có ý nghĩa: - Môi trường nhỏ bé, hạn hẹp làm hạn chế tầm hiểu biết. - Phải biết mở rộng tầm hiểu biết của mình. - Không được chủ quan, kiêu ngạo, coi thường những đối tượng xung quanh. - Khi thay đổi môi trường sống cần học hỏi để thích nghi. - Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà huênh hoang kiêu ngạo, khuyên con người phải khiêm tốn, học hỏi thường xuyên.
2.	Thầy bói xem voi	Năm ông thầy bói mù xem voi bằng cách mỗi ông sờ một bộ phận của con voi. Không tán thành với nhau về cách phán về voi, năm ông đã xô xát, đánh nhau toác đầu chảy máu. Truyện cho ta bài học: Muốn hiểu biết sự vật, sự việc phải xem xét chúng một cách toàn diện. Phải biết lắng nghe ý kiến của người khác.

3.	Đeo nhạc cho mèo	Qua câu chuyện về cuộc họp làng chuột, ý tưởng đeo nhạc cho mèo và việc thực hiện ý tưởng ấy không thành, truyện khuyên nhủ người ta: - Luôn phải cân nhắc đến điều kiện và khả năng thực hiện khi dự định làm một công việc gì đó. - Người thực hiện công việc phải có đủ phẩm chất và năng lực, nếu không sẽ thất bại. - Phê phán những ý tưởng viển vông, những kẻ ham sống sợ chết, chỉ bàn mà không dám hành động, trút công việc khó khăn nguy hiểm cho những người dưới quyền.
4.	Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng	Mượn chuyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng bất hoà với nhau, tác giả dân gian muốn khuyên nhủ ta: Trong một tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa vào nhau, gắn bó với nhau để cùng tồn tại. Do đó phải biết hợp tác với nhau và tôn trọng công sức của nhau.

ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Truyện kể về một con ếch, hiểu biết hạn hẹp mà huênh hoang, bị một con trâu dẫm bẹp.

2. Các khía cạnh chính

a. Một con ếch ngộ nhận:

Sống lâu trong một môi trường nhỏ bé, hạn hẹp, tầm hiểu biết bị hạn chế, xung quanh lại toàn những con vật nhỏ bé, ít ỏi, con ếch tưởng *bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung*, hơn nữa trong không gian hạn hẹp ấy, tiếng kêu của nó khiến mọi vật hoảng sợ nên nó ngộ nhận mình *oai như một vị chúa tể*.

b. Sự thay đổi môi trường sống: Trời mưa to, nước dâng lên, đưa ếch ta ra khỏi giếng - môi trường hạn hẹp để đến một môi trường rộng lớn hơn. Nhưng con ếch không hiểu điều đó. Nó không nhìn nhận để thích nghi với môi trường mới mà vẫn giữ thói ngông nghênh cũ đi lại nhâng nháo, chả coi ai ra gì, chẳng để mắt đến xung quanh.

c. Hậu quả: Bất ngờ, nó bị một con trâu giẫm bẹp. Đây chỉ là chuyện ngẫu nhiên. Nhưng cái ngẫu nhiên ấy thực ra là kết quả tất nhiên của thói kiêu căng, tự phụ đã thành bản chất của con ếch.

d. Bài học: Từ chuyện một con ếch bị con trâu giẫm bẹp (nghĩa đen) tác giả dân gian muốn nhắn nhủ tới người đọc, người nghe một bài học triết lí sâu sắc, giàu ý nghĩa. Dù sống trong môi trường hạn chế cũng vẫn nên cố gắng mở rộng tầm hiểu biết. Hơn nữa, không nên kiêu ngạo, chủ quan, coi thường xung quanh.

II. ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT

Sử dụng nghệ thuật kể chuyện ngụ ngôn: mượn câu chuyện nhỏ về loài vật để đưa ra bài học rất có ý nghĩa đối với con người.

Truyện có nhiều hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Một loại truyện kể dân gian, thường kể chuyện về loài vật để ngụ vào đó những ý tưởng về xã hội con người.

Do dụng ý mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người, truyện ngụ ngôn thường hướng đến một luận đề rõ rệt, mỗi truyện như là một ẩn dụ diễn đạt những kinh nghiệm, tư tưởng triết lý của dân gian tương tự như tục ngữ (...). Truyện ngụ ngôn thường mang tính giáo huấn rõ rệt.

(*Từ điển Văn học Việt Nam*, Sđd)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời.

1. Hình ảnh đáy giếng trong truyện có ý nghĩa gì?

A. Một nơi ẩm thấp, tối tăm.

B. Một không gian chật hẹp, không thay đổi, tượng trưng cho cuộc sống hạn hẹp, đơn giản và trì trệ.

C. Một nơi không thể thoát ra được.

2. Con ếch đã ngộ nhận những gì?

A. Tưởng cuộc sống và môi trường sống chỉ đơn giản như vậy.

B. Tưởng bầu trời trên đầu chỉ bằng cái vung.

C. Tưởng nó là một vị chúa tể.

D. Kết hợp A, B, C.

3. Vì sao ếch bị trâu dẫm bẹp?

A. Vì trâu ghét thói kiêu ngạo của ếch.

B. Vì quá sợ hãi trước môi trường sống mới.

C. Vì chủ quan, kiêu ngạo, không chịu học hỏi và quan sát xung quanh.

II. TỰ LUẬN

1. Bài học mà truyện nêu ra có ý nghĩa trong cuộc sống ngày nay không? Dựa vào đâu mà em có suy nghĩ như vậy?

THẦY BÓI XEM VOI

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Truyện kể về năm ông thầy bói xem voi. Mỗi ông sờ một bộ phận của voi rồi cãi nhau, chẳng ai chịu ai, cuối cùng đánh nhau vỡ đầu chảy máu. Câu chuyện cho ta bài học về cách xem xét, nhìn nhận, đánh giá sự việc.

2. Các khía cạnh chính

a. Cách xem voi:

Năm ông thầy bói mù, chưa biết hình thù con voi thế nào nên muốn được xem voi. Nhưng vì bị mù nên thay vì quan sát bằng mắt, các thầy *"xem"* bằng cách *"sờ"* con voi. Con voi lại rất to nên mỗi thầy chỉ sờ một bộ phận của voi mà thôi. Nhưng thầy nào cũng nghĩ mình đã xem đủ cả con voi rồi. Cách xem của năm ông thầy bói không phải là cách xem thông thường nên nhận thức của các thầy về con voi còn chưa đầy đủ.

b. Cách phán về con voi:

Tuy thế, nhưng khi bàn tán với nhau về hình thù của con voi, các thầy nói ra nhận thức của mình về từng bộ phận của con voi mà cứ ngỡ là cả con voi. Ai cũng phủ nhận ý kiến của người khác, khăng khăng rằng mình đúng. Cách xem voi đã sai, nhưng cách phán về voi cũng sai không kém: chủ quan, sai lầm cho rằng chỉ mình đúng.

c. Cách xem voi, cách phán về voi chính là cách nhận thức về thế giới của năm ông thầy bói nói riêng, của con người nói chung. Đó là cách nhận thức phiến diện và sai lầm. Tưởng cái bộ phận là cái toàn thể, chủ quan cho rằng chỉ mình là đúng. Truyện phê phán cách nhận thức về thế giới của năm ông thầy bói.

d. Bài học:

Từ chuyện *"xem voi"* của năm ông thầy bói, tác giả dân gian muốn nhắn gửi tới người nghe một bài học: Muốn hiểu đúng về bản chất các sự vật hiện tượng trong thế giới xung quanh cần xem xét toàn diện, tránh thái độ chủ quan, phiến diện.

II. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

- Mượn một câu chuyện nhỏ, kể một cách ngắn gọn nhưng khiến người đọc phải suy ngẫm, từ đó rút ra bài học sâu sắc.

- Sử dụng yếu tố gây cười (sờ voi, cách phán về voi, so sánh voi với các đồ vật quen thuộc, cãi nhau, đánh nhau...) để giúp người đọc nhận thức được sự chủ quan, phiến diện trong việc tìm hiểu thế giới xung quanh để bị đem ra làm trò cười cho thiên hạ.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Truyện *Thầy bói xem voi* nêu lên một vấn đề khác của nhận thức luận, vấn đề nhận thức chỉnh thể và bộ phận của sự vật. Ở đây mỗi anh xẩm (hay thầy bói) đều chỉ quan sát được một phần nhỏ của con voi (vòi, ngà, đuôi, tai, chân). Thế nhưng anh nào cũng cho là mình nắm được chân lý và họ đã đánh nhau vì ngộ nhận.

(Hoàng Tiến Tựu, *Văn học dân gian Việt Nam*, Sđd)

* Thầy bói cãi nhau vì các thầy mù, không nhìn được toàn diện. Các thầy lại khăng khăng giữ ý kiến cho mình là đúng, như vậy là vì các thầy chủ quan. Nhìn sự vật mà phiến diện, chủ quan thì làm sao thấy đúng được.

(Vũ Ngọc Khánh, *Bình giảng thơ ca - Truyện dân gian*, Sđd)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời.

1. Cách xem voi của các thầy bói có gì khác thường?

A. Chỉ xem một bộ phận của con voi.

B. Xem bằng cách sờ.

C. Mỗi thầy sờ một bộ phận của con voi nên không thầy nào nhận thức giống thầy nào.

D. Không có gì khác thường.

2. Thái độ của các thầy bói khi phán về voi là thái độ gì?

A. Lắng nghe, học hỏi.

B. Khiêm tốn tiếp thu ý kiến của người khác.

C. Tự tin vì biết chắc mình đúng.

D. Khăng khăng cho mình là đúng, phủ định ý kiến của người khác.

3. Truyện *Thầy bói xem voi* ***phê phán, chế giễu điều gì?***

A. Chế giễu sự khiếm khuyết về thể chất.

B. Chế giễu sự khiếm khuyết về nhận thức.

C. Chế giễu thói chủ quan, tự phụ.

D. Chế giễu sự tự ti, thiếu chủ kiến trong nhận thức.

II. TỰ LUẬN

Nhận thức theo kiểu *Thầy bói xem voi* sẽ dẫn đến những sai lầm gì trong cuộc sống? Kể ra một trường hợp nhận định, đánh giá theo kiểu *Thầy bói xem voi* và hậu quả của sự đánh giá sai lầm đó.

ĐEO NHẠC CHO MÈO

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý

Đeo nhạc cho mèo gốc là truyện của Ê-dôp, một nhà kể chuyện ngụ ngôn nổi tiếng của Hy Lạp sống vào khoảng thế kỷ VII - thế kỷ VI - Tr. CN. Tác giả Nguyễn Văn Ngọc đã dựa vào đó phóng tác, mở rộng thêm ngụ ý của truyện.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

- Qua việc miêu tả sinh động, sâu sắc làng chuột và từng loài chuột, qua câu chuyện về ý tưởng *Đeo nhạc cho mèo* của làng chuột, truyện khuyên nhủ người ta luôn phải cân nhắc đến điều kiện và khả năng thực hiện khi dự định làm một công việc nào đó. Truyện còn phê phán những ý tưởng viển vông, những kẻ ham sống sợ chết, chỉ bàn mà không dám hành động, trút công việc khó khăn nguy hiểm cho người dưới quyền.

2. Những khía cạnh chính

a. *Cảnh họp làng chuột:*

a 1. Khí thế hăng hái:

Ngay từ đầu truyện, người đọc đã cảm nhận được khí thế hăng hái của cư dân họ gặm nhấm. Ấy là có hai cuộc họp liên tiếp diễn ra. Vì giận mèo nên chúng đồng tâm nhất trí, tụ họp nhau lại thành một "làng" để bàn kế sách tránh tai vạ bị mèo ăn thịt. Cuộc họp thật đông đủ họ nhà chuột. Từ chú chuột cống ăn trên ngồi trốc đến chuột chù hôi hám tầm thường đều có mặt. Không khí càng hăng hái hơn khi chuột Cống đưa ra ý tưởng *đeo nhạc cho mèo. Cả làng chuột nghe nói, dẩu mõm, quật đuôi, đều lấy làm phục cái câu chí lý của ông Cống và đồng thanh ưng thuận.* Khi nhạc đã kiếm được rồi, làng chuột lại họp để bàn việc thực hiện ý tưởng trong cuộc họp trước. Cả làng chuột vô cùng phấn khởi: *Con nào con nấy lao xao hớn hở.* Nhưng khí thế hăng hái ấy chẳng kéo dài là mấy...

a 2. Không khí căng thẳng: Khi được hỏi, ai sẽ là người thực hiện nhiệm vụ *đeo nhạc cho mèo* thì *cả hội đồng im phăng phắc, không một cái tai nào nhích, một cái răng nào nhe.* Ta thấy sự sợ hãi bao trùm cả làng chuột, trái hẳn với không khí ồn

ào, hăng hái lúc trước. Việc chuột Cống, chuột Nhắt bao biện, từ chối trách nhiệm lại càng thể hiện cái lo âu, sợ hãi đến hèn nhát của làng chuột.

* Như vậy, cảnh họp làng chuột với không khí đối lập ấy đã thể hiện sự viển vông của ý tưởng, sự hèn nhát của hội đồng chuột, nói thì giỏi nhưng làm thì không dám.

b. *Chân dung về những hạng dân làng chuột:*

Truyện miêu tả rất sinh động các loại chuột. Dường như mỗi loài chuột ám chỉ một loại người nào đó trong xã hội cũ. Làng chuột được gọi là *làng dài răng*, khi đồng thanh ưng thuận thì cả làng *dẩu mõm, quật đuôi*; lúc sợ hãi thì *cả hội đồng im phăng phắc, không một cái tai nào nhích, một cái răng nào nhe cả*. Tai không nhích như chưa nghe thấy, răng không nhe vì sợ phải nói.

Chân dung từng loài hiện lên càng sinh động:

- Anh Chù: địa vị thấp nhất, đặc điểm là *hôi thành câu ca, ưt ịt nói, ì ạch vác nhạc đi tìm mèo,* nhưng cũng vô tích sự, thấy mèo thì hèn nhát bỏ chạy.

- Chú Nhắt: vai cao hơn một chút, láu lỉnh, đùn đẩy việc cho người khác.

- Ông Cống: vai vế cao nhất, oai vệ nhất. Khi nói thì *lên giọng* trông *rung rinh béo tốt*. Vì là kẻ đề ra kế sách nên ông Cống được làng cắt cử thi hành. Thế nhưng ông từ chối, bên trong thì sợ nhưng vẻ ngoài thì ra bộ bệ vệ, kẻ cả. Đó là hình ảnh những kẻ giả dối, dùng cái vẻ sang trọng bên ngoài để che đậy sự tính toán hèn nhát bên trong.

* Cảnh họp làng chuột và bức chân dung từng loài chuột được miêu tả sinh động khiến người đọc thấy đó chẳng khác gì cuộc họp "việc làng" ở nông thôn Việt Nam thời phong kiến; mỗi loài là hiện thân của một loại người trong xã hội ấy.

III. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

Với tài quan sát, lối kể chuyện sinh động, tác giả đã dựa trên truyện ngụ ngôn Ê-dôp để kể lại khiến câu chuyện trở nên gần gũi và phù hợp với xã hội Việt Nam thời phong kiến.

Tác giả còn sử dụng nghệ thuật gây cười (trong việc miêu tả cảnh họp làng chuột, chân dung từng loại chuột, cảnh chuột Chù vác nhạc đi tìm mèo) tạo tiếng cười châm biếm khiến bài học sâu sắc hơn.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Truyện này còn có tên *Đem chuông buộc cổ mèo*. Ta có câu thành ngữ *Họp như hội đồng chuột* để chỉ những cuộc họp của bọn cường hào, lí dịch nơi đình trung xưa, chuyên nói suông mọi việc, bàn đến việc cụ thể thì trốn tránh như chuột.

... *Đeo nhạc cho mèo* cũng nói tới hội đồng chuột vừa ngu dốt, vừa sợ chết thì dù có đông đến bao nhiêu cũng không thể làm việc lớn được.

... Mượn hình ảnh làng chuột các tác giả dân gian nêu lên một bài học kinh nghiệm sống, ai ai cũng thể rút ra: Bản chất là nhút nhát, hèn hạ, ham sống sợ chết thì dù có số lượng đông cũng không làm được việc lớn.

(Trần Gia Linh, *Văn học dân gian Việt Nam*, Sđd)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời:

1. Ý tưởng Đeo nhạc cho mèo là một ý tưởng như thế nào?

A. Là một ý tưởng hay, dễ dàng thực hiện.

B. Là một ý tưởng giúp chuột tránh khỏi tai vạ bị mèo ăn thịt nhưng khó thực hiện.

C. Là một ý tưởng viển vông vì không thể thực hiện được.

D. Là một ý tưởng không hay.

2. Cảnh hai lần họp làng chuột diễn ra trong không khí như thế nào?

A. Rất tưng bừng, nhộn nhịp, háo hức.

B. Rất trang nghiêm, nghiêm túc.

C. Rất căng thẳng, nặng nề.

D. Ở lần thứ nhất và đầu cuộc họp lần thứ hai rất hăng hái nhưng cuối cuộc họp lại vô cùng căng thẳng.

3. Nhận xét nào sau đây đầy đủ nhất về nhân vật chuột Cống?

A. Béo tốt, đường bệ.

B. Có uy thế trong làng chuột.

C. Rất ranh mãnh, láu cá.

D. Béo tốt, đường bệ, có uy thế nhưng thực chất là kẻ giả dối, ham sống sợ chết, hèn nhát.

4. Nhân vật chuột Chù được miêu tả nhằm mục đích gì?

A. Qua đó khắc hoạ chân dung về lớp người thấp kém nhất trong xã hội.

B. Thể hiện sự đối lập nhằm tô đậm tính cách nhân vật chuột Cống.

C. Hoàn chỉnh bức tranh làng chuột: Là kẻ thấp kém nhất, phải nhận việc mà không con nào dám nhận nhưng cũng lại hèn nhát, không làm được việc.

D. Kết hợp cả A, B, C.

II. TỰ LUẬN

1. Nhận xét về tính cách từng loại chuột được miêu tả trong truyện.
2. Truyện cho ta những bài học gì?

CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Truyện kể về sự bất hoà giữa năm nhân vật: Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng qua đó nêu ra bài học: Trong một tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa vào nhau, gắn bó với nhau để cùng tồn tại. Do đó phải biết hợp tác với nhau và tôn trọng công sức của nhau.

2. Các khía cạnh chính

a. *Mối bất hoà giữa Chân, Tay, Tai, Mắt với Miệng:*

Một ngày, do mới chỉ nhìn thấy vẻ bề ngoài công việc từng bộ phận phải làm, Tay, Chân, Tai, Mắt nhận thấy họ *làm việc mệt nhọc quanh năm, còn lão Miệng chẳng làm gì cả, chỉ ngồi ăn không* nên họ quyết định *dừng làm gì* để cho lão Miệng ăn nữa. Theo cách nhìn này, bốn nhân vật Chân, Tay, Tai, Mắt phải phục vụ cho Miệng, còn Miệng hưởng thụ tất cả.

Thực ra, mối bất hoà, lòng ghen tị ấy xuất phát từ cái nhìn bề ngoài mà chưa nhìn ra sự thống nhất chặt chẽ bên trong. Đến khi, tất cả đều mệt mỏi thì họ mới nhận ra sự thống nhất ấy: lão Miệng có việc là ăn để nuôi dưỡng toàn bộ cơ thể. Cho lão Miệng ăn rồi, Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng đều cảm thấy *đỡ mệt nhọc, khoan khoái*. Rút ra bài học, từ đó họ sống hoà thuận với nhau.

b. *Bài học:*

Câu chuyện về mối bất hoà giữa các bộ phận trong cơ thể là câu chuyện có ý nghĩa sâu sắc. Các nhân vật trong truyện chính là những sáng tạo nghệ thuật đặc sắc về mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng, giữa các cá thể với một tập thể (ở đây lại là một tập thể gắn bó mật thiết, chặt chẽ với nhau). Qua truyện, tác giả dân gian giúp người nghe thấy được:

- Ở đời, mỗi người có một vai trò, vị trí riêng trong cộng đồng. Tuy khác nhau về nhiệm vụ nhưng tất cả đều có mối liên hệ, gắn bó chặt chẽ với nhau.

- Trong cộng đồng, quan hệ giữa các thành viên vừa là bổ sung vừa là hỗ trợ cho nhau nên không được ghen tị hay coi thường công sức của người khác. Nếu ghen tị có thể hại mình và cả tập thể.

III. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

- Tác giả khéo léo tưởng tượng ra câu chuyện về mối quan hệ giữa các bộ phận trong cơ thể để nêu lên bài học có ý nghĩa.

- Cách kể chuyện sinh động, hấp dẫn, sự quan sát, miêu tả đúng với đặc điểm từng bộ phận của cơ thể.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

*Truyện ngụ ngôn còn gọi là truyện ngụ ý, một loại truyện chứa đựng quan niệm về triết lí đạo đức, những bài học đấu tranh giai cấp hay những kinh nghiệm sống đã được tổng kết trong những sự tích hoàn toàn tưởng tượng. Nhân vật của truyện thường là những con vật, những đồ vật, kể cả bộ phận của thân thể con người. Mượn chuyện loài vật nhưng để nói chuyện con người. Ở truyện này, Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng đã được nhân hoá.

(Trần Gia Linh, *Truyện dân gian Việt Nam*, Sđd)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời.

1. Việc Chân, Tay, Tai, Mắt ghen tị với lão Miệng có lí không?

A. Có lý vì lão Miệng chỉ ăn còn Chân, Tay, Tai, Mắt phải làm việc để phục vụ lão Miệng.

B. Hoàn toàn vô lí.

C. Nhìn bề ngoài thì thấy có lí, nhưng thực chất lão Miệng ăn cũng là một công việc để nuôi dưỡng cơ thể.

2. Chi tiết nào thể hiện việc chống lại lão Miệng của Chân, Tay, Tai, Mắt?

A. Cô Mắt than thở với cậu Chân, cậu Tay.

B. Rủ bác Tai đến nhà lão Miệng.

C. Cả bọn kéo nhau đến nhà lão Miệng không chào hỏi, nói thẳng với lão: "*Từ nay chúng tôi không làm để nuôi ông nữa*" rồi cả bọn kéo nhau về.

3. Chân, Tay, Tai, Mắt đã nhận được bài học gì khi không làm việc cho lão Miệng ăn?

A. Lão Miệng không vô tích sự như họ nghĩ.

B. Không nên ganh tị với nhau; cần hợp tác mới tạo được sức mạnh cho cộng đồng; cần tôn trọng công sức của người khác.

C. Không làm cho lão Miệng ăn là hợp lí.

II. TỰ LUẬN

Qua truyện ngụ ngôn trên, em có suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể trong cuộc sống ngày nay?

TRUYỆN CƯỜI

Truyện cười là loại truyện về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra cái cười. Hiện tượng đáng cười là những hiện tượng có tính chất ngược đời, lố bịch, trái tự nhiên, thể hiện ở hành vi, cử chỉ, lời nói của người nào đó. Cái cười được tạo ra do bản thân những hiện tượng được kể và do người đọc, người nghe phát hiện ra hiện tượng ấy.

Truyện cười thường rất ngắn và chứa đựng yếu tố bất ngờ.

Truyện cười vừa có ý nghĩa mua vui vừa có ý nghĩa phê phán. Khi tạo ra những tiếng cười mua vui hoặc phê phán, truyện cười đồng thời cũng gián tiếp hướng người nghe, người đọc tới những điều tốt đẹp, đối lập với những hiện tượng đáng cười. Những truyện thiên về ý nghĩa mua vui được gọi là truyện hài hước. Những truyện thiên về ý nghĩa phê phán được gọi là truyện châm biếm.

BẢNG THỐNG KÊ CÁC TÁC PHẨM

Số TT	Tên tác phẩm	Tóm tắt nội dung - ý nghĩa
1.	Treo biển	Qua câu chuyện hài hước nhẹ nhàng, dí dỏm, truyện *Treo biển* giúp người đọc rút ra một bài học đó là khi được người khác góp ý chúng ta không nên hấp tấp làm theo mà phải suy xét và tiếp thu có chọn lọc.
2.	Lợn cưới, áo mới	Dựng lên tình huống về cuộc gặp gỡ giữa hai anh chàng có tính hay khoe, truyện *Lợn cưới áo mới* đã làm bật ra tiếng cười vui vẻ. Qua đó tác giả dân gian cũng muốn phê phán nhẹ nhàng những người có tính xấu là hay khoe của.

TREO BIỂN

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Người chủ hàng cá treo tấm biển: *Ở đây có bán cá tươi.* Mỗi ngày một người góp ý anh ta bỏ đi một chữ. Sau ít ngày, anh ta cất luôn cái biển đi. Truyện tạo tiếng cười vui vẻ, có ý nghĩa phê phán nhẹ nhàng những người thiếu chủ kiến khi làm việc, không suy xét khi nghe những ý kiến khác.

2. Các khía cạnh chính

a. *Tấm biển:* Vì mục đích giới thiệu mặt hàng, chủ hàng cá cho treo tấm biển với bốn nội dung rất cần thiết:

+ *Ở đây*: thông báo địa điểm.

+ *Có bán*: thông báo hoạt động của cửa hàng.

+ *Cá*: thông báo loại mặt hàng.

+ *Tươi*: thông báo chất lượng hàng.

Tấm biển với những nội dung ấy không có gì thừa và đáng cười. Tiếng cười bật ra từ những chi tiết khác.

b. *Lời góp ý:* Có bốn người góp ý. Xem ra lời khuyên của mỗi người đều có vẻ hợp lí. Tuy nhiên, họ chưa nghĩ đến vai trò của tấm biển là giới thiệu mặt hàng với những nội dung cần thiết. Người nào cũng lấy sự hiện diện ở cửa hiệu, trực tiếp nhìn, ngửi, xem xét mặt hàng của mình thay cho việc thông báo từ xa - chức năng của tấm biển. Mặt khác, họ tách từng yếu tố ra khỏi nội dung tấm biển nên họ thấy thừa, trong khi các yếu tố ấy kết hợp với nhau sẽ có ý nghĩa giới thiệu mặt hàng. Vì vậy những lời góp ý ấy không phải là có lí.

c. *Cách nghe lời góp ý:*

Tiếng cười trong truyện bật ra không phải từ những lời góp ý mà từ chỗ người chủ hàng cá tiếp thu những lời góp ý ấy. Mỗi lần nghe là một lần anh chàng *"bỏ ngay"* chữ ấy đi, không cần suy nghĩ gì thêm. Cuối cùng, anh ta cất luôn tấm biển,

quên mất mục đích treo biển giới thiệu cửa hàng. Người góp ý đã không suy xét, người tiếp thu lại hồ đồ, không chủ kiến. Tiếng cười phê phán nhẹ nhàng nhưng đầy ý nghĩa.

II. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

- Nghệ thuật kể chuyện tài tình với biện pháp lặp lại các tình huống, khiến tiếng cười bật ra ở tình huống cao nhất.

B. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời.

1. Truyện Treo biển phê phán điều gì?

A. Việc treo biển ở cửa hàng là không cần thiết.

B. Người bán hàng đã hồ đồ, thiếu chủ kiến khi nghe góp ý.

C. Tấm biển có những yếu tố thừa.

D. Những người đi qua không giúp người bán hàng.

2. Truyện cho ta bài học gì?

A. Làm việc gì cũng phải suy nghĩ kĩ.

B. Nên tiếp thu tất cả những ý kiến mà người khác khuyên.

C. Không nên tiếp thu ý kiến của người khác.

D. Làm việc gì cũng phải có chủ kiến, nhưng cũng cần biết tiếp thu ý kiến người khác một cách có chọn lọc.

3. Chi tiết nào khiến cái cười bộc lộ rõ nhất?

A. Nhà hàng treo biển.

B. Người qua đường nhận xét.

C. Biển chỉ còn có một chữ *"Cá"*.

D. Nhà hàng cất nốt cái biển.

LỢN CƯỚI, ÁO MỚI

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NỘI DUNG CƠ BẢN

Truyện kể về hai anh chàng có tính hay khoe của gặp nhau, từ đó chế giễu phê phán những người có tính hay khoe của, một tính xấu khá phổ biến trong xã hội.

II. CÁC KHÍA CẠNH CHÍNH

a. Anh có áo mới: Được giới thiệu là người có tính *"hay khoe của"*. Khi có áo mới, anh ta nóng lòng được nghe lời khen nên đã vội mặc và ra *"hóng"* ở cửa. Nhưng, dù kiên nhẫn đứng từ sáng tới tối, chẳng có ai hỏi đến cái áo mới cả, anh ta rất lấy làm tức giận. Hành động và thái độ của anh ta thật lố bịch và đáng cười. Nhưng tiếng cười của truyện không chỉ được tạo nên bởi chi tiết ấy.

b. Anh có lợn cưới: Cũng là một anh chàng hay khoe của. Ngay lúc nhà có việc lớn, rất bận rộn mà anh cũng tìm được cách để khoe của, khoe công việc của mình: *Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?*.

c. Tiếng cười bật ra mạnh nhất là khi hai anh chàng gặp nhau, có cớ để khoe khoang. Lời nói, hành động của cả hai đều rất nực cười:

- Anh có lợn cưới thì *hỏi to*, không nêu đặc điểm của con vật tìm kiếm mà lại giới thiệu nó là *lợn cưới*. Thông tin thừa, không cần thiết, nhất là trong hoàn cảnh ấy khiến mọi người buồn cười.

- Anh có áo mới thì *giơ vạt áo ra* trước khi trả lời; trong câu trả lời lại chứa đựng yếu tố không cần thiết, nói với mục đích khoe khoang *từ lúc tôi mặc cái áo mới này*...

Mục đích của cả hai đều đạt được. Ai cũng khoe được của cải, công việc của mình.

* Truyện khiến ta cười nhiều lần, từ chỗ anh chàng có áo mới nóng lòng khoe của đến chỗ hai anh chàng tính hay khoe gặp nhau. Lời nói, hành động của các nhân vật đều lố bịch quá đáng.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Câu chuyện khôi hài này nhắn nhủ chúng ta phải biết xét đoán, biết suy nghĩ, không nên nhắm mắt theo hùa. Cứ nhắm mắt làm theo ý người khác, thì mình sẽ không phải là mình nữa.

(Vũ Ngọc Khánh, *Bình giảng thơ ca-truyện dân gian*, Sdd)

* Nghệ thuật gây cười của tác phẩm này là xây dựng được những tình huống truyện đối lập từ thấp đến cao để kết thúc ở đỉnh điểm làm bật ra tiếng cười vang to nhất, có ý nghĩa nhất. Đấy cũng là đặc điểm chung của truyện cười.

(Vũ Dương Quỹ, Lê Bảo, *Bình giảng Văn 6*, Sdd)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu trả lời

1. *Truyện* Lợn cưới áo mới *phê phán chế giễu điều gì?*

A. Tính hồ đồ, làm theo mà không suy nghĩ về những lời góp ý.

B. Tính khoe khoang kệch cỡm.

C. Tính tham lam trong ăn uống.

D. Tính kiên nhẫn.

2. Tiếng cười của truyện bật ra từ chi tiết nào sau đây?

A. Một anh tính hay khoe của có cái áo mới liền mặc ra đứng ở cửa chờ xem có ai đi qua người ta khen.

B. Chờ đến chiều không có ai khen anh ta tức lắm.

C. Gặp anh có con lợn cưới chạy mất hỏi thăm, anh ta liền giơ ngay vạt áo ra và trả lời.

D. Tất cả những chi tiết trên.

3. Vì sao việc khoe của của hai anh chàng lại đáng cười?

A. Vì hai anh chàng khoe khoang quá kệch cỡm, chỉ nghĩ đến việc khoe khoang mà thôi.

B. Vì đó là việc hết sức bình thường trong cuộc sống.

C. Vì việc đó rất quan trọng.

D. Vì việc khoe của là cần thiết.

II. TỰ LUẬN

Qua hai truyện cười đã học, em hãy viết đoạn văn nói về tác dụng giáo dục của tiếng cười trong truyện cười dân gian.

TRUYỆN TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Văn học Việt Nam từ cuối thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX gọi là văn học trung đại. Do hoàn cảnh lịch sử-xã hội bấy giờ, văn học Việt Nam phải dùng chữ Hán để sáng tác. Đến thế kỉ XII, dân tộc ta đã sáng chế ra chữ Nôm, nhưng phải đến cuối thế kỉ XIII, chữ Nôm mới được sử dụng trong sáng tác văn học. Tuy nhiên, do đặc điểm cấu tạo, chữ Nôm có những hạn chế nhất định không thể phát huy tác dụng ở tất cả các loại hình văn học. Do đó, chữ Hán vẫn còn cần cho sáng tác ở một số thể loại mà chữ Nôm không thể đảm đương, như văn xuôi tự sự chẳng hạn. Văn học trung đại Việt Nam phát triển lớn mạnh từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX với hàng ngàn tác giả và tác phẩm. Quá trình phát triển văn học trung đại là quá trình hình thành và diễn biến của từng thể loại cụ thể. Trong đó văn xuôi tự sự là một bộ phận cấu thành, gắn liền với quá trình lịch sử văn học dân tộc.

Chương trình Ngữ văn 6 tập một giới thiệu một số tác phẩm gọi là "truyện trung đại Việt Nam". Đó là cách gọi thể loại văn xuôi chữ Hán thời trung đại. Truyện trung đại có một nội dung phong phú, thường mang tính chất giáo huấn, bút pháp có nhiều khác biệt so với truyện hiện đại. Ở đây vừa có loại truyện hư cấu (tưởng tượng nghệ thuật), vừa có loại truyện gần với kí (ghi chép sự việc), với sử (ghi chép chuyện thật). Trong truyện trung đại, cốt truyện giữ một vị trí quan trọng, dù hầu hết còn đơn giản. Cách kết cấu truyện thường là đơn tuyến về trật tự thời gian (trước-sau). Nhân vật thường được miêu tả chủ yếu qua ngôn ngữ trực tiếp của người kể chuyện, qua hành động và ngôn ngữ đối thoại của nhân vật. Truyện trung đại thường chắt lọc những chi tiết chân thực lấy từ cuộc sống, đồng thời cũng hay sử dụng loại chi tiết li kì, hoang đường.

BẢNG THỐNG KÊ CÁC TÁC PHẨM

Trong chương trình Ngữ văn 6 (tập một) có hai truyện trung đại Việt Nam là: *Con hổ có nghĩa* và *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*, truyện *Mẹ hiền dạy con* cũng được xếp vào cụm này, vì có cách viết giống truyện trung đại Việt Nam. Nhưng chúng tôi xếp sang phần "văn học nước ngoài" theo tiêu chí phân loại khi soạn sách.

STT	Tên tác phẩm	Tác giả	Tóm tắt nội dung - ý nghĩa
1.	Con hổ có nghĩa	Vũ Trinh	Qua hai câu chuyện về hai con hổ chịu ơn người, biết trả ơn, truyện đề cao ân nghĩa, trọng đạo làm người, giáo huấn con người về lòng biết ơn.
2	Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng	Hồ Nguyên Trừng	Truyện kể về Thái y lệnh Phạm Bân có nghề y gia truyền, giàu lòng nhân đức, qua đó ca ngợi phẩm chất cao quý của bậc lương y: Không chỉ có tài chữa bệnh mà quan trọng hơn là có lòng thương yêu và quyết tâm cứu sống người bệnh tới mức không sợ quyền uy, không sợ mang vạ vào thân.

CON HỔ CÓ NGHĨA

VŨ TRINH

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

Vũ Trinh (1759 - 1828) tên tự là Duy Chu, biệt hiệu là Lai Sơn, hiệu là Lan Trì Ngư Giả, người làng Xuân Lan, huyện Lương Tài, trấn Kinh Bắc (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh). Gia đình truyền thống thi thư. Ông đỗ hương cống năm 17 tuổi làm quan dưới triều nhà Lê. Khi Nguyễn Ánh lên ngôi (hiệu Gia Long) ông ra làm quan, được trao cho chức Thị trung học sĩ, từng làm Hữu tham tri bộ hình; có lúc bị đày vào Quảng Nam.

Những sách văn, chiếu văn hồi đầu thời Gia Long phần nhiều đều do ông soạn thảo. Bộ Hình luật do ông cùng với Nguyễn Văn Thành, Trần Hựu soạn thảo đã được khắc in. Tác phẩm riêng hiện được biết có: *Lan Trì kiến văn lục* (truyện), *Sứ yên thi tập, Cung oán thi.*

II. TÁC PHẨM

1. Thể loại

Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam (truyện trung đại).

2. Nội dung cơ bản

a. Nội dung khái quát: Kể những chuyện về con hổ có nghĩa, mang ơn biết trả ơn, qua đó nói chuyện con người nhằm đề cao ân nghĩa trong đạo làm người.

b. Các khía cạnh chính: Truyện có hai đoạn, kể hai câu chuyện khác nhau về loài hổ trong mối quan hệ với con người.

b 1. Chuyện con hổ và bà đỡ Trần ở huyện Đông Triều

Qua mẩu chuyện mang nhiều yếu tố hư cấu, tưởng tượng, nhà văn giúp ta thấy: Con hổ cũng biết đạo nghĩa, mang ơn, trả ơn người đã giúp mình. Nhưng qua những chi tiết trong truyện, ta còn thấy rằng: Nó không chỉ có nghĩa với bà đỡ Trần mà còn là một con hổ có tình nghĩa gia đình sâu đậm. Nó đã không sợ hiểm nguy đến tính mạng, lần vào nơi đông người để đón bà đỡ về giúp hổ cái trong cơn sinh nở khó khăn. Nó biết "*cầm tay*" bà đỡ, rồi "*nhìn hổ cái nhỏ nước mắt*" như van vỉ, cầu xin như thương xót hổ cái đang đau đớn " *lăn lộn, cào đất*".

Nó biết vui mừng đùa giỡn với lũ hổ con mới ra đời như một ông bố yêu con, đang hạnh phúc. Những chi tiết ấy khiến ta thấy hình ảnh con hổ - mãnh thú- mờ nhạt đi, hiện lên là con vật có tình cảm, mang tính cách con người. Nó biết cảm kích trước sự giúp đỡ của bà đỡ Trần với hổ cái mà tạ ơn. Đó chẳng phải là trách nhiệm với gia đình hay sao? Cảm tạ rồi nó còn biết tiễn bà đỡ Trần ra khỏi rừng, với tiếng gầm vang từ biệt, như quyến luyến, đầy lòng biết ơn. Cái "*nghĩa*" của con hổ ở câu chuyện này không chỉ là trả ơn với người gia ơn mà còn là tình cảm trách nhiệm với hổ cái, hổ con, trách nhiệm, tình cảm của một người chủ gia đình.

b 2. Câu chuyện con hổ trán trắng ở Lạng Giang

Tưởng rằng đây chỉ là một mẩu chuyện lặp lại, nhằm tô đậm triết lí mà tác giả nêu lên. Nhưng không phải vậy. Chuyện vẫn có những chi tiết khiến người đọc phải suy ngẫm. Con hổ trắng gặp nạn. Nó không tìm đến con người. Nhưng con người - ở đây là bác tiều phu - gặp nó, đã không nỡ bỏ rơi. Hành động như liều lĩnh của bác tiều là sự thôi thúc mạnh mẽ của tình người. Bởi lẽ, với người vào rừng, hổ là mãnh thú ăn thịt đáng sợ nhất, thấy nó người ta phải trốn tránh. Vì thương nó gặp nguy hiểm mà bác tiều đã liều mình giúp nó. Có lẽ, hiểu được điều đó nên nó *nằm phục xuống, há miệng nhìn bác tiều ra dáng cầu cứu.* Khi được cứu thoát, hổ *liếm mép nhìn bác tiều rồi bỏ đi.* Phải chăng, đó chính là cách để hổ ghi nhớ con người đã giúp nó? Để rồi nó mang nai đến nhà bác tạ ơn. Có lẽ xúc động nhất và để lại nhiều ấn tượng nhất với người đọc là hình ảnh con hổ đến trước mộ bác tiều mà phủ phục, *dùng đầu dụi vào quan tài, gầm lên, chạy quanh quan tài vài vòng rồi đi.* Không chỉ trả ơn một lần, bày tỏ lòng thương xót người có ơn với mình, con hổ ấy còn thể hiện rằng nó không bao giờ quên ơn *mỗi dịp ngày giỗ bác tiều, hổ lại đưa dê hoặc lợn đến, để ở ngoài cửa nhà bác tiều.*

3. Đặc sắc nghệ thuật

Truyện *Con hổ có nghĩa* thuộc loại truyện hư cấu, trong đó dùng một biện pháp nghệ thuật quen thuộc là biện pháp nhân hoá, qua chuyện loài vật để suy ngẫm chuyện con người.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* *Con hổ có nghĩa* thuộc loại truyện hư cấu, trong đó dùng một biện pháp nghệ thuật quen thuộc là mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người nhằm đề cao ân nghĩa, trọng đạo làm người. Truyện ngắn gọn, súc tích qua đó ta thấy được ẩn ý mà tác giả gửi gắm. Vốn là một nhà nho trọng đạo nghĩa, Vũ Trinh thường kể những cái chuyện đề cao ân nghĩa: Trong *Con hổ có nghĩa* tác giả kể chuyện con hổ đáp nghĩa đối với con người mà không trực tiếp viết về chuyện con người đáp nghĩa cho nhau. Nhà nho Vũ Trinh muốn tác động đến người đọc, người nghe, giúp họ nhận

thức sâu sắc hơn về ân nghĩa trong đạo làm người, ấy là: hổ - một loài vật, một loài ác thú còn có nghĩa như thế, huống chi là con người. Là mãnh thú gặp hoạn nạn cần giúp đỡ, khi được giúp thì biết ơn, nhớ ơn đấy mà trả, còn con người dù có gặp kẻ bạc ác mà hoạn nạn chớ nên làm ngơ, bởi biết đâu họ cảm thấy cái ân, cái nghĩa mà đổi tâm, đổi tính. Truyện không chỉ giáo huấn con người về lòng ân nghĩa, biết ơn với người gia ân mà còn giáo huấn ta biết làm điều nhân nghĩa. Thật là một triết lí, một bài học sâu sắc.

(N.T.P.T)

Không chỉ kể chuyện con hổ biết ơn, trả ơn, để đề cao triết lí sống ân nghĩa trong đạo làm người, Vũ Trinh còn kể chuyện con vật có lòng nhân nghĩa, con người biết ơn và tạ ơn vật. Xin giới thiệu truyện *Con hổ nhân đức* để bạn đọc tham khảo:

Vào dịp tế lớn ở Phủ Chúa các trấn đều dâng thú lạ trong rừng. Trấn Thái Nguyên đưa tới một con hổ cái rất lớn. Con hổ này lông vàng, vằn đen, trán và hai vai đều có dấu ấn trắng to bằng bàn tay, nhốt dưới hầm nhà đá. Làm lễ xong cho người vào xem.

Bỗng có một người bưng tới hơn mười cân thịt, đặt phía trước con hổ khóc, làm lễ lạy hổ năm lạy. Mọi người lấy làm lạ, hỏi nguyên cớ. Người đó nói:

"Đấy là ân chủ cũ của tôi. Năm trước tôi đi gánh hàng thuê cho người, phải về ngay. Đương đi qua núi, trời tối, không có chỗ nào nghỉ trọ, tôi bèn leo lên cây cao, lấy gỗ buộc giá mà nằm, vừa chợp mắt, thấy con hổ này tới dưới gốc cây, nhìn lên tôi gầm gào. Tôi chẳng biết làm thế nào, giơ tay về phía hổ nói:

Tôi trơ trọi chiếc thân, xa nhà kiếm sống. Số phận tôi treo ở miệng ngài rồi, nhưng mấy miệng ăn nhà tôi dựa vào tôi mà sống, nếu ngài không tha cho tôi phải quỳ xuống nạp mạng cho ngài! Nhưng thế thì cả nhà tôi lớn bé già trẻ đều chết đói chết rét mất!

Tôi nói xong, thấy hổ né mình, cúi đầu, nằm xuống gốc cây mà ngủ. Đêm khuya, nghe có tiếng người từ xa tới gần, đến cách chừng mười bước thì gọi to:

"Dì khoẻ chứ! Đêm nay được mồi ngon, có cho cháu với không?"

Con hổ đáp:

"Chẳng có mồi nào, ta mệt nằm nghỉ ở đây bay hãy đi chỗ khác mà kiếm ăn!"

Bấy giờ tôi nhìn hổ thì thấy rõ ràng là người đàn bà đội khăn trắng, mặc quần áo màu đỏ sẫm. Tôi ở trên cây, nín thở, nằm im thin thít suốt đêm. Đến khi gà gáy hổ từ từ đứng dậy, rồi bỏ đi. Trời sáng rõ, đường có người đi, tôi mới trèo xuống.

Hôm qua tôi nhìn kĩ, thấy con hổ này rất giống con hổ xưa đã cứu tôi, tôi hỏi nó, nó nhìn tôi ứa nước mắt, rồi gật đầu hai lần. Tôi cảm cái ân đức cứu mệnh của nó, mới sửa một bữa để bày tỏ chút lòng thành của tôi."

Nói xong người ấy lại lạy năm lạy, khấu đầu ba lần, rồi đi."

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng nhất bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. Văn bản Con hổ có nghĩa thuộc phương thức biểu đạt nào?

A. Truyện kể. C. Tự sự.

B. Miêu tả. D. Nghị luận.

2. Văn bản "Con hổ có nghĩa" thuộc thể loại gì?

A. Truyện dân gian. C. Truyện thơ nôm.

B. Truyện ngắn hiện đại. D. Truyện trung đại Việt Nam .

***3. Chi tiết nào sau đây không có trong truyện** Con hổ có nghĩa*

A. Hổ đực cầm tay bà đỡ nhìn hổ cái, nhỏ nước mắt.

B. Hổ đực đứng dậy, quay nhìn bà.

C. Hổ cầm tay bác tiều, nhìn bác rồi bỏ đi.

D. Hổ nghe thấy nằm phục xuống, há miệng nhìn bác tiều ra dáng cầu cứu.

4. Trong các chi tiết sau, chi tiết nào không mang tính hư cấu, tưởng tượng ?

A. Bà cho hổ định ăn thịt mình, run sợ, không dám nhúc nhích.

B. Hổ cúi đầu, vẫy đuôi, làm ra vẻ tiễn biệt.

C. Khi chôn cất (bác tiều) hổ bỗng nhiên đến trước mộ nhảy nhót.

D. Hổ dùng đầu dụi vào quan tài, gầm lên chạy vài vòng rồi đi.

5. Chuyện con hổ và bác tiều phu so với chuyện con hổ và bà đỡ Trần có thêm ý nghĩa gì?

A. Gặp mãnh thú bị nạn, không thể tự cứu mình, đừng làm ngơ mà hãy giúp nó.

B. Tự nguyện giúp người khác sẽ được ghi ơn mãi mãi.

C. Khi được cứu giúp hãy biết ơn ân nhân suốt đời.

D. Kết hợp cả ba A, B, C.

II. TỰ LUẬN

1. Nhận xét về sự khác nhau giữa việc bà đỡ Trần giúp hổ cái sinh con và việc bác tiều giúp con hổ trán trắng lấy cái xương trong cổ ra.

2. Thái độ của con người với con vật trong truyện là thái độ như thế nào? Tại sao bà đỡ Trần và bác tiều xứng đáng được trả ơn như thế?

3. Viết đoạn văn nêu lên bài học em rút ra từ truyện *Con hổ có nghĩa.*

THẦY THUỐC GIỎI CỐT NHẤT Ở TẤM LÒNG

HỒ NGUYÊN TRỪNG

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

Hồ Nguyên Trừng (1374 - 1446) là con trưởng của Hồ Quý Ly quê ở làng Đại Lại, tỉnh Thanh Hoá, làm quan dưới triều nhà Hồ, thăng đến chức Tả tướng quốc khi mới 26 tuổi. Khi quân Minh sang xâm lược nước ta, ông hăng hái cầm quân chống giặc, bị bắt mang về Trung Quốc (1407). Nhờ có tài chế tạo vũ khí (súng thần công), ông được làm quan trong triều nhà Minh tới chức Thượng thư. Ông qua đời trên đất Trung Quốc . Trong thời gian ở đây, ông có viết *Nam ông mộng lục*

II. TÁC PHẨM

1. Thể loại

Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam.

2. Nội dung cơ bản

a. *Nội dung khái quát:*

- Truyện được trích trong *Nam ông mộng lục* (31 truyện), tập truyện hầu hết viết về người thật việc thật của nước ta nhằm biểu dương cái thiện.

- *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng* kể về vị Thái y lệnh Phạm Bân có nghề y gia truyền giàu lòng nhân đức, coi việc cứu chữa tính mạng người trọng hơn quyền uy, không sợ mang vạ vào thân. Truyện ca ngợi phẩm chất cao quý của bậc lương y: vừa có tài vừa có tâm.

b. *Các khía cạnh chính*

b 1. Truyện mở đầu bằng lời giới thiệu về Thái y lệnh họ Phạm. Tài năng và tấm lòng của ông được mọi người ca tụng. Ông lấy việc cứu người làm mục đích nên *đem hết của cải trong nhà ra mua các loại thuốc tốt và tích trữ thóc gạo*. Thuốc tốt mới chữa khỏi bệnh, thóc gạo để nuôi người bệnh nghèo. Thầy thuốc họ Phạm lại chẳng quản ngại bệnh nặng tật nhiều, dẫu người bệnh có *dầm dề máu mủ* cũng

chẳng né tránh. Không chỉ vậy, phải năm đói kém, ông còn ra tay cứu giúp hàng ngàn người. Tất cả đã cho ta thấy Phạm Bân là một lương y có tấm lòng thương người, cao thượng và vị tha.

b 2. Phẩm chất cao quý của thái y lệnh họ Phạm càng nổi bật hơn khi tác giả kể lại một sự việc: thầy thuốc đứng trước một sự lựa chọn - một thử thách. Nên vào cung theo lệnh Vương hay cứu mạng một người đàn bà đang cơn nguy kịch? Là thầy thuốc riêng của vương, lẽ thường phải theo lệnh vương. Nhưng lương tâm người thầy thuốc không cho phép ông *thấy chết mà không cứu*. Thái y lệnh đã lựa chọn một cách dứt khoát: chữa bệnh cho người nguy kịch hơn, sẵn sàng chịu tội nếu vua bắt tội. Hành động đó đã nói lên tư tưởng, tình cảm và thái độ của ông. Cứu tính mạng người là y đức, quan trọng hơn tất cả.

b 3. Trần Anh Tông khi hiểu hành động, quyết định của ông đã rất đồng tình, hết lời khen ngợi ông. Như vậy, tấm lòng nhân ái, thương người, tấm lòng nhân đạo cao cả có sức mạnh rất to lớn, làm con người thêm mạnh mẽ hơn. Hơn nữa, bậc minh quân sẽ có bề tôi hiền, đất nước sẽ hưng thịnh.

3. Đặc sắc nghệ thuật

Truyện được viết với hình thức ghi chép chuyện thật, tác giả đã xoáy vào một tình huống gay cấn để tính cách nhân vật được bộc lộ rõ nét. Các chi tiết trong truyện đều có ý nghĩa sâu sắc, ngắn gọn và cô đọng.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

1. Xuất xứ

* Truyện *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng* có tiêu đề nguyên văn chữ Hán là "y thiện dụng tâm", là thiên thứ 8 trong tập sách *Nam ông mộng lục*. Đây là tập sách Hồ Nguyên Trừng viết trong thời gian ông ở Trung Quốc, gồm 31 truyện, hầu hết viết về người thật, việc thật nhằm biểu dương cái thiện. Trong sách, tác giả kể đến các nhân vật như Phạm Ngũ Lão cầm giáo bảo vệ giang sơn, vợ chồng đầu mục Ngô Miễn biết chết vì nghĩa, một công chúa thảo ngay, một ni sư đức hạnh, một thầy thuốc vừa giỏi y vừa đức độ, đều thấm nhuần tinh thần nhân văn.

Truyện của Hồ Nguyên Trừng hầu hết đều ngắn, khoảng 200 chữ trở lại chỉ có hai truyện dưới 400 chữ, một truyện trên 1000 chữ. Số chữ cho biết tính chất ngắn gọn, cô đọng của truyện.

2. Nội dung

* Đạo đức nghề nghiệp là điều con người từ xưa đến nay luôn coi trọng. Trong đó hai nghề đòi hỏi đạo đức cao nhất là nghề dạy học và nghề làm thuốc, chữa

bệnh. Một nghề giáo dục đạo đức nhân cách con người, một nghề liên quan, quyết định sức khoẻ, mạng sống con người..... Trong lịch sử dân tộc, nhân dân ta từng ca ngợi những thầy thuốc nổi tiếng nêu cao y đức như Tuệ Tĩnh, Lê Hữu Trác. Truyện *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng* còn cho ta biết thêm về một danh y có đức cao vọng trọng nữa là cụ Phạm Bân, mang chức Thái y lệnh dưới triều Trần Anh Tông. Y đức của cụ được thể hiện qua những chi tiết ngắn gọn và súc tích. Không chỉ giỏi nghề, cụ còn có lòng thương người vô hạn. Để giúp người bệnh mau lành, cụ *tích trữ thóc gạo.* Tất cả đều do cụ *đem hết của cải trong nhà* ra mua. Là *Thái y lệnh* nhưng cụ không nề hà chữa cho người dân nghèo khó, bệnh nặng, bẩn thỉu. Cụ còn *cứu sống hơn ngàn người* vào *năm đói kém, dịch bệnh nổi lên.* Y đức của vị Thái y lệnh họ Phạm không chỉ thể hiện ở chỗ cứu người bệnh bằng tấm lòng và tiền của. Điều khiến cho chúng ta vô cùng cảm phục chính là: trước tình huống gay cấn, phải lựa chọn, cứu tính mạng người bệnh hay *cứu mạng mình* (nghe lời vương, đến phủ khám cho quý nhân) thì thầy thuốc dứt khoát cứu tính mạng người bệnh. Bởi lẽ, bệnh ấy nguy kịch, mạng sống chỉ còn trong khoảnh khắc, phụ thuộc vào thầy thuốc. Còn *tính mệnh của tiểu thần còn trông cậy vào chúa thượng, may ra thoát.* Với cụ Phạm Bân, tính mạng con người là như nhau, ai bệnh trọng hơn thì cứu trước. Tấm lòng ấy thật cao đẹp, thật đáng quý.

Ở đây, Thái y lệnh không có ý coi thường bệnh của quý nhân hay "khi quân" "phạm thượng". Cứu sống được người bệnh trong cơn nguy kịch, ngài liền đến yết kiến Vương. Thái y lệnh tin vào tấm lòng nhân đức của nhà vua nên đã *bày rõ lòng thành của mình.* Và, vị vua ấy cũng thật nhân từ, đúng như niềm tin của Thái y lệnh.

Tấm lòng thương người của thầy thuốc, sự lựa chọn dứt khoát, luôn vì tính mạng con người cho ta thấy ý đức cao đẹp, sự mạnh mẽ của tình yêu thương trong Thái y lệnh. Y đức không sợ uy quyền.

(N.T.P.T)

* Kết quả cuối cùng thật vô cùng tốt đẹp. Người đàn bà bệnh nặng được cứu sống, vị Thái y lệnh được vua khen. Công việc chỉ có một mà hiệu quả gấp hai, ba lần. Tấm lòng và bản lĩnh của người thầy thuốc cao đẹp, đáng kính trọng biết bao. Ngài đã ở hiền gặp lành, tôi trung gặp vua sáng suốt. Phúc cho cả dân tộc bấy giờ.

(Vũ Dương Quỹ - Lê Bảo, *Bình giảng Văn 6*, Sđd)

* Đoạn ba: Kết thúc câu chuyện, tác giả tóm tắt danh vọng bổng lộc mà con cháu ngài Thái y lệnh đã thừa kế và phát huy y đức của ngài. Cách viết tương tự đoạn một, tạo nên một kết cấu hài hoà cân đối. Đồng thời cái kết thúc ấy cũng toát

ra một triết lí nhẹ nhàng thấm thía. Cha mẹ gieo nhân nào thì con cháu được gặt quả ấy. Ngài Thái y lệnh đã sống và làm nhiều việc nhân đức, xả thân cứu người mà không sợ uy quyền, được nhân dân yêu quý, nhớ ơn, được vua quan nể trọng. Con cháu ngài, nhờ đó mà noi gương y đức, gặt hái được nhiều phúc lợi ở đời. Tính giáo huấn của câu chuyện từ mở đầu đến kết thúc như vậy là trọn vẹn, thể hiện rõ nét đặc điểm nổi bật của loại truyện trung đại.

(Vũ Dương Quỹ - Lê Bảo, sđd)

Thấy người đau, giống mình đau
Phương nào cứu đặng, mau mau trị lành
Đứa ăn mày cũng trời sinh
Bệnh còn cứu đặng thuốc dành cho không
(...) Hỡi ai có bụng như vầy,
Đạo y ngày sáng, tiếng thầy nào hư.

(Nguyễn Đình Chiểu, *Ngư tiều y thuật vấn đáp*)

Tôi không lấy tiền thù lao quá đáng và sẽ săn sóc miễn phí cho người nghèo (. .)

(*Lời thề Hipôcrat*)

(...) Cán bộ cần thương yêu, săn sóc người bệnh như anh em ruột thịt của mình, coi họ đau đớn cũng như mình đau đớn.

(Hồ Chí Minh, *Thư gửi Hội nghị cán bộ y tế*, tháng 2 năm 1955)

Lương y như từ mẫu.

(Hồ Chí Minh)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng nhất bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. Chi tiết nào dưới đây thể hiện rõ nhất y đức của Thái y lệnh họ Phạm

A. Mua các loại thuốc tốt, tích trữ thóc gạo.

B. Bệnh nhân đến chữa tới khi khoẻ mạnh rồi đi.

C. Bệnh đó (bệnh sốt của quý nhân) không gấp. Nay mệnh sống của người nhà người này chỉ ở trong khoảnh khắc. Tôi hãy cứu họ trước, lát nữa sẽ đến vương phủ.

D. Ngài bỏ mũ ra, tạ tội bày rõ lòng thành của mình.

2. Nhận xét nào sau đây đúng về cách lựa chọn của Thái y lệnh Phạm Bân?

A. Lựa chọn theo y đức. Cứu tính mạng người nguy kịch trước, không sợ uy quyền.

B. Thái y lệnh coi thường bệnh của quý nhân.

C. Thái y lệnh coi thường phép vua.

D. Lựa chọn theo y đức, không sợ uy quyền, tin tưởng vào tấm lòng nhân đức, sự anh minh của nhà vua.

3. Trước việc làm của Thái y lệnh, nhà vua có thái độ như thế nào?

A. Tức giận vô cùng.

B. Hoàn toàn thông cảm.

C. Không bày tỏ thái độ gì.

D. Lúc đầu có tức giận, quở trách. Sau hiểu rõ sự việc, vua thay đổi thái độ tỏ ra mừng vui, khen Thái y lệnh.

4. Thái y lệnh trong truyện là người như thế nào?

A. Một vị quan quyền cao chức trọng.

B. Một thầy thuốc tài giỏi.

C. Một thầy thuốc nhân từ, có y đức cao đẹp.

D. Một thầy thuốc có tài chữa bệnh, có lòng yêu thương người bệnh, không sợ uy quyền.

5. Truyện** *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng* **cho ta bài học gì?

A. Trước uy quyền, không nên sợ hãi.

B. Là thầy thuốc cần phải có y đức cao đẹp và giữ được y đức ấy.

C. Là thầy thuốc, không chỉ cố gắng cho tài giỏi mà còn phải có tấm lòng nhân từ, y đức cao đẹp.

II. TỰ LUẬN

1. Nhận xét của em về cách ứng xử của Thái y lệnh trước tình huống thử thách gay cấn.

2. Trước sự việc ấy, vua Trần Anh Tông có thái độ như thế nào. Nhận xét về nhân cách của vị vua này.

3. Hãy so sánh nội dung y đức được thể hiện ở văn bản này và văn bản kể về Tuệ Tĩnh. Từ đó rút ra bài học mà tác giả gửi gắm trong truyện.

TRUYỆN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Truyện hiện đại là khái niệm chỉ những tác phẩm truyện ra đời từ đầu thế kỉ XX cho đến nay. Đó là những tác phẩm có nhiều đặc điểm khác với truyện trung đại. Về hình thức, đó là những sáng tác được viết bằng chữ quốc ngữ, thường có dung lượng dài hơn truyện trung đại. Về nội dung, truyện hiện đại phản ánh cuộc sống thường ngày muôn màu muôn vẻ, rất gần gũi với chúng ta. Trong truyện hiện đại, nhân vật được phản ánh tương đối đầy đủ và trên nhiều phương diện, đặc biệt nhân vật được khắc họa cả ở diễn biến tâm lí chứ không dừng lại ở miêu tả hành động.

Để thích hợp với phân môn Tập làm văn, phần truyện hiện đại trong chương trình Ngữ văn 6 chọn giới thiệu một số tác phẩm và đoạn trích có nhiều yếu tố tự sự và miêu tả tiêu biểu. Đó là các văn bản: Bài học đường đời đầu tiên (trích Dế Mèn phiêu lưu kí- Tô Hoài), Sông nước Cà Mau (Trích Đất rừng phương Nam - Đoàn Giỏi), Bức tranh của em gái tôi (Tạ Duy Anh), Vượt thác (trích Quê nội - Võ Quảng).

BẢNG THỐNG KÊ CÁC TÁC PHẨM, ĐOẠN TRÍCH

Số TT	Tên văn bản	Tác giả	Tóm tắt nội dung, ý nghĩa
1.	Bài học đường đời đầu tiên (Trích *Dế mèn phiêu lưu kí*)	Tô Hoài	Qua bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn tác giả muốn nói với chúng ta rằng sống ở đời không nên kiêu căng tự phụ và xem thường người khác vì như thế có thể sẽ gây ra những hậu quả khôn lường. Sống phải biết quan tâm, giúp đỡ những người xung quanh.
2.	Sông nước Cà Mau (Trích *Đất rừng phương Nam*)	Đoàn Giỏi	Sông nước Cà Mau có vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ, hoang dã nhưng tràn đầy sức sống. Chợ Năm Căn là hình ảnh cuộc sống tấp nập, trù phú và độc đáo ở vùng đất này.
3.	Bức tranh của em gái tôi	Tạ Duy Anh	Qua câu chuyện về bức tranh của em gái tôi tác giả đã cho ta thấy chính tâm hồn trong sáng và lòng nhân hậu của cô em gái Kiều Phương đã cảm hoá được người anh, giúp người anh nhận ra những sai lầm của mình.
4.	Vượt thác (Trích *Quê nội*)	Võ Quảng	Qua cảnh vượt thác của con thuyền trên sông Thu Bồn tác giả đã khắc hoạ hình ảnh của dượng Hương Thư, một người lao động có vẻ đẹp khoẻ mạnh, hùng dũng trên nền cảnh thiên nhiên dữ dội và hiểm trở.

BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

TÔ HOÀI

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

Tô Hoài tên thật là Nguyễn Sen, sinh ngày 7/9/1920 tại làng Nghĩa Đô, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Tây (nay là phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội) trong một gia đình thợ thủ công.

- Bút danh Tô Hoài gắn với hai địa danh quê hương của nhà văn: sông Tô Lịch và huyện Hoài Đức.

- Tô Hoài đến với nghề văn ở tuổi 17-18 và sớm khẳng định được vị trí của mình. Ông đã sáng tác được một số lượng tác phẩm đồ sộ (hơn 150 cuốn) gồm nhiều thể loại khác nhau như: tiểu thuyết, truyện ngắn, kí, tiểu luận, kinh nghiệm sáng tác.

- Một số tác phẩm chính của Tô Hoài: *Dế mèn phiêu lưu kí* (1941); *Quê người* (1941); *Truyện Tây Bắc* (1953); *Miền Tây* (1967); *Người ven thành* (1972); *Cát bụi chân ai* (1992)...

- Ngoài *Dế Mèn phiêu lưu kí*, Tô Hoài còn viết rất nhiều truyện thiếu nhi khác như: *O chuột, Trê và cóc, Võ sĩ bọ ngựa, Đám cưới chuột, Tuổi nhỏ chí cao, Đảo hoang.*

- Với những đóng góp to lớn cho nền văn học Việt Nam, vào năm 1996 Tô Hoài được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh.

II. TÁC PHẨM

1. Xuất xứ

- Văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* trích từ chương I của truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí.*

- Đây là tác phẩm đặc sắc và nổi tiếng nhất của Tô Hoài viết về loài vật. Dựa vào những kỉ niệm tuổi thơ từ vùng Bưởi quê hương ông, năm 1941 Tô Hoài đã viết tác phẩm với tên là *Con Dế Mèn* rồi sau mới hoàn thiện thành *Dế Mèn phiêu lưu kí.*

Tác phẩm gồm 10 chương, kể về cuộc phiêu lưu của Dế Mèn vì mục đích xây dựng một thế giới đại đồng, hoà hợp, muôn loài kết làm anh em. Dế Mèn là hiện thân cho hình ảnh tuổi trẻ ham hiểu biết, trọng lẽ phải, khao khát lí tưởng và quyết tâm hành động cho lí tưởng cao đẹp.

2. Nội dung cơ bản

a. *Nội dung khái quát*

Văn bản miêu tả Dế Mèn là một chàng dế thanh niên có vẻ đẹp cường tráng, khoẻ mạnh, hùng dũng nhưng tính nết lại kiêu căng, xốc nổi. Vì bày trò trêu chọc chị Cốc, Dế Mèn đã gây ra cái chết thương tâm cho Dế Choắt, người bạn hàng xóm gầy gò, ốm yếu, tội nghiệp. Dế Mèn vô cùng hối hận và rút ra được bài học đường đời đầu tiên cho mình.

b. *Các khía cạnh chính*

b1- Hình dáng và tính cách Dế Mèn

- Hình dáng của Dế Mèn

Dế Mèn là một chú dế cường tráng thể hiện:

+ Ở các bộ phận chính của ngoại hình: càng mẫm bóng; vuốt cứng dần; nhọn hoắt; cánh dài kín xuống tận chấm đuôi; đầu to nổi từng tảng; răng đen nhánh; sợi râu dài; uốn cong.

+ Ở sức mạnh trong từng điệu bộ, động tác: co cẳng lên; đạp phanh phách vào các ngọn cỏ; đi bách bộ thì cả người rung rinh; nhai ngoàm ngoạp.

Dế Mèn mang vẻ đẹp cường tráng, khoẻ mạnh, trẻ trung, chứa chất sức sống của tuổi trẻ.

- Tính cách của Dế Mèn

Dế Mèn là một chú dế kiêu căng, tự phụ, hung hăng, xốc nổi thể hiện:

+ Hành động hung hăng và thái độ xem thường mọi người: dám cà khịa với tất cả bà con trong xóm; cho là mình giỏi; quát mấy chị Cào Cào; ghẹo anh Gọng Vó; tưởng mình sắp đứng đầu thiên hạ rồi.

Như vậy Dế Mèn có một ngoại hình đẹp, khoẻ mạnh, cường tráng, đầy sức sống nhưng lại kiêu căng và tự phụ về vẻ đẹp và sức mạnh của mình, không coi ai ra gì, hành động hung hăng, thiếu suy nghĩ. Đó là nét tính cách chưa đẹp của chàng dế này.

b2- Bài học đường đời đầu tiên

- Thái độ của Dế Mèn đối với Dế Choắt

Dế Choắt là hàng xóm của Dế Mèn, là một chú dế gầy gò, ốm yếu, rất tội nghiệp và đáng thương.Vậy mà Dế Mèn lại tỏ thái độ khinh thường, thiếu quan tâm, giúp đỡ Dế Choắt. Dế Mèn đặt tên cho người bạn hàng xóm là *Dế Choắt*, xưng hô là *chú mày*; chê Dế Choắt *sinh sống cẩu thả, có lớn mà chẳng có khôn*. Nhưng khi Dế

Choắt có nhã ý nhờ Dế Mèn đào cho một cái ngách thông sang nhà Dế Mèn thì chàng dế này đã khinh khỉnh mắng mỏ, không thèm giúp đỡ mà bỏ ra về.

- Dế Mèn gây sự với chị Cốc, gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt

+ Dế Mèn trêu chị Cốc vì muốn ra oai với Dế Choắt, muốn chứng tỏ mình không sợ ai, mình sắp đứng đầu thiên hạ rồi. Qua câu hát Dế Mèn cất lên để gây sự với chị Cốc, ta thấy đây là một hành động xấc xược, ngông cuồng, ác ý, thiếu suy nghĩ.

+ Lúc đầu Dế Mèn rất hể hả vì trò đùa tai quái của mình *chui tọt vào hang, nằm khểnh, bụng nghĩ thú vị*, nhưng khi nghe thấy tiếng Cốc mổ dế Choắt thì Dế Mèn sợ hãi *khiếp, nằm im thin thít*, sau khi Cốc bay đi rồi mới dám mon men bò ra khỏi hang.

+ Trước cái chết thương tâm của Dế Choắt, Dế Mèn mới nhận ra sự dại dột và ngông cuồng của mình. Lúc đó Dế Mèn mới thực sự ân hận về lỗi lầm của mình và xót thương cho Dế Choắt. Dế Mèn "quì xuống, nâng đầu Choắt lên mà than, đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum, đắp thành nấm mồ to, đứng lặng hồi lâu nghĩ về bài học đường đời đầu tiên".

+ Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn có được là: không nên kiêu căng, hống hách vì như thế có thể làm hại người khác khiến phải ân hận suốt đời. Sống thì phải biết đoàn kết, biết chia sẻ, quan tâm và giúp đỡ những người xung quanh mình.

3. Đặc sắc nghệ thuật

a- Nghệ thuật miêu tả loài vật rất sinh động. Nhân vật là loài vật nhưng hiện lên với những nét tính cách, suy nghĩ, tình cảm như con người. Dế Mèn hiện lên thật sinh động và rõ nét với những đặc điểm cụ thể và độc đáo về hình dáng, hành động, tính cách, trong mối quan hệ đa dạng với mọi người. Các nhân vật khác như mấy chị Cào Cào, Dế Choắt, chị Cốc qua ngòi bút miêu tả của Tô Hoài cũng trở nên độc đáo, mang những nét riêng biệt khiến người đọc không thể quên được.

b- Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất, Dế Mèn xưng tôi tự kể về câu chuyện của mình khiến cho câu chuyện tự nhiên, hấp dẫn, tạo điều kiện cho nhân vật tự bộc lộ được tâm trạng.

c- Ngôn ngữ phong phú, chính xác, đặc sắc với hệ thống các từ láy tượng hình, các động từ, tính từ giàu sức biểu cảm.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

I. LỜI TÁC GIẢ

* Biết ước mơ và hành động, Dế Mèn của tôi chắc chắn là bạn chung thủy với thế hệ tuổi thơ của bạn.

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*, NXB Kim Đồng, 1997)

* Tôi viết truyện *Con Dế Mèn*, rồi truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* lần đầu, không rõ năm ấy tôi mười tám hay mười bẩy tuổi. Chỉ nhớ, tôi vừa bước khỏi tuổi thiếu niên, tất cả những trò chơi ở bãi sông đầu làng của tuổi thơ đã vào thẳng sáng tác tôi. Khi cầm bút, những nhân vật trong truyện không cần phải nghĩ mãi mới ra, mà chúng nó đã nằm sẵn giữa say mê. Sức mạnh của những thực tế tự nhiên và trực tiếp ấy đã bắt ngay vào nguồn sáng tác của tôi.

(Tô Hoài, *Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả*, NXB Giáo dục, 1997)

Hình tượng Dế Mèn với lí tưởng đi khắp mọi nơi, hô hào mọi loài xây dựng thế giới đại đồng (danh từ rất thịnh hành hồi đó) tức thế giới không có áp bức và chiến tranh là lí tưởng của tôi và lớp thanh niên chưa nhận thức được tính quyết liệt của cuộc đấu tranh giai cấp. Viết *Dế Mèn phiêu lưu kí*, tôi đã viết thực tế quanh tôi và tư tưởng của lớp thanh niên như tôi. Dế Mèn, Dế Trũi đều được phú cho những đường nét tư tưởng xã hội của thời đại tôi đương sống.

(Tô Hoài, *Gặp gỡ 27 nhà văn có tác phẩm được chọn giảng trong nhà trường*)

II. LỜI BÌNH TÁC PHẨM

* *Dế Mèn phiêu lưu kí* kể lại những cuộc phiêu lưu lí thú, đầy sóng gió của chàng Dế Mèn. Không cam chịu cảnh sống tù túng, quanh quẩn, nhạt nhẽo, tầm thường, Dế Mèn cất bước ra đi tìm ý nghĩa thật của cuộc đời. Gặp biết bao khó khăn, trải qua những vấp váp, sai lầm, thậm chí có lúc thất bại đau đớn, nhưng Dế Mèn không nản lòng, không chịu lùi bước và cuối cùng đã đạt được ước mơ của mình. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn, qua mỗi chặng đường, tầm mắt của Dế Mèn được mở rộng, đồng thời Mèn cũng thu được những bài học bổ ích

Dế Mèn phiêu lưu kí là tác phẩm nổi tiếng của Tô Hoài. Nó thể hiện tập trung nhất những mặt mạnh của một cây bút sở trường về miêu tả phong tục (ở đây là phong tục của nông thôn Việt Nam thông qua xã hội loài vật). Tô Hoài có tài dựng cảnh. Ông thường có thói quen chấm phá các cảnh vật bằng những chi tiết chọn lọc, rồi vẩy hồn mình vào đấy, khiến cho cảnh vật hiện lên lung linh, sinh sắc. Qua ngòi bút tài hoa của ông, hình ảnh chàng Dế Mèn say mê lí tưởng, chú Dế Trũi sôi nổi và dũng cảm, cô Nhà Trò yếu đuối, các chị Cào Cào áo xanh áo đỏ làm duyên làm dáng, tiên sinh Xiến Tóc chán đời, võ sĩ Bọ Ngựa hung hăng, lão Cóc dở hơi, khuếch khoác, đại vương ếch Cốm thông thái giả hiệu, tất cả đã hợp thành một xã hội loài vật đông đảo, sinh động.

Dế Mèn phiêu lưu kí thể hiện rõ tài năng quan sát tinh tế, óc nhận xét sắc sảo,

hóm hỉnh và tình yêu sự sống của Tô Hoài. Ông đã thành công khi dựng lên cả một thế giới loài vật trong trắng, ngây thơ, ngộ nghĩnh, khao khát và say mê lí tưởng, rất phù hợp với tâm lí tuổi thơ.

(Trần Đăng Xuyền, *Từ điển Văn học*)

* Sáng tạo một nhân vật Dế Mèn trong thế giới các sinh vật nhỏ bé giữa thiên nhiên, ở tuổi ngoài hai mươi, Tô Hoài bỗng bộc lộ một tài năng đột xuất về nhiều mặt. Đó là khả năng hoá thân vào sự sống của vật và đồng thời đưa lại cho thế giới vật sự sống của người. Sự chung sống, sự hoà trộn; sự chuyển hoá của hai thế giới đã giúp cho bạn đọc cái cảm giác mở rộng, nhân lên các giới hạn sống, trong một xã hội tù túng, ngột ngạt. Quả biết bao là vui thích, là sống động của cả một thế giới nhân vật, gồm cả nhân và vật, đã được mở rộng đến tối ưu các biên độ sống, dẫu tất cả chỉ diễn ra trong một khu vườn nhà hoặc một cánh đồng làng. Cái khu vườn vẫn chỉ nhỏ bé và thân thuộc thế nhưng lại xiết bao to rộng và khoáng đãng, có thể chứa biết bao là cuộc rong chơi, du lịch cho Dế, nó cũng chính là ước mơ của người, của thế giới người.

Ở tuổi hai mươi, ngòi bút Tô Hoài thật quả xiết bao linh hoạt. Quan sát kĩ lưỡng, tinh tế. Ngôn ngữ tự nhiên và giàu có. Thiên nhiên khoáng đãng mà thơ mộng. Nhân vật có dáng riêng, giọng riêng và đều sắc nét.

Truyện của Tô Hoài cứ tự nhiên mà thủ thỉ cái tiếng nói hồn nhiên của bản thân sự sống.

(Phong Lê, *Về văn học Việt Nam hiện đại, nghĩ tiếp*,
NXB Đại học Quốc gia, H. 2000)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. Câu chuyện về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn được kể lại bằng lời của ai?

A. Dế Mèn.
C. Dế Choắt.
B. Chị Cốc.
D. Tác giả.

2. Dòng nào sau đây nêu nhận xét đúng về nhân vật Dế Mèn được thể hiện trong văn bản Bài học đường đời đầu tiên.

A. Chàng Dế tự phụ kiêu căng.

B. Chàng Dế gầy gò ốm yếu.

C. Chàng Dế thanh niên khoẻ mạnh và nghĩa hiệp.

D. Chàng dế thanh niên khoẻ mạnh, cường tráng nhưng tính tình kiêu căng, xốc nổi.

3. Dế Mèn có thái độ như thế nào đối với Dế Choắt?

A. Thông cảm, thương xót.

B. Căm ghét, khinh bỉ.

C. Hoà nhã, thân thiết.

D. Coi thường, khinh bỉ, không thèm quan tâm giúp đỡ.

4. Dòng nào nêu đúng diễn biến tâm lí và thái độ của Dế Mèn trong việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt?

A. Hể hả - sợ hãi - huênh hoang - xót thương - ân hận - ăn năn.

B. Huênh hoang - sợ hãi - hể hả - ân hận xót thương - ăn năn.

C. Sợ hãi - huênh hoang - ân hận - hể hả - xót thương- ăn năn.

D. Huênh hoang - hể hả - sợ hãi - xót thương - ân hận - ăn năn

5. Theo em bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn có được là gì?

A. Không nên kiêu căng, tự phụ.

B. Hành động phải suy nghĩ chín chắn.

C. Sống phải biết quan tâm, giúp đỡ người khác.

D. Cả ba ý trên đều đúng.

II. TỰ LUẬN

1. Hãy tóm tắt các sự việc chính trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*. Theo em, sự việc nào đã trực tiếp dẫn đến bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn?

2. Phân tích diễn biến tâm lí và thái độ của Dế Mèn trong việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt. Từ đấy em hãy nhận xét về tính cách của Dế Mèn.

3. Hãy tưởng tượng và viết một đoạn văn tả lại cảnh Dế Mèn đem xác Dế Choắt chôn vào một vùng cỏ bùm tum và suy nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.

SÔNG NƯỚC CÀ MAU

ĐOÀN GIỎI

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

Đoàn Giỏi tên thật là Đoàn Văn Giỏi (1925-1989), quê ở tỉnh Tiền Giang.

- Đoàn Giỏi viết văn từ thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1941-1954).

- Tác phẩm của ông thường viết về cuộc sống, thiên nhiên và con người ở Nam Bộ.

- Một số tác phẩm của ông: *Giữ vững niềm tin* (thơ, 1954); *Ngọn tầm vông* (truyện kí, 1956); *Đất rừng phương Nam* (truyện, 1957); *Tê giác giữa rừng xanh* (biên khảo, 1982).

II. TÁC PHẨM

1. Xuất xứ của văn bản

- Văn bản được trích từ chương XVIII trong truyện *Đất rừng phương Nam* của nhà văn Đoàn Giỏi.

- *Đất rừng phương Nam* là một truyện dài kể về quãng đời lưu lạc của cậu bé An tại vùng rừng U Minh – miền Tây Nam Bộ. Qua câu chuyện về quãng đời lưu lạc của cậu bé An, tác giả đưa người đọc đến cảnh thiên nhiên hoang sơ mà phong phú, độc đáo với con người và hình ảnh cuộc kháng chiến ở vùng cực Nam Tổ quốc.

- Tác phẩm đem đến cho người đọc những hiểu biết phong phú và lòng yêu mến thiên nhiên, con người nơi đây.

- Tác phẩm đã được dựng thành phim. Đó là bộ phim *Đất phương Nam*

2. Nội dung cơ bản

a. Nội dung khái quát

Với vốn hiểu biết phong phú và nghệ thuật miêu tả đặc sắc theo trình tự từ xa đến gần, từ khái quát đến cụ thể tác giả đã cho ta thấy quang cảnh của vùng sông nước Cà Mau. Đó là nơi có khung cảnh thiên nhiên mang vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ,

hoang dã và đầy sức sống với những kênh rạch chằng chịt, dòng sông Năm Căn rộng lớn và rừng đước bạt ngàn. Đó còn là nơi có cuộc sống tấp nập, trù phú, độc đáo và đa dạng được thể hiện rõ qua hình ảnh chợ Năm Căn.

b. Các khía cạnh chính

b1- Cảnh quan thiên nhiên vùng Cà Mau:

- Ấn tượng nổi bật về vùng sông nước Cà Mau: đó là một vùng không gian rộng lớn, mênh mông với sông ngòi, kênh rạch bủa giăng chi chít như mạng nhện. Ở đó tràn ngập màu xanh của sự sống: màu xanh của trời, của nước và của cây lá. Màu xanh bao trùm dễ gợi ra một cảm giác về sự triền miên, đơn điệu. Đặc biệt là khi nghe tiếng rì rào bất tận của rừng cây, của sóng và gió.

- Kênh rạch vùng Cà Mau: qua cách giới thiệu của tác giả về tên đất, tên sông, tên các kênh rạch chúng ta thấy đây là một vùng đất phong phú, rất tự nhiên và hoang dã. Người dân đặt tên cho các vùng đất, con sông *không phải bằng những danh từ mĩ lệ mà cứ theo đặc điểm riêng biệt của nó mà gọi thành tên*. Rạch Mái Giầm, kênh Bọ Mắt, kênh Ba Khía, xã Năm Căn hay Cà Mau đều là những cái tên rất giản dị gắn liền với một đặc điểm nổi bật nào đó.

b2- Dòng sông Năm Căn rộng lớn và rừng đước bạt ngàn:

- Sự rộng lớn và hùng vĩ của dòng sông Năm Căn được thể hiện qua chi tiết: Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác cá nước bơi hàng đàn đen trũi con sông rộng hơn ngàn thước.

- Rừng đước bạt ngàn *dựng lên cao ngất* với các bậc màu xanh: xanh lá mạ, xanh rêu, xanh chai lọ. Các sắc độ khác nhau của màu xanh gợi ra các lớp cây đước từ non đến già mọc nối tiếp nhau.

b3- Hình ảnh chợ Năm Căn tấp nập, trù phú, độc đáo.

- Sự trù phú, đa dạng của chợ Năm Căn: Chợ có cái bề thế của một trấn *anh chị rừng xanh* đứng kiêu hãnh, phô phang sự trù phú của nó trên vùng đất cuối cùng của tổ quốc với những túp lều lá thô sơ, những ngôi nhà gạch văn minh hai tầng, những thuyền đáy, thuyền chài, thuyền lưới, thuyền buồm dập dềnh trên sông. Hoạt động của chợ thật ồn ào, tấp nập, *bến vận hà nhộn nhịp dọc dài theo sông*. Hàng hoá thật phong phú. Người ta mua từ cây kim, cuộn chỉ, những vật dụng cần thiết đến những món nữ trang đắt giá, có thể gọi một món xào, món nấu Trung Quốc hoặc một đĩa thịt rừng nướng ướp kiểu địa phương kèm theo vài cút rượu

- Sự độc đáo của chợ Năm Căn:

+ Chợ họp trên sông, những con thuyền bán hàng len lỏi mọi nơi và người ta có thể mua mọi thứ mà không bước ra khỏi thuyền.

+ Đây là nơi hội tụ nhiều người thuộc nhiều dân tộc khác nhau với những trang phục, tiếng nói rất đa dạng.

+ Cảnh chợ Năm Căn là hình ảnh của cuộc sống vùng sông nước Cà Mau đông vui, tấp nập, đa dạng và độc đáo.

3. Đặc sắc nghệ thuật

a- Tác giả đã quan sát rất tỉ mỉ, sử dụng nhiều giác quan, thị giác, thính giác, vị giác để miêu tả thiên nhiên và cuộc sống ở vùng đất tận cùng phía nam của Tổ quốc.

b- Tác giả vừa tả bao quát, vừa tả cụ thể, chi tiết và sinh động.

c- Tả kết hợp với kể, giới thiệu một cách tỉ mỉ.

d- Ngôn ngữ mang màu sắc Nam Bộ, có nhiều từ ngữ gợi cảm, tinh tế làm hiện lên những nét đặc trưng độc đáo của cảnh quan thiên nhiên cũng như cuộc sống nơi đây.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Đọc văn ông, tình yêu đất nước của chúng ta, một lần nữa giàu có thêm, vì trong văn ông, tình yêu đất nước bắt nguồn và liên hệ bền chặt với sự độc đáo của nền văn hoá lâu đời của dân tộc.

(Ma Văn Kháng, *Lời tưởng niệm*, Báo *Văn nghệ* 3/4/1999)

* Nhưng ca ngợi vẻ đẹp kinh dị của thiên nhiên Nam Bộ thì ông Giỏi "thì treo giải nhất chi nhường cho ai". Dưới ngòi bút ông mọi chuyện đều trở nên lạ lùng. Bởi ông là thi sĩ chân chính của đất rừng phương Nam

(Trần Đình Nam, *Thi sĩ của đất rừng phương Nam*, NXB Kim Đồng)

* Cái chất thơ mà Đoàn Giỏi gửi vào từng trang bút kí, vốn bắt nguồn từ tình yêu đối với mảnh đất và con người Nam Bộ và được thể hiện trong từng chi tiết miêu tả, trong ngôn ngữ và tính cách nhân vật. Cái chất liệu miền Nam ấy đã đem đến nền văn học của chúng ta trong những năm 50, 60 này một sự khởi sắc đầy ấn tượng, mới mẻ, hấp dẫn, một thứ bổ sung cho cách nhìn về con người và thiên nhiên vùng đất phương Nam.

(Nguyễn Bao, *Đất rừng phương Nam*, NXB Kim Đồng)

* Có những quyển sách ta không thể nào đọc hết, có những quyển sách ta chỉ có thể đọc một lần. Nhưng có những quyển sách đọc rồi ta thích đọc lại. Và đọc lại vẫn thấy thú. Đất rừng phương Nam là loại sách này. Tôi đã đọc lại lần thứ ba. Khi đọc hết, khi từng đoạn. Đó có lẽ là cái lạ của quyển sách này.

Nhân vật chính của câu chuyện là một em bé lạc mẹ tên là An. An phải đi ở cho một bà bán quán, sau làm con nuôi một ông lão bán rắn. An theo gia đình bố nuôi đi khắp đất rừng phương Nam ở miền Tây Nam Bộ.

Đây là một dịp để tác giả cho ta thấy tất cả cái đẹp, cái lạ ở miền Nam Tổ quốc xa xôi này.

(Tế Hanh, Đọc lại *Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi*,
Văn nghệ, Số 453; 16/6/1972)

* *Đất rừng phương Nam* còn mở ra trước mắt các em cảnh mới mẻ, kì thú của thiên nhiên vùng sông Cửu Long, nào những cánh rừng trải ra tận cửa sông, những con kênh dài, những rừng tràm uy nghi, cây cối xanh tươi, những vật kì lạ như cá sấu, rùa, rắn đủ loại Và đủ loại cá, loại chim, kỳ đà, kỳ nhông. Nào những đàn ong mật rừng tràm, những đàn muỗi bay dày đặc táp xuống mặt. Cùng với phong cảnh kì thú của đất nước, là những sinh hoạt, phong tục đặc sắc của Nam Bộ: những buổi đi bắt rắn, lấy mật ong, săn cá sấu.

(Vân Thanh, *Đoàn Giỏi với Đất rừng phương Nam*,
Văn học - Bộ Giáo dục và Đào tạo giáo viên)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời

1. Đoạn trích** Sông nước Cà Mau **miêu tả cảnh gì?

A. Cảnh dòng sông Năm Căn.
C. Cảnh rừng đước Cà Mau.
B. Cảnh chợ Năm Căn.
D. Cảnh sông nước Cà Mau.

2. Cảnh sông nước Cà Mau được miêu tả theo trình tự nào?

A. Từ khái quát đến cụ thể, chi tiết.

B. Từ gần ra xa.

C. Từ bộ phận đến toàn thể

D. Từ dưới lên.

3. Tên đất, tên sông vùng Cà Mau được gọi như thế nào?

A. Gọi theo những danh từ mĩ lệ.

B. Gọi theo thói quen trong đời sống.

C. Gọi theo địa danh lịch sử.

D. Gọi theo đặc điểm riêng biệt của mỗi vùng.

4. Biện pháp tu từ nào được tác giả sử dụng nhiều nhất trong văn bản này?

A. Biện pháp nhân hoá.

B. Biện pháp so sánh.

C. Biện pháp ẩn dụ.

D. Biện pháp điệp từ

5. Dòng nào nêu nhận xét đúng về sông nước Cà Mau?

A. Đó là vùng đất hùng vĩ, nên thơ.

B. Đó là vùng đất rộng lớn, hoang dã.

C. Đó là vùng đất trù phú, độc đáo, tấp nập.

D. Cả A, B, C, đều đúng.

II. TỰ LUẬN

1. Em hãy tìm và chỉ ra những câu văn có sử dụng những biện pháp tu từ so sánh trong văn bản này. Những câu văn đó có tác dụng như thế nào trong việc tái hiện vùng sông nước Cà Mau?

2. Tại sao nói chợ Năm Căn vừa trù phú, vừa độc đáo lại rất đa dạng?

3. Em hãy viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về Cà Mau- vùng đất cực Nam của Tổ quốc- trong đó có sử dụng biện pháp so sánh.

BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

TẠ DUY ANH

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

Tạ Duy Anh tên thật là Tạ Viết Đãng, sinh năm 1959, quê ở huyện Chương Mĩ, tỉnh Hà Tây.

- Một số bút danh khác: Lão Tạ, Chu Quý, Bình Tâm.

- Tạ Duy Anh là một cây bút trẻ, xuất hiện trong thời kì đổi mới.

- Ông là hội viên Hội Nhà văn. Hiện nay ông đang công tác tại nhà xuất bản Hội Nhà văn.

- Một số tác phẩm của ông: *Bước qua lời nguyền* (tập truyện, 1990).

Lão Khổ (tiểu thuyết, 1992).

Hiệp sĩ áo cỏ (truyện vừa cho thiếu nhi, 1993).

Quả trứng vàng (tập truyện thiếu nhi, 1993)

II.TÁC PHẨM

1. Thể loại và xuất xứ

- Thể loại: truyện ngắn.

- Xuất xứ: Tác phẩm *Bức tranh của em gái tôi* rút trong tập *Con Dế ma*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội, 1999.

- Tác phẩm được giải nhì trong cuộc thi sáng tác *Tương lai vẫy gọi* do báo Thiếu niên tiền phong tổ chức năm 1998.

2. Nội dung cơ bản

a. Nội dung khái quát

Qua câu chuyện về người anh và cô em gái có tài năng hội hoạ, tác giả đã cho ta thấy chính sự trong sáng, hồn nhiên và tấm lòng nhân hậu của cô em gái đã giúp người anh nhận ra lỗi lầm, tự vượt lên hạn chế của lòng mặc cảm, tự ti.

b. Các khía cạnh chính

b1- Nhân vật người anh:

Người anh là nhân vật trung tâm của truyện *Bức tranh của em gái tôi*. Câu

chuyện thể hiện diễn biến tâm trạng của nhân vật này trước tài năng và thành công của cô em gái. Ta có thể thấy diễn biến tâm trạng của người anh qua các thời điểm sau:

- Từ trước cho đến lúc thấy em gái tự chế màu vẽ: Người anh tỏ ra coi thường em, gọi em là *Mèo*, khó chịu với sở thích *lục lọi đồ vật* của Mèo. Khi phát hiện thấy người em tự chế màu vẽ, người anh hơi ngạc nhiên, vẫn cho rằng đó là trò nghịch ngợm của trẻ con, không để ý đến.

- Khi tài năng hội hoạ của em gái được phát hiện: Mọi người vô cùng ngạc nhiên, mừng rỡ và xúc động: *mặt chú Tiến Lê rạng rỡ lắm*, bố thì *ngây người ra như không tin vào mắt mình*, mẹ *cũng không kìm được xúc động*. Riêng người anh lại cảm thấy buồn vì mình thua kém em, *cảm thấy mình bất tài*, *chẳng tìm thấy ở tôi một năng khiếu gì*, vì thấy mình bị mọi người bỏ quên, *bị đẩy ra ngoài* mặc dù *mọi chuyện vẫn như cũ*. Vì thế mà người anh *chỉ muốn gục xuống khóc* trong những lúc ngồi bên bàn học; cảm thấy *không thể thân với Mèo* và chỉ cần Mèo mắc một lỗi nhỏ là anh có thể gắt um lên. Nếu như trước kia người anh thấy cái mặt *lem nhem* của mèo xịu xuống, dãn ra trông rất ngộ nghĩnh thì bây giờ người anh lại cảm thấy như mèo đang chọc tức mình. Tuy nhiên cậu vẫn không thể không quan tâm đến những bức tranh của em gái. Cậu đã *xem lén* và thầm cảm phục trước tài năng của em gái mình. Nhưng cậu vẫn không tỏ rõ sự cảm phục ấy mà chỉ *lén trút ra một tiếng thở dài*.

Người anh đã không thể chịu đựng được tài năng của em, cảm thấy mình thua kém em nên gây ra mặc cảm, tự ti, buồn nản, ghen tị với em. Chính sự ghen tị đã làm cho người anh tỏ ra hèn kém, nhỏ bé đi. Chính sự ghen tị đã chia rẽ tình cảm giữa hai anh em.

- Khi đứng trước bức tranh đạt giải nhất trong phòng trưng bày: Người anh *giật sững người*, không tin vào mắt mình vì đó là bức tranh *Anh trai tôi*, bức tranh mà cô em gái Kiều Phương đã vẽ cậu. Thoạt tiên là sự *ngỡ ngàng*, *ngỡ ngàng* vì cậu không thể ngờ được em gái lại coi mình là người thân thuộc nhất, lại chọn mình để vẽ, *ngỡ ngàng* trước tài năng của cô em gái mà bấy lâu nay cậu vẫn cố tình phủ nhận. Tuy nhiên cậu cũng cảm thấy vô cùng *hãnh diện* vì cậu là nhân vật trong bức tranh đạt giải nhất, được bao người chiêm ngưỡng; vì thấy trong tranh mình rất đẹp, vừa trong sáng, vừa mơ mộng; cậu còn *hãnh diện* vì mình là anh trai của cô em gái tài năng. Nhưng từ ngạc nhiên, hãnh diện cậu cảm thấy *xấu hổ* vì đã coi thường em, đã xa lánh em, ghen tị với em. Cậu cảm thấy mình thật ích kỉ, thật nhỏ nhen, thật hèn kém. Đứng trước bức tranh của em người anh tự thấy mình nhỏ bé và tầm thường. Cảm giác *muốn khóc* và lời nói thầm *không phải con đâu, đấy là lòng nhân hậu của em con đấy* cho thấy người anh đã nhận thức được những yếu kém của mình,

thấy mình không xứng đáng với bức tranh em gái vẽ. Người anh đã nhận ra tình cảm trong sáng và nhân hậu của em. Đó là sự hối hận chân thành.

b2- Nhân vật Kiều Phương:

- Kiều Phương là một cô bé có tính tình hồn nhiên, trong sáng, độ lượng và nhân hậu. Kiều Phương có những nét rất ngộ nghĩnh, mặt mũi lúc nào cũng lem nhem, bị anh quát thì mặt xịu xuống, miệng dẩu ra hoặc *vênh mặt lên* cãi. Bị anh đặt cho biệt danh là *Mèo* cô bé vẫn vui vẻ chấp nhận. Kiều Phương còn là một cô bé hiếu động, hay *lục lọi đồ vật*, thích *tự chế màu vẽ*, ham mê vẽ tranh.

- Kiều Phương là một cô bé có tài năng. Kiều Phương vẽ đẹp và có hồn. Mọi sự vật được đưa vào tranh của em đều trở nên *ngộ nghĩnh*. Các bức tranh của Kiều Phương cũng thể hiện được tình cảm vô cùng trong sáng của em. Kiều Phương có tài nhưng không hề tự cao, tự đại. Cô bé vẫn hồn nhiên, ngây thơ, vẫn bị anh mắng nhưng vẫn yêu quí anh.

- Bức tranh *Anh trai tôi* của Kiều Phương chính là tình cảm tốt đẹp của em dành cho anh. Bức tranh không chỉ được vẽ nên bởi tài năng của Kiều Phương mà còn được vẽ nên bằng cái nhìn trong sáng, tình cảm yêu mến và tấm lòng nhân hậu mà cô bé dành cho anh trai mình. Vì thế, bức tranh hay chính là tâm hồn trong sáng của em đã giúp người anh tự nhìn rõ hơn về mình, vượt lên được mặc cảm tự ái và tự ti.

b3- Ý nghĩa tư tưởng của truyện và bài học rút ra:

- Qua câu chuyện tác giả đã cho ta thấy tình cảm trong sáng, chân thành và lòng nhân hậu, độ lượng có thể giúp con người nhận rõ được những sai lầm của mình, tự vượt lên bản thân mình.

- Câu chuyện về *Bức tranh em gái của tôi* cũng cho thấy sức mạnh của nghệ thuật. Nghệ thuật hướng tới cái đẹp và giúp con người hoàn thiện mình hơn.

- Bài học mà chúng ta có thể rút ra từ truyện này đó là trước tài năng và thành công của người khác chúng ta không nên ghen tị, mặc cảm, tự ti mà nên trân trọng, chia sẻ niềm vui thực sự chân thành.

3. Đặc sắc nghệ thuật

a- Câu chuyện được kể ở ngôi thứ nhất khiến cho lời kể rất hồn nhiên, chân thực, dễ dàng bộc lộ được diễn biến tâm lí của nhân vật.

b- Tác giả Tạ Duy Anh đã thể hiện một cách tinh tế những sự thay đổi trong tâm trạng của nhân vật.

c- Cách tạo tình huống bất ngờ ở cuối truyện cũng góp phần thể hiện sâu sắc chủ đề, tư tưởng tác phẩm.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* (...) Ai cũng dễ dàng nhận ra câu chuyện trong *Bức tranh của em gái tôi* do người anh kể lại và ở thời quá khứ. Diễn biến và kết cục câu chuyện chỉ có độc giả chưa biết thôi, còn người kể lại đương nhiên là đã trải qua. Âm hưởng của câu chuyện là một lời *tự thú*. Người anh *tự thú* với độc giả về *lỗi lầm* của mình (cũng có thể nói như vậy) đối với đứa em gái mà mình từng coi thường và qua đó nhận ra sự kém cỏi của mình không chỉ về mặt tài năng (đồng thời gắn với nó là tinh thần hối lỗi). Phê phán sự coi thường người khác không phải là chủ đề chính của truyện ngắn này. Bởi vì những gì mô tả ở đầu tác phẩm không nhằm tới sự phê phán ấy, tức là nó chưa đáng phải xem xét dưới góc độ nhân cách. Thứ nhất Kiều Phương là em, lại là con gái chỉ thường làm những chuyện gây bực mình - dưới cái nhìn của một ông anh trai trong khi vì tự phụ người anh lại không cần tìm hiểu em gái mình làm gì. Như vậy không thể nói người anh không coi thường em gái mình. Nhưng sự coi thường này, nếu tách riêng ra, cũng khá là bình thường, hoàn toàn có thể chấp nhận được. Nó chỉ không bình thường (khiến người ta phải lật lại xem xét) khi người anh, do các yếu tố bên ngoài, biết rằng em gái mình không như mình nghĩ, mà là một tài năng, lại tài năng trong lĩnh vực đáng lẽ thuộc về mình. Từ đây bắt đầu ở người anh một quá trình diễn biến tâm lí vô cùng phức tạp và tính đố kị như con rắn vẫn ẩn nấp rất sâu nay được dịp ngóc đầu dậy. Từ đây trở đi, cái vốn chỉ tiềm ẩn (mà trong chúng ta ai cũng có vì chúng ta là con người) hiện hình chi phối một cách có dụng ý mọi suy nghĩ, hành động, lời nói của người anh. Từ chỗ kẻ cả có phần ngộ nghĩnh (đặt biệt danh *Mèo* cho em; quát nạt em khi nó nghịch ngợm theo cách nhìn của mình) đến chỗ ghen tị với em, ghét em ra mặt mặc dù cô em chẳng đáng ghét hơn (thấy nó có tài, được mọi người chiều chuộng, thu hút mọi sự chú ý, quan tâm). *Tôi luôn luôn cảm thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài; Những lúc ngồi bên bàn học tôi chỉ muốn gục xuống khóc; Không hiểu sao tôi không thể thân với Mèo như trước kia được nữa, chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên; Gấp lại những bức tranh của Mèo, tôi lén trút ra một tiếng thở dài v.v...* Tính ghen tị phát triển dần khi cô em gái càng ở gần một sự khẳng định nó có tài thật và lên đến đỉnh điểm khi nó nổi tiếng. Đáng lẽ khi biết em gái được đi dự trại vẽ tranh quốc tế người anh phải mừng thì lại *khó chịu*? Khi em từ trại vẽ trở về với thành tích đoạt giải nhất muốn anh trai chia sẻ thì bị anh *viện cớ đang dở việc đẩy nhẹ nó ra*. Đây là một biểu hiện công khai của sự đố kị. Nếu không bị kìm lại, chỉ thêm một bước nữa là đến tội lỗi. Bức tranh của em gái tôi đã chọn lòng nhân hậu, tính bao dung, đức độ lượng để đáp lại thói nhỏ nhen tầm thường - một căn bệnh vô cùng dễ mắc ở tuổi trẻ. Và *cảm giác xấu hổ* của người anh đã thừa nhận cái gì thực sự cao cả ở đời.

(Tạ Duy Anh, *Tôi chỉ là độc giả của chính tôi*,
Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ, Số 10 (100), tháng 10 - 2004)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. Nhân vật chính trong truyện** Bức tranh của em gái tôi **là ai?

A. Kiều Phương. B. Người anh. C. Cả hai anh em.

2. Truyện được kể theo lời nhân vật nào?Ngôi thứ mấy?

A. Lời người em, ngôi thứ hai.

B. Lời tác giả, ngôi thứ ba.

C. Lời người anh, ngôi thứ nhất.

D. Lời người dẫn chuyện, ngôi thứ ba.

3. Dòng nào nêu đúng nhất diễn biến tâm trạng của người anh khi đứng trước bức tranh mà em gái vẽ mình?

A. Xấu hổ - ngạc nhiên - hãnh diện.

B. Hãnh diện - ngạc nhiên - xấu hổ.

C. Ngạc nhiên - xấu hổ hãnh diện.

D. Ngạc nhiên hãnh diện - xấu hổ.

4. Vì sao khi tài năng của em được phát hiện, người anh lại thấy không thể thân với em như trước được nữa?

A. Vì cô em gái trở nên kiêu căng, tự phụ.

B. Vì cô em gái chỉ chú ý vào những bức tranh mà không thèm để ý đến anh.

C. Vì người anh cảm thấy thất vọng về mình và cảm thấy mình bị lãng quên.

D. Vì người anh tự ái, mặc cảm, tự ti, ghen tị với em khi thấy em hơn mình.

5. Theo em điều gì đã giúp người anh nhận ra sai lầm của mình?

A. Câu hỏi của người mẹ.

B. Người anh tự tìm hiểu và tự nhìn nhận lại bản thân.

C. Tâm hồn trong sáng và tấm lòng nhân hậu của cô em gái Kiều Phương.

D. Bức tranh *Anh trai tôi* của Kiều Phương.

II. TỰ LUẬN

1.Em hãy giải thích rõ diễn biến tâm trạng của người anh khi đứng trước bức tranh em gái vẽ: *Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, sau đó là hãnh diện rồi xấu hổ.*

2. Theo em tài năng hay tấm lòng của người em đã cảm hoá được người anh?

3. Sau khi đọc truyện *Bức tranh của em gái tôi* em rút ra được bài học gì cho bản thân?

VƯỢT THÁC

VÕ QUẢNG

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

- Võ Quảng sinh năm 1920, quê ở tỉnh Quảng Nam, là nhà văn chuyên viết cho thiếu nhi.

- Ông đã từng phụ trách Nhà xuất bản Kim Đồng và xưởng phim Hoạt hình.

- Năm 1971, Võ Quảng về công tác tại Hội Nhà văn Việt Nam, phụ trách văn học thiếu nhi.

- Một số tác phẩm chính: *Gà mái hoa mơ* (thơ, 1957); *Thấy cái hoa nở* (thơ, 1962); *Nắng sớm* (thơ, 1965); *Anh đom đóm* (thơ, 1970); *Quê nội* (truyện, 1973); *Tảng sáng* (truyện, 1978).

II. TÁC PHẨM- ĐOẠN TRÍCH

1.Xuất xứ

Đoạn trích *Vượt thác* trích từ chương XI của truyện *Quê nội*. Truyện viết về cuộc sống ở một làng quê ven sông Thu Bồn (làng Hoà Phước), tỉnh Quảng Nam, miền Trung Trung Bộ vào những ngày sau Cách mạng tháng Tám 1945 và những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Đoạn trích *Vượt thác* tả chuyến đi ngược dòng sông Thu Bồn của con thuyền do dượng Hương Thư chỉ huy, từ làng Hoà Phước lên thượng nguồn để lấy gỗ về dựng trường học cho làng sau ngày Cách mạng tháng Tám 1945 thành công.

2. Nội dung cơ bản

a. Nội dung khái quát

Bài văn miêu tả hành trình ngược dòng sông Thu Bồn của con thuyền do dượng Hương Thư chỉ huy qua những vùng khác nhau: từ vùng đồng bằng trù phú vượt qua những thác ghềnh ở vùng núi để tới thượng nguồn. Qua đó ta thấy được vẻ đẹp

khoẻ mạnh, hùng dũng của con người nổi bật lên trên khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội và hiểm trở.

b. Các khía cạnh chính

b1- Cảnh dòng sông và hai bên bờ

Bài văn miêu tả cuộc vượt thác của con thuyền theo trình tự thời gian và không gian như sau:

Con thuyền qua đoạn sông phẳng lặng trước khi đến chân thác.

Con thuyền vượt qua đoạn sông có nhiều thác dữ

Con thuyền ở đoạn sông đã qua thác dữ.

Theo từng chặng đường của con thuyền, cảnh dòng sông và hai bên bờ cũng có sự thay đổi:

- Đoạn sông ở vùng đồng bằng: Dòng sông êm đềm, hiền hoà, thơ mộng, thuyền bè tấp nập. Hình ảnh con thuyền của dượng Hương vừa nhổ sào đã *lướt bon bon*, hình ảnh những thuyền *chất đầy cau tươi, dây mây, dầu rái, những thuyền chở mít, chở quế. Thuyền nào cũng xuôi chầm chậm* đã gợi ra vẻ yên bình, phẳng lặng của dòng sông. Quang cảnh hai bên bờ rộng rãi và trù phú, tràn đầy sức sống với *những bãi dâu trải ra bạt ngàn đến tận những làng xa tít.*

- Đoạn sông sắp có nhiều thác dữ: Cảnh sắc thay đổi như muốn báo hiệu cho người chèo thuyền vượt thác biết để chuẩn bị tinh thần. Hình ảnh dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. Núi cao như đột ngột hiện ra chặn ngang trước mặt đã thể hiện điều đó.

- Đoạn sông có nhiều thác dữ: Tác giả chỉ tập trung miêu tả một hình ảnh thiên nhiên đó là hình ảnh dòng nước: Nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn. Tuy nhiên chỉ với một hình ảnh này tác giả cũng đã cho ta thấy được sự hiểm trở và dữ dội của đoạn sông. Mặt khác qua những động tác chống thuyền, chèo thuyền của những người vượt thác và hình ảnh chiếc sào bị cong lại, nước bị cản văng bọt tứ tung, thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống người đọc cũng có thể hình dung ra cảnh tượng dữ dội ấy.

- Đoạn sông đã qua thác dữ: Dòng sông cứ chảy quanh co dọc những núi cao sừng sững nhưng đã bớt hiểm trở và qua nhiều lớp núi, một vùng ruộng đồng bằng phẳng mở ra như chào đón những người đã vượt qua thác dữ một cách dũng cảm.

-Dòng sông Thu Bồn thuộc tỉnh Quảng Nam, miền Trung Trung Bộ cũng như nhiều dòng sông khác ở miền Trung nước ta thường có đặc điểm là không dài lắm, độ dốc lớn, có nhiều thác và dòng chảy thay đổi rõ rệt qua mỗi vùng. Ở bài văn này, theo hành trình của con thuyền vượt thác ngược dòng sông Thu Bồn ta có thể

thấy được cảnh quan thiên nhiên ở đây rất đa dạng: vừa êm đềm, thơ mộng và trù phú lại vừa hiểm trở, dữ dội và vô cùng khắc nghiệt.

b2- Hình ảnh nhân vật dượng Hương Thư trong cuộc vượt thác

- Dượng Hương Thư cùng với chú Hai và Cù Lao là những người chèo con thuyền vượt qua thác dữ. Dượng Hương Thư với vai trò là người chỉ huy con thuyền đã được tác giả tập trung miêu tả qua ngoại hình, động tác và qua những hình ảnh so sánh.

+ Ngoại hình: Dượng Hương Thư đánh trần, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nẩy lửa.

+ Động tác: đứng sau lái, co người phóng chiếc sào xuống lòng sông, ghì chặt trên đầu sào, lấy thế trụ lại, thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt.

+ Những hình ảnh so sánh: *dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc* cho thấy vẻ đẹp của ngoại hình vạm vỡ, gân guốc, khoẻ mạnh vững chãi. Tác giả còn thấy dượng Hượng *như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh, hùng vĩ* mang vẻ đẹp hào hùng, mạnh mẽ, đáng trân trọng và ngưỡng mộ. Nhìn hình ảnh của dượng Hương Thư ta có cảm giác như được gặp lại hình ảnh của những người anh hùng trong huyền thoại xưa. Đó là tư thế đầy dũng mãnh của con người làm chủ thiên nhiên. Việc so sánh dượng Hương Thư lúc vượt thác khác hẳn dượng Hương Thư lúc ở nhà đã thể hiện rõ tính cách của người lao động. Trong cuộc sống hàng ngày họ rất hiền lành và nhu mì nhưng trước khó khăn và thử thách họ lại trở nên mạnh mẽ, dũng cảm và kiên cường. Đó chính là sức sống tiềm tàng vô cùng mãnh liệt của những người lao động.

- Dượng Hương Thư trong cuộc vượt thác được tập trung khắc hoạ là một người chỉ huy dày dạn kinh nghiệm, vô cùng quả cảm, nhanh nhẹn, mạnh mẽ, dứt khoát và rất bình tĩnh. Đó là vẻ đẹp và sức mạnh của những người lao động, những người làm chủ thiên nhiên dù thiên nhiên ấy rộng lớn và hùng vĩ.

3. Nghệ thuật

- Nghệ thuật tả cảnh, tả người qua các hình ảnh so sánh và nhân hoá:

+ Các hình ảnh so sánh: Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt. Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. Dượng Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dượng Hương Thư khi ở nhà.

+ Các hình ảnh nhân hoá: Con thuyền hiện lên như một con người: *Đang nhớ núi rừng phải lướt nhanh để về cho kịp*, rồi *vùng vằng cứ chực trụt xuống, cố lấn lên*. Hình ảnh những chòm cổ thụ: trước khi vượt thác thì *dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước* như muốn báo trước đoạn thác dữ cho mọi người chuẩn

bị tinh thần và dường như nó cũng tỏ ra lo lắng cho con người. Sau khi vượt thác, những cây cổ thụ như động viên khích lệ *vung tay vô đám con cháu tiến về phía trước* cũng thể hiện niềm hân hoan, phấn khởi.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

I. LỜI TÁC GIẢ

* Tôi thường chọn viết cho các em những gì tôi yêu thương, quen biết. Tôi hay viết về sự việc ở chốn quê, nơi tôi từng yêu thương từ nhỏ cho đến lớn. Tôi viết về cuộc đời sau Cách mạng tháng Tám. Cách mạng tháng Tám đã trả lại tự do cho tôi, cho bà con tôi. Mong sao những chữ tôi viết, đó không phải là những chữ, mà đó là những rung động của tâm hồn tôi. Viết cho thiếu nhi đó là niềm vui, là lẽ sống của tôi trong những năm qua.

(Võ Quảng)

II. LỜI BÌNH TÁC PHẨM

* Tôi yêu, qua *Quê nội* thấy được một vùng quê tươi đẹp lạ lùng, có con sông xanh chảy qua, hai bên bờ san sát những làng mạc và đồng bãi phì nhiêu, những người lao động thật đáng quý mến và cả đất nước ngày ấy đang vùng lên trong những ngày đầu của Cách mạng tháng Tám. Những hình ảnh ấy đọng lại trong người đọc. Đất nước quê hương thương mến. Hai bên bờ sông Thu Bồn đã được chứng kiến những ngày Cách mạng tháng Tám rực rỡ.

(Tô Hoài, Tuyển tập Võ Quảng, tập II,
NXB Văn học, 11-1998).

- Xã Hoà Phước của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, một nơi tôi chưa hề tới, hiện ra trong tôi thành một nỗi nhớ. Tôi như gặp lại nói như người xưa – một quê hương tiền kiếp.

Bộ sách ấy, *Quê nội* và *Tảng sáng*, dựng lại cảnh sắc sinh hoạt một vùng quê có tên là Hoà Phước, cũng chính là quê hương tác giả.

Một vùng quê, theo đường bộ hoặc sông nước, ghe thuyền mà gắn nhiều với vùng quê khác, xuôi theo biển ra Cửa Đại mà đến Cù Lao Chàm ngược lên thượng nguồn mà đến với vài vùng bán sơn địa. Có một đường viền xa, thấp thoáng nơi chân trời – một vầng ánh sáng đỏ, đó là Đà Nẵng, có ô tô, nhà lầu, có ngựa xe rộn rịp, trong ước mơ và khao khát của Cục và Cù Lao, hai nhân vật chính của truyện. Hoà Phước trong *Quê nội* được hiểu như là quê hương của tác giả. Thế nhưng, đối với Võ Quảng riêng mà vẫn là chung Những trang viết của Võ Quảng chan chứa một tình yêu quê và cũng chan chứa một tình yêu Tổ quốc.

Hai nhân vật đi suốt *Quê nội, Tảng sáng*, tham gia vào tất cả các sự cố gắng, gắn nối tất cả các mảng khối hành động đó là hai cậu bé có tên Cục và Cù Lao. Cả hai dường như có hao hao hình bóng tác giả. Là người của Hoà Phước, nhưng Cục và Cù Lao vẫn có sự sống riêng của bản thân với sức chứa và sức toả của nhân vật điển hình. Trong hình ảnh của Cục và Cù Lao có sự hiện diện, sự hoá thân, sự trở lại của tất cả tuổi thơ chúng ta, mỗi người có một khuôn mặt riêng không giống nhau; nhưng ai lại chẳng có ít nhiều cái ngộ nghĩnh ấy, cái tinh nghịch ấy, cái ham say chơi đùa ấy, cái khôn ranh hoặc vụng dại ấy. Ai trong chúng ta lại chẳng có một tuổi thơ tuy thiếu nghèo hoặc no đủ về vật chất và tinh thần khác nhau nhưng đều có cùng một khao khát muốn làm việc tốt, muốn được khẳng định về nhân cách, muốn vươn lên những việc quá sức mình, muốn nhanh chóng thành người lớn, muốn được giao những việc quan trọng.

Bây giờ có thêm một Hoà Phước, như một tên chung gợi bao tò mò và ngưỡng vọng cho lớp lớp các thế hệ trẻ, về một miền quê, quê của tuổi thơ, quê của cách mạng, nằm ven sông Thu Bồn, xứ Quảng, trên một dải đất hẹp miền Nam Trung Bộ.

Những trang Võ Quảng, cả văn và thơ đều chan chứa một tình yêu thiên nhiên với cây cỏ, hoa trái, chim muông nơi cảnh sống quanh ta; cũng là chan chứa một tình yêu quê, nơi những người thân yêu cùng sống, nơi chứa đầy những kỉ niệm thời thơ ấu, nơi ghi nhận từng bước sự trưởng thành của đời người. Tâm hồn và tài năng Võ Quảng hướng trọn vẹn vào đấy và chuyển nó thành những trang viết rồi sẽ trở thành hành trang tinh thần cho lớp lớp thế hệ tuổi thơ.

(Phong Lê, *Võ Quảng cả một đời văn cho thiếu nhi*,
Văn nghệ, Số 9; 26/2/2005, *Về văn học Việt Nam hiện đại, nghĩ tiếp*,
NXB ĐHQGHN, 2005)

* Tác giả *Quê nội* có tạo ra được một hơi thở và một màu sắc riêng không giống bất kì một người nào khác. Đó là một lối diễn đạt giản dị và hồn nhiên, loáng thoáng có nụ cười kín đáo và tế nhị. Đọc *Quê nội* người ta tưởng nghe được tiếng rì rào của ngọn gió nồm trên ngàn dâu xanh, nghe được tiếng sột soạt chạm với đá chống thuyền vượt thác, ngửi được mùi mía đường và mùi tơ nhộng, thấy được các màu sắc âm thanh của một cái chợ miền Trung, nghe được tiếng mưa rơi trên đò xuôi chở khách.

(Vân Thanh – *Truyện của Võ Quảng*,
Tạp chí *Văn học*, Số 4-1975)

* Đọc truyện anh Võ Quảng viết cho các em, tôi có cảm tưởng như mình trẻ lại lùi về từ những ngày thơ ấu – với tất cả rung động, bồn chồn ở mọi niềm vui cũng như nỗi buồn của số phận từng nhân vật từ người lớn đến trẻ thơ.

(Đoàn Giỏi, *Tác phẩm và con người Võ Quảng, Bàn về văn học thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, 1983)

- Nghe chuyện Hoà Phước của Võ Quảng, cũng như nghe kể về quê hương của chính mình.

Những trang Võ Quảng chan chứa một tình yêu quê cũng như chan chứa một tình yêu Tổ quốc.

Rõ ràng cũng không gợi được một cảm xúc trữ tình nồng đậm nếu người viết không sống một tuổi thơ đằm thắm với quê hương. Nhưng nếu như chỉ có một tuổi thơ giàu có những kỷ niệm về quê hương thôi, vẫn chưa đủ. Điều quan trọng còn là phải có khả năng lưu giữ gần như nguyên vẹn, và khả năng rung động trước tất cả những gì còn dự trữ được nơi kí ức về quê hương.

Trong hình ảnh Cục và Cù Lao xem ra có sự hiện diện, sự hoá thân sống động trở lại của tất cả tuổi thơ chúng ta, mỗi người có thể có một khuôn mặt riêng, không giống nhau, nhưng ai lại chẳng có ít nhiều cái ngộ nghĩnh ấy, cái ham say chơi đùa ấy, cái khôn ranh hoặc vụng dại ấy Ai trong chúng ta chẳng có một tuổi thơ tuy thiếu nghèo hoặc no đủ về vật chất và tinh thần có khác nhau nhưng đều có một khao khát muốn làm việc tốt, muốn khẳng định về nhân cách, muốn vươn lên những việc quá sức mình, muốn nhanh chóng thành người lớn, muốn được giao những việc quan trọng. Ở Cục và Cù Lao, quả Võ Quảng đã phát hiện được cái gì nghiêm trang và hệ trọng và cũng thật là điển hình cho một thế hệ trẻ thơ, trong cái vẻ riêng, ngộ nghĩnh, không lặp lại của nó.

(Phong Lê, *Quê nội của Võ Quảng - bộ truyện về tuổi thơ, quê hương và Cách mạng*, Báo Thanh niên, Số 141)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. Văn bản** Vượt thác **miêu tả cuộc vượt thác của con thuyền theo trình tự nào?

A. Trình tự không gian.

B. Trình tự thời gian

C. Trình tự không gian và thời gian.

D. Không theo trình tự nào cả.

2. Văn bản Vượt thác tập trung làm nổi bật đối tượng nào?

A. Cảnh dòng sông Thu Bồn.

B. Hình ảnh dượng Hương Thư lúc vượt thác.

C. Hình ảnh chú Hai và Cù Lao.

D. Hình ảnh con thuyền vượt thác.

3. Câu văn Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. So sánh.　　　　C. Nhân hoá.

B. Đảo ngữ　　　　D. Ẩn dụ

4. Để làm nổi bật hình ảnh dượng Hương Thư tác giả đã sử dụng mấy hình ảnh so sánh?

A. Một.　　　　C. Ba.

B. Hai.　　　　D. Bốn.

5. Hãy khoanh tròn vào chữ cái Đ những nhận xét đúng và khoanh tròn vào chữ cái S những nhận xét sai về thiên nhiên và con người lao động được miêu tả trong bài?

Thiên nhiên đơn điệu, tẻ nhạt.	**Đ . S**
Thiên nhiên rộng lớn, hùng vĩ.	**Đ . S**
Thiên nhiên đa dạng, hiểm trở.	**Đ . S**
Con người hiền lành, nhu mì.	**Đ . S**
Con người nóng nảy, hung tợn.	**Đ . S**
Con người dũng cảm, mạnh mẽ.	**Đ . S**

II. TỰ LUẬN

1. Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của một trong những hình ảnh so sánh được sử dụng trong văn bản *Vượt thác*.

2. Em hãy so sánh cảnh thiên nhiên ở vùng sông nước Cà Mau thuộc miền đất Nam Bộ và cảnh thiên nhiên ở vùng sông Thu Bồn thuộc miền đất Trung Trung Bộ qua hai văn bản *Sông nước Cà Mau* của Đoàn Giỏi và *Vượt thác* của Võ Quảng. Em thích vùng đất nào hơn? Vì sao?

3. Em hãy viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về hình ảnh dượng Hương Thư. Từ đó em có suy nghĩ gì về người lao động nói chung?

KÍ HIỆN ĐẠI

Ba văn bản kí được học trong chương trình Ngữ văn 6 đó là: ***Cô Tô*** *(trích từ bài kí cùng tên của nhà văn Nguyễn Tuân),* ***Cây tre Việt Nam*** *(một bài kí được nhà văn Thép Mới viết để làm lời bình cho một bộ phim tài liệu) và* ***Lao xao*** *(trích từ* ***Tuổi thơ im lặng****, một cuốn hồi kí tự truyện của tác giả Duy Khán). Kí là thể loại văn học ghi chép về con người, cảnh vật hoặc những vấn đề đang được quan tâm qua quan sát và cảm nhận của người viết. Kí tôn trọng sự thật khách quan của đời sống, không hư cấu. Người viết kí luôn chú ý đảm bảo cho tính xác thực của hiện thực đời sống được phản ánh trong tác phẩm. Kí thường không có cốt truyện. Sự việc và con người trong kí phải xác thực hoàn toàn, có địa chỉ hẳn hoi.*

BẢNG THỐNG KÊ CÁC TÁC PHẨM, ĐOẠN TRÍCH

Số TT	Tên tác phẩm	Tên tác giả	Thể loại	Tóm tắt nội dung và ý nghĩa
1	Cô Tô	Nguyễn Tuân	Kí	Cô Tô là một vùng đảo có vẻ đẹp tươi sáng, sinh động. Cuộc sống nơi đây cũng thật bình dị mà đậm đà, ấm áp. Qua ngòi bút tài hoa của Nguyễn Tuân ta cảm thấy thêm yêu mến vùng hải đảo xa xôi này.
2	Cây tre Việt Nam	Thép Mới	Kí	Cây tre là người bạn thân thiết của nông dân Việt Nam, của nhân dân Việt Nam. Với vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu, cây tre xứng đáng là một biểu tượng của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam
3	Lao xao (trích *Tuổi thơ im lặng)*	Duy Khán	Hồi kí – tự truyện	Bức tranh làng quê vào một buổi sáng chớm hè với thế giới các loài chim đa dạng và nhiều màu sắc hiện ra thật tự nhiên sinh động.

CÔ TÔ

NGUYỄN TUÂN

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

- Nguyễn Tuân (1910 - 1987), quê ở làng Mọc, thôn Thượng Đình, xã Nhân Mục (nay là phường Nhân Chính), quận Thanh Xuân, Hà Nội.

- Nguyễn Tuân là một nhà văn có tài năng lớn và độc đáo. Tác phẩm của ông luôn thể hiện một sự hiểu biết phong phú về nhiều mặt. Ông cũng là một bậc thầy về ngôn ngữ với vốn ngôn ngữ giàu có và cách sử dụng ngôn ngữ một cách điêu luyện. Nguyễn Tuân còn được xem là một nghệ sĩ tinh tế và tài hoa trong việc khám phá và sáng tạo cái đẹp. Cách nhìn thế giới và đời sống của nhà văn là một cách nhìn thiên về thẩm mĩ và văn hoá.

- Thể văn bộc lộ đầy đủ nhất tài năng và sở trường của ông là tuỳ bút và kí.

- Một số tác phẩm của Nguyễn Tuân: *Vang bóng một thời* (Truyện ngắn, 1940); *Chiếc lư đồng mắt cua* (tuỳ bút, 1941); *Tóc chị Hoài* (tuỳ bút, 1943), *Đường vui* (tuỳ bút, 1949), *Sông Đà* (tuỳ bút, 1960), *Hà Nội ta đánh Mĩ giỏi* (tuỳ bút, 1972).

- Nguyễn Tuân đã được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I năm 1996).

II. TÁC PHẨM

1. Xuất xứ, thể loại

Bài văn *Cô Tô* là phần cuối bài kí *Cô Tô* - tác phẩm ghi lại những ấn tượng về thiên nhiên, con người lao động ở vùng đảo Cô Tô mà nhà văn Nguyễn Tuân thu nhận được trong chuyến ra thăm đảo.

2. Nội dung cơ bản

a. *Nội dung khái quát*

Bằng tâm hồn tinh tế, giàu cảm xúc và tài năng sử dụng ngôn ngữ điêu luyện, miêu tả chính xác Nguyễn Tuân đã dựng lên một bức tranh tươi sáng, sinh động,

phong phú và độc đáo của thiên nhiên và cuộc sống ở Cô Tô - một vùng hải đảo trong vịnh Bắc Bộ.

b. *Các khía cạnh chính*

b1- Vẻ đẹp trong sáng của đảo Cô Tô sau trận bão

Cô Tô sau ngày dông bão thật trong trẻo, sáng sủa. Vẻ đẹp ấy theo tác giả là vẻ đẹp vốn có tự lâu đời, *từ khi quần đảo Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người*. Và qua dòng chảy của thời gian, vẻ trong sáng của bầu trời Cô Tô giữa đại dương bao la vẫn bền vững, trường cửu. Không những thế cây trên núi đảo, nước biển và cát càng ngày càng tươi sáng, rực rỡ hơn: thêm xanh mượt, lam biếc và đậm đà hơn hết cả mọi khi, lại vàng giòn hơn nữa. Cùng với vẻ đẹp của thiên nhiên, những mẻ cá giã đôi nặng lưới càng tăng thêm sự tươi sáng của cuộc sống lao động ở nơi đây. Chính vì thế vẻ đẹp của đảo Cô Tô tuy phóng khoáng và ồn ào nhưng lại vô cùng gần gũi, mến thương. Ngắm cảnh nơi đây Nguyễn Tuân *càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng đẻ ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây*.

Tác giả đã rất tinh tế khi sử dụng các tính từ chỉ màu sắc và ánh sáng góp phần vẽ nên bức tranh trong sáng của đảo Cô Tô. Đó là các từ: *tươi sáng, trong trẻo, sáng sủa, trong sáng, xanh mượt, lam biếc, vàng giòn*. Dông bão đã không thể xoá đi vẻ trong sáng, dông bão dường như lại làm cho cảnh sắc trời, biển và cuộc sống nơi đây trong sáng hơn.

Đứng trên điểm cao, nơi đóng quân của bộ đội, Nguyễn Tuân đã được nhìn ngắm toàn cảnh đảo Cô Tô, thấy được khung cảnh bao la nơi đây. Đúng là một vẻ đẹp thật trong trẻo, sáng sủa.

b2- Cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô thật rực rỡ, tráng lệ

Chứng kiến và ghi lại cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô quả là một kì tích của Nguyễn Tuân. Đó là một quá trình khám phá đầy công phu, là một hành trình vất vả để đi tìm cái đẹp: *Tôi dậy từ canh tư. Còn tối đất, cố đi mãi trên đá đầu sư, ra thấu đầu mũi đảo. Và ngồi đó rình mặt trời lên*. Kết quả của cuộc tìm kiếm đó là một bức tranh mặt trời mọc trên biển rực rỡ và tráng lệ.

Một khung cảnh bao la, rộng rãi và vô cùng tinh khôi mở ra trước mắt ta: *chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi*. Trên cái tấm phông nền tinh khôi ấy, mặt trời từ từ hiện ra *tròn trĩnh và phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào, thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển ửng hồng*. Một hình ảnh so sánh rất độc đáo với những tính từ được sử dụng một cách tinh tế đã vẽ nên được cả màu sắc, hình dáng và trạng thái của mặt trời. Trên nền trời trong

trẻo và qua màn sương mờ ảo của hơi nước biển mặt trời hiện ra hiền hoà, phúc hậu, dịu dàng. Một vẻ đẹp vừa thực lại như mơ.

Cảnh đó dưới cái nhìn của Nguyễn Tuân còn mang vẻ đẹp cổ điển và mẫu mực *y như mâm lễ phẩm mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển đông*. Hình ảnh mặt trời mọc trở nên trang trọng, uy nghi, lộng lẫy. Theo giáo sư Trần Đình Sử đó là *Niềm giao cảm hân hoan giữa con người và vũ trụ*. Một vẻ đẹp giàu chất nhân bản, luôn hướng tới con người. Thiên nhiên tươi đẹp và thú luôn dâng tặng cho con người những món quà vô giá. Điều quan trọng là con người phải biết trân trọng và nâng niu những báu vật đó. Những trang văn của Nguyễn Tuân đã nói cho chúng ta biết điều đó và chính tác giả là người đã dẫn đường đưa chúng ta đi đến cái đẹp.

Cảnh mặt trời mọc cũng sẽ kém phần sinh động nếu thiếu *vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại ; một con hải âu bay ngang là là nhịp cánh*. Một nét chấm phá thôi nhưng đã khiến cho bức tranh kì ảo, lộng lẫy thêm đầy chất thơ. Cánh nhạn chấp chới trong những áng thơ cổ điển đã thổi hồn thơ vào những áng văn xuôi. Ngòi bút của Nguyễn Tuân độc đáo và tài hoa là như thế!

b3- Cảnh sinh hoạt và lao động trên đảo

Cảnh sinh hoạt được Nguyễn Tuân tập trung miêu tả ở vị trí xung quanh cái giếng nước ngọt ở ria đảo và mở rộng ra cảnh đoàn thuyền chuẩn bị ra khơi với những người dân chài gánh nước ngọt từ giếng xuống thuyền. Một khung cảnh vui vẻ và nhộn nhịp, một không khí lao động cũng không kém phần khẩn trương: *Không biết bao nhiêu là người đến gánh và múc, thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về* Chính khung cảnh nơi đây đã cho Nguyễn Tuân cảm giác *Nó vui như một cá bến và đậm đà, mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền*. Phải chăng nơi đây có không khí trong lành, mát mẻ của gió biển thổi vào mang theo cái nồng nàn của muối vì phải chăng nơi đây còn đậm đà, ấm áp tình cảm của những người lao động? Hình ảnh chị Châu Hoà Mãn địu con đã gợi ra tất cả sự ấm áp, thanh bình ở nơi hải đảo xa xôi này.

Như vậy Cô Tô không chỉ có thiên nhiên trong trẻo, tinh khôi với không gian trời biển bao la và cảnh mặt trời mọc rực rỡ, tráng lệ mà còn có một cuộc sống lao động thật vui, nhộn nhịp nhưng cũng rất ấm áp, thanh bình. Đó chính là sự giao hoà giữa thiên nhiên và cuộc sống con người.

Qua văn bản, ta cũng thấy được tài quan sát và khả năng sử dụng ngôn ngữ rất chính xác, độc đáo của Nguyễn Tuân. Tác giả cũng là người say mê khám phá và sáng tạo cái đẹp, luôn dành một tình cảm yêu mến tha thiết cho vẻ đẹp của thiên nhiên, của quê hương, đất nước.

3. Đặc sắc nghệ thuật

- Khả năng quan sát tỉ mỉ, miêu tả chính xác, tinh tế.
- Hình ảnh so sánh độc đáo.
- Ngôn ngữ điêu luyện, chính xác, gợi ra được cả hình và hồn của cảnh vật.
- Lời văn giàu cảm xúc.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Phải nói ngay rằng nhà văn Nguyễn Tuân đến biển đảo Cô Tô bằng tâm trạng náo nức, hăm hở của một nhà du lịch. Cho nên trông thấy bất cứ cái gì, ông cũng nhìn ngắm và suy nghĩ về nó theo hướng thưởng ngoạn. Trước mắt ông, dẫu là cảnh trời chiều, màu nước biển, cảnh bình minh, con thuyền chạy và những người dân trên biển đều được quy gọn vào một từ: sự sống. Mà đã là sự sống, bên nhau chúng hoàn toàn bình đẳng. Cho nên viết về bất cứ ai và bất cứ cái gì, ngòi bút nhà văn cũng vẫn đều chăm chút công phu, kĩ lưỡng tận độ. Vốn liếng ngôn từ của nhà văn cứ thế hào phóng, hăm hở tung ra như chộp lấy hình, sắc, chuyển động, hồn vía của đối tượng.

(Văn Giá, *Phân tích bình giảng tác phẩm văn học 6*,
NXB Giáo dục, 199)

* {...}Sau một chuyến thăm chòm đảo Cô Tô 17 đảo xanh, trong vịnh Bắc Bộ, nhà văn Nguyễn Tuân bằng sự cảm nhận của mình đã viết bút kí, tuỳ bút *Cô Tô* nổi tiếng tả cảnh thiên nhiên, biển, đảo trong giông bão, sau trận bão, trong bình minh của nắng sớm và trong sinh hoạt đời sống hàng ngày của bà con tại các đảo. Trong đó nổi bật nhất là tác giả đã tả cảnh thiên nhiên trên hòn đảo Thanh Luân, bầu trời và cuộc sống bình thường của bà con trên biển và đảo Thanh Luân.

Sau trận bão, bầu trời Cô Tô trong sáng, núi đảo xanh mượt, nước biển lam biếc màu đậm đà. Cát, bãi cát vàng tinh khôi *vàng giòn*. Nhà văn cho biết, người lên thăm đảo Cô Tô *cảm thấy yêu mến hòn đảo như yêu mến bất cứ người chài nào đã từng đẻ ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây*, nghĩa là yêu thương, quý mến Cô Tô như nơi chôn rau cắt rốn của mình.

{...}Điều đáng thú vị hơn là khi nhà văn quan sát và miêu tả bầu trời trên đảo Cô Tô sau một trận giông bão mà hòn đảo nhà văn trực tiếp quan sát miêu tả là hòn đảo Thanh Luân với các góc độ quan sát miêu tả khác nhau để tác giả chọn để tiếp cận. Mỗi góc nhìn là một điểm nhìn có khi là rất xa, có khi phải *rình rập*, lại có khi điểm quan sát miêu tả là rất gần..

Điểm nhìn thứ nhất, để miêu tả bức tranh thiên nhiên trên mặt biển và hình ảnh bầu trời trên đảo, tác giả đã hướng ống kính từ nóc đồn biên phòng Cô Tô. Bầu trời

trên biển sau trận giông bão trong trẻo và sáng sủa hơn, màu nước biển pha trộn với một màu trời. Đó là quy luật của thiên nhiên vĩnh hằng. Toàn cảnh trong sáng ấy được tác giả cụ thể hoá như cây cối thì xanh mượt, nước biển với màu lam biếc đậm đà, cát *vàng giòn* tinh khôi. Tác giả đã dùng từ ngữ chọn lọc để miêu tả và góc nhìn quan sát miêu tả là trên nóc đồn biên phòng Cô Tô. Có đứng quan sát ở tầm nhìn như vậy mới thấy được quang cảnh của hòn đảo Cô Tô từ bãi cát vàng giòn, màu xanh mượt của cây cối, màu lam của nước biển pha lẫn màu trời trên biển. Toàn cảnh được tác giả gợi lên thật hiền hoà, trong sáng và dịu mát lòng người. Và ta thấy được sự sống giàu đẹp của quần đảo trong bức tranh tâm hồn của tác giả như những gam màu của người họa sĩ tài ba.

Điểm nhìn thứ hai đó là mũi đảo Cô Tô. Tác giả muốn mình tận mắt chứng kiến vẻ đẹp lộng lẫy của mặt trời mọc trên biển.

[...] Nguyễn Tuân đã thức dậy từ lúc bốn giờ sáng để đón ông mặt trời mọc. Chân trời, ngấn bể sau trận bão *sạch như tấm kính lau hết mây, hết bụi* tác giả đã đứng trên những hòn *đá đầu sư*, bên bờ biển, sát mép nước để quan sát. Không có gì thú vị hơn là chứng kiến tận mắt cảnh mặt trời *nhú lên dần dần, tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn*, mặt trời rạng đông như một *quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng*. Mặt trời mọc mỗi sáng trên đảo Cô Tô là quà tặng của tạo hoá ban cho cuộc sống của bà con trên biển, vì hạnh phúc của con người Mặt trời là nguồn sáng, nguồn sống và là nguồn vui của bà con *y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông*. Để tô đậm cho quang cảnh mặt trời mọc, Nguyễn Tuân đã thêm vào hai nét vẽ có tính chất làm nền: *Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bể sáng dần lên cái chất bạc nén. Một con hải âu bay ngang, là là nhịp cánh* làm cho bức tranh càng thêm sinh động thể hiện sự hài hoà của thiên nhiên trên đảo.

Rõ ràng, nhà văn chuyên viết tuỳ bút rất tài hoa và tinh tế đã tái hiện lại một cách rất xứng đáng cảnh mặt trời lên đẹp rực rỡ, huy hoàng, tráng lệ không giống bất cứ cảnh bình minh nào trên núi, trên đồng bằng hay cao nguyên rừng thưa. Tác giả sử dụng màu sắc thật thích hợp với giọng văn trang trọng và say mê. Cảnh mặt trời mọc mà Nguyễn Tuân phải chờ đợi và rình từ bốn giờ sáng là một cảm hứng vũ trụ, cảm hứng nhân văn được thể hiện bằng bút pháp tài hoa.

Điểm nhìn thứ ba của nhà văn Nguyễn Tuân là quan sát và miêu tả cảnh sinh hoạt buổi sáng của bà con trên đảo Cô Tô. Đó là một điểm nhìn cận cảnh, từ xung quanh cái giếng ở ria một hòn đảo giữa bể đến cảnh sinh hoạt của bà con trên đảo.

Cảnh sinh hoạt của bà con vào buổi bình minh thật tấp nập và huyên náo, khác với cảnh trong đất liền. Cảnh tấp nập, nhộn nhịp *những người gánh nước ngọt đổ vào thùng, vào cong* nối tiếp nhau đi đi về về để hoà mình vào cảnh vui và nhộn nhịp đó, Nguyễn Tuân như muốn hoá thân vào nhịp sống của người dân trên đảo, điều đó cứ thôi thúc mãi trong con người Nguyễn Tuân. Và ông đã hoà mình vào cảnh sinh hoạt đó bằng cách cùng tắm với mọi người xung quanh giếng nước, ông cảm nhận được sự sung sướng trong lành của nước được lọc qua tinh cát trên biển. Đồng thời ông quan sát và miêu tả đậm nét bức tranh sinh hoạt của bà con miền biển trên đảo, vào một buổi sáng.

Cảnh sinh hoạt buổi sáng trên đảo Thanh Luân ở Cô Tô qua ngòi bút của Nguyễn Tuân, chúng ta thấy có nhiều cái khác với cảnh sinh hoạt buổi sáng trên đất liền, vì cảnh tắm giếng tập thể, trước và sau những chuyến đi biển dài ngày là thói quen và thú vui của người dân vùng đảo biển. Cảnh lấy nước ngọt tích trữ chuẩn bị cho một chuyến đi xa và lâu cũng đã tạo nên nhịp sống riêng ở nơi đây. Cảnh chị vợ anh hùng Châu Hoà Mãn đánh cá địu con, trong khi anh chồng quẩy mười lăm chuyến cho thuyền mình cũng gợi lên cái không khí sinh hoạt và làm ăn đông vui đầm ấm, thanh bình, dân dã của người lao động biển cả trên một cái bến thiên nhiên.

[......] Bài tuỳ bút này là một bức tranh nghệ thuật được thể hiện một cách khác biệt, một bức tranh hài hoà giữa cảnh vật và con người. Những lời văn của Nguyễn Tuân càng làm cho ta thêm yêu cảnh sắc đất nước, yêu bà con làng chài trên đảo. Đọc bài tuỳ bút người đọc như được thưởng thức một bài thơ trữ tình ngọt ngào.

(Nguyễn Trí Bằng, *Cô Tô từ các điểm nhìn nghệ thuật*,
Tạp chí Văn học và tuổi trẻ, Số 7 (97), tháng 7. 2004)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. Khi đứng trên nóc đồn ngắm cả toàn cảnh đảo Cô Tô, Nguyễn Tuân có cảm giác gì?

A. Ngạc nhiên, bất ngờ, thú vị trước vẻ đẹp của hòn đảo.

B. Không có cảm giác gì.

C. Cảm thấy yêu mến, gắn bó thân thiết với hòn đảo.

D. Cảm thấy xa lạ với hòn đảo.

2. Các cụm từ: *"lại thêm xanh mượt, lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi, lại vàng giòn hơn nữa"* **cho thấy:**

A. Sau trận bão, cảnh đảo Cô Tô đã bớt trong sáng, rực rỡ hơn.

B. Sau trận bão, cảnh đảo Cô Tô vẫn trong sáng và rực rỡ như trước.

C. Sau trận bão, cảnh đảo Cô Tô càng trong sáng và rực rỡ hơn.

D. Cả ba ý kiến trên đều sai.

3. Cảnh mặt trời mọc trên biển là một cảnh như thế nào?

A. Rực rỡ, tráng lệ, đầy chất thơ.

B. Kì ảo, không có thực.

C. Chói chang, gay gắt.

D. Cả ba ý kiến trên đều đúng.

4. Câu văn *"Từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về"* ***sử dụng biện pháp tu từ nào?***

A. Hoán dụ.

B. So sánh.

C. Nhân hoá.

D. Ẩn dụ.

II. TỰ LUẬN

1. Hãy tìm ba câu thơ (hoặc câu văn) miêu tả cảnh mặt trời mọc.

2. Em hãy chỉ ra các hình ảnh so sánh được sử dụng trong văn bản *Cô Tô*. Nêu cảm nhận của em về một hình ảnh so sánh mà em thích nhất.

3. Viết bài văn ngắn miêu tả cảnh mặt trời mọc trên quê hương em.

CÂY TRE VIỆT NAM

THÉP MỚI

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

- Thép Mới tên khai sinh là Hà Văn Lộc, quê ở Tây Hồ, Hà Nội, sinh ở thành phố Nam Định.

Ông vừa là nhà báo, vừa là nhà văn.

Ngoài báo chí, Thép Mới còn viết nhiều bài kí, viết thuyết minh phim.

II. TÁC PHẨM

1. Xuất xứ, thể loại

Cây tre Việt Nam là bài kí có tính chất tuỳ bút được viết để làm lời bình cho bộ phim tài liệu *Cây tre Việt Nam* do các nhà điện ảnh Ba Lan thực hiện sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta kết thúc thắng lợi.

2. Nội dung cơ bản

a. *Nội dung khái quát*

Cây tre là người bạn thân thiết, lâu đời của nhân dân Việt Nam. Tre có mặt khắp mọi nơi trên đất nước ta, tre gắn bó với con người trong đời sống hàng ngày, trong lao động sản xuất, trong chiến đấu chống giặc, trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Cây tre có vẻ đẹp bình dị, có nhiều phẩm chất quý báu đã trở thành một biểu tượng cho đất nước Việt Nam, con người Việt Nam.

b. *Các khía cạnh chính*

b1- Những phẩm chất cao quý của cây tre

- Tre là loài cây thân thuộc nhất với người Việt Nam. Tre có ở khắp mọi nơi, ở đâu tre cũng *xanh tốt*, tràn đầy sức sống. Tre có dáng vẻ *mộc mạc*, màu *nhũn nhặn* giản dị vừa thẳng thắn, bất khuất lại vừa dẻo dai, vững chắc.

- Tre làm bạn, gắn bó thuỷ chung với con người trong mọi hoàn cảnh: trong cuộc sống, trong lao động sản xuất, trong chiến đấu. Tre là cánh tay của người nông

dân, là vũ khí cùng con người chiến đấu giữ làng, giữ nước. Tre giúp con người biểu lộ tâm hồn, tình cảm của mình, là người bạn đồng hành với con người suốt cả cuộc đời.

- Biện pháp nhân hoá: *Tre, nứa, mai, vầu giúp người trăm nghìn công việc khác nhau; tre chống lại, tre xung phong, tre giữ, tre hi sinh* kết hợp với các tính từ *thẳng, xanh tốt, mộc mạc, nhũn nhặn, thanh cao, giản dị, chí khí* đã ca ngợi những phẩm chất cao quí của tre. Với những phẩm chất đó, tre xứng đáng được tôn vinh danh hiệu *anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu.*

b2- Tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam

- Việt Nam là một đất nước nhiệt đới, bốn mùa cây lá tốt tươi nhưng tre nứa vẫn là loài cây thân thuộc nhất. Bằng một sức sống mãnh liệt, dẻo dai, bền bỉ, tre có mặt ở khắp mọi nơi trên đất nước ta, từ vùng đồng bằng màu mỡ đến vùng núi cao đất cằn sỏi đá, bao bọc các làng bản, xóm thôn.

- Tre cũng gắn bó với con người Việt Nam từ lâu đời, từ khi con người *dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang*; cùng với con người làm ăn, sinh sống, gìn giữ một nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc. Sự gắn bó ấy đã trở nên thân thiết, bền chặt *đời đời, kiếp kiếp.*

- Trong lao động, sản xuất tre giúp người trăm nghìn công việc khác nhau. Tre là cánh tay của người nông dân, cũng vất vả quanh năm như cuộc sống lao động vốn khó nhọc của họ vậy. Câu văn *Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời xay, xay nắm thóc* đã một phần nào nói lên được điều đó. Nhịp quay của cối xay hay cũng chính là nhịp sống chậm chạp, chính là cuộc sống vất vả của người nông dân Việt Nam thuở trước. Dường như tre hiểu hơn ai hết những nỗi khó nhọc của người nông dân. Tre vừa là bạn thân lại vừa là người nhà gắn bó vô cùng thân thiết.

- Với mọi lứa tuổi, tre đều rất đỗi thân thuộc. Từ thuở lọt lòng, chiếc nôi tre đã nâng đỡ, bao bọc chúng ta. Ta lớn thêm một chút, tre trở thành nguồn vui của tuổi thơ. Những chàng trai, cô gái mượn bóng tre xanh để tỏ mối tình quê thuở ban đầu, chiếc điếu cày tre mang lại niềm khoan khoái cho tuổi già và khi nhắm mắt xuôi tay chiếc giường tre lại đưa ta vào giấc ngủ vĩnh hằng.

- Tre còn đồng hành cùng dân tộc Việt Nam trong các cuộc chiến đấu giữ nước và giải phóng dân tộc. Tre là vũ khí tuy thô sơ, mộc mạc nhưng lại vô cùng lợi hại. Gậy tre, chông tre chống lại quân thù; luỹ tre bảo vệ đồng ruộng, xóm làng. Nếu như trong lao động, sản xuất tre vất vả để giúp đỡ người nông dân thì trong chiến đấu tre lại hi sinh để bảo vệ dân tộc Việt Nam. Tre xứng đáng là một anh hùng: *anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu*.

- Cũng nhờ tre, người nông dân có một đời sống tinh thần phong phú. Khóm tre rung lên những khúc nhạc đồng quê, sáo tre, sáo trúc vang lên cao vút theo những

cánh diều tre. Những trưa hè, sau buổi lao động mệt nhọc, ngồi dưới bóng tre nghe khúc nhạc nhẹ nhàng mà êm ái ấy, dường như mọi mệt nhọc tiêu tan hết. Những buổi chiều lộng gió, ngoài cánh đồng làng, tiếng sáo diều vút cao nâng cánh cho những ước mơ của tuổi thơ chân đất, đầu trần. Tre mang lại cho người Việt Nam những món ăn tinh thần thật giản dị mà thanh cao, đầy ý nghĩa.

Bằng phép nhân hoá, tác giả đã khắc họa nổi bật mối quan hệ thân thiết giữa tre và người. Tre là người bạn thân luôn gắn bó, chia sẻ mọi buồn vui với con người. Tre còn là người nhà, khăng khít như ruột thịt. Tre giúp đỡ con người từ những việc nhỏ nhặt thường ngày đến cả những việc lớn lao, cao cả như đánh giặc, giữ nước.

b3- Cây tre vẫn tiếp tục giữ một vị trí quan trọng trong hiện tại và tương lai, khi đất nước ta đi vào công nghiệp hoá

Trong quá khứ, tre là người bạn thân thiết của nông dân Việt Nam, của nhân dân Việt Nam. Vậy hiện tại và tương lai, khi đất nước ta đi vào công nghiệp hoá tre sẽ giữ một vị trí như thế nào? Từ hình ảnh *Tre già măng mọc* biểu tượng cho sự nối tiếp giữa các thế hệ; từ hình ảnh *măng mọc trên phù hiệu ở ngực thiếu nhi Việt Nam* biểu tượng cho những mầm non, những chủ nhân tương lai của đất nước, tác giả đã bộc lộ những suy nghĩ của mình về vị trí của cây tre. Rồi đây sắt thép sẽ nhiều hơn tre nứa nhưng tre sẽ còn mãi trong tâm hồn dân tộc Việt Nam. Với những phẩm chất cao quí, tre xứng đáng là hình ảnh tượng trưng cho những đức tính cao đẹp của người Việt Nam. Sức sống lâu bền của cây tre Việt Nam cũng là sức sống của dân tộc ta, nhân dân ta.

3. Nghệ thuật

a- Tác giả đã chọn lọc những hình ảnh rất tiêu biểu để nói về tre như: cối xay tre, điếu cày tre, chông tre, diều tre, sáo tre.

b- Câu văn giàu nhịp điệu, lời văn giàu cảm xúc:

- Cối xay tre nặng nề quay từ nghìn đời nay, xay nắm thóc

- Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!

- Diều bay, diều lá tre bay lưng trời

Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời.

Gió đưa tiếng sáo, gió nâng cánh diều.

Trời cao lồng lộng, đồng ruộng mênh mông hãy lắng nghe tiếng hát giữa trời cao của trúc, của tre.

c- Phép nhân hoá được sử dụng rộng rãi và thành công đã khắc họa mối quan hệ thân thiết, gắn bó giữa tre và người.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Phần lớn tác phẩm của Thép Mới là thể loại nghiêng về báo chí, nhưng ông vẫn là một nhà văn thực sự. Qua những trang viết của ông, có thể nhận thấy một cách tư duy văn học đậm đà. Từ vài chục năm nay nhiều thế hệ học sinh phổ thông đã từng được học và chắc rất ít người có thể quên được trích đoạn *Cây tre Việt Nam* của ông. Đây là lời bình ông viết cho bộ phim cùng tên của đạo diễn người Ba Lan. Với một sự hiểu biết sâu sắc đời sống người Việt Nam dân dã, với một lối viết mang đậm chất nhạc, chất thơ. *Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau. Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa. Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Cây tre Việt Nam* tự nhiên mà in đậm vào tâm lí bao thế hệ học trò. Kết hợp với cách ngắt câu, ngắt đoạn tạo nên những tiết tấu, phách nhịp, *Cây tre Việt Nam* có dáng dấp một bài thơ hơn là một lời bình. Có lẽ vì thế, mà hàm chứa đằng sau những lời viết trong sáng, những miêu tả chân thực, cụ thể, *Cây tre Việt Nam* còn lấp lánh lung linh những tầng nghĩa hàm ẩn, gợi nhớ những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

(Trích từ bài *Giới thiệu về Những nhà văn được nhiều người yêu thích*. Tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*, Số 3 (117), tháng 3, 2006)

* Cảm hứng của Thép Mới với cây tre Việt Nam chứa chan thi vị. Thấu hiểu cuộc sống của làng quê và tầm quan trọng của cây tre trong sinh hoạt của người dân quê, trong vui chơi giải trí, Thép Mới đã cảm nghĩ theo nguồn mạch dân tộc với tinh thần trân trọng yêu quý.

(Hà Minh Đức, *Thép Mới, nhà báo cách mạng, một chứng nhân của thời cuộc chính trị*, Báo Nhân dân cuối tuần, Số 9, 3/3/2002)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. Vì sao cây tre trở thành người bạn thân của nhân dân Việt Nam?

A. Vì tre có mặt khắp mọi nơi trên đất nước Việt Nam.

B. Vì tre giúp đỡ người nông dân trong lao động và cuộc sống hàng ngày.

C. Vì tre cùng con người chiến đấu giữ làng, giữ nước.

D. Cả A, B, C đều đúng.

2. Vì sao có thể nói cây tre là tượng trưng cao quí của dân tộc Việt Nam?

A. Vì cây tre có mặt ở khắp mọi nơi trên đất nước Việt Nam.

B. Vì cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu như con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam.

C. Vì cây tre gắn bó thân thiết với nhân dân Việt Nam.

D. Vì cây tre là anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu.

3. Phép nhân hoá được sử dụng trong văn bản này có tác dụng như thế nào?

A. Khiến cho cây tre hiện lên thật sinh động, gợi cảm.

B. Khiến cho cây tre hiện lên như một con người.

C. Khắc họa nổi bật mối quan hệ thân thiết, gắn bó, thuỷ chung giữa tre và người.

D. Thể hiện tình cảm yêu mến, tự hào của tác giả đối với cây tre Việt Nam.

4. Theo em hình ảnh tre già măng mọc biểu tượng cho điều gì?

A. Sức sống mãnh liệt của tre.

B. Sức sống mãnh liệt của dân tộc Việt Nam.

C. Tương lai của tre.

D. Sự tiếp nối giữa các thế hệ.

II. TỰ LUẬN

1. Em hãy liệt kê các câu văn có sử dụng biện pháp nhân hoá trong văn bản *Cây tre Việt Nam*. Hãy phân tích tác dụng của một hình ảnh nhân hoá mà em thích nhất.

2. Những câu văn: *(...) Nhạc của trúc, nhạc của tre là khúc nhạc của đồng quê. Nhớ một buổi trưa nào, nồm nam cơn gió thổi, khóm tre làng rung lên man mác khúc nhạc đồng quê.*

Diều bay, diều lá tre bay lưng trời.
Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời
Gió đưa tiếng sáo, gió nâng cánh diều.

Trời cao lồng lộng, đồng ruộng mênh mông hãy lắng nghe tiếng hát giữa trời cao của trúc, của tre

Cho em những cảm xúc gì?

3. Câu *Cối xay tre, nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc* là một câu văn có nhịp điệu. Theo em điều gì tạo ra nhịp điệu đó? Nhịp điệu của câu văn như thế nào? Nó có tác dụng gì?

LAO XAO

DUY KHÁN

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

- Duy Khán (1934-1995), quê ở xã Nam Sơn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Trú quán: Thành phố Hải Phòng.

- Duy Khán xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo, học dang dở trong vùng tạm chiếm rồi trốn ra vùng tự do nhập ngũ.

- Duy Khán từng làm giáo viên trong quân đội rồi chuyển sang làm phóng viên phát thanh quân đội. Sau đó ông chuyển về làm biên tập viên tạp chí Văn nghệ quân đội.

- Khi về hưu ông mang quân hàm đại tá.

- Một số tác phẩm của ông: *Trận mới* (tập thơ, 1972); *Tuổi thơ im lặng* (truyện, 1986); *Tâm sự người đi.*

II. TÁC PHẨM

1. Thể loại

Văn bản *Lao xao* trích từ tác phẩm *Tuổi thơ im lặng* là tập hồi kí tự truyện của tác giả Duy Khán. Qua những kỉ niệm tuổi thơ, tác giả đã làm hiện lên bức tranh thiên nhiên và cuộc sống con người ở làng quê thuở trước.

2. Nội dung cơ bản

a. *Nội dung khái quát*

Đoạn trích cho ta thấy được bức tranh làng quê vào một buổi sáng chớm hè vô cùng sinh động với khu vườn lao xao ong bướm, cây cối, thế giới loài chim đa dạng và nhiều màu sắc. Đoạn trích đã thể hiện rõ sự quan sát tinh tế, vốn hiểu biết phong phú và tình yêu quê hương sâu sắc của tác giả Duy Khán.

b. *Các khía cạnh chính*

b1- Khung cảnh làng quê vào một buổi sáng chớm hè

Mở đầu văn bản là một đoạn văn ngắn giới thiệu về khung cảnh làng quê vào một buổi sáng chớm hè. Trong thời gian buổi sáng, không gian ở khu vườn cũng

thật trong trẻo mà lại tràn đầy sức sống và không kém phần rực rỡ. Tất cả như đang náo nức đón chờ một mùa hè đang đến rất gần. Màu sắc, hương thơm, âm thanh quyện hoà vào nhau. Màu xanh của cây cối um tùm, màu trắng xoá của hoa lan, màu vàng của hoa dẻ, hoa móng rồng và cả sắc màu rực rỡ của ong bướm nữa. Cả làng thơm hương thơm ngào ngạt của các loại hoa. Khu vườn lao xao ong bướm. Ở góc sân tiếng trò chuyện của trẻ râm ran. Một khung cảnh thật đẹp và vui vẻ. Ngay đoạn mở đầu này đã cho ta cảm nhận thấy một bức tranh lao xao tràn đầy sức sống của cảnh vật và tâm hồn tác giả cũng thực sự xúc động trước cảnh này.

b2- Thế giới các loài chim thật đa dạng, nhiều màu sắc

Trong cái *lao xao* của làng quê lúc chớm hè, các loài chim lần lượt xuất hiện góp phần làm cho không gian ấy thêm lao xao. Cách giới thiệu và trình tự miêu tả các loài chim của tác giả đọc qua thì có vẻ tự do, không theo trình tự nào nhưng kì thực lại rất mạch lạc, theo từng nhóm loài.

- Đầu tiên là sự xuất hiện của các loài chim hiền. Con bồ các kêu váng lên *các các các*. Chị Điệp cũng nhanh nhảu đọc lên một bài đồng dao và tác giả có dịp giới thiệu các loài chim này. Bồ các, chim ri, sáo sậu, sáo đen, tu hú đều có họ với nhau vì chúng đều hiền cả. Chúng không làm hại ai bao giờ. Chúng sống gần gũi với con người, mang niềm vui đến cho con người. Tiếng hót của sáo sậu, sáo đen báo mừng được mùa; tiếng kêu của con tu hú lại báo hiệu mùa vải chín.

- Chim ngói, nhạn và bìm bịp là những loài chim trung gian. Đoạn miêu tả chim bìm bịp là đoạn chuyển tiếp để miêu tả các loài chim ác. Chim bìm bịp được giới thiệu gắn liền với một truyện cổ tích về một ông sư dữ như hổ mang. Do đó nó *khoác bộ cánh nâu, suốt đêm ngày rúc trong bụi cây*. Khi nó kêu lên thì một loạt chim xấu, chim ác mới ra mặt.

- Nếu như các loài chim hiền được miêu tả qua tiếng kêu, tiếng hót mang lại niềm vui cho con người, cho đất trời thì các loài chim ác lại được miêu tả chủ yếu qua hoạt động bắt mồi và cách đấu tranh sinh tồn của nó. Tuy nhiên mỗi loài lại có những đặc điểm riêng. Diều hâu bay cao tít, cái mũi khoằm của nó đánh hơi tinh lắm. Tác giả đã chứng kiến và miêu tả rất rõ hoạt động săn mồi của diều hâu: *Diều hâu lao như mũi tên xuống tha được gà con, lại lao vút lên mây xanh, vừa lượn, vừa ăn*. Tác giả còn chứng kiến cuộc ẩu đả giữa diều hâu và chèo bẻo; quạ đen, quạ khoang thì *lia lia, láu láu* để bắt gà con hoặc ăn trộm trứng; chim cắt lại vô cùng lợi hại với *cánh nhọn như dao bầu chọc tiết lợn*, khi đánh nhau chúng xỉa bằng đôi cánh lợi hại này, *vụt đến, vụt biến*. Chúng là *loài quỷ đen*.

Diều hâu, quạ và cắt là những loài chim ác vì chúng ăn cắp, ăn trộm, chúng giết hại các loài khác và gây ảnh hưởng đến cuộc sống của con người.

Có một loài chim ác được tác giả dành cho một tình cảm yêu mến đặc biệt đó là

chim chèo bẻo. Bởi vì nó là chim ác nhưng đã cải tà quy chính trở thành chim trị kẻ ác. Diều hâu, quạ và cắt là những loài chim ác thường giết hại những loài khác đều bị chèo bẻo trị tội. Chèo bẻo đánh diều hâu *túi bụi*, lần sau diều hâu không dám đến bắt gà con nữa. Chèo bẻo *vây tứ phía* đánh quạ, *có con quạ chết đến rũ xương*. Chèo bẻo cũng đoàn kết để đánh cắt. Chúng là loài duy nhất có thể trị tội được cắt. Dưới cái nhìn của tác giả, chèo bẻo thật dũng cảm và đoàn kết. Chúng như những anh hùng hảo hán làm việc nghĩa để tiêu diệt cái ác, cái xấu.

- Cái nhìn, cảm xúc và cách miêu tả của tác giả về các loài chim đậm chất văn hoá dân gian. Các loài chim luôn được đặt trong mối quan hệ với con người, với cuộc sống nhà nông, đôi khi chúng còn được gán cho những phẩm chất, tính cách của con người. Do đó thiện cảm dành cho các loài chim hiền, ác cảm dành cho các loài chim ác cũng chỉ là những quan niệm lâu đời và phổ biến trong dân gian chứ thực sự không có cơ sở khoa học.

Chất văn hoá dân gian còn thể hiện rõ trong cách viết có sử dụng nhiều đồng dao, thành ngữ, truyện cổ tích. Đó là bài đồng dao mà chị Điệp đọc: *Bồ các là bác chim ri. Chim ri là dì sáo sậu. Sáo sậu là cậu sáo đen. Sáo đen là em tu hú. Tu hú lại là chú bồ các,...*; là thành ngữ : *Dây mơ rễ má; kẻ cắp gặp bà già; lia lia láu láu như quạ vào chuồng lợn*; là truyện cổ tích: *Sự tích chim bìm bịp, Sự tích chim chèo bẻo.*

Tuy nhiên, qua cái nhìn hồn nhiên của tuổi thơ với sự am hiểu kĩ lưỡng và cách miêu tả sinh động tác giả đã đem lại cho chúng ta một sự hiểu biết nhất định về các loài chim đồng thời khơi dậy trong mỗi người những kỉ niệm, những tình cảm yêu mến với làng quê Việt Nam. Thế giới loài chim thật đa dạng, khung cảnh làng quê thật thanh bình. Đối với tuổi thơ của mỗi người, thế giới ấy chứa đựng rất nhiều điều thú vị.

3. Nghệ thuật

a- Khi miêu tả các loài chim tác giả rất chú ý đến từng nét nổi bật của từng loài để tập trung miêu tả. Ví dụ: các loài chim lành được miêu tả kĩ tiếng hót mang vui đến cho trời đất và con người; các loài chim dữ lại được chủ yếu miêu tả hoạt động. Đồng thời khi tả, tác giả cũng chú ý đến mối quan hệ giữa các loài, miêu tả xen kẽ hoặc phối hợp với nhau khiến cho chúng hiện lên thật sinh động (miêu tả diều hâu, quạ, cắt, chèo bẻo).

b- Kết hợp kể, tả, nhận xét, bình luận: Tác giả vừa tả, vừa kể sự tích của chúng (tả và kể về bìm bịp) hoặc nêu nhận xét của mình, nêu quan niệm của dân gian về các loài chim. Tất cả đều hiện ra rất tự nhiên dưới cái nhìn hồn nhiên của tuổi thơ.

c- Tác giả cũng sử dụng chất liệu văn hoá dân gian như đồng dao, thành ngữ, truyện cổ tích khiến cho bức tranh làng quê với thế giới các loài chim phong phú vừa rất gần gũi, thân thuộc lại vừa li kì, hấp dẫn.

d- Phải có một vốn hiểu biết phong phú, một sự gắn bó thân thiết và một tình cảm yêu mến sâu sắc cùng với ngòi bút miêu tả tinh tế thì Duy Khán mới có thể dựng lại một bức tranh làng quê sống động và nên thơ đến thế. Nó vui mà trong lành như chính tuổi thơ của ông vậy.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* *Lao xao* là một truyện hay trong tập tự truyện *Tuổi thơ im lặng*, miêu tả cuộc sống của cây cối, chim muông và con người trong một ngày ở làng quê. Câu chuyện được khép lại với cảnh bình yên buổi tối:

Chúng tôi no nê, rủ nhau rải chiếu ở hiên nhà ngủ cho mát. Ôi cái mùa hè hiếm hoi. Ngày lao xao, đêm cũng lao xao. Cả làng xóm hình như không ai ngủ, cùng thức với giời, với đất. Tôi khao khát thầm ước: Mùa hè nào cũng được như mùa hè này.

Các tác giả sách giáo khoa *Ngữ văn 6* đã trích nửa đầu của truyện để các em học sinh thưởng thức và tìm hiểu. Đoạn trích miêu tả diễn biến cảnh vật cuộc sống trong thời gian một buổi sáng.

Truyện được mở đầu bằng một đoạn văn đặc sắc, bao gồm những câu ngắn, câu đặc biệt, hành văn nhanh, linh hoạt, miêu tả nhiều đối tượng: *Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm. Cây hoa lan nở hoa trắng xoá. Hoa giẻ từng chùm mảnh dẻ. Hoa móng rồng bụ bẫm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên. Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa. Chúng đuổi cả bướm. Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao. Từng đàn rủ nhau lặng lẽ bay đi.*

Sớm, chúng tôi tụ hội ở góc sân. Toàn chuyện trẻ em. Râm ran.

Chỉ dăm bảy dòng chữ mà thể hiện được thần thái của bao nhiêu đối tượng miêu tả. Có không gian - thời gian tinh khôi, ấm áp của buổi sớm chớm hè. Có vẻ sum suê tràn trề sức sống của cây lá. Có mùi hương và màu sắc rực rỡ của hoa quả. Có cái nhộn nhịp, say sưa, rộn ràng tìm hoa hút mật của đàn ong. Có cái dễ thương, yểu điệu, mộng mơ của những cánh bướm. Và có cái vô tư, hồn nhiên của lũ trẻ em râm ran chuyện trò. Đó là một vẻ đẹp tự nhiên như không hề có sự can thiệp của con người. Người kể chuyện khéo léo dẫn dắt người đọc đi vào một không gian ngập tràn hương sắc thiên nhiên như thể đi vào một thế giới nguyên lành trong cổ tích. Thú vị ở chỗ, đây không phải là một động tiên trong huyền thoại mà vô cùng thân thuộc, gần gũi với mỗi người đọc, nhất là những người đã từng sinh ra và lớn lên ở làng quê.

Màu sắc của thế giới cổ tích được gợi ra ngay từ đoạn văn dẫn vào truyện này.

Nhưng hấp dẫn hơn cả có lẽ là phần tiếp sau, tác giả kể những câu chuyện nhỏ về mỗi loài chim. Có những giống chim hiền và có những giống chim ác. Những giống chim hiền *đều mang vui đến cho giời đất*. Sự xuất hiện của chúng bao giờ cũng báo hiệu những điều tốt lành như mùa màng bội thu, cuộc sống mọi người

được no ấm. Chim ác thường mang tội vạ đến. Chúng là diều hâu, những kẻ săn mồi nguy hiểm, thường bất thình lình vồ những chú gà con vô tội. Chúng là quạ, giống chim giảo hoạt, chuyên bắt gà con, trộm trứng gà. Chúng là chim cắt cực kì nguy hiểm, thường dùng đầu cánh nhọn sắc để sát hại những giống chim khác.

Câu chuyện được người kể chuyện kể theo cách của truyện cổ tích. Cuộc sống của loài chim trong truyện gợi về một gợi về cuộc sống xã hội loài người. Cái dây mơ rễ má nhà chim làm ta liên tưởng đến những quan hệ họ hàng trong làng trong xã. Hàng xóm tối lửa tắt đèn có nhau, chẳng chung huyết thống mà vẫn ấm cúng, tương thân tương ái như con một nhà. Chim hiền hay là hiện thân của người hiền lành, lương thiện, sẽ được hưởng một cuộc sống bình an. Chim ác tựa như kẻ xấu, chuyên làm chuyện hại người thì sẽ bị trừng trị đích đáng.

Có một giống chim được kể đến nhiều trong đoạn trích này với vai trò là người bảo vệ công lí tích cực, đó là chèo bẻo. Chèo bẻo như người xấu nhưng biết hối cải, sửa chữa sai lầm, lập công chuộc tội. Chèo bẻo sẵn sàng đánh lại những giống chim lớn hơn mình, mạnh hơn mình bởi chúng có lòng quả cảm và tinh thần đoàn kết. Nhờ vậy mà chèo bẻo có sức mạnh vô địch tiêu diệt cái ác và cái xấu. Chèo bẻo đã dạy cho những giống chim ác những bài học đích đáng. Vẻ dũng mãnh của chèo bẻo được miêu tả vô cùng hấp dẫn. Trước diều hâu to lớn, chúng lao vào đánh con diều hâu túi bụi. *Lông diều hâu bay tứ linh, miệng kêu la chéc chéc, con mồi rời mỏ diều hâu rơi xuống như một quả trứng rụng. Diều hâu biến mất. Con diều hâu được mẻ hú vía, lần sau cụ bảo cũng không dám đến.* Đối với quạ thì chỉ trong chốc lát, *Quạ vừa bay lên, chèo bẻo vây tứ phía, đánh. Có con quạ chết đến rũ xương.* Đáng sợ và nguy hiểm nhất là giống chim cắt. Thành ngữ có câu: *Nhanh như cắt.* Chúng hiếu chiến, tấn công đối phương bằng đầu cánh nhọn sắc, xỉa đối phương chết ngay. Chẳng có giống chim nào địch được nó. Nó được mệnh danh là loài quỷ đen, vụt đến, vụt biến. Vậy mà bằng tinh thần đoàn kết, chèo bẻo đã xông lên, thi nhau mổ vào kẻ thù, khiến cắt kiệt sức, quay tròn rơi xuống như cái diều đứt dây.

Mấy ai trong chúng ta từ thuở ấu thơ không thuộc nằm lòng một vài truyện cổ tích. Những câu chuyện về cuộc đấu tranh của người hiền lành lương thiện với sự giúp đỡ của thần, của bụt, của sức mạnh đại diện cho chân lí chống lại kẻ ác, kẻ xấu đều có một kết thúc thật thú vị mà người ta gọi là kết thúc có hậu. Người hiền lành lương thiện được bảo vệ, chở che và cuối cùng được hưởng hạnh phúc, còn kẻ ác có thể hành hạ người lương thiện, nhưng chúng không bao giờ thoát khỏi sự trừng trị của công lí.

Và ở truyện *Lao xao,* khi kể những câu chuyện nhỏ về loài chim, mặc dù là một tác phẩm văn học hiện đại, nhưng sự miêu tả và diễn biến số phận của các nhân vật vẫn tuân theo nguyên tắc nghệ thuật kể chuyện của thể loại cổ tích. Phải chăng vì thế, câu chuyện về những giống chim đã khiến người đọc bị hấp dẫn theo mạch kể.

Bạn đọc nhỏ tuổi thì say mê bởi câu chuyện quá hồn nhiên, tươi trẻ, tinh khôi; bạn đọc lớn tuổi được người kể chuyện đánh thức dậy bao kỉ niệm vô cùng đẹp đẽ của tuổi thơ, đánh thức dậy cả một vùng hồi ức thuở nhỏ từng chạy nhảy trên bãi đuổi chim, bắt bướm nơi thôn dã, xóm làng.

Bởi thế, có thể nói, đằng sau câu chuyện về những giống chim là câu chuyện về cuộc đời, là câu chuyện nói lên niềm mơ ước của con người về một thế giới luôn luôn công bằng, tinh khôi, tươi tắn, vui vẻ và hồn nhiên như tiếng cười trẻ nhỏ.

(Tùng Văn, *Đọc- hiểu truyện Lao xao, Ngữ văn 6, tập hai* - Tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*, Số 4 (106)/2005)

* Trong những tập hồi kí và truyện kể về tuổi thơ nhiều vẻ xuất hiện gần đây *Tuổi thơ im lặng* của Duy Khán là một tác phẩm độc đáo, đáng yêu, giàu chất thơ.

Người ta thường kể về tuổi thơ lưu lạc, thiếu thốn tình thương, phiêu lưu, mạo hiểm. Duy Khán lại kể một tuổi thơ rất đỗi bình thường, một tuổi thơ nghèo khổ nhưng lại giàu có trong tâm hồn, một tuổi thơ luôn bị giặc đói giặc dốt, giặc ngoại xâm đe dọa nhưng luôn luôn được ấp ủ trong tình thương yêu, nặng tình nghĩa, không ngừng ước mơ vươn tới.

Tuổi thơ im lặng là những truyện nhỏ về làng quê. Những mẩu chuyện, đúng hơn là những mẩu hồi tưởng của tuổi thơ ở đây, tưởng chừng như vặt vãnh, rời rạc chẳng có cốt truyện gì (và khó còn gì bình thường hơn thế được) đã làm sống dậy cả một làng quê vô cùng thân thiết, không chỉ là làng quê của riêng tác giả, mà còn là làng quê Việt Nam lâu đời. Đặc sắc của tập truyện không chỉ ở tình yêu quê hương nồng nàn, ở chất thơ thấm đượm trong chữ, trong lời mà ở chỗ tái hiện lại các môi trường văn hoá làng quê đã nuôi dưỡng những tâm hồn thơ bé Việt Nam từ nghìn xưa

(Trần Đình Sử, *Tuổi thơ im lặng, Kỉ niệm về một tầng văn hoá làng quê lâu đời,* Báo *Văn nghệ*, Số 39, 27/9/1986)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. Dòng nào sau đây nêu nhận xét đúng nhất về bức tranh làng quê vào buổi sáng chớm hè?

A. Đó là một bức tranh yên ả, tĩnh lặng.

B. Đó là một bức tranh ồn ào, náo động.

C. Đó là một bức tranh tràn đầy sức sống, đẹp, thơ mộng và vui vẻ.

D. Đó là một bức tranh mang vẻ đẹp cổ điển, mẫu mực.

2. *Các loài chim lành được chú ý miêu tả ở đặc điểm nào?*

A. Hình dáng, màu sắc.

B. Tiếng kêu, tiếng hót.

C. Hoạt động.

D. Cả A, B, C đều sai.

3. *Vì sao tác giả dành tình cảm yêu mến đặc biệt cho chèo bẻo?*

A. Vì chèo bẻo là loài chim ác đã cải tà qui chính.

B. Vì vào ngày mùa, chèo bẻo thức suốt đêm, mới tờ mờ đất nó đã cất tiếng gọi người.

C. Vì chèo bẻo dũng cảm, đoàn kết trị tội các loài chim ác.

D. Cả A, B, C đều đúng.

4. *Hãy ghép tên các loài chim ở cột A cho phù hợp với các đặc điểm của chúng ở cột B.*

Cột A	Cột B
Tên các loài chim	**Đặc điểm**
1. Bồ các	a. Ngày mùa, chúng thức suốt đêm. Mới tờ mờ đất nó đã cất tiếng gọi người: *Chè cheo chét.*
2. Sáo sậu, sáo đen	b. Không bắt được gà con, không ăn trộm được trứng, nó vào chuồng lợn.
3. Tu hú	c. Nó có cái mũi khoằm, đánh hơi tinh lắm.
4. Bìm bịp	d. Đậu cả lên lưng trâu mà hót mừng được mùa.
5. Diều hâu	e. Cánh nhọn như dao bầu chọc tiết lợn.
6. Quạ	f. Kêu váng lên: "Các các các.
7. Chèo bẻo	g. Giời khoác cho nó bộ cánh nâu, suốt đêm ngày rúc trong bụi cây.
8. Chim cắt	h. Nó kêu tu hú là mùa tu hú chín.

II. TỰ LUẬN

1. Em hãy viết một đoạn văn miêu tả khu vườn vào một buổi sáng đẹp trời.

2. Em hãy tìm các chất liệu văn hoá dân gian như đồng dao, thành ngữ, truyện cổ tích được sử dụng trong bài. Theo em chúng có tác dụng gì trong việc kể và tả các loài chim?

3. Trong số các loài chim được miêu tả, em thích loài chim nào nhất? Vì sao?

VĂN BẢN TỰ SỰ NƯỚC NGOÀI

Trong chương trình Ngữ văn 6, phần văn bản tự sự nước ngoài có 5 tác phẩm thuộc các quốc gia Trung Quốc, Nga, Pháp: Cây bút thần , Ông lão đánh cá và con cá vàng, Mẹ hiền dạy con, Buổi học cuối cùng, Lòng yêu nước.

BẢNG THỐNG KÊ CÁC TÁC PHẨM, ĐOẠN TRÍCH

Số TT	Tên tác phẩm	Tên tác giả	Thể loại	Tóm tắt nội dung, ý nghĩa
1.	Cây bút thần	Nhân dân Trung Quốc	Truyện cổ tích	Truyện kể về cậu bé Mã Lương có niềm say mê và tài năng vẽ giống như thật. Được thần cho cây bút thần, cậu đã giúp đỡ người nghèo dụng cụ lao động và trừng phạt những kẻ tham lam độc ác. - Truyện thể hiện ước mơ và niềm tin về khả năng kì diệu của con người, khẳng định nghệ thuật chân chính thuộc về người có tài, phục vụ cho mục đích cao cả, chính đáng của con người. Truyện còn bày tỏ ước mơ về công lí xã hội.
2.	Ông lão đánh cá và con cá vàng	A. Pu-skin (Nga)	Truyện cổ tích	Một ông lão đánh cá nghèo khổ bắt được cá vàng, nghe lời van xin của cá, ông thả cá ra. Mụ vợ biết chuyện đánh mắng ông, năm lần bắt ông ra biển đòi cá thực hiện những yêu cầu ngày càng lớn của mụ: cái máng lợn, ngôi nhà mới, bà nhất

				phẩm phu nhân, nữ hoàng, cuối cùng đòi làm Long Vương. Cá vàng thực hiện bốn yêu cầu đầu nhưng đến yêu cầu cuối cùng, cá vàng tức giận lấy lại tất cả. Trở về, ông lão thấy mụ vợ ngồi trước túp lều cũ nát bên cạnh cái máng lợn sứt mẻ. - Truyện ca ngợi lòng biết ơn đối với những người nhân hậu và nêu ra bài học đích đáng cho những kẻ tham lam bội bạc.
3.	Mẹ hiền dạy con	Lưu Hướng (77-6 Tr. Công nguyên) Trung Quốc	Truyện	Thầy Mạnh Tử lúc nhỏ hay bắt chước nên người mẹ phải chuyển nhà ba lần. Lúc đầu ở gần nghĩa địa, chuyển đến gần chợ rồi chuyển đến gần trường học để cho con học tập lễ phép. Mẹ Mạnh Tử luôn giữ lời để con học điều ngay thẳng. Mẹ Mạnh Tử cũng rất cương quyết khi dạy con. Chính vì thế Mạnh Tử chuyên cần học tập, sau trở thành một bậc đại hiền. - Truyện ca ngợi tấm gương sáng về tình thương con và đặc biệt là cách dạy con: Tạo cho con một môi trường sống tốt đẹp. Dạy con vừa có đạo đức vừa có chí học hành. Thương con nhưng không nuông chiều, ngược lại rất kiên quyết.
4.	Buổi học cuối cùng	An-phông-xơ-Đô-đê (Pháp, TK 19)	Truyện ngắn	Truyện kể về một buổi học cuối cùng đầy xúc động ở làng An-dát, một ngôi làng nhỏ của Pháp giáp biên giới nước Phổ, sau cuộc chiến tranh Pháp - Phổ năm 1870 - 1871. Qua hình tượng nhân vật thầy giáo Ha-men và cậu học trò Phrăng, truyện thể hiện lòng yêu nước trong một

				biểu hiện cụ thể là tình yêu tiếng nói của dân tộc và nêu chân lí: *Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù.*
5.	Lòng yêu nước	I-li-a Ê-ren-bua Liên Xô TK XX	Tuỳ bút - Chính luận	Lòng yêu nước bắt nguồn từ lòng yêu những gì gần gũi, thân thuộc của quê hương. Chiến tranh khiến cho mỗi công dân Xô viết nhận ra vẻ đẹp và yêu da diết quê hương mình. - Bài văn thể hiện, khơi dậy tình thần yêu nước tha thiết, sâu sắc của tác giả và người dân Xô viết trong hoàn cảnh thử thách gay go của cuộc chiến tranh vệ quốc.

CÂY BÚT THẦN

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. THỂ LOẠI

Cây bút thần thuộc loại truyện cổ tích thần kì, với nhân vật thuộc kiểu nhân vật tài năng kì lạ, luôn dùng tài năng để giúp đỡ người nghèo, chống lại những kẻ tham lam, độc ác.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Truyện kể về cậu bé Mã Lương có tài vẽ, được thần trao cho cây bút thần. Em dùng bút giúp cho người nghèo khó, trừng trị những kẻ tham lam độc ác. Cây bút thần với những khả năng, sức mạnh kì diệu của nó là chi tiết tưởng tượng, thần kì đặc sắc. Truyện thể hiện quan niệm của nhân dân về công lí xã hội, về mục đích của tài năng nghệ thuật, đồng thời thể hiện ước mơ về những khả năng kì diệu của con người.

2. Các khía cạnh chính

a. Mã Lương là cậu bé mồ côi nhưng có tài vẽ và rất chăm chỉ luyện tập. Sự thông minh, niềm say mê khiến em tiến bộ rất nhanh. Em được thần tặng cho cây bút kì diệu vẽ được những sự vật thật. Tài năng của em được chắp cánh, có cơ hội thể hiện. Cây bút thần là phần thưởng xứng đáng cho tài năng và lòng say mê ham học của em. Cây bút thần cũng rất phù hợp với tài năng của em.

b. Có cây bút thần kì diệu, em đã giúp người nghèo những vật dụng lao động cần thiết. Em quả là người có tấm lòng nhân hậu và lương thiện, em không dựa vào cây bút thần để lười nhác. Quả thực, Mã Lương rất xứng đáng được nhận phần thưởng quý giá ấy. Chi tiết này cho ta thấy, ở đâu người dân lao động cũng có tâm hồn hết sức đẹp đẽ. Cuộc sống của họ cho dù có nhiều khó khăn nhưng bao giờ họ cũng muốn sống bằng chính sức lao động của mình. Ngay cả trong ước mơ, họ cũng chỉ mơ có được dụng cụ lao động thiết yếu mà thôi. Chi tiết này làm ta nghĩ đến câu nói của người Việt Nam: *Cho cần câu hơn cho xâu cá.*

c. Em không vẽ theo ý của bọn vua quan tham lam, ngược lại còn chế giễu và chống lại chúng. Với tên địa chủ, Mã Lương không vẽ cho hắn, dù bị giam cầm. Tài năng và phép màu nhiệm không phục vụ cho những kẻ tham lam như thế. Cây bút đã giúp em trừng trị tên địa chủ khi hắn muốn cướp cây bút thần để thoả mãn lòng tham. Với tên vua, em vẽ cho hắn nào là gà trụi lông, cóc ghẻ...Mã Lương, và ở đây cũng là nhân dân lao động muốn nói với những kẻ tham lam rằng, chúng chỉ xứng đáng với những thứ xấu xa đó mà thôi. Mã Lương đã dùng tài năng và cây bút thần trừng trị tên vua tham lam độc ác. Em là người ngay thẳng và có những phẩm chất tốt đẹp. Không sợ cái ác, dám chống lại chúng là những phẩm chất đáng quý mà nhân dân lao động muốn gửi gắm vào các nhân vật yêu quý của mình.

d. Trừng trị tên vua độc ác, tham lam, Mã Lương được ca ngợi truyền tụng. Nhưng em đi đâu, không ai biết. Kết thúc truyện để lại nhiều dư âm trong lòng người đọc, người nghe. Em không muốn được tung hô. Em thật chất phác và giản dị. Có lẽ Mã Lương sẽ âm thầm giúp đỡ người nghèo khó và sống với niềm say mê vẽ của mình. Phần thưởng cho tấm lòng của em là cây bút và lòng yêu mến của nhân dân, là em được tự do với lòng say mê vẽ của mình.

e. Cây bút thần trong tay Mã Lương chính là đại diện cho công lí, lẽ phải. Mã Lương chỉ vẽ đồ dùng, công cụ cần thiết để lao động sản xuất cho người nghèo khổ bởi em hiểu: Của cải mà con người hưởng thụ phải do chính tay con người làm ra. Mã Lương không vẽ theo ý của tên địa chủ và vua vì ngòi bút không phục vụ cho kẻ ác, không tiếp tay cho lòng tham và sự gian trá. Bút thần đại diện cho công lí tiêu diệt những kẻ gian ác.

3. Đặc sắc nghệ thuật

Truyện được xây dựng theo trí tưởng tượng rất phong phú và độc đáo của nhân dân, với nhiều chi tiết kì thú:

+ Kiểu nhân vật có tài năng kì lạ (vẽ rất giống thật).

+ Mơ thấy cụ già râu tóc bạc phơ tặng cây bút thần, khi tỉnh dậy thấy cây bút trong tay.

+ Cây bút giúp Mã Lương vẽ được những điều kì diệu: Vẽ vật gì, vật ấy biến thành thật.

+ Cây bút giúp Mã Lương thực hiện công lí, lẽ phải: Giúp người nghèo và trừng trị kẻ gian ác.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

**Cây bút thần* thuộc loại truyện cổ tích thần kì. Sức hấp dẫn của nó không chỉ do yếu tố thần kỳ có mặt khắp nơi trong câu chuyện kể mà còn chính là ở ý nghĩa

nội dung sâu xa của thiên truyện. Sáng tạo nên hình ảnh cây bút thần, người xưa muốn gửi gắm niềm khao khát, ước vọng có vật báu linh thiêng có khả năng giúp họ giành tự do, hạnh phúc, công bằng trong cuộc đấu tranh gay gắt với lũ vua quan tàn bạo.

Đọc *Cây bút thần* ta không khỏi kinh ngạc trước sự phong phú bay bổng kì diệu của trí tưởng tượng nhân dân... với biết bao điều biến hoá kì ảo hiện ra. Tuy nhiên đằng sau lớp sương mờ cổ tích ấy ta vẫn bắt gặp bóng dáng của một cuộc đấu tranh quyết liệt giữa cái Thiện và cái ác. Cái Thiện sẽ thắng cái ác. Công lí, lẽ phải sẽ thuộc về nhân dân.

(Hà Thị Hoà, *Phân tích - bình giảng tác phẩm văn học 7*, NXB Giáo dục, H.2001)

* *Cây bút thần* là truyện cổ tích thể hiện rõ nét quan niệm và văn hoá của người dân Trung Quốc. Tài năng kì lạ của nhân vật không phải là dời non lấp bể, có sức khoẻ vô song, có đôi mắt cực tinh, đôi tai cực thính mà là tài năng vẽ giống thật. Nhân dân Trung Quốc vốn yêu cái đẹp và coi trọng người viết đẹp, vẽ đẹp nên nhân vật có tài năng kì lạ là phải như thế. Ta có thể thấy tấm lòng trân trọng của tác giả dân gian khi xây dựng hình tượng Mã Lương. Hơn thế nữa cậu chính là hình tượng mơ ước của người dân về một nghệ sĩ chân chính, nhận thức được rằng: nghệ thuật chân chính chỉ có ý nghĩa, chỉ có sức mạnh khi phục vụ nhân dân lao động.

Tài năng, trí thông minh, lòng nhân hậu đã khiến cậu được nhận một món quà vô giá: Cây bút bằng vàng thần kỳ. Với tài vẽ, cây bút thần quả là một báu vật (vì thế, khi rơi vào tay kẻ bất tài, cây bút không còn là báu vật nữa). Nhân dân đã rất có lý khi để cậu nhận được phần thưởng ấy. Vật thần kì không phải là cây đũa thần, là cái đàn thần, niêu cơm thần hay bất cứ thứ gì khác. Bởi vì, chỉ có cây bút thần mới phù hợp với tài vẽ của Mã Lương. Đến đây ta thấy trí tưởng tượng của nhân dân dù rất bay bổng nhưng cũng rất đỗi hợp lí.

Không chỉ thể hiện nét riêng trong văn hoá Trung Quốc, truyện còn mang nét chung của truyện dân gian, thể hiện quan niệm chung của nhân dân lao động trên toàn thế giới: Cái Thiện sẽ chiến thắng cái ác. Mã Lương là đại diện cho cái thiện, dùng cây bút thần thực hiện công lý của nhân dân. Giúp đỡ người nghèo, lương thiện, trừng trị những kẻ gian ác, bất lương. Chính điều này làm cho truyện trở nên gần gũi với mọi người trên toàn thế giới.

(N.T.P.T)

*... Cây bút thần là truyện cổ tích về nhân vật có tài năng kì lạ. Cây bút thần và bàn tay vẽ của Mã Lương có một khả năng và sức mạnh kì diệu vừa là chi tiết

tưởng tượng, thần kì vừa chứa đựng yếu tố hiện thực. Truyện thể hiện quan niệm của nhân dân về công lí xã hội, về mục đích của tài năng nghệ thuật. Hội họa nói riêng, các bộ môn khác như văn thơ, âm nhạc... phải biết hướng về nhân dân giúp người lương thiện chống kẻ tham tàn thì nghệ thuật ấy mới có sức mạnh, có khả năng thần kì. Câu chuyện cũng thể hiện ước mơ của nhân dân về những khả năng kì diệu của con người để giúp cho người lương thiện đối phó với bọn bất lương hằng ngày theo dõi, hãm hại con người. Truyện về một cây bút lặng lẽ mà cất lên bao lời nhắn gửi thiết tha, không chỉ tới người nghe người đọc bình thường mà còn tới cả những nhà văn, nhà thơ, các nhạc sĩ tài danh nữa đấy!

(Vũ Dương Qũy-Lê Bảo, *Bình giảng Ngữ văn 6*, NXB Giáo dục, H. 2005)

* Cây bút của Mã Lương vừa mang sức mạnh kì diệu của thần linh, vừa thấm đẫm sắc màu, đường nét của tấm lòng trân trọng trí tuệ con người. Rất thương dân làng mình nghèo khổ thiếu thốn, nhưng Mã Lương không chiều họ, tặng họ của cải ăn sẵn. Chàng đã nhắc nhở họ phải cầm lấy cày di cày ruộng, cầm lấy cuốc mà cuốc vườn, không nên lười biếng, ỷ lại. Việc vẽ tranh tặng dân làng của Mã Lương gợi chúng ta nhớ đến một câu nói cửa miệng, cũng là một thái độ ứng xử đúng đắn của nhân dân ta: *Tôi không cho anh con cá để anh ăn sẵn mà tặng anh cái cần câu để anh tự đi câu cá về ăn.* (Cho cần câu hơn cho xâu cá). Cây bút thần và bàn tay người họa sĩ Mã Lương kì diệu và sáng suốt làm sao!

(Vũ Dương Quỹ-Lê Bảo, *sđd*)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời.

1. Mã Lương thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích?

A. Nhân vật là dũng sĩ

B. Nhân vật có tài năng kì lạ.

C. Nhân vật bất hạnh.

D. Nhân vật thông minh.

2. Vì sao Mã Lương được thần tặng cho cây bút thần?

A. Vì Mã Lương thông minh, chăm chỉ.

B. Vì Mã Lương thích học vẽ, dù không có bút nhưng vẫn say mê luyện tập.

C. Vì Mã Lương ngay thẳng, tốt bụng.

D. Kết hợp cả A, B, C.

3. Theo em, vì sao tên vua không vẽ được những thứ hắn muốn?

A. Vì hắn không có tài năng vẽ.

B. Vì hắn quá tham lam nên bút thần không theo ý hắn.

C. Vì hắn không phải là chủ cây bút nên bút thần không theo ý hắn.

D. Vì hắn vừa không có tài, vừa tham lam nên bút thần không theo ý hắn.

4. Hình tượng** cây bút thần **có ý nghĩa gì?

A. Người tốt sẽ được phần thưởng xứng đáng.

B. Thần trao cho Mã Lương vũ khí chống lại cái ác.

C. Là hình tượng đại diện cho công lý, chính nghĩa, lẽ phải.

D. Làm cho câu chuyện hấp dẫn hơn.

II. TỰ LUẬN

1. Tìm những chi tiết lí thú và gợi cảm trong truyện. Em thích nhất chi tiết nào? Vì sao?

2. Viết đoạn văn ngắn, nêu ý nghĩa truyện *Cây bút thần*.

ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

A-lêch-xan-đrơ Xec-ghê-ê-vích Pu-skin (1799 - 1837) là đại thi hào Nga, sinh ra ở Matxcơva trong một gia đình quý tộc. Từ nhỏ, Pu-skin đã có đầy đủ điều kiện để học tập và phát triển tài năng. Mặt khác, những gia nhân, nông nô, nhất là bà nhũ mẫu, đã giúp Pu-skin đi vào thế giới truyện cổ tích và dân ca Nga, gần gũi với tiếng nói hằng ngày của nhân dân. Pu-skin là nhà thơ có tinh thần yêu nước, yêu tự do, chống cường quyền bạo lực, căm ghét ách nô dịch, là nhà thơ nhân dân. Pu-skin kế tục những thành tựu của văn học Nga cổ (TK XI - TK XVII) và văn học Nga thế kỉ XVIII, là người mở đường phát triển cho văn học mới, là *"Khởi đầu của mọi khởi đầu" "đã đặt nền móng không gì lay chuyển nổi cho tất cả những gì sau này sẽ kế tục mình trong nghệ thuật Nga"*.

(M.Gorki)

II. TÁC PHẨM

1. Thể loại: Truyện cổ tích.

A-lêch-xan-đrơ Xec-ghê-ê-vích Pu-skin kể lại bằng 205 câu thơ dựa trên cơ sở truyện dân gian Nga, Đức. Truyện vừa giữ được nét chất phác, dung dị của nghệ thuật dân gian, vừa thể hiện tài năng sáng tạo của Pu-skin.

2. Nội dung

a. Nội dung khái quát: *Ông lão đánh cá và con cá vàng* là câu chuyện kể về ông lão đánh cá nghèo khổ, nhân hậu bắt được cá vàng, thả ra, không đòi hỏi trả ơn. Nhưng mụ vợ lão lại quá tham lam, đòi hỏi quá nhiều. Cuối cùng, lòng tham lam, sự bội bạc của mụ vợ đã bị trừng phạt đích đáng. Truyện ca ngợi lòng biết ơn đối với những người nhân hậu và nêu ra bài học đích đáng cho những kẻ tham lam, bội bạc.

b. *Các khía cạnh chính:*

b 1. Nhân vật ông lão đánh cá:

- Ông lão đánh cá hiện lên là một người có tấm lòng nhân hậu. Cuộc sống của vợ chồng ông lão tuy vất vả và nghèo khổ: sống trong một túp lều nát, ngày ngày

chồng đi thả lưới, vợ ở nhà kéo sợi; nhưng khi bắt được con cá vàng có phép lạ, ông lão cũng chẳng tham lam: *Ta không đòi hỏi gì cả, ta cũng chẳng cần gì.*

- Nhưng ông lão đánh cá cũng thật nhu nhược. Kể lại câu chuyện ấy với vợ, bị vợ mắng, bắt thực hiện những yêu cầu của mình, lần nào ông lão cũng ra biển gọi cá vàng để cầu xin. Cũng có những lần, ông thấy đòi hỏi của mụ vợ quá đáng, nhưng không ngăn được mụ và cũng không dám làm trái lời mụ. Khi mụ vợ có quyền lực rồi, ông lão càng sợ hơn.

b.2. Mụ vợ ông lão đánh cá:

- Ngược lại với ông lão đánh cá, mụ vợ ông là một kẻ vô cùng tham lam. Có thể nói lòng tham của mụ là vô đáy. Năm lần bắt ông lão ra biển gọi cá vàng là năm lần đòi hỏi của mụ tăng lên. Nếu như lần thứ nhất, lần thứ hai, mụ yêu cầu đáp ứng về vật chất, tuy có tăng lên nhưng vẫn có thể chấp nhận được, thì lần thứ ba, bên cạnh đòi của cải, mụ còn đòi về danh vọng. Lần thứ tư, mụ không chỉ đòi hỏi của cải, danh vọng mà còn đòi cả quyền lực nữa. Có cảm tưởng đòi hỏi của mụ đã lên đến đỉnh điểm, không còn gì hơn nữa. Nhưng lòng tham của mụ là không đáy, làm cho mụ trở thành mù quáng. Cuối cùng, mụ đòi hỏi một địa vị đầy quyền uy nhưng không có thật, đòi sở hữu quyền phép vô hạn. Chính lòng tham không giới hạn đã khiến cho mụ bị trừng phạt.

- Tuy nhiên mụ vợ ông lão đánh cá không chỉ bị trừng phạt bởi thói tham lam mà song hành với thói tham lam ấy là sự bội bạc xấu xa. Chính sự bội bạc này khiến cho mụ trở nên tồi tệ hơn, đáng ghét hơn, đáng bị trừng phạt hơn. Không có công lao gì với cá vàng nhưng lại cứ muốn cá vàng thực hiện yêu cầu của mình. Ngay cả với người chồng, người giúp mụ xin những ước muốn, mụ cũng đối xử rất tệ: *Mụ mắng ông lão; quát to lớn, mắng như tát nước vào mặt, giận dữ nổi trận lôi đình, tát vào mặt ông lão, nổi cơn thịnh lộ, sai người đi bắt ông lão đến.* Với người đã giúp mình, mụ đối xử thật thô lỗ, hành hạ ông lão, nào là mắng, đánh, bắt dọn chuồng ngựa, lại còn đuổi đi! Với cá vàng, lẽ ra phải coi là ân nhân thì mụ lại coi như công cụ thực hiện ước muốn của mình. Đỉnh điểm của lòng tham cũng là đỉnh điểm của sự bội bạc. Mụ còn muốn sở hữu cá vàng, sở hữu quyền phép vô hạn, có thể trực tiếp sai bảo cá vàng. Sự bội bạc ấy rất đáng bị khinh ghét, trừng phạt và khó tha thứ hơn cả sự tham lam.

- Mụ vợ bị trừng phạt: không được gì cả, trở về với túp lều nát, cái máng lợn bị sứt mẻ ngày xưa. Sau khi đã trải qua tột đỉnh của giàu sang danh vọng mà lại phải trở về cảnh nghèo khổ ban đầu, mụ sẽ lấy khó khăn và khổ sở vô cùng. Mụ sẽ phải suy nghĩ về việc làm của mình, vì tất cả những gì mình đã gây ra. Đó chẳng phải là sự trừng phạt đích đáng hay sao?

b 3. Hình tượng ông lão đánh cá, mụ vợ, cá vàng đều mang ý nghĩa tượng trưng, thể hiện tư tưởng của tác giả.

- Ông lão đánh cá: Tượng trưng cho nhân dân, có tấm lòng nhân hậu, có sức mạnh, khả năng (con cá vàng) nhưng nhu nhược nên bị đàn áp.

- Mụ vợ ông lão đánh cá: Tượng trưng cho chế độ thống trị tàn ác, độc đoán, tham lam và bội bạc.

- Cá vàng tượng trưng cho lòng biết ơn, đại diện cho lòng tốt, cái thiện, tượng trưng cho một chân lí của dân gian, trừng phạt đích đáng những kẻ tham lam, bội bạc.

b 4. Truyện ca ngợi lòng biết ơn đối với những người nhân hậu và nêu ra bài học đích đáng cho những kẻ tham lam, bội bạc.

3. Đặc sắc nghệ thuật

Truyện sử dụng những biện pháp nghệ thuật rất tiêu biểu của truyện cổ tích như:

- Sự lặp lại tăng tiến của các tình huống cốt truyện.

+ Năm lần ông lão ra biển gặp cá vàng, cảnh biển lại có sự thay đổi như tỏ thái độ đối với ước muốn ngày càng tăng dần của mụ vợ ông lão *Biển gợn sóng êm ả, Biển xanh đã nổi sóng, Biển xanh nổi sóng dữ dội, Biển nổi sóng mù mịt,* cuối cùng là *một cơn giông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm.*

+ Năm lần yêu cầu ông lão, thái độ của mụ vợ ngày càng tồi tệ: *mắng chồng, quát to hơn, mắng như tát nước vào mặt, giận dữ, nổi trận lôi đình tát vào mặt ông lão, nổi cơn thịnh nộ sai người đi bắt ông lão đến.*

+ Những đòi hỏi của mụ ngày càng tăng: từ vật chất đến danh vọng, quyền lực, cuối cùng là quyền lực tối thượng.

- Sự xuất hiện của các yếu tố tưởng tượng, hoang đường: Cá biết nói, có phép màu, thực hiện được ý muốn con người. ...

- Sự đối lập giữa các nhân vật: ông lão hiền lành, nhân hậu, mụ vợ ông lão thì tham lam bội bạc...

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Tên truyện là *Ông lão đánh cá và con cá vàng* nhưng nội dung chính của truyện lại tập trung phê phán thói tham lam, bạc bẽo của mụ vợ ông lão.

... Trong truyện, cá vàng đóng vai trò rất quan trọng, vì thế sẽ rất thiếu sót nếu chúng ta chẳng nói đến cá vàng. Cá vàng ở đây là một nhân vật kì ảo, một kiểu nhân vật quen thuộc trong nhiều truyện cổ tích. Cá biết nói tiếng người, biết đền ơn

trả nghĩa, biết thưởng phạt công minh. Cá vàng chính là nhân vật thể hiện ước mơ của nhân dân về công lí, về hạnh phúc. Và ta thử hình dung, nếu vắng bóng chú cá vàng thì câu chuyện kể sẽ trở nên khô khan, tẻ nhạt trần trụi đến nhường nào.

(Hà Thị Hoà, *Phân tích bình giảng tác phẩm văn học*, NXB Giáo dục H.2001)

* "Chúng tôi lại nghĩ đến một khía cạnh khác từ hình tượng con cá: ý nguyện của mụ vợ muốn trở thành nữ hoàng dù sao cũng quá đáng thế nhưng vẫn được đáp ứng. Phải chăng qua đó nhân dân muốn thử nghiệm, muốn đo giới hạn cuối cùng của lòng tham và tính vị kỉ. Đến đỉnh điểm, lòng tham đã trở nên mù quáng. Mụ vợ ông lão đã vượt qua giới hạn cuối cùng của hiện thực nơi trần thế, cũng là điều kiện cuối cùng cá vàng có thể đáp ứng. Mụ mơ ước trở thành Long Vương cho dù mụ không hề biết thực chất làm Long Vương có thực sự sung sướng hơn làm nữ hoàng không? Ở đây mụ vợ không chỉ có lòng tham mà có cả lòng khao khát quyền lực mù quáng. Vì mù quáng mụ đã giẫm đạp lên những tình cảm bình dị và thiêng liêng (tình cảm vợ chồng), giày xéo lên đạo lí nhân nghĩa (phụ bạc ân nhân). Vì thế biển xanh đã nổi cơn giông tố. Cá vàng chấm dứt cuộc thử nghiệm. Với mụ vợ, cái *mất* còn nhanh hơn cái *được*. Ông lão phải ra biển lần thứ tư mụ mới trở thành nữ hoàng. Nhưng chỉ trong thoáng chốc, từ ngôi vị nữ hoàng mụ trở về túp lều nát và cái máng lợn sứt mẻ.

Khác với các câu chuyện cổ tích ở Việt Nam, câu chuyện kết thúc thật hiền lành. Không có cảnh chết chóc bi thảm hay thương tâm. Ông lão vẫn thế, chẳng được gì cũng chẳng mất gì. Mụ vợ trở về với địa vị vốn có, mọi chuyện xảy ra như là một sự tỉnh ngộ sau một giấc mơ viển vông. Sau cơn bão mặt biển trở lại hiền hoà để khép lại câu chuyện như một lời cảnh tỉnh: Hãy sống lương thiện bằng chính khả năng và sức lực của mình, hãy trân trọng những tình cảm bình dị mà thiêng liêng. Tính chất ngụ ngôn đã bộc lộ ngay trong câu chuyện có màu sắc cổ tích này.

(Giang Khắc Bình, *Sự tức giận của biển hay câu chuyện về "Ông lão đánh cá và con cá vàng"*, Văn học và Tuổi trẻ, Số 7 - 2001)

* A. Pu-skin kể lại nhiều truyện cổ tích dân gian bằng thơ, như: *Truyện cổ tích về con gà trống, Truyện cổ tích về nàng công chúa chết và bảy chàng hiệp sĩ, Ông lão đánh cá và con cá vàng* (nhan đề trong nguyên bản tiếng Nga của truyện này là Truyện cổ tích về người đánh cá và con cá vàng). *Ông lão đánh cá và con cá vàng* là truyện cổ tích dân gian Nga, Đức được Pu-skin - mặt trời của thi ca Nga - viết lại bằng 205 câu thơ (tiếng Nga). Cốt truyện dân gian thật giản đơn và dung dị: ông lão đánh cá và vợ sống trong một túp lều nát bên bờ biển. Ngày ngày, chồng đi thả lưới,

còn vợ ở nhà kéo sợi. Trong một lần kéo lưới, ông lão bắt được một con cá vàng biết nói tiếng người. Nghe cá vàng van xin, động lòng thương, ông đã thả cá về biển mà không hề đòi hỏi điều gì trước lời hứa đền ơn của con cá. Nhưng khi mụ vợ biết chuyện, mụ bắt ông lão đi cầu xin cá vàng đáp ứng những mong ước của mụ. Lòng tham của mụ không ngừng gia tăng, mụ liên tục đòi cá vàng phải làm thoả mãn lòng tham ấy. Cuối cùng mụ bị trừng phạt bởi lòng tham vô độ và sự bạc bẽo xấu xa.

Viết lại câu chuyện bằng thơ, tác giả vừa giữ nét chất phác, dung dị với những biện pháp nghệ thuật rất quen thuộc của truyện cổ tích dân gian vừa rất điêu luyện, tinh tế trong sự miêu tả và tổ chức truyện. Khéo léo đan cài thêm một vài chi tiết, mà tiêu biểu là chi tiết cảnh biển đổi thay, tác giả đã khiến câu chuyện trở nên huyền bí, hấp dẫn và giàu ý nghĩa hơn. Năm lần, ông lão ra biển gọi cá vàng là năm lần cảnh biển thay đổi. Từ chỗ *biển gợn sóng êm ả, biển xanh đã nổi sóng đến biển xanh nổi sóng dữ dội, biển nổi sóng mù mịt*, cuối cùng là *một cơn giông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm*. Yêu cầu của mụ vợ tăng lên, lòng tham của mụ tăng lên thì biển xanh thêm dữ dội. Như vậy, biển không chỉ là thiên nhiên bình thường làm khung cảnh cho hoạt động của con người mà biển còn tham gia tích cực và đi suốt diễn biến của truyện. Dường như biển chính là hình tượng thể hiện thái độ, phản ứng của nhân dân, của cả trời đất trước thói xấu xa, vừa tham lam vô độ, vừa bội bạc của nhân vật mụ vợ.

(N.T.P.T)

* "Trong truyện cổ tích đều có những yếu tố của thực tế

(V.I Lênin, *Dẫn theo Đỗ Bình Trị trong cuốn Phân tích tác phẩm văn học dân gian*, NXB Giáo dục, 1995)

* Trong các truyện cổ tích, điều trước tiên có tác dụng giáo dục là sự "hư cấu" - các khả năng kì diệu của trí óc, chúng ta có thể nhìn xa về phía trước hiện tượng.

(M.Gorki)

* Truyện cổ tích là sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú của nhân dân và ở một bộ phận chủ yếu, yếu tố tưởng tượng thần kì tạo nên một đặc trưng nổi bật trong phương thức phản ánh hiện thực và ước mơ.

(Chu Xuân Diên, *Từ điển văn học, tập II* NXB KHXH, 1984)

* Nhân vật trong truyện cổ tích là *hành động* của nó. Qua hành động của nhân vật trong suốt câu chuyện kể, ta có thể dễ dàng đọc ra tính cách của nó. Nó chưa

được cá thể hoá, càng chưa được tâm lí hoá, cũng như các nhân vật của văn học cổ, xét chung (....)

Nhân vật trong truyện cổ tích cũng chỉ gồm một số kiểu dạng nhất định, đó là những *kiểu nhân vật*.

(Đỗ Bình Trị, *Phân tích tác phẩm văn học dân gian*, NXB Giáo dục, 1995).

* "... Ở truyện cổ tích, mỗi nhân vật có một cuộc đời, số phận riêng. Tác giả truyện cổ tích rất coi trọng việc phản ánh những diễn biến trong cuộc đời và chung cục của mỗi nhân vật. Vì thế, truyện cổ tích thường được kể một cách đầy đủ, cụ thể; có đầu có đuôi, chứ không ngắn gọn và kết thúc đột ngột và bất ngờ như truyện cười."

(Hoàng Tiến Tựu, *Bình giảng truyện dân gian*, NXB Giáo dục 1994)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

***1. Ông lão đánh cá và con cá vàng* là truyện của A. Pu-skin nhưng vì sao vẫn được gọi là truyện cổ tích?**

A. Vì truyện có yếu tố tưởng tượng như truyện cổ tích dân gian

B. Vì nội dung tư tưởng của truyện giống truyện cổ tích dân gian.

C. Vì A. Pu-skin viết lại dựa trên truyện dân gian Nga, Đức vẫn giữ những nét cơ bản của truyện dân gian.

2. Mụ vợ ông lão đánh cá bị trừng phạt vì tội gì ?

A. Tội tham lam. Lòng tham của mụ càng ngày càng tăng đến vô độ

B. Tội vô ơn, bội bạc với ân nhân của mình.

C. Kết hợp cả A, B.

3. Hình tượng con cá vàng có ý nghĩa gì?

A. Tượng trưng cho lòng biết ơn, công lí, lẽ phải.

B. Tượng trưng cho khả năng kì diệu của con người.

C. Tượng trưng cho phần thưởng xứng đáng cho người nhân hậu.

4. Chi tiết nào sau đây có hiệu quả nghệ thuật cao?

A. Túp lều nát, cái máng lợn sứt mẻ.

B. Ông lão gọi con cá vàng

C. Cảnh biển thay đổi trong mỗi lần ông lão ra biển gọi con cá vàng.

***5. Ý kiến nào sau đây không đúng với ý nghĩa truyện** Ông lão đánh cá và con cá vàng?*

A. Truyện ca ngợi lòng biết ơn đối với những người nhân hậu.

B. Truyện thể hiện mơ ước về khả năng kì diệu của con người.

C. Truyện nêu ra bài học đích đáng cho những kẻ tham lam bội bạc.

II. TỰ LUẬN

1. Theo em, nhân vật ông lão trong truyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng* là người như thế nào?

2. Nêu tác dụng của biện pháp lặp lại năm lần ông lão ra biển theo yêu cầu của mụ vợ.

MẸ HIỀN DẠY CON

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

Lưu Hướng (77 - 6 Trước Công Nguyên) là nhà nho, nhà mục lục học, văn học nổi tiếng đời Hán, Trung Quốc cổ đại.

II. TÁC PHẨM

1. Xuất xứ

Truyện *Mẹ hiền dạy con* được trích dịch từ sách *Liệt nữ truyện*, được hai tác giả Việt Nam là Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc (1890 - 1942), Tử An Trần Lê Nhân (1887 - 1975) dịch và xếp vào sách *Cổ học tinh hoa* (1925).

2. Nội dung

a. Nội dung khái quát: Truyện kể về cách giáo dục con của mẹ thầy Mạnh Tử, vừa yêu thương, vừa nghiêm khắc, khiến cho con học thành tài.

b. Các khía cạnh chính

Truyện có sáu đoạn, năm đoạn đầu, mỗi đoạn là một mẩu chuyện nhỏ về cách giáo dục con của mẹ thầy Mạnh Tử, đoạn cuối nêu lên kết quả của giáo dục ấy.

b 1. Ba đoạn đầu là chuyện về ba lần dời nhà (chuyển chỗ ở) của mẹ thầy Mạnh Tử. Mục đích của việc dời nhà là chọn môi trường lành mạnh phù hợp với yêu cầu dạy con nên người. Ở gần nghĩa địa, con học *đào, chôn, lăn khóc*, chuyển đến gần chợ, con học *buôn bán điên đảo*, chuyển đến gần trường học, con *học tập lễ phép, cắp sách vở*, lúc ấy bà mẹ mới yên tâm. Môi trường sống có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành nhân cách của con người. Chọn môi trường sống tốt đẹp lành mạnh là bước đầu giáo dục, hình thành nhân cách tốt đẹp cho con.

b 2. Chuyện thứ tư, bà mẹ nêu gương không nói dối với con. Thực ra, người mẹ chỉ đùa, nhưng nghĩ con còn nhỏ sẽ hiểu là thật, mà mình không thực hiện thì hoá ra nói dối. Vì thế, bà mua thịt cho con ăn để tránh hiểu lầm. Đây không chỉ là bài học về lòng trung thực mà còn là bài học về cách dạy con, cha mẹ chính là tấm gương để con học tập, noi theo.

b3. Chuyện thứ năm, người mẹ dùng dao cắt đứt tấm vải đang dệt, lấy đó làm bài học cho con: bỏ học đi chơi làm hỏng một sự việc tốt đẹp. Việc làm ấy có tác động mạnh mẽ đến người con, khiến người con chuyên cần học tập.

b 4. Tấm lòng, tình yêu thương con, cách giáo dục con đúng đắn của người mẹ đã định hướng cho con, giúp cho con nên người. Thầy Mạnh Tử đã chuyên cần học tập, về sau đã trở thành một bậc đại hiền.

* *Mẹ hiền dạy con* mang những nét gần gũi, giống truyện trung đại Việt Nam nên SGK Ngữ văn 6, tập một đã xếp vào phần truyện trung đại Việt Nam. Đặc điểm của truyện là biểu hiện đạo lí, có tính chất giáo huấn (ở đây là phương pháp dạy con của bậc làm cha, làm mẹ).

3. Đặc sắc nghệ thuật

Cốt truyện đơn giản nhưng có nhiều chi tiết giàu ý nghĩa: ba lần dọn nhà để tìm đến môi trường sống tốt nhất cho con, mua thịt cho con ăn để nêu gương về lòng trung thực cho con học tập, cắt đứt tấm vải để dạy con đừng bỏ học giữa chừng.

Tính cách của nhân vật bộc lộ qua hành động, ngôn ngữ đối thoại. Người kể chuyện có khi xen vào lời bình về nhân vật khiến câu chuyện thêm phần hấp dẫn.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* *Liệt nữ truyện* của Lưu Hướng là một bộ sách gồm bảy quyển. Bộ sách đã nêu 104 tấm gương tốt và xấu về người phụ nữ nhằm đề cao đạo đức và phê phán những biểu hiện vô đạo đức theo quan niệm nhà nho.

Cổ học tinh hoa gồm 250 đoạn, chọn từ các bộ sách cổ nổi tiếng. Ở đây chỉ chọn một mẩu trên từ *Liệt nữ truyện*. Đây là sách tập hợp những mẩu chuyện hay, những bài học quý trong kho tàng tư tưởng Trung Quốc cổ xưa, đọc vừa thú vị, vừa bổ ích.

(Trần Đình Sử, *Về tác giả, tác phẩm Ngữ văn 6*,
NXB Giáo dục, 2005)

* Theo tư liệu, sách vở, Mạnh Tử tên là Mạnh Kha, người tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, sống khoảng thời gian từ năm 372 đến năm 289 trước Công nguyên, cách ngày nay trên hai nghìn năm. Mạnh Tử là một nhà hiền triết nổi tiếng từng đi chu du khắp đất nước Trung Hoa rộng lớn để dạy học, viết sách về chính trị, đạo đức. Ông được nhân dân và các trí thức suy tôn là á Thánh (vị thánh thứ hai) sau Khổng Tử. Ngay từ tuổi ấu thơ, Mạnh Kha đã bộc lộ trí thông minh, ham học tập, hay thắc mắc, luôn tìm tòi, suy ngẫm nhằm nâng cao hiểu biết để mau chóng trưởng thành. Đường đời của Mạnh Tử từ khi thơ ấu đến lúc trở thành một bậc đại

hiền - người vừa có đạo đức, vừa hiểu biết rộng rãi được mở đầu bằng những năm tháng sống bên mẹ, được mẹ dạy dỗ chu đáo.

(...) Tóm lại, truyện *Mẹ hiền dạy con* ca ngợi một tấm gương người mẹ có tấm lòng và phương pháp dạy con của một cô giáo tài hoa. Tạo cho con một môi trường sống tốt đẹp, rèn cho con vừa có đạo đức, vừa có chí học hành, thương con nhưng không nuông chiều con, ngược lại rất nghiêm khắc. Bên cạnh nhân vật người mẹ - cô giáo, nhân vật Mạnh Tử cũng thật đáng nhớ. Đó là một người con - một cậu học trò vừa hiếu thảo, vừa nhanh nhẹn, thông minh, biết vâng lời mẹ, biết làm theo điều tốt. Truyện có nhiều chi tiết xúc động, giàu ý nghĩa. Ra đời cách chúng ta trên hai ngàn năm mà áng *Cổ học tinh hoa* ấy gần gũi chúng ta ngày nay và bổ ích với chúng ta biết bao.

(Vũ Dương Quỹ - Lê Bảo, *Bình giảng Văn 6*, Sdd)

* Câu chuyện ngắn gọn nhưng để lại trong lòng người đọc nhiều suy ngẫm. Suy ngẫm về người mẹ, suy ngẫm về người con. Người mẹ ấy quả thực là rất yêu thương con. Tình yêu thương ấy thể hiện ở lòng khát khao mong mỏi con nên người. Vì thế, người mẹ biết phải dạy dỗ và giáo dục con như thế nào. Tuy chưa có những lý thuyết về nuôi dạy con nhưng mẹ thầy Mạnh Tử biết quan tâm đến những gì con học được để định hướng đúng đắn cho con. Thấy con *đào, chôn, lăn khóc* khi nhà ở nghĩa địa, bà biết cần phải thay đổi chỗ ở. Chuyển đến gần chợ rồi, lại thấy con học *buôn bán đảo điên* người mẹ không yên lòng. Học những điều ấy, bà đâu muốn! Chỉ khi ở gần trường học, bà mới yên lòng vì *con học tập lễ phép*. Chỉ có tình yêu thương, sự quan tâm lo lắng cho con thì người mẹ mới làm được những việc như thế.

Mẹ thầy Mạnh Tử hiểu con mình nên đã lựa chọn cách giáo dục rất phù hợp và có tác dụng. Bà đã không nói dối con (mà thực chất chỉ là câu nói đùa) để dạy con đức tính thật thà. Người mẹ hiểu rằng, con còn nhỏ dại, không biết đó là lời nói đùa, tin là thật. Thế mà người mẹ không thực hiện, khác nào nói dối, khác nào làm con mất lòng tin và cũng học nói dối. Thận trọng trong từng việc, dù là nhỏ nhất, mẹ thầy Mạnh Tử đã nêu tấm gương sáng cho người con noi theo, cho chúng ta noi theo. Không chỉ là tấm gương, mẹ thầy Mạnh Tử còn trực tiếp dạy cho con lòng ham học. Hành động cầm dao cắt đứt tấm vải đang dệt khi thấy con bỏ học về nhà chơi thật quyết liệt và có ý nghĩa răn đe, giáo dục sâu sắc. Tấm vải đang dệt là của cải, là công sức bao ngày của người mẹ. Thế mà người mẹ cắt đứt đi, để giáo dục con rằng: Những công lao, những hứa hẹn thành quả tốt đẹp mà bị cắt đứt như thế thật là uổng phí. Con đang học mà bỏ dở cũng uổng phí như vậy đấy! Bằng

cách ấy, người mẹ đã khiến người con hiểu rằng: muốn có thành quả tốt đẹp phải kiên trì và chú tâm vào công việc, ở đây là việc học hành.

Suy ngẫm về người con, ta thấy thầy Mạnh Tử quả là người ham học hỏi, thông minh, biết suy nghĩ. Vì ham học hỏi, thông minh nên cậu bé Mạnh Kha đã biết quan sát, học theo những người xung quanh. Dù chưa biết đó là đúng hay sai, nên hay không nên nhưng việc cậu để ý, học hỏi xung quanh đã thể hiện cậu thật hơn người. Không chỉ vậy, Mạnh Kha còn rất thông minh và biết suy nghĩ. Thấy việc mẹ làm, nghe lời mẹ nói, cậu đã hiểu ngay mọi lẽ, hiểu rằng, việc mình bỏ học là làm hỏng một kết quả tốt đẹp. Thế nên *từ hôm đó, Mạnh Tử học tập rất chuyên cần*.

Một con người thông minh, biết suy nghĩ, một người mẹ yêu con, hiểu con, biết cách dạy con đã giúp cho Trung Hoa có thêm *một bậc đại hiền* nổi tiếng trong sử sách.

(N.T.P.T)

* Lời bàn: Mẹ thầy Mạnh Tử thực là người biết dạy con. Mấy lần dọn nhà, thế là hiểu cái lẽ: *Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng*. Nói lỡ lời thì phải mua thịt cho con ăn, thế là hiểu cái lẽ: Chớ nên nói dối trẻ. "Thấy con bỏ học mà cầm dao cắt đứt miếng vải làm thí dụ, thế là hiểu cái lẽ: Học hành cốt phải chuyên cần... Người ta nói: Người mẹ là thầy giáo thứ nhất của trẻ, nên người mẹ phải biết cách dạy trẻ mới được. Dạy con từ thuở còn thơ, cái buổi ban đầu là cái buổi khó, mà cái trách nhiệm gia đình giáo dục rất to. Không kém gì người cha, mà có lẽ hơn.

(Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc - Tử An Trần Lê Nhân,
Cổ học tinh hoa, NXB Văn học, 1999)

THÀNH THỰC

Vợ thầy Tăng Tử đi chợ.. Con khóc đòi đi theo. Mẹ bảo: Con ở nhà, rồi mẹ về, mẹ làm thịt lợn cho con ăn"

Lúc vợ về, thầy Tăng Tử đi bắt lợn làm thịt.

Vợ nói: "Tôi nói đùa đấy mà".

Thầy Tăng Tử bảo: "Nói đùa là thế nào? Đừng khinh trẻ thơ là không biết gì Cha mẹ làm gì, nó thường hay bắt chước. Nay mình nói dối nó, chẳng là mình dạy nó nói dối ư!"

Tăng Tử nói xong, làm thịt lợn cho con ăn thật.

Lời bàn: Thầy Tăng Tử nhà nghèo, phải giết lợn, mẹ thầy Mạnh Tử cũng có mua miếng thịt lợn nhà láng giềng cho con ăn, đều là vì đã chót nói đùa với trẻ con cho ăn thịt lợn, thì không muốn nói dối nó, để giữ lấy lòng thành thực của nó. Phàm cha mẹ, ai là không muốn cho con thành thực. Nhưng muốn vậy, tất mình phải giữ gìn, chớ có nói dối bao giờ. Lục chí có câu nói rằng: "Nếu mình không hết lòng thành mà mong người ta hết lòng thành chắc người ta chán mình mà không theo mình nữa. Lần này mình không có lòng thành, chắc người ta ngờ vực mà không tin được nữa". Cũng một ý với thầy Tăng Tử dạy con vậy.

(Theo *Cổ học tinh hoa* - Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc,
Tử An Trần Lê Nhân , NXB Văn học, 1999)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời.

1. Vì sao Mẹ hiền dạy con được xếp trong phần Truyện trung đại Việt Nam?

A. Vì được viết bằng chữ Hán.

B. Vì cũng ra đời trong thời trung đại Việt Nam.

C. Vì có cách viết gần giống cách viết của truyện trung đại Việt Nam mang nội dung giáo huấn rõ nét.

D. Vì truyện ca ngợi những tấm gương sáng trong sử sách.

2. Theo em, vì sao mẹ thầy Mạnh Tử chuyển nhà tới ba lần?

A. Vì mẹ thầy Mạnh Tử thay đổi việc làm nên phải chuyển nhà.

B. Vì mẹ thầy Mạnh Tử muốn con được học ở những nơi có điều kiện sống tốt hơn.

C. Vì mẹ thầy Mạnh Tử muốn chọn môi trường tốt nhất để con học được điều hay lẽ phải.

D. Vì mẹ thầy Mạnh Tử muốn con có nhiều bạn.

3. Việc mẹ thầy Mạnh Tử mua thịt cho con ăn có ý nghĩa gì?

A. Dạy con lòng thành thực, không nói dối.

B. Luôn dành cho con những gì tốt đẹp nhất.

C. Yêu thương con hết lòng.

4. Mẹ thầy Mạnh Tử cắt đứt tấm vải đang dệt nhằm mục đích gì?

A. Bày tỏ sự tức giận vì con bỏ học.

B. Qua hành động ấy, bà dạy cho con ý thức học tập chuyên cần.

C. Dạy cho con: phải biết quý trọng sức lao động.

5. Cách dạy con của bà mẹ thầy Mạnh Tử có tác dụng như thế nào?

A. Thầy Mạnh Tử có phương pháp học tập đúng.

B. Thầy Mạnh Tử được mẹ dạy dỗ thành tài.

C. Nhờ cách dạy ấy, thầy Mạnh Tử học tập chuyên cần, sau trở thành bậc đại hiền

II. TỰ LUẬN

1. Qua truyện, em hình dung mẹ thầy Mạnh Tử là người như thế nào?

2. Truyện *Mẹ hiền dạy con* gợi cho em suy nghĩ gì về đạo làm con của mình?

BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

An-phông-xơ Đô-đê (1840 -1897) là nhà văn hiện thực lớn của nước Pháp cuối thế kỉ XIX. Ông sinh tại Nim, miền Prôvăngxơ - phía Nam nước Pháp. Cha ông kinh doanh tơ lụa bị phá sản khi ông còn nhỏ, vì thế An-phông-xơ Đô-đê không được theo học đầy đủ, sớm phải đi làm vất vả. Thông minh, ham đọc sách, mười lăm tuổi, Đô - đê bắt đầu làm thơ và viết tiểu thuyết. Năm 18 tuổi, ông lên Pari viết văn. Những tác phẩm đầu tay không thành công lắm. Ông bắt đầu nổi tiếng với truyện ngắn tự thuật Lơ Potisôzơ (1886), sau đó nổi tiếng trên văn đàn Pháp bởi những tập truyện ngắn. Truyện ngắn của Đô-đê thể hiện niềm say mê rung cảm của tâm hồn, tình thương nhớ khôn nguôi đối với miền Prôvăngxơ ngập tràn ánh nắng, chế giễu kẻ vì tham lam tiền bạc, trở thành tàn ác. Trong truyện ngắn của Đô-đê, ta cũng thấy một xã hội bon chen danh lợi, tầm thường đáng bị chế giễu, lên án. Đô-đê mất khi mới lên 57 tuổi tại Pari, để lại nhiều tập truyện ngắn: *Những lá thư viết từ cối xay gió* (1869), *Tác-ta-ranh-xứ Tarax-công* (1972), *Tac-ta-ranh trên núi An-pơ* (1885), *Cảng Ta-rax-công* (1890), *Frômăng em và Rix-le anh* (1874), *Giăc* (1878) *Những ông vua lưu đày* (1879), *Người bất tử* (1888).

II. TÁC PHẨM

1. Xuất xứ

Truyện *Buổi học cuối cùng* lấy bối cảnh từ một biến cố lịch sử: Sau cuộc chiến tranh Pháp-Phổ năm 1870 - 1871, nước Pháp thua trận, hai vùng An-dát và Lo-ren giáp biên giới nước Phổ bị nhập vào nước Phổ. Phổ là tên của một nước chuyên chế trong lãnh thổ Đức trước đây. Cho nên các trường học hai vùng này bị buộc học bằng tiếng Đức.

2. Nội dung

a. *Nội dung khái quát*

Truyện *Buổi học cuối cùng* kể lại một câu chuyện cảm động về một buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở một trường làng thuộc vùng An-dát, qua đó thể hiện lòng yêu nước trong một biểu hiện cụ thể là lòng yêu tiếng nói của dân tộc.

b. *Các khía cạnh chính:*

b1. Nhân vật Phrăng:

- Một cậu bé ham chơi nhưng có ý thức: Cậu bé Phrăng định trốn học vì muộn giờ và không thuộc bài, nhưng cậu *cưỡng lại được*. Trên đường đến trường, cậu nhận thấy nhiều điều khác lạ. Nhưng tất cả chỉ mới khiến cậu *ngạc nhiên* thôi chứ chưa có một cảm xúc nào khác. Khi đến lớp, cậu càng ngạc nhiên vì thấy thầy Ha-men mặc lễ phục, không nổi cáu khi cậu đến muộn, cuối lớp có cả dân làng ngồi dự.

- Khi nghe thầy Ha-men thông báo đây là buổi học tiếng Pháp cuối cùng thì Phrăng vô cùng choáng váng. Trong lòng cậu dâng lên những tình cảm, cảm xúc đặc biệt. Phrăng ân hận, *tự giận mình* trước đây đã quá ham chơi nên bây giờ *mới chỉ biết tập toạng*. Cậu rất xúc động và đầy nuối tiếc khi nghĩ: *Sẽ chẳng bao giờ được học nữa, Phải dừng lại ở đó*. Cậu đã thiết tha hơn với việc học, coi sách như bạn cố tri và khi không thuộc bài thì vô cùng buồn bã.

- Càng thấm thía lời thầy Ha-men, Phrăng càng chăm chú nghe giảng, càng để tâm vào lời giảng của thầy. Và trong buổi học này, cậu hiểu bài đến kinh ngạc. Phrăng đã cảm nhận được tình yêu đất nước qua tình yêu ngôn ngữ dân tộc, điều mà trước đây cậu không hề nghĩ đến.

-Phrăng rất cảm phục người thầy thân yêu của mình, nhận ra tình cảm của thầy đối với học sinh, đối với ngôn ngữ dân tộc, xúc động vì những tình cảm lớn lao, vĩ đại của thầy.

b 2. Nhân vật thầy giáo Ha-men

- Trong truyện, hình ảnh thầy Ha-men cũng để lại nhiều ấn tượng trong lòng người đọc. Không chỉ ở bộ lễ phục rơ -đanh-gôt trang trọng, ở thái độ khác hẳn ngày thường khi Phrăng đến muộn cũng như khi cậu không thuộc bài, mà là ở tình cảm cao đẹp của thầy. Tình cảm ấy được thể hiện qua sự kiên nhẫn giảng giải, *cứ như thể trước khi ra đi, con người tội nghiệp muốn truyền thụ toàn bộ tri thức của mình, muốn đưa ngay một lúc tri thức ấy vào đầu chúng tôi*. Thầy Ha-men còn chuẩn bị những tờ mẫu mới tinh, giảng bài đầy tâm huyết. Ngay cả việc *thầy đứng lặng trên bục, đăm đăm nhìn những đồ vật quanh mình* cũng thể hiện sự gắn bó của thầy với ngôi trường, với dân làng.

- Xúc động hơn cả là những lời thầy nói về tiếng Pháp. Thầy Ha-men nhắc nhở học sinh phải giữ tiếng nói của dân tộc vì đó là *chìa khoá chốn lao tù*. Thầy tự hào về tiếng nói của dân tộc và truyền niềm tự hào ấy cho học sinh. Niềm tự hào đó cũng chính là biểu hiện sâu sắc của lòng yêu nước.

- Cuối buổi học, trong mắt Phrăng, hình ảnh thầy Ha-men thật lớn lao. Lớn lao

trong nỗi xúc động nghẹn ngào không nói hết câu, lớn lao trong sự lặng người tái nhợt trong cách dằn từng nét chữ viết lên lòng yêu nước của một công dân yêu nước. Nước Pháp muôn năm!

b3. Hình ảnh thầy giáo Ha-men đã khiến cho cậu học trò Phrăng nói riêng, người dân làng An đát nói chung một niềm cảm phục, biết ơn bởi họ hiểu được sâu sắc tình yêu đất nước qua tình yêu tiếng nói dân tộc. Và chúng ta, khi đọc tác phẩm này cũng thấy yêu mến thêm tiếng nói của dân tộc mình.

3. Những đặc sắc về nghệ thuật

Buổi học cuối cùng có ý nghĩa sâu sắc, gây xúc động lòng người. Điều đó được tạo nên bởi cách xây dựng nhân vật rất thành công. Thầy giáo Ha-men, cậu bé Phrăng để lại nhiều ấn tượng trong lòng người đọc. Qua ngoại hình, cử chỉ, lời nói, tâm trạng, tính cách, tấm lòng nhân vật hiện lên rõ nét.

Truyện còn sử dụng cách so sánh đặc sắc, những câu văn giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Về nghệ thuật của tác phẩm, trước hết là cách kể chuyện từ ngôi thứ nhất với vai kể là một cậu học trò nhỏ tuổi về buổi học cuối cùng (...). Đây là câu chuyện của Phrăng về bài học nằm ngoài bài học, bài học mà em quan sát, suy ngẫm, tự rút ra thấm đẫm nỗi ân hận xót xa và cả những gì thiêng liêng cao quý. Học tiếng Pháp không chỉ là học một ngôn ngữ, học tiếng Pháp còn là để giữ lấy nước Pháp. Và do vậy, để học nó, phải yêu nó và nhất là phải có nhân cách làm người. Cách kể chuyện gắn với điểm nhìn của bé Phrăng có một giọng điệu riêng, một thứ ngôn ngữ riêng thật hồn nhiên và gợi cảm"

(Vũ Dương Qũy-Lê Bảo, Sdd)

* ... Buổi học hôm ấy, tiếng thầy Ha-men chứa đựng bao nỗi đau của một trí thức yêu nước bị mất nước, thầy giảng bài như trút hết bầu tâm sự tình cảm của một người thầy đến tất cả mọi người. Thầy tự thấy mình có lỗi với học trò, với nghề nghiệp và với nước Pháp. Điều tâm niệm duy nhất, tha thiết nhất của thầy Ha-men muốn gửi gắm tới học sinh và nhân dân An-dát người hãy yêu quý, giữ gìn, trau dồi cho tiếng nói, ngôn ngữ của dân tộc mình.

... Âm thanh của tiếng chuông nhà thờ điểm 12 giờ, tiếng chuông cầu nguyện buổi trưa và tiếng kêu của bọn lính Phổ đi tập về như một bản hợp tấu rung lên trong giây phút thiêng liêng ở một làng nhỏ, một lớp học bình thường vùng An-dát, một khung cảnh hoà bình và chiến tranh, nô lệ và tự do. Hình ảnh thầy Ha-men

đứng dạy trên bục, sắc người tái nhợt nghẹn ngào không nói hết câu: *"Các bạn, thầy nói, hỡi các bạn, tôi .. tôi..."* tắc nghẽn trong lòng cho chúng ta thấy được tâm trạng vô cùng xúc động, đau đớn, xót xa, nuối tiếc vì không còn được dạy học bằng tiếng Pháp nữa. Ngày mai thầy vĩnh viễn phải ra đi, xa ngôi làng yêu dấu, xa lớp học và học trò nhỏ thân yêu, xa tất cả những gì mà thầy đã từng gắn bó suốt bốn mươi năm. Thầy thương một vùng đất của nước Pháp bị mất tự do, phải chịu cảnh đau đớn và nô lệ dưới ách của kẻ thù xâm lược. Thay vì nói không lên lời, thầy dằn mạnh hòn phấn lên bảng một cách ngắn gọn, cố viết thật to *"Nước Pháp muôn năm"!* Hành động của thầy Ha-men như trút vào dòng chữ tất cả những tình cảm và hi vọng của mình và cũng là của nhân dân vùng An-dat về nước Pháp một niềm tin chiến thắng. Thầy Ha-men dứng dựa đầu vào tường và chẳng nói gì cả và giơ tay ra hiệu *"Kết thúc rồi... đi đi thôi"* đã đánh dấu thời khắc cuối cùng buổi học Pháp văn của học trò vùng An-dát.

Cuộc chia tay giữa thầy Ha-men với học trò và người dân vùng An-dat diễn ra trong giờ phút thiêng liêng ấy. Mặc dù rất đau đớn song tất cả mọi người không tuyệt vọng mà sáng ngời một niềm tin *"Nước Pháp muôn năm!"*. Đây là một người thầy vĩ đại cùng với một tư tưởng vĩ đại đã khắc sâu vào trái tim học sinh yêu quý và sẽ sống mãi trong lòng người người dân vùng An-dat.

... Với truyện ngắn *Buổi học cuối cùng*, nhà văn An-phông-xơ Đô-đê đã xây dựng thành công nhân vật thầy giáo già Ha-men với nỗi đau của một người dân mất nước và đã khẳng định sức sống mãnh liệt của tiếng nói dân tộc vĩnh viễn trường tồn và bất diệt: "Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù", do đó phải biết giữ gìn và học tập để nắm vững tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình. Vì ngôn ngữ không chỉ là tài sản vô cùng quý báu của dân tộc mà còn là phương tiện rất quan trọng để đấu tranh giành lại độc lập, tự do".

(Nguyễn Trí Bằng, *Ha-men người thầy vĩ đại cùng một tư tưởng vĩ đại*, Văn học và Tuổi trẻ, tháng 2 năm 2005)

* Tác phẩm của An - phông - xơ Đô-đê thấm đượm một tinh thần nhân đạo sâu xa, gây xúc động nhẹ nhàng, một chất thơ trong sáng, lòng yêu đời, tạo nên những rung cảm sâu kín, đầy niềm tin vào con người bình thường, can đảm.

(Đỗ Đức Hiểu (chủ biên) – *Từ điển Văn học*, NXB Thế giới H. 2004)

* "Thiên tài của Đô-đê như nhiều nhà phê bình và hàng triệu người đọc trên thế giới đã khẳng định-trong thể loại truyện ngắn, với những bức tranh hiện thực phác

hoạ qua vài nét con người và cảnh vật, với hồi đoạn rời rạc những sự kiện, những kí ức, tài năng của Đô - đê đã bộc lộ một cách rực rỡ và đầy đủ nhất.

* Truyện *Buổi học cuối cùng* và *Người cầm cờ* là những tấn kịch bi tráng nhưng lại gieo vào lòng người những tình cảm trong sáng về chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa anh hùng. Tổ quốc và danh dự, ai là người bảo vệ và ai là kẻ phản bội, tên tử tước, viên thống chế hay là những người lính, những ông giáo xuất thân từ tầng lớp bình thường? Thái độ Đô-đê dứt khoát, quan điểm xã hội của ông rõ ràng và điều đó làm cho những tác phẩm của ông sống mãi với thời gian.

(Trần Việt, *Những vì sao*, NXB Văn học, H. 1981)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời.

1. Truyện Buổi học cuối cùng được kể theo lời kể của nhân vật nào?

A. Thầy Ha - men. C. Cậu học trò Phrăng.

B. Bác đưa thư. D. Cụ Hô - de.

2. Phrăng trong truyện là một cậu bé như thế nào?

A. Luôn chăm chỉ chuyên cần.

B. Mải chơi, hồn nhiên nhưng biết quan sát và biết suy nghĩ.

C. Lười nhác, thích trốn học.

3. Trong truyện, thầy Ha - men là một người thầy như thế nào?

A. Lạnh lùng, nghiêm khắc.

B. Thương yêu học trò, tận tuỵ giảng bài và có lòng yêu nước thiết tha.

C. Yêu nghề.

4. Điều gì khiến cho truyện gây xúc động lòng người.

A. Vì đó là buổi học tiếng Pháp cuối cùng ở An-dát.

B. Vì ngày mai thầy Ha - men phải chuyển đi nơi khác sau bốn mươi năm gắn bó với nơi này.

C. Vì thầy Ha - men đã truyền tình yêu nước qua tình yêu, niềm tự hào tiếng nói dân tộc tới học trò và người dân làng An-dát.

D. Kết hợp cả A, B, C.

5. Câu văn nào sau đây thể hiện rõ nhất ý nghĩa truyện: *Buổi học cuối cùng*

A. Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con.

B. Kết thúc rồi...... đi đi thôi

C. ... Thầy Ha - men nói với chúng tôi về tiếng Pháp, rằng đó là ngôn ngữ hay nhất thế giới, trong sáng nhất, vững vàng nhất phải giữ lấy nó. Trong chúng ta và đừng bao giờ quên lãng nó, bởi vì khi một dân tộc vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù.

D. Tôi sẽ nhớ mãi buổi học cuối cùng này.

II. TỰ LUẬN

1. Tìm những câu văn sử dụng phép so sánh, nêu tác dụng của phép so sánh ấy trong truyện.

2. Diễn biến tâm trạng Phrăng có gì đặc biệt? Em có suy nghĩ gì về nhân vật này?

3. Hình tượng thầy giáo Ha - men để lại trong em những ấn tượng gì?

4. Qua văn bản, viết đoạn văn nói về vai trò của tiếng nói dân tộc.

LÒNG YÊU NƯỚC

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

I-li-a Gri-gô-ri-ê-vits Ê-ren-bua (1891 - 1962) là nhà văn hoạt động xã hội Nga. Sinh tại thành phố Kiep trong một gia đình Do Thái, cha là viên chức. Ông tham gia tổ chức bí mật của Đảng Bôn-sê-vich thời kì cách mạng 1905 -1907. Năm 1908 bị bắt, chính quyền Nga hoàng kết án, buộc phải sang Pháp sống cuộc đời lưu vong. Tại đây, ông sáng tác văn học. Từ năm 1915 đến 1917, ông làm phóng viên và viết ký sự về chiến tranh cho hai tờ báo Nga ở Mat-xcơ-va và Pêtơrôgrat. Từ đó đến cuối đời, ông nhiều lần về nước Nga làm việc và sống ở nhiều nước khác nhau: Pháp, Đức, Tây Ban Nha. Ông là một nhà văn, nhà báo sáng tác ở nhiều lĩnh vực khác nhau, như thơ ca, tiểu thuyết, phóng sự, bút kí. Ê-ren-bua còn là một chiến sĩ hoà bình nổi tiếng và từng được tặng giải thưởng Lê-nin về công lao "Củng cố hoà bình giữa các dân tộc" (1952). Ông mất tại Mat-xcơ-va. Các tác phẩm chính: Tiểu thuyết *Pari sụp đổ* (1941, Giải thưởng Quốc gia (1942), tiểu thuyết *Bão táp* (1946 - 1947, giải thưởng quốc gia 1948), truyện *Tuyết tan*, hồi ký *Con người, năm tháng, cuộc đời.* (sáu tập 1961 - 1965).

II. TÁC PHẨM

1. Xuất xứ, thể loại

- Văn bản: *Lòng yêu nước* được trích từ bài báo *Thử lửa* của I-li-a - Ê-ren-bua, được viết cuối tháng 6 năm 1942, thời kì ác liệt nhất trong cuộc chiến tranh vệ quốc của nhân dân Liên Xô chống phát xít Đức xâm lược (1941 - 1945), bài báo được đưa vào tập bút kí - tuỳ bút *Thời gian ủng hộ chúng ta*

- Thể loại: Bút kí - chính luận: (kết hợp hài hoà giữa chính luận và chất trữ tình).

2. Nội dung

a. *Nội dung khái quát:* Bài văn thể hiện tinh thần yêu nước tha thiết, sâu sắc của tác giả và những người dân Xô viết. Lòng yêu nước ấy bắt nguồn từ tình yêu đối với những gì thân thuộc và được thử thách trong cuộc chiến tranh vệ quốc.

b. *Các khía cạnh chính:*

b 1. Lòng yêu nước ban đầu của con người thật giản dị, tự nhiên, gắn với thiên

nhiên, với môi trường xung quanh chúng ta. Cái cây trước nhà, con phố đổ ra bờ sông, vị thơm chua mát của trái lê mùa thu, mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh.

b 2. Trước biến cố, thử thách, nguy cơ mất - còn, lòng yêu nước hồn nhiên ấy được cảm nhận và bộc lộ rõ rệt hơn. *Chiến tranh khiến cho mỗi công dân Xô viết nhận ra vẻ thanh tú của chốn quê hương.* Tất cả những gì gần gũi, gắn bó và bình thường nhất đã trở nên khác thường, nên thơ, có hồn, trở thành máu thịt trong những rung động thiết tha. Liên bang Xô viết rộng lớn, mỗi nơi có một vẻ đẹp riêng nhưng nơi nào cũng yên ả, thanh bình, những cánh rừng, những thân cây, ngữ điệu nói, đêm tháng sáu sáng hồng, cây thuỳ dương, trưa hè vàng ánh, khí trời của núi cao, tảng đá sáng rực, dòng suối óng ánh bạc, sương mù, sông Nêva, tượng chiến mã tung bờm, điện Krem - li, phố cũ chạy ngoằn ngoèo... Vẻ đẹp của nước Nga được khắc hoạ bằng những nét tiêu biểu và ấn tượng.

b 3. Như quy luật của tự nhiên, lòng yêu nước của con người là quy luật: *Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.* Ở đây không đơn thuần là sự tích tụ tự nhiên *suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga, con sông Vôn - ga đi ra bể*, mà còn là sự biến đổi về "chất". Người dân Xô viết nhận ra rằng: "Mất nước Nga thì ta còn sống làm gì nữa". Vận mệnh của đất nước gắn chặt với vận mệnh của con người trong bối cảnh thử thách ấy. Chính vì vậy, lòng yêu nước được đưa vào thử thách lửa đạn của chiến tranh.

3. Đặc sắc nghệ thuật

- Bài văn có cách lập luận rất chặt chẽ theo một trình tự lôgic của tư duy: Lòng yêu nước luôn tiềm tàng ở mỗi con người. Trong hoàn cảnh thử thách gay go, (chiến tranh), lòng yêu nước ấy được thách thức và sẽ tạo ra một sức mạnh ghê gớm.

- Bài văn có sự kết hợp nhuần nhuyễn hài hoà giữa cách lập luận ấy với lối diễn đạt thật trữ tình, sâu lắng và đầy xúc cảm, thể hiện được vẻ đẹp phong phú của tâm hồn Nga.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Trong thời gian cuộc chiến tranh vệ quốc của Liên Xô, Ê-ren-bua nổi tiếng với hàng ngàn bài báo và chính luận ca ngợi tinh thần yêu nước nâng cao lòng căm thù chủ nghĩa phát xít, khẳng định niềm tin đối với thắng lợi của lực lượng chính nghĩa và chủ nghĩa xã hội.

(Đỗ Đức Hiểu (chủ biên), *Từ điển Văn học*,
NXB Thế giới H. 2005)

* Ngay từ khi đọc những bài báo ngắn của Ê-ren-bua viết hồi 1941 - 1945, người đọc và các đồng nghiệp đã nhận ra ở ông một cách cảm nhận chiến tranh

không giống ai. Ông không làm việc miêu tả tường thuật thông thường. Ông suy nghĩ nhiều về ý nghĩa của chiến tranh, tác động của nó với đời sống tinh thần của con người. Những suy nghĩ của ông dựa vững chắc trên cơ sở những truyền thống văn hoá mà ông tiếp thụ. Những chuyện hằng ngày được ông nâng lên một tầm vóc mới. Lòng căm thù chủ nghĩa phát xít ở ngòi bút Ê-ren-bua bấy giờ thường bắt nguồn từ một khao khát là nhận thức: nhận thức cho ra sự kì quặc của đời sống. Còn lòng yêu nước trong ông lại trong sáng, tự nhiên và nhất là hoà hợp nhuần nhị với lòng kính trọng các dân tộc khác, những giá trị văn hoá khác.

(Vương Trí Nhàn, *Lời giới thiệu tiểu thuyết Bão táp*,
NXB Văn học H. 1984)

* *Lòng yêu nước* là một đoạn trích trong bài báo *Thư lửa* của I. Ê-ren-bua. Nó đánh thức những tình cảm đẹp đẽ nhất trong lòng mỗi người con nước Nga - Xô viết, để những tình cảm ấy "kết thành một làn sóng" vô cùng mạnh mẽ trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại.

Từ những tình cảm chân thành, tha thiết từ những rung động mang tính nhân văn bình dị, *Lòng yêu nước* là nhịp đập của trái tim yêu nước, là tiếng lòng thổn thức nhiệt thành của người con với mảnh đất quê hương thân yêu. Tự nhiên mà giản dị, tác giả giúp mọi người nhận ra *Lòng yêu nước* tiềm ẩn trong lòng mình. Ban đầu, lòng yêu nước của mỗi người "như một con suối nhỏ, chưa hề sâu rộng mênh mông", chưa định hình rõ nét. Nó là tình yêu những vật bình thường nhất: *yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh.* "Tình yêu ấy âm thầm chảy trong mỗi con người và được cảm nhận một cách rõ nét trước những biến cố, những nguy cơ thử thách mất - còn của đất nước. Trong bối cảnh chiến tranh thế giới khắc nghiệt, người Nga chợt nhận ra *vẻ thanh tú của chốn quê hương*, chợt thấy mình yêu mến và gắn bó với quê hương biết nhường nào! Những vẻ đẹp bình dị của mỗi miền quê đã sáng lên trong trái tim mỗi con người. Lòng yêu nước đã định hình rõ hơn. Không còn sơ khai và mơ hồ nữa, nó là sự gắn bó máu thịt với miền quê yêu dấu, với những *vẻ thanh tú* tiêu biểu của quê hương mình. Ê-ren-bua đã đọc ra được tình yêu ấy trong mỗi người dân Nga. Mỗi *vẻ thanh tú* được gợi lên là một biểu hiện về tình yêu quê hương của người dân Nga, tất cả đã trở thành máu thịt, trở thành gắn bó vô cùng. Đoạn văn viết về những *vẻ thanh tú của chốn quê hương* thấm đẫm tình yêu, đầy chất nhạc và thơ, nghe như nỗi lòng mỗi một công dân Nga - Xô viết đang thổn thức, đang hoà với nhịp đập trái tim nhà văn.

Từ những biểu hiện cụ thể của tình yêu quê hương, tác giả đã nêu ra một quy luật tự nhiên của lòng yêu nước: *Dòng suối đổ vào dải trường giang Vôn - ga, con sông Vôn-ga đi ra bể. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ Quốc*. Từ tình yêu những vật bình thường, trước thử thách khắc nghiệt, tình cảm ấy có một sự biến đổi vượt bậc, hoà chung vào tình yêu nước của tất cả mọi công dân, tạo nên một sức mạnh diệu kì. Tình cảm ấy nuôi lớn, được thúc giục bởi suy nghĩ: "Mất nước Nga thì ta còn sống làm gì nữa". Đất nước đã trở thành máu thịt, đã gắn bó quá đỗi với mỗi con người. Lòng yêu nước bởi vậy vừa mang cái chung, vừa mang cái riêng nên có cơ sở và có sức mạnh vô cùng.

Xuất phát từ những tình cảm gắn bó tha thiết với quê hương, đất nước, văn bản *Lòng yêu nước* thực sự khơi dậy trong lòng mỗi con người tình cảm đối với quê hương, đất nước của mình. Không những thế ta còn nhận thấy sự gắn bó máu thịt của tác giả với Tổ quốc, thấy tư duy rất logic, hợp lí trong cảm nhận về lòng yêu nước của ông. Tất cả hoà quyện, tạo nên chất trữ tình - chính luận rất lôi cuốn, hấp dẫn.

(N.T.P.T)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. Bài văn ra đời trong hoàn cảnh nào?

A. Thời kỳ khó khăn nhất trong cuộc chiến tranh vệ quốc của nhân dân Xô viết chống phát xít Đức xâm lược (1941- 1945).

B. Thời kì cách mạng tháng Mười Nga 1917.

C. Thời kì thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết 1922.

2. Bài văn chủ yếu nói về lòng yêu nước của người dân Nga trong hoàn cảnh nào?

A. Trong hoàn cảnh hoà bình.

B. Khi đất nước lâm nguy, đặt trước những thử thách mất - còn của cuộc chiến tranh xâm lược.

C. Khi cuộc nội chiến nổ ra.

3. Trong văn bản tác giả đã sử dụng hình ảnh nào sau đây ẩn dụ cho lòng yêu nước?

A. Dòng suối, sông, biển.

B. Cái cây, con đường.

C. Tượng đài, điện Krem-li, tháp cổ.

4. Câu văn nào sau đây nêu lên một chân lí phổ biến và sâu sắc về lòng yêu nước?

A. Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất.

B. Chiến tranh khiến cho mỗi công dân Xô viết nhận ra vẻ thanh tú của chốn quê hương.

C. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.

5. Hình ảnh nào sau đây không được nói đến trong văn bản Lòng yêu nước?

A. Điện Krem-li.

B. Đêm tháng sáu sáng hồng.

C. Tượng đài Piốt đại đế.

D. Dòng sông Nê-va.

II. TỰ LUẬN

Hãy viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của em về lòng yêu nước được Ê-ren-bua nêu lên trong văn bản *Lòng yêu nước*.

PHẦN HAI

VĂN BẢN TRỮ TÌNH

THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Thơ hiện đại đã thoát khỏi hệ thống những qui tắc, qui phạm chặt chẽ của thơ ca trung đại. Các bài thơ hiện đại có thể được làm theo các thể thơ truyền thống như thể thơ bốn chữ, thể thơ năm chữ, thể thơ tám chữ hoặc cũng có thể được làm theo thể thơ tự do (số chữ trong một câu, số câu trong một bài không hạn định). Trong các bài thơ hiện đại, cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ một cách tự nhiên, chân thực. Ngôn ngữ thơ giản dị, hình ảnh thơ là những hình ảnh bình thường trong cuộc sống. Trong chương trình Ngữ văn 6 học sinh được học ba tác phẩm thơ hiện đại: Đêm nay Bác không ngủ (Minh Huệ), Lượm (Tố Hữu), Mưa (Trần Đăng Khoa).

BẢNG THỐNG KÊ CÁC TÁC PHẨM

Số TT	Tên tác phẩm	Tên tác giả	Thể loại	Tóm tắt nội dung - ý nghĩa
1	Đêm nay Bác không ngủ	Minh Huệ	Thơ (năm chữ)	Qua câu chuyện về một đêm Bác không ngủ trên đường đi chiến dịch, Minh Huệ đã cho ta thấy tình yêu thương bao la, vô hạn mà Bác Hồ dành cho bộ đội, dân công và tình cảm yêu kính, cảm phục của anh đội viên đối với Bác.
2.	Lượm	Tố Hữu	Thơ (bốn chữ)	Bài thơ *Lượm* đã khắc hoạ hình ảnh chú bé Lượm, một chú bé liên lạc nhỏ nhắn, hồn nhiên, dũng cảm. Mặc dù Lượm đã hi sinh nhưng hình ảnh của Lượm vẫn sống mãi trong lòng mọi người.
3.	Mưa	Trần Đăng Khoa	Thơ (tự do)	Cơn mưa rào ở làng quê được Trần Đăng Khoa miêu tả thật sinh động. Trong cơn mưa nổi bật lên hình ảnh con người vừa bình dị lại vừa lớn lao, phi thường.

ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ

MINH HUỆ

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

- Minh Huệ, tên khai sinh là Nguyễn Thái, sinh năm 1927 tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Ông tốt nghiệp Trường Quốc học Vinh năm 1945, sau đó tham gia Việt Minh. Trong những năm tháng kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, ông chủ yếu hoạt động văn hoá, văn nghệ ở vùng khu Bốn cũ. Sau đó ông công tác ở Hội Văn nghệ Nghệ An.

- Một số tác phẩm của ông: *Tiếng hát quê hương* (thơ,1959), *Đất chiến hào* (Thơ, 1970), *Đêm nay Bác không ngủ* (thơ, 1985).

I. TÁC PHẨM

1. Thể loại và hoàn cảnh sáng tác

Thể loại: Bài thơ được viết theo thể thơ 5 chữ.

Hoàn cảnh sáng tác: năm 1950, trong chiến dịch Biên giới, Bác Hồ đã trực tiếp ra mặt trận chỉ huy cuộc chiến đấu. Đầu năm 1951, Minh Huệ ở Nghệ An, gặp một người là bộ đội vừa từ Việt Bắc về. Người bạn ấy kể cho nhà thơ một kỉ niệm được gặp Bác trong một đêm trên đường đi chiến dịch Biên giới. Câu chuyện gây xúc động cho Minh Huệ và ông đã dựa vào đó để sáng tác bài thơ.

2. Nội dung cơ bản

a. *Nội dung khái quát*

Qua câu chuyện về một đêm không ngủ của Bác Hồ trên đường đi chiến dịch, bài thơ đã thể hiện tấm lòng yêu thương bao la, vô hạn của Bác đối với bộ đội và nhân dân đồng thời thể hiện tình cảm yêu kính, cảm phục của anh đội viên với Bác.

b. *Các khía cạnh chính*

Câu chuyện về một đêm Bác không ngủ trên đường đi chiến dịch được kể lại bằng lời của anh đội viên. Hình tượng Bác Hồ hiện ra qua cái nhìn và tâm trạng của anh trong hai lần thức giấc: Lần thứ nhất và lần thứ ba.

b1- Lần thứ nhất anh đội viên thức giấc

Lúc ấy trời đã *khuya lắm rồi*, ngoài trời vẫn *mưa lâm thâm* vậy mà trong *mái lều tranh xơ xác* Bác vẫn thức bên bếp lửa hồng. Dáng vẻ của Bác *trầm ngâm* như đang suy nghĩ điều gì đã khiến cho anh đội viên ngạc nhiên, băn khoăn. Sao khuya thế này mà Bác vẫn chưa ngủ? Bác đang lo lắng điều gì chăng? Từ ngạc nhiên người chiến sĩ trẻ đã thực sự xúc động khi được chứng kiến hình ảnh Bác đang ngồi đốt lửa sưởi ấm cho các anh. Cử chỉ Bác đi *dém chăn* cho từng người một trong bước chân *nhẹ nhàng* vì sợ làm các anh tỉnh giấc đã nói lên vẻ đẹp của vị lãnh tụ Hồ Chí Minh. Trong cảm nhận của anh đội viên, lúc này Bác hiện ra thật giản dị, vô cùng gần gũi và thân thiết. Cử chỉ của Người Cha già mái tóc bạc phơ chứa đựng cả tình yêu thương chăm sóc của một người mẹ. Chính Bác, người Cha già ấy, người Mẹ hiền ấy đang chăm lo cho giấc ngủ của những đứa con thân yêu. Được sưởi ấm bởi tình yêu thương của Bác, anh đội viên vô cùng sung sướng. Và trong cảm giác mơ màng *như nằm trong giấc mộng* anh thấy Bác vừa gần gũi, thân thương lại vừa lớn lao, vĩ đại. Hình ảnh so sánh: *Bóng Bác cao lồng lộng, ấm hơn ngọn lửa hồng* đã giúp chúng ta hình dung ra bóng Bác in lên trên vách nứa được ngọn lửa hồng soi chiếu khiến anh đội viên có cảm giác *bóng Bác cao lồng lộng*. Cái nhìn của anh là một cái nhìn đầy kính trọng. Và Bác tuy lớn lao, vĩ đại mà không hề xa cách. Chính hơi ấm mà anh nhận được không chỉ toả ra từ bếp lửa mà còn toát ra từ trái tim và tình yêu thương của Bác. Câu ca dao:

Cụ Hồ ở giữa lòng dân.

Tuy xa xa lắm nhưng gần gần ghê.

cũng đã nói lên điều đó. Cử chỉ chăm sóc của Bác đã làm anh xao xuyến, lòng anh *thổn thức* thốt ra câu hỏi nhỏ nhưng cũng chan chứa tình cảm anh dành cho Bác:

Bác ơi! Bác chưa ngủ?

Bác có lạnh lắm không?

Được nhận sự chăm sóc của Bác anh vô cùng hạnh phúc nhưng anh cũng không thể không lo lắng cho Bác. Vâng lời Bác anh nhắm mắt nhưng anh không thể nào ngủ yên được. Các từ *bồn chồn, lo, bề bộn* đã diễn tả rất sâu sắc sự quan tâm, yêu thương và lo lắng mà anh đội viên dành cho Bác. Nhìn hình ảnh Người Cha mái tóc bạc ngồi lặng yên bên bếp lửa anh đã rất thương. Bây giờ anh vừa thương lại vừa lo: lo cho sức khoẻ của Bác cũng là lo cho chiến dịch, lo cho vận mệnh dân tộc.

b2- Lần thứ ba anh đội viên thức giấc

Lúc này trời đã gần sáng vậy mà Bác vẫn ngồi *đinh ninh*, chòm râu im *phăng phắc*. Những từ ngữ đó đã khắc hoạ đậm nét tư thế và dáng vẻ yên lặng, trầm ngâm của Bác trong đêm khuya bên bếp lửa. Dáng vẻ ấy cũng biểu hiện chiều sâu tâm trạng của Người.

Trong hoàn cảnh này, sự lo lắng của anh đội viên đã trở thành sự *hốt hoảng* thật sự. Nếu như ở lần thứ nhất anh chỉ giám thì thầm hỏi nhỏ thì bây giờ *anh vội vàng nằng nặc* mời Bác đi ngủ. Câu thơ *Mời Bác ngủ Bác ơi!"* được lặp lại tha thiết hơn: "*Bác ơi! Mời Bác ngủ*!. Nếu như tình cảm yêu thương, chăm sóc Bác dành cho các anh như tình cảm của một người cha đối với các con thì tình cảm thương yêu, lo lắng của anh đội viên dành cho vị lãnh tụ cũng như tình cảm của một người con dành cho Người Cha già của mình.

Nếu như đáp lại câu hỏi của anh lần trước Bác chỉ nói rất ngắn gọn và nhắc nhở anh ngủ ngon thì lần này đáp lại lời mời của anh, Bác đã nói rõ tâm sự của mình. Bác không ngủ vì Bác *không an lòng*. Bác thương cho đoàn dân công đang phải ngủ ngoài rừng mưa ướt lạnh. Bác đã khiến cho người chiến sĩ trẻ hiểu ra tất cả. Lúc này anh mới thực sự cảm nhận rõ tình yêu thương cao cả và lớn lao của Bác. Anh thật sự cảm thấy hạnh phúc và:

Lòng vui sướng mênh mông
Anh thức luôn cùng Bác

Ở bên Bác, được đón nhận tình cảm của Người, hiểu ra lẽ sống của con người Hồ Chí Minh, anh đội viên đã lớn lên thêm về tâm hồn, tình cảm. Anh không chỉ có thể nhận được sự quan tâm và tình yêu thương của Bác mà anh còn có thể chia sẻ với Bác tình yêu thương cao cả đó.

Qua cái nhìn và tâm trạng của anh đội viên trong hai lần thức giấc, hình ảnh Bác Hồ hiện ra thật giản dị, gần gũi, ấm nóng tình yêu thương nhưng cũng vô cùng lớn lao, cao cả. Bài thơ thể hiện niềm hạnh phúc, sung sướng vô bờ của anh đội viên khi được nhận tình yêu thương và sự chăm sóc của Bác đồng thời bày tỏ niềm yêu kính, cảm phục và tự hào của anh nói riêng, của chiến sĩ bộ đội và toàn thể nhân dân Việt Nam nói chung về vị lãnh tụ vĩ đại mà bình dị.

b3- Khổ thơ cuối đã khẳng định một chân lí vô cùng bình dị mà lớn lao:

Đêm nay Bác ngồi đó
Đêm nay Bác không ngủ
Vì một lẽ thường tình
Bác là Hồ Chí Minh

Việc Bác không ngủ vì lo cho bộ đội, lo cho dân công, lo cho dân tộc là một *lẽ thường tình*, một điều hết sức bình thường bởi vì Bác chính là Hồ Chí Minh Bác là một vị lãnh tụ, một Người Cha già của dân tộc mà suốt đời Người dành trọn cho dân, cho nước. Do đó đây chỉ là một đêm trong vô vàn những đêm Người không ngủ.

3. **Đặc sắc nghệ thuật**

a- Thể thơ năm chữ, thích hợp với lối kể chuyện kết hợp với miêu tả và bộc lộ tâm trạng của chủ thể trữ tình.

b- Nhiều chi tiết cụ thể, chân thực, giản dị nhưng giàu ý nghĩa.

c- Hình ảnh thơ hàm súc, mang ý nghĩa biểu tượng, gây xúc động (Ví dụ: hình ảnh *ngọn lửa hồng*, hình ảnh *Người cha mái tóc bạc*).

d- Nhiều từ láy có giá trị biểu cảm cao.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Có bao giờ tôi quên được cái đêm mùa đông đầy xúc động bất ngờ ấy. Trong một căn nhà gianh ven sông Lam, quên cả gió buốt luồn qua phên nứa phả vào người, tôi ngồi nghe say mê câu chuyện của người bạn cũ nay là một quân nhân vừa ở chiến dịch Biên giới (1950) trở về. Chuyện anh kể là một câu chuyện đặc biệt và vô cùng thân thiết mà cả hậu phương đang mong đợi: chuyện Bác Hồ đi chiến dịch. Vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc, mặc dù tuổi đã sáu mươi, vẫn mặc đồ lính, đội mũ nan, ăn cơm muối, lội suối, dầm sương, băng băng những dặm rừng Cao Bắc Lạng, trực tiếp chỉ huy chiến dịch lịch sử đầu tiên của cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp. Trong cái không khí chiến thắng tưng bừng, anh bạn mang về cho tôi, hình ảnh Bác Hồ hiện lên đẹp lạ lùng, ấm lạ lùng. Tôi uống từng lời của anh bạn. Tôi cảm thấy mình đang đắm vào một không khí chiêm ngưỡng thiêng liêng với cái chất hào hùng rất trữ tình của câu chuyện. Thật ra, do cuộc gặp gỡ quá vội vàng, anh bạn chỉ kể lướt từ mẩu chuyện này sang mẩu chuyện khác, nhưng những chi tiết đơn sơ cũng đủ tạo nên cho tôi một ấn tượng sâu sắc về tấm lòng *người Cha thân yêu* của quân đội, của dân công trong chiến dịch. Nào là đồng chí phục vụ đưa thịt gà rán mời Bác, Bác bảo đưa ngay cho các cháu thương binh, còn Bác chỉ ăn cơm muối rang mang theo trong ống tre; nào là mời Bác đi ngựa, Bác lại nhường cho cháu nào đau yếu, trong lúc chính bàn chân Bác đã sưng lên vì những dốc rừng giá buốt; nào là Bác hay kể chuyện vui, ngâm thơ, ra câu đố với các cán bộ cùng đi dọc đường hành quân.

...Và tôi đã đi với anh bạn suốt dọc con đê hun hút gió mùa đông bắc lẫn mưa phùn, quên rét buốt, quên cả quay trở lại cơ quan. Anh bạn dừng chân, xiết chặt tay tôi một lần nữa, rồi hình như đoán được tâm trạng tôi còn khao khát muốn nghe chuyện Bác Hồ ra trận, anh gật đầu à lên một tiếng, giọng Huế thủ thỉ: "Còn một mẩu chuyện ni nữa, mình quên kể với cậu."

Và chính mẩu chuyện cuối cùng đó đã trở thành cái lõi của đề tài bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* mà tôi hoàn thành vào năm tháng sau. Mẩu chuyện anh kể rất

vắn tắt: Đêm ấy, Bác Hồ ghé vào nghỉ trong một lán giữa rừng đúng lúc một đơn vị bộ đội cũng đã nghỉ tại đấy tự lúc nào. Thế rồi về khuya, khi một chiến sĩ trở mình thức giấc trên sạp nứa, thì thấy một cụ già đang ngồi đun tiếp củi vào cái bếp lửa giữa lán. Ông cụ bận bộ đồ Nùng, chiếc khăn chàm bịt cả tóc lẫn râu, đang ngồi trầm ngâm trong ánh lửa hồng rạo rực, xua đi bóng tối và không khí lạnh lẽo chốn rừng sâu. Cảm động, nhưng còn buồn ngủ, anh lại trùm chiếc khăn trấn thủ lút đầu. Tuy nhiên, linh tính nói với anh một điều gì đó, Cụ già có đôi mắt tỏa sáng ấm áp ấy hình như không phải cụ Nùng thật, mà có thể là Bác. Anh ló đầu ra khỏi chăn, căng mắt bồi hồi quan sát rồi không kìm được niềm vui sướng đột biến đến bàng hoàng, anh bật dậy, nhẹ nhàng lướt tới ngồi luôn bên cạnh Bác và thốt lên run run:

- Bác ơi, sao Bác chưa ngủ ạ? Thưa Bác, mời Bác đi ngủ

Bác cười:

- Được, cháu cứ ngủ ngon, Bác sẽ đi ngủ.

Anh đội viên cách gọi anh vệ quốc thời ấy trở về sạp nứa, lại trùm chăn, nằm lặng giữa những đồng đội đang ngủ say trong hơi lửa ấm râm ran của Bác Hồ. Nhưng một hồi sau, anh lật chăn hốt hoảng bật dậy, chạy tới ngồi sát bên Bác:

- Bác ơi, mời Bác ngủ, kẻo trời sắp sáng mất!

- Được, cháu cứ ngủ ngon, các cháu ngủ ngon là Bác khoẻ.

Nhưng anh bộ đội cứ năn nỉ mời Bác đi ngủ, cho được.

Bác nắm bàn tay anh, lại âu yếm nói.

- Cháu cứ đi ngủ, mai mà đi đánh giặc.

Anh chiến sĩ lại trùm chăn lút đầu để rồi một hồi sau lại lật ra hoảng hốt bật dậy, chạy tới ngồi luôn bên Bác.

- Bác ơi, mời Bác ngủ. Kẻo trời sắp sáng mất.

- Được! Cháu cứ ngủ ngon là Bác khoẻ.

Nhưng anh bộ đội cứ năn nỉ mời Bác đi ngủ cho được. Bác lại trìu mến trả lời:

- Cháu cứ đi ngủ, mai mà đi đánh giặc, Bác không buồn ngủ vì trời mưa lạnh, còn bao nhiêu bộ đội, dân công ngủ ngoài rừng.

Kể tới đây, giọng anh bạn như muốn run lên. Anh đứng lặng. Còn tôi vẫn nắm chặt tay anh, lòng se lại vì nghĩ đến sức khoẻ của Bác. Đồng thời một cảm giác hạnh phúc, tự hào cũng trào lên và tràn ngập hồn tôi. Tuổi trẻ của mình hồi ấy tôi mới hơn hai mươi tuổi, được chiến đấu trong tình thương yêu bao la, sâu thẳm của một vị lãnh tụ vĩ đạo và giản dị đến thế! Ý nghĩ ấy khiến tôi cảm thấy trước mắt mình không phải là bóng đêm và bóng cây đa um tùm mà là một ngọn lửa sáng rực trong một căn lán. Và Bác, Bác đang nhìn tôi, đôi mắt toả ấm. Không hiểu vì sao, tự nhiên cái cảm giác chính mình là anh đội viên trong mẩu chuyện ấy, lại cứ xoắn

nhịp dần tâm trí của tôi. Tôi thèm được làm anh đội viên đầy diễm phúc ấy quá. Tôi cũng thèm bản thân mình chính là Chất, tên anh bạn ấy.

Sau khi chia tay lần cuối với anh bạn, tôi trở lại nhà, trong cái cảm giác rất mê và cũng rất tỉnh. Người cứ lâng lâng, chân bước như không còn tự chủ, nhưng trí óc nảy ra một nhận thức mới mẻ, nóng bỏng. Không phải Bác Hồ chỉ thức một đêm vì bộ đội và dân công trong một chiến dịch, Bác thức suốt một đời vì hạnh phúc của cả một dân tộc. Cái đêm Bác thức trong lán nhỏ đó có nghĩa là một đêm tượng trưng, là một đêm của mọi đêm không ngủ của Bác

(Minh Huệ, *Nhà văn nói về tác phẩm*,
Hà Minh Đức sưu tầm, NXB Giáo dục, 2004)

* Lớn lao, cao thượng, bình dị và trong sáng, đặc biệt trong sáng, đấy là bốn nét chính, theo nhận thức riêng tôi mà tôi phấn đấu để cho xuyên suốt thơ mình hôm nay và mãi mãi. Tôi muốn trong thơ tôi, cái nền của lòng yêu thương lớn đó phải là một hoà sắc đỏ thắm, rực rỡ chứ không thể là màu xanh, tuy màu xanh rất cần thiết, nhưng là màu xanh tơ hài hoà với hoà sắc đỏ thắm, chẳng phải cái loại màu xanh bồng bềnh kỉ niệm riêng tư đơn điệu và nhạt nhạt.

- Với tôi, viết về Bác Hồ là viết về một mẫu mực điển hình kết tinh tuyệt diệu lòng yêu thương lớn Việt Nam đó.

- Với tôi cái mốc lớn của thế kỉ trước là *Đêm nay Bác không ngủ* mà dư luận chung đã nhất trí đánh giá về giá trị và vị trí của nó trong rừng thơ viết về chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Cái mốc thứ hai là *Người thợ mộc trong chiến hào* và *Loạt đạn mạo hiểm*.

Hơn 20 năm thơ, giành được hai cái mốc trong thơ mình mà tiêu biểu là các bài đã dẫn chứng, nguyên nhân quan trọng bậc nhất là tôi đã viết bằng sự rung động chân thành của vốn sống đã từng trải, đã thành kỉ niệm sâu sắc, tích luỹ từ lâu ngày để dồn vào từng bài đặc biệt là bằng cả tâm huyết sôi nổi, nồng cháy. Ví dụ, thành công của *Đêm nay Bác không ngủ* và *Người thợ mộc trong chiến hào* trước hết là thành công của một tấm lòng thành. Bài thơ viết ra trước hết là muốn cô đúc một bức tranh nhỏ trong bức tranh vĩ đại cuộc đời Bác Hồ treo lên trong tâm khảm mình để chính mình học tập lòng yêu thương lớn của Người Cha, mang một tấm lòng Mẹ Việt Nam. *Đêm nay Bác không ngủ* là cơn chớp của một cao trào xúc động đầy thương yêu, kính trọng thiêng liêng đối với lãnh tụ vào một đêm mùa đông ven sông Lam.

- Đúng là từ bé, bằng nhiều nguồn khác nhau, ca dao nói chung và dân ca Nghệ Tĩnh đã thấm sâu vào máu thịt tôi. Vốn từ đầu đã có ý thức chọn những hình thức quen thuộc với quảng đại quần chúng nhân dân, không ngại dùng những hình thức cổ truyền đã được thử thách như lời khuyên của đồng chí Phạm Văn Đồng, tôi còn

tiếp thu cái vốn quý đó của ông cha qua khí sắc và hơi thở của thơ văn Xô Viết Nghệ Tĩnh và thơ văn Phan Bội Châu.

(Minh Huệ, *Thơ với tôi*, Tạp chí *Văn học - Thơ ca Việt Nam*, 1/1973).

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. Vì sao Minh Huệ lại chọn thể thơ năm chữ để viết bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ?*

A. Vì thể thơ năm chữ thích hợp với lối kể chuyện và văn miêu tả.

B. Vì thể thơ năm chữ thích hợp cho việc biểu lộ cảm xúc.

C. Vì thể thơ năm chữ dễ thuộc, dễ nhớ.

D. Cả A, B, C đều đúng.

2. Tại sao tác giả lại không kể lại lần thứ hai anh đội viên thức dậy?

A. Vì tác giả quên không kể.

B. Vì lần thứ hai không có điều gì để kể.

C. Vì đêm ấy anh đã nhiều lần tỉnh giấc và thấy Bác không ngủ nhưng từ lần một đến lần ba tâm trạng và cảm nghĩ của anh mới có sự biến đổi rõ rệt.

D. Vì anh đội viên không nhớ rõ lần thức dậy thứ hai.

3. Dòng nào nêu nhận xét đúng nhất về hình ảnh của Bác hiện ra trong bài thơ?

A. Bác cũng bình thường như những cụ già mà anh đội viên đã gặp.

B. Bác thật vĩ đại và rất xa lạ với mọi người.

C. Bác gần gũi, thân thiết như một người cha.

D. Bác vừa lớn lao, cao cả lại vừa bình dị, gần gũi tràn đầy tình yêu thương.

4. Tại sao tác giả lại cho rằng việc Bác không ngủ là một lẽ thường tình?

A. Vì Bác già rồi nên khó ngủ.

B. Vì trời mưa, lạnh nên Bác không ngủ được.

C. Vì Bác là vị lãnh tụ, là người cha già của dân tộc luôn lo lắng cho nhân dân, cho đất nước.

D. Không có ý kiến nào đúng.

II. TỰ LUẬN

1. Bài thơ đã sử dụng rất nhiều từ láy có giá trị biểu cảm. Em hãy liệt kê các từ láy có ở trong bài và nêu tác dụng của chúng.

2. Em hãy tìm ba câu thơ viết về tình yêu thương bao la mà Bác dành cho mọi người.

3. Viết một đoạn văn (5 -7 câu) bày tỏ tình cảm của em với Bác Hồ kính yêu

LƯỢM

TỐ HỮU

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

- Tố Hữu tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành. Sinh năm 1920 tại Thừa Thiên Huế, mất năm 2002 tại Hà Nội.

- Cha và mẹ Tố Hữu đều là những người yêu thích thơ văn, thuộc nhiều ca dao, tục ngữ.Vì thế hồn thơ Tố Hữu đã sớm được tiếp thu vốn văn hoá quí báu này.

- Tố Hữu tham gia cách mạng từ sớm và sau này ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng của Đảng.

- Ông là nhà cách mạng đồng thời là nhà thơ lớn của thơ ca hiện đại Việt Nam.

- Một số tác phẩm của ông: *Từ ấy* (thơ, 1946), *Việt Bắc* (thơ, 1954), *Gió lộng* (thơ, 1961), *Ra trận* (thơ, 1972), *Máu và hoa* (thơ, 1977), *Một tiếng đờn* (thơ, 1994).

- Tố Hữu đã được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

II. TÁC PHẨM

1. Xuất xứ, thể loại

a. *Xuất xứ*

Bài thơ *Lượm* được Tố Hữu sáng tác năm 1949, in trong tập thơ *Việt Bắc* gồm những bài thơ được viết trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954.

b. *Thể loại*

Bài *Lượm* được làm theo thể thơ bốn chữ (bài thơ có nhiều dòng, mỗi dòng có bốn chữ, thường ngắt nhịp 2/2).

Đây là một thể thơ dân gian truyền thống, xuất hiện nhiều trong tục ngữ, ca dao và đặc biệt là vè.

Thích hợp với lối thơ kể chuyện.

2. Nội dung cơ bản

a. *Nội dung khái quát*

Bài thơ đã khắc hoạ vẻ hồn nhiên, vui tươi, trong sáng và dũng cảm của chú bé Lượm - một chú bé liên lạc. Lượm đã hi sinh nhưng hình ảnh của Lượm sẽ mãi mãi bất tử trong lòng mọi người và quê hương, đất nước.

b. *Các khía cạnh chính*

b1- Hình ảnh chú bé Lượm đáng yêu, đáng mến qua lần gặp gỡ với tác giả.

- Cuộc gặp gỡ giữa hai chú cháu thật tình cờ, trong một hoàn cảnh đặc biệt *ngày Huế đổ máu*, ngày Huế bắt đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuộc gặp gỡ tuy tình cờ, ngắn ngủi nhưng đã để lại một ấn tượng mạnh mẽ trong lòng tác giả về một chú bé liên lạc thật đáng yêu và đáng mến.

- Hình ảnh Lượm hiện lên một cách cụ thể qua trang phục, hình dáng, cử chỉ và lời nói:

+ Trang phục: xinh xắn và ngộ nghĩnh với *cái xắc xinh xinh, ca lô đội lệch.*

+ Hình dáng: loắt choắt, nhỏ nhắn.

+ Cử chỉ: nhanh nhẹn, vui tươi, trong sáng *cái chân thoăn thoắt, cái đầu nghênh nghênh, mồm huýt sáo vang, cười híp mí.*

+ Lời nói: tự nhiên, chân thật, thể hiện niềm yêu thích công việc liên lạc *cháu đi liên lạc, vui lắm chú à, ở đồn Mang Cá, thích hơn ở nhà.*

- Lượm hiện lên với dáng vẻ nhỏ nhắn, nhanh nhẹn, rất hồn nhiên, trong sáng như một chú chim chích nhỏ bé, đáng yêu. Chú chim chích ấy đang đi trên một con đường vàng thật đẹp. Đó là con đường đầy nắng vàng, qua cánh đồng đầy lúa vàng hay là con đường cách mạng, con đường của lí tưởng đẹp đẽ mà Lượm đang tiến bước? Có lẽ hiểu theo cách nào cũng có ý nghĩa.

Năm khổ thơ đầu với những từ láy *(loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt, nghênh nghênh)*, với những hình ảnh so sánh Lượm *như con chim chích, nhảy trên đường vàng*, với nhịp thơ nhanh, nhịp nhàng đã khắc hoạ rõ nét và sinh động hình ảnh Lượm. Vẻ hồn nhiên, vui tươi, nhanh nhẹn, say mê kháng chiến của Lượm đã thực sự cuốn hút tác giả và người đọc, khiến cho chúng ta yêu mến và cảm phục.

b2- Chuyến đi liên lạc cuối cùng và sự hi sinh của Lượm:

Khi nghe tin Lượm hi sinh, tác giả không kìm được và thốt lên:

Ra thế
Lượm ơi!

Câu thơ bị ngắt đôi làm hai dòng diễn tả sự đau xót đột ngột, cất lên như một tiếng nấc nghẹn ngào.

Chuyến đi liên lạc cuối cùng của Lượm đã được hình dung lại thật cụ thể và rõ ràng. *Một hôm nào đó như bao hôm nào* chứng tỏ đây không phải là lần đầu tiên Lượm đi liên lạc. Hôm đó cũng như bao hôm khác Lượm phải đưa thư *thượng khẩn* qua vùng mặt trận đang rất ác liệt *đạn bay vèo vèo*. Hình ảnh *Ca lô chú bé, nhấp nhô trên đồng* vẫn gợi ra dáng vẻ nhỏ bé, nhanh nhẹn và đáng yêu nhưng cũng rất hiên ngang, dũng cảm. Lượm đã không sợ nguy hiểm, khó khăn, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Nhưng tiếc thay đó lại lại là chuyến đi liên lạc cuối cùng của Lượm. Trong chuyến đi ấy Lượm đã hi sinh:

Bỗng loè chớp đỏ

Thôi rồi, Lượm ơi!

Cái chết đã đến với Lượm thật bất ngờ khiến cho tác giả phải xót xa, nuối tiếc. Tố Hữu không muốn dừng lâu trước cái chết của Lượm, ông cũng không hề nhắc đến một lần nào từ *chết*. Nhà thơ muốn xoa dịu nỗi đau bằng hình ảnh Lượm đang nằm yên nghỉ giữa cánh đồng lúa quê hương:

Cháu nằm trên lúa

Tay nắm chặt bông

Lúa thơm mùi sữa

Hồn bay giữa đồng

Lượm đã hi sinh thật nhẹ nhàng, thanh thản. Lượm đang yên nghỉ giữa vòng tay êm ái, ngọt ngào của cánh đồng quê. Hương lúa thơm ru em vào giấc ngủ. Lượm như một thiên thần nhỏ, linh hồn em mãi mãi bất tử, hoá thân vào thiên nhiên, đất nước.

b3.- Hình ảnh Lượm mãi mãi bất tử

Mặc dù đã hình dung lại một cách cụ thể sự hi sinh của Lượm nhưng tác giả dường như vẫn không thể tin rằng Lượm đã không còn nữa. Vì thế mà nhà thơ đã phải cất lên câu hỏi

Lượm ơi còn không?

Một câu hỏi tu từ thể hiện sự ngỡ ngàng, đau xót, đứng tách riêng thành một khổ thơ như một khoảng lặng lắng lại để tưởng nhớ hình ảnh của Lượm.

Hai khổ thơ cuối nhắc lại nguyên vẹn hình ảnh Lượm ở đầu bài thơ đã trả lời cho câu hỏi đó, khẳng định Lượm mãi mãi bất tử. Hình ảnh một chú bé nhỏ nhắn, nhanh nhẹn, trong sáng và dũng cảm vẫn còn mãi trong lòng mọi người, còn mãi với quê hương, đất nước.

3. Nghệ thuật

a- Thể thơ bốn chữ, nhịp thơ nhanh, nhịp nhàng đã tái hiện vẻ đáng yêu, đáng mến của Lượm:

b- Nhiều từ láy gợi hình, gợi cảm

c- Có những so sánh tinh tế, chính xác.

d- Dùng câu hỏi tu từ, điệp khúc để bộc lộ rõ hơn cảm xúc.

e- Thay đổi cách xưng hô: *chú bé, cháu, chú đồng chí nhỏ, Lượm* để biểu thị những sắc thái tình cảm khác nhau.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

I. LỜI TÁC GIẢ

* Một đồng chí ở Thừa Thiên ra kể cho tôi nghe những tấm gương chiến đấu dũng cảm ở quê nhà và cho tôi biết tin về cháu Lượm. Nó là con của một chú em họ tôi. Từ Cách mạng Tháng Tám, nó đã về với tôi ở Huế và cùng một số bạn nhỏ tự nguyện theo các chú bộ đội. Nó đi liên lạc cho đơn vị và trong khi đưa thư qua một cánh đồng, cháu bị trúng đạn, hi sinh khi mới mười bốn tuổi. Anh em trong đơn vị thương tiếc nó như con em của mình. Thế là Lượm đã ngã xuống như Kim Đồng và bao bạn nhỏ dũng cảm khác. Tôi viết bài thơ *Lượm*, cảm thấy như còn đâu đây dáng điệu thật dễ thương và khuôn mặt trẻ con nhưng rất cứng cỏi của nó:

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh
Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng

Và nhớ mãi giọng nói hồn nhiên của chú bé:

- Cháu đi liên lạc
Vui lắm chú à
Ở đồn Mang Cá
Thích hơn ở nhà!

Theo lời người bạn kể, sau loạt đạn quân thù, Lượm ngã xuống vẫn nguyên vẹn ngây thơ của chú thiếu niên:

Cháu nằm trên lúa

Tay nắm chặt bông

Lúa thơm mùi sữa

Hồn bay giữa đồng

Tự nhiên tôi khẽ thốt lên:

Lượm ơi còn không?

Không! những anh hùng dù nhỏ tuổi như cháu không bao giờ chết.

(Tố Hữu, *Nhớ lại một thời*, NXB, 11/2000)

II. LỜI BÌNH VỀ TÁC PHẨM

* *Lượm* là một bài thơ hoàn chỉnh của Tố Hữu thời kì này về nhiều mặt. Nhận thức của anh về người bộ đội được bổ sung bằng một điểm rất mạnh là tấm lòng yêu thương vô hạn đối với các em bé mà ta được biết qua những sáng tác đầu tiên của anh. Ở đây, chưa cần phải đi sâu vào đời sống bên trong, chưa cần hiểu biết nhiều về nguồn gốc, chỉ tấm lòng yêu thương và sự ngạc nhiên, những quan sát trực tiếp cũng đủ tạo nên một hình ảnh sống động. Huống hồ Lượm không chỉ là một em bé, mà là một chú bộ đội nhỏ, em là hình ảnh đầy sức sống của cách mạng, của thời đại mới. Bài thơ vừa là một bức hoạ, vừa là một bài hát. Màu sắc, âm thanh cứ quấn quít, nhảy nhót, kích thích trí tưởng tượng:

Chú bé loắt choắt

Cái xắc xinh xinh

Cái chân thoăn thoắt

Cái đầu nghênh nghênh

Ca lô đội lệch

Mồm huýt sáo vang

Như con chim chích

Nhảy trên đường vàng

Ở em bé, cách mạng đã hoà làm một với sự sống trong cái dạng hồn nhiên nhất của nó. Em bị chết một cách đột ngột, nhà thơ muốn lướt nhanh qua sự đau xót. Anh miêu tả em bé chết như một thiên thần yên nghỉ:

Cháu nằm trên lúa

Tay nắm chặt bông

Lúa thơm mùi sữa

Hồn bay giữa đồng

Hình như thế vẫn có gì quá thật. Cuối bài thơ anh trở lại hình ảnh bay nhảy, ríu rít:

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh

Nghệ thuật miêu tả đặc sắc trong bài thơ kết hợp với nghệ thuật kể chuyện, đối thoại và biểu hiện rất khéo làm cho bài thơ vừa đậm nét tạo hình, vừa giàu nhạc tính, có sức ngân vang đặc biệt.

(Nguyễn Văn Hạnh, *Thơ Tố Hữu, tiếng nói đồng ý, đồng tình, đồng chí*, NXB Thuận Hoá, Huế, 1985)

* Trong những năm đầu kháng chiến, cùng với *Tây Tiến* của Quang Dũng, *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm, *Lượm* của Tố Hữu là một bài thơ hay, kết hợp được chất lãng mạn và chất hùng ca. Có thể nói *Lượm* là một bài thơ hiếm hoi để lại một ấn tượng sâu sắc cho thiếu nhi Việt Nam qua bao thế hệ; có lẽ cũng là bài thơ dài đầu tiên nói về sự hi sinh, cái chết của người lính trên chiến trường.

Trong một âm điệu hào hùng, bi tráng và cũng đầy chất thơ, hình ảnh chú bé liên lạc *loắt choắt* có cái *cười híp mắt, má đỏ bồ quân* với những câu thơ bốn chữ giản dị, dễ thương như nhảy nhót:

Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh
Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng
…………………………
Bỗng loè chớp đỏ
Thôi rồi, Lượm ơi!

Câu thơ như khựng lại trong ngắt khúc. Cái chết đến thật đột ngột, vô cớ, không hề có chuẩn bị, không hề có chút dự báo và do đó mà cũng xót xa! Lượm còn đó *Một dòng máu tươi* và Lượm vẫn còn đó, thật thanh thản trong bao la, thơm ngát của đồng đất quê hương.

(Vân Thanh, Trích trong tập *Phác thảo văn học thiếu nhi VN*, NXB KHXH, 1969)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. Qua năm khổ thơ đầu, Lượm hiện lên là một chú bé như thế nào?

A. Hồn nhiên, vô tư, ngộ nghĩnh.

B. Thích đi liên lạc hơn ở nhà.

C. Nhỏ nhắn, nhanh nhẹn, hồn nhiên, vui tươi, hăng hái tham gia kháng chiến.

D. Quyết tâm thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Hình ảnh Lượm trong năm khổ thơ đầu được miêu tả qua những phương diện nào?

A. Trang phục.

B. Cử chỉ, dáng điệu.

C. Lời nói.

D. Cả A, B, C đều đúng.

3. Khi nghe tin Lượm đã hi sinh, tác giả có cảm giác gì?

A. Ngạc nhiên.

B. Ngỡ ngàng, đau đớn, tiếc thương.

C. Đau xót.

D. Bình thường, không cảm giác gì.

4. Hai khổ thơ cuối lặp lại hai khổ thơ hai và ba có tác dụng gì?

A. Chứng tỏ tác giả rất thích hình ảnh của Lượm

B. Lượm là một chú bé nhỏ nhắn, hồn nhiên, đáng yêu.

C. Thể hiện sự tiếc thương của tác giả.

D. Khẳng định hình ảnh một chú bé Lượm hồn nhiên, vui tươi, nhanh nhẹn sẽ mãi mãi bất tử trong lòng mọi người.

II. TỰ LUẬN

1. Hãy chỉ ra các câu thơ, khổ thơ có cấu tạo đặc biệt trong bài thơ trên và phân tích tác dụng của chúng.

2. Em hãy viết một đoạn văn miêu tả chú bé Lượm theo hình dung của em trong đó có sử dụng ít nhất một hình ảnh so sánh và ba từ láy.

3. Hình ảnh Lượm gợi cho em những cảm xúc gì? Hãy viết một đoạn văn (5 -7 dòng) nêu cảm xúc của em.

MƯA

TRẦN ĐĂNG KHOA

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

- Trần Đăng Khoa sinh năm 1958, quê ở huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Nhà thơ là con thứ hai trong một gia đình nông dân, em ruột nhà thơ Trần Nhuận Minh, tốt nghiệp trường sĩ quan lục quân, Trường Viết văn Nguyễn Du và Học viện Mácxim Gorki. Hiện công tác tại tạp chí Văn nghệ Quân đội.

- Từ nhỏ, Trần Đăng Khoa nổi tiếng là một thần đồng thơ ca.

- Một số tác phẩm của nhà thơ: *Từ góc sân nhà em* (thơ, 1968), *Góc sân và khoảng trời* (thơ, 1968), *Khúc hát người anh hùng* (trường ca, 1974), *Chân dung và đối thoại* (tiểu luận, 1999), *Đảo chìm* (truyện và kí, 1999).

II. TÁC PHẨM

1. Thể loại và xuất xứ

- Thể loại: Thể thơ tự do, các câu thơ rất ngắn, chỉ gồm từ một đến bốn tiếng.

- Xuất xứ: Bài thơ *Mưa* được viết năm 1967 và được in trong tập thơ *Góc sân và khoảng trời* năm 1968, được Xuân Diệu đánh giá là *bài thơ hay nhất của đời thơ Trần Đăng Khoa*.

2. Nội dung cơ bản

a. *Nội dung khái quát*

Bài thơ *Mưa* đã miêu tả chính xác và sinh động cảnh tượng của cơn mưa rào mùa hạ ở làng quê Việt Nam qua những hoạt động và trạng thái của nhiều cảnh vật, loài vật trước và trong cơn mưa.

b. *Các khía cạnh chính*

b1- Bức tranh thiên nhiên trước và trong cơn mưa

- Khi trời sắp mưa:

Cảnh tượng hiện ra thật sinh động. Sắp mưa được báo hiệu bởi cảnh tượng thiên

nhiên: *ông trời mặc áo giáp đen, gió cuốn, sấm ghé xuống sân, chớp rạch ngang trời.* Trước những tín hiệu ấy các con vật như: mối trẻ, mối già, gà con, kiến, các loài cây cỏ như mía, cỏ gà, hàng tre, hàng bưởi, dừa, mồng tơi và các sự vật như lá khô, bụi đều vội vàng, rối rít tìm cách tránh mưa hoặc bày tỏ niềm hân hoan trước cơn mưa sắp tới.

Một thế giới sự vật hiện ra thật đa dạng, phong phú, nhiều loài, nhiều dáng vẻ khác nhau. Chúng được miêu tả bằng sự xen kẽ, kết hợp của các trình tự từ cao đến thấp, từ xa đến gần, từ rộng đến hẹp, từ lớn đến nhỏ.

Bằng biện pháp nhân hoá, Trần Đăng Khoa đã khiến chúng trở nên sống động hơn, có tâm trạng hơn. Bầu trời đầy mây đen kéo đến được nhân hoá thành *ông trời mặc áo giáp đen; kiến hành quân; mía múa gươm* trông như một đội quân hùng hậu chuẩn bị hành quân ra trận chiến. Bên cạnh đó *cỏ gà rung tai nghe, bụi tre tần ngần gỡ tóc, hàng bưởi bế lũ con đầu tròn trọc lốc* trông đầy tâm trạng. Còn sấm lại *khanh khách cười, ngọn mồng tơi nhảy múa* tỏ vẻ hân hoan vui sướng. Cùng với biện pháp nhân hoá, nhà thơ nhỏ tuổi cũng đã biết dùng rất nhiều động từ như *bay, tìm, mặc, múa, cuốn, đu đưa, rạch, ghé xuống, cười, bơi, nhảy múa* và nhiều tính từ như: *trẻ, già, cao, thấp, đen khô, tròn, khô khốc* góp phần miêu tả thế giới sự vật vừa phong phú, vừa sinh động. Có nhà phê bình đã nhận xét rằng: *Phép nhân hoá làm cho cả thế giới cây cỏ, thiên nhiên sống động, tưng bừng. Thiên nhiên như đang vào trận chiến.*

Phải có một sự quan sát tinh tế, một tâm hồn ngây thơ, trong sáng, hồn nhiên với khả năng liên tưởng, tưởng tượng phong phú thì cậu bé Trần Đăng Khoa mới có thể tái hiện được một bức tranh có hồn đến thế.

- Khi trời mưa:

Thế giới sự vật không còn đông vui, ồn ào, náo nhiệt như lúc sắp mưa nữa, mà chỉ có: *cóc nhảy chồm chồm, chó sủa, cây lá hả hê.* Tại vì mưa mù trắng nước nên không còn nhìn rõ các sự vật nữa hay tại vì một số loài đã đi tránh mưa.

Do đó đối tượng được đặc tả lúc này chính là cơn mưa rào mùa hạ với những âm thanh, đường nét, sắc màu rất cụ thể. Tiếng mưa rơi *ù ù, lộp bộp*, một màu sắc bao trùm toàn bộ không gian là *mù trắng nước* và trên cái nền không gian ấy đường nét của những hạt mưa *chéo mặt sân* trở nên thật ấn tượng. Chỉ có cơn mưa rào mùa hạ mới mang những dáng vẻ ấy. Nó thật mạnh mẽ và mát mẻ! Qua thế giới sự vật được miêu tả trước và trong cơn mưa, người đọc có thể dễ dàng nhận ra được đây là một cơn mưa rào ở vùng đồng bằng làng quê Bắc Bộ - nơi gắn bó vô cùng thân thiết với Trần Đăng Khoa. Vì thế đọc bài thơ ta cảm nhận được một cái nhìn đầy ấm áp, trìu mến và yêu thương của tác giả đối với cảnh vật.

b2- Hình ảnh con người trong cơn mưa

Sự xuất hiện của con người vào cuối bài thơ đã tạo ra một ấn tượng vô cùng sâu sắc trong lòng độc giả:

Bố em đi cày về.
Đội sấm.
Đội chớp.
Đội cả trời mưa.

Như vậy phải chăng cảnh vật thiên nhiên được miêu tả trước và trong cơn mưa ở phần đầu chính là cái nền để hình ảnh *bố em* xuất hiện. Một con người cụ thể, vô cùng gần gũi và rất đỗi thân thiết với em. *Bố em* là một người nông dân bình thường, xuất hiện trong một công việc rất giản dị, đó là *đi cày về*. Nhưng dưới cái nhìn đầy kính trọng và tự hào của con, bố đã được xuất hiện với một tư thế thật hiên ngang, một dáng vẻ thật lớn lao, vững vàng. Trên cái nền thiên nhiên dữ dội, trong cơn mưa rào tầm tã, xối xả, sấm chớp rạch ngang trời, bố hiện ra như một vị thần, đẹp và hùng dũng lạ thường. Dường như bố có một sức mạnh siêu phàm, có thể vượt lên tất cả. Bố chính là biểu tượng của vẻ đẹp và sức mạnh của người nông dân Việt Nam. Đối với Trần Đăng Khoa, bố thật gần gũi, giản dị, thân thương nhưng cũng thật phi thường, thật đáng kính trọng và tự hào. Hình ảnh bố xuất hiện cuối bài thơ cũng chính là biểu tượng cho tư thế, sức mạnh và vẻ đẹp của con người trước thiên nhiên.

3. Đặc sắc nghệ thuật

a- Việc sử dụng rộng rãi phép nhân hoá đã khiến cho thế giới sự vật hiện lên thật sinh động, có hồn.

b- Thể thơ tự do, nhịp thơ ngắn và nhanh góp phần miêu tả chính xác cơn mưa rào ở làng quê.

c- Nhiều động từ, tính từ được sử dụng cũng đã khiến cho sự vật miêu tả trở nên cụ thể hơn, nổi bật hơn với những dáng vẻ, hoạt động riêng.

d- Tất cả là nhờ tài năng quan sát tỉ mỉ, sự cảm nhận hồn nhiên, tinh tế, độc đáo của Trần Đăng Khoa.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Thơ Trần Đăng Khoa bắt đầu từ những gì gần gũi nhất với tuổi thơ, nhưng lại mở ra cho trí tưởng một sự xa, rộng, từ những gì nhìn thấy hàng ngày nhiều khi động tới chiều sâu lòng người. Cái thế giới trẻ con của Khoa giàu hình ảnh, màu sắc, âm thanh và tinh tế, ý nhị, sinh động và vô cùng đáng yêu.

Cậu bé Khoa có những giác quan tinh nhạy, nhìn thấy sức sống lạ kì của cảnh vật ấy, cũng đồng thời có một tấm lòng nhân hậu.

(Hồng Diệu, *Đọc lại thơ của tuổi thơ Trần Đăng Khoa*, Báo Văn nghệ, 1989)

* *Em muốn suốt đời làm thơ.* Đó là ước nguyện của Khoa từ nhỏ cho đến hôm nay, khi Khoa đã là một người lính.

Thế giới Khoa bắt nguồn từ những cảnh vật sinh hoạt quen thuộc. Đọc thơ Khoa, ta như được gội trong một không khí riêng không lẫn được của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Khoa nói những gì em thấy, em cảm, bằng giọng điệu của riêng mình.

Thế giới trong thơ Khoa thật sinh động, được nhìn và cảm nhận qua con mắt của trẻ thơ, thế giới đó hiện ra trong một vẻ riêng thật là độc đáo.

Thơ Khoa nắm bắt được nhiều màu sắc, âm thanh, hương vị của thế giới bên ngoài, của thiên nhiên, hoa cỏ, của sinh hoạt quê hương, đồng nội. Em biết lắng nghe, nhìn kĩ những gì đã xảy ra quanh mình. Cảnh vật dưới ngòi bút Khoa có hình nét và có cả tâm hồn. Cây dừa có gì lạ đâu, nhưng cây dừa của Khoa lại làm ta nhớ đến những liên tưởng ngộ nghĩnh với những tàu lá như: chiếc lược chải vào mây xanh, với những chùm quả lủng lẳng như bao hũ rượu. Những *Bụi tre - Tần ngần - Gỡ tóc*. Những *Hàng bưởi - Đu đưa - Bế lũ con - Đầu tròn - Trọc lốc* và *Muôn nghìn cây mía - Múa gươm* và chiếc diều như hạt cau, phơi trên nong trời

Tuổi trẻ hiếu động, thích những gì thay đổi. Cảnh mưa được Khoa chú ý nhiều. Nhưng không phải cảnh mưa rầu rĩ mà là những trận mưa rào ồ ạt, sôi nổi, rồi lại êm ả ngay. Viết về một cơn giông, Khoa đem lại cho ta những bất ngờ thật thú vị:

Chớp
Rạch ngang trời
Khô khốc
Sấm
Ghé xuống sân
Khanh khách
Cười

Trong sự tương phản giữa cảnh và người, bài thơ kết thúc đột ngột. Cảnh thì rối rít, náo động, nhưng con người thì ung dung. Bóng người trùm lên tất cả:

Bố em đi cày về
Đội sấm
Đội chớp
Đội cả trời mưa

(Vân Thanh, *Thơ Trần Đăng Khoa* - Tạp chí Văn Học, 2/1984)

* Chùm thơ đầu tiên của Khoa làm em đặt tên là *Từ góc sân nhà em*. Tôi đã đến thăm cái sân ấy. Nó nhỏ lắm. Nhưng nó là cái thế giới đầu tiên của bé Khoa, từ lúc bé tám tuổi, làm những câu thơ đầu tiên. Cái vũ trụ tí hon ấy quan trọng như lòng đỏ của quả trứng gà. Tôi đã nhìn thấy quanh sân, những nhân vật đã vào trong bài thơ thứ nhất của bé Khoa; những nhân vật rất thân yêu của trái tim thơ ấu: đây ngọn mồng tơi - nhảy múa; xa hơn một chút, đây muôn nghìn cây mía - múa gươm, xa hơn chút nữa, đây mấy cây bưởi vạn đời, mà lần đầu tiên mới có những con mắt thấy ra là hàng bưởi đu đưa - bế lũ con - đầu tròn trọc lốc, đúng thế thật! Xa hơn chút nữa, kia là cây dừa - sải tay bơi, xa xa hơn, kia là bụi tre tần ngần - gỡ tóc. Tại đây sấm ghé xuống sân khanh khách cười; tại đây mưa chéo mặt sân - sủi bọt; cũng trên mảnh đất này cóc nhảy chồm chồm sau khi trời đã mưa xuống rồi. Sân này là sân khấu của bài *Mưa* bài thơ vào loại hay nhất của Khoa, trong đó Ông trời - Mặc áo giáp đen - ra trận - một hình tượng thật là sáng tạo; tôi hỏi Khoa: - Tại sao cháu viết thơ này? Cháu nghĩ đến Thánh Gióng.

Có nhìn mảnh sân nhỏ của Khoa, tôi mới thấm thía, giác ngộ hơn nữa sức mạnh của nội tâm, chính tâm hồn bên trong của con người qui tụ cảnh vật bên ngoài vào trong một cái trục, biến vật vô tri thành ra xúc cảm, tình cảm. Tôi đã bước trên sân nhà em Khoa, đi qua đi lại với một thái độ trân trọng: tôi đang ở trong bầu thế giới đầu tiên của bé Khoa...

(Xuân Diệu, *Thơ em Khoa- Toàn tập Xuân Diệu*, tập,
NXB Văn học, H. 2001)

C. LUYỆN TẬP

I.TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. Bài thơ tả cơn mưa vào mùa nào và ở vùng nào?

A. Mưa rào mùa hạ ở vùng làng quê đồng bằng Bắc Bộ.

B. Mưa bụi mùa xuân ở vùng làng quê đồng bằng Bắc Bộ.

C. Mưa phùn mùa đông ở vùng làng quê đồng bằng Bắc Bộ.

D. Mưa rào mùa hạ ở vùng miền núi Tây Bắc Bộ.

2. Cơn mưa trong bài thơ được miêu tả theo trình tự nào?

A. Trình tự thời gian.

B. Trình tự không gian.

C. Trình tự thời gian kết hợp trình tự không gian.

D. Không theo trình tự nào cả.

3. **Đoạn thơ**

"Hàng bưởi

Đu đưa

Bế lũ con

Đầu tròn

Trọc lốc

Sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Nhân hoá.

B. Nhân hoá và so sánh.

C. So sánh và ẩn dụ.

D. Nhân hoá và ẩn dụ.

4. Hãy ghép các từ láy ở cột B với các sự vật ở cột A cho đúng với sự miêu tả của tác giả.

Cột A	
a.	Gà con
b.	Bụi
c.	Bụi tre
d.	Chớp
e.	Sấm
f.	Mưa
g.	Cóc
h.	Cây lá

Cột B	
1.	Hả hê
2.	Ù ù
3.	Rối rít
4.	Khanh khách
5.	Tần ngần
6.	Chồm chồm
7.	Cuồn cuộn
8.	Khô khốc

II. TỰ LUẬN

1. Hãy chọn một hình ảnh có sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá mà em thích nhất trong bài thơ và nêu tác dụng của nó.

2. Tại sao có thể nói hình ảnh người bố xuất hiện ở cuối bài thơ là một người vừa bình thường, giản dị lại vừa lớn lao, cao đẹp?

PHẦN BA

VĂN BẢN NHẬT DỤNG

Văn bản nhật dụng là khái niệm tạm dịch từ chữ "Everyday Text" của tiếng Anh.

Văn bản nhật dụng không phải là một khái niệm chỉ thể loại hoặc chỉ kiểu văn bản. Nói đến "văn bản nhật dụng" trước hết là nói đến tính chất của nội dung văn bản. Đó là những bài viết có nội dung gần gũi, bức thiết đối với cuộc sống trước mắt của con người, cộng đồng trong xã hội hiện đại như: thiên nhiên, môi trường, năng lượng, dân số, quyền trẻ em, ma tuý....

Văn bản nhật dụng có thể dùng tất cả các thể tài cũng như các kiểu văn bản. Tuy nhiên, nhìn chung về hình thức thể loại đó thường là những bài báo, bài giới thiệu, thuyết minh đăng trên các báo các tạp chí hay phát trên đài, tivi. Nó thường được viết theo thể loại bút kí, kí sự, hồi kí, tuỳ bút, hoặc phóng sự, trong đó có sự kết hợp giữa các phương thức tả, kể, phát biểu cảm nghĩ, bình luận. Có những truyện ngắn cũng được coi là những văn bản nhật dụng. Văn bản nhật dụng có giá trị thông tin, tuyên truyền, phổ biến cập nhật mọi vấn đề văn hoá xã hội đang được quan tâm, để thấy được ý nghĩa lâu dài, muôn thủa phổ biến của vấn đề đó, thấy được mối liên hệ với nhiều phương diện trong đời sống xã hội của vấn đề. Những văn bản nhật dụng luôn có thể liên hệ mở rộng với những vấn đề đang diễn ra ở địa phương. Tuy đề tài, tính chất của văn bản mang những chức năng như vậy nhưng những văn bản nhật dụng đưa vào chương trình đều có giá trị nghệ thuật ở mức độ nhất định.

BẢNG THỐNG KÊ TÁC PHẨM

Chương trình ***Ngữ văn 6*** có ba văn bản nhật dụng:

+ *Cầu Long Biên - Chứng nhân lịch sử*

+ *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*

+ *Động Phong Nha*

Số TT	Tên tác phẩm	Tác giả	Đề tài	Ý nghĩa của vấn đề
1.	Cầu Long Biên- Chứng nhân lịch sử	Thuý Lan	Văn bản viết về một cây cầu nổi tiếng đã đi vào lịch sử dân tộc, gắn bó máu thịt với đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân Việt Nam suốt một thế kỉ qua.	Văn bản đặt ra vấn đề, cần có thái độ và cách nhìn nhận đánh giá đúng đắn đối với những di tích - chứng nhân của lịch sử dân tộc.
2.	Bức thư của thủ lĩnh da đỏ	Xiat-tơn	Môi trường thiên nhiên và cuộc sống của con người.	Thiên nhiên có mối quan hệ, gắn bó máu thịt với con người. Vì vậy con người phải sống hoà hợp với thiên nhiên, phải bảo vệ môi trường thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình.
3.	Động Phong Nha	Trần Hoàng	Văn bản giới thiệu một thắng cảnh nổi tiếng, nằm trong quần thể hang động thuộc khối núi đá vôi Kẻ Bàng: động Phong Nha.	Danh lam thắng cảnh là niềm tự hào của đất nước, được tạo hoá ban tặng cho con người vì vậy, cần có ý thức khai thác và gìn giữ những danh lam thắng cảnh ấy.

CẦU LONG BIÊN - CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ

THUÝ LAN

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Thể loại

Đây là một bài báo đăng trên báo Người Hà Nội, có thể xếp vào loại kí (thuộc kiểu bút kí, mang yếu tố hồi kí).

2. Phương thức biểu đạt

Kết hợp giữa phương thức tự sự (kể, tả) với phương thức trữ tình (bộc lộ tình cảm, cảm xúc)

3. Bố cục: Ba phần

Phần 1: Khái quát về cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử.

Phần 2: Cầu Long Biên - chứng nhân của một thế kỉ đau thương và anh dũng của đất nước và nhân dân Việt Nam.

Phần 3: Ý nghĩa lịch sử của cầu Long Biên trong xã hội hiện đại.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Văn bản thể hiện những hiểu biết và cảm nhận riêng của tác giả về cây cầu Long Biên, một cây cầu đã chứng kiến biết bao sự kiện lịch sử hào hùng, bi tráng của Hà Nội. Hiện nay, tuy đã rút về vị trí khiêm nhường nhưng cầu Long Biên vẫn mãi trở thành một chứng nhân lịch sử, không chỉ của riêng Hà Nội mà của cả nước.

2. Các khía cạnh chính

a. Cầu Long Biên- cái nhìn khái quát: Trong một thế kỉ tồn tại, cầu Long Biên đã chứng kiến bao sự kiện lịch sử hào hùng, bi tráng của thủ đô Hà Nội nói riêng của cả nước nói chung. Đến giờ, tuy rút về vị trí khiêm nhường nhưng nó vẫn là nhân chứng sống động, đau thương và anh dũng của thủ đô Hà Nội.

b. *Cầu Long Biên- nhân chứng sống động, đau thương và anh dũng:*

- Trong thời Pháp thuộc, sự ra đời, tồn tại của cầu Long Biên chính là một bằng chứng sống động về một về một giai đoạn lịch sử đau thương của dân tộc. Cầu ra đời phục vụ cho các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, ban đầu mang tên toàn quyền Dume - đánh dấu giai đoạn đất nước chìm trong ách ngoại xâm. Tuy là thành tựu của thời đại *văn minh cầu sắt* nhưng trong quá trình xây dựng, cầu đã chứng kiến cảnh thợ Việt Nam bị đối xử tàn nhẫn, bị chết rất nhiều.

- Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, đất nước chuyển mình bước vào một giai đoạn lịch sử mới, cầu Long Biên cũng là một *nhân chứng sống động*. Trước hết, cầu được đổi tên thành cầu Long Biên như sự chấm dứt giai đoạn đất nước nằm trong ách nô lệ. Sau đó là những năm tháng hoà bình với hình ảnh cây cầu đi vào sách giáo khoa, in đậm trong kí ức của tác giả, là những ngày tháng mùa đông năm 1946, cây cầu chứng kiến cảnh *người dân thủ đô cùng Trung đoàn yêu dấu của mình ra đi bí mật*. Và cầu Long Biên vừa là nhân chứng vừa là nạn nhân trong cuộc leo thang bắn phá miền Bắc của không lực Hoa Kì. Không biết bao nhiêu lần cây cầu bị bắn phá, được hàn rồi lại bị cắt đứt.

- Trong cuộc sống hiện đại, cầu Long Biên đã rút về vị trí khiêm nhường bởi bắc qua sông Hồng đã có thêm nhiều cây cầu hiện đại. Nhưng nó vẫn là một *chứng nhân lịch sử*, vẫn có vai trò là *nhịp cầu vô hình* để du khách *xích lại gần với đất nước Việt Nam*.

III- ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

Bài kí sử dụng lối văn thuyết minh, kết hợp với hồi ức, miêu tả thấm đượm chất trữ tình.

Có nhiều sự kiện gắn với lịch sử của Hà Nội nói riêng và của dân tộc Việt Nam nói chung khiến cho bài viết trở nên chân thực và sinh động.

Những câu văn giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, gợi ra những liên tưởng thú vị cho người đọc.

Nhiều từ ngữ được sử dụng có sắc thái biểu cảm mạnh mẽ như: nhớ như in, say mê ngắm nhìn, yêu thương, nhói đau, thân thương, tả tơi, ứa máu...

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

... Tôi đã đứng trên sông Hồng hơn 100 năm, chứng kiến bao nỗi thăng trầm của người dân đất ngàn năm văn vật. Cứ hai giờ sáng ngày nắng cũng như ngày mưa, đã nghe tiếng kẽo kẹt đè nặng trên đôi vai người phụ nữ những rau, những quả từ phía

Gia Lâm rảo bước vào nội thành. Dần dần chợ mọc lên buôn bán mỗi ngày một sầm uất hơn. Hàng hoá từ Hà Nội toả đi, mọi nơi đổ về làm thay đổi cả bộ mặt thành phố...Chợ và chợ vây lấy chân tôi ở cả đôi bờ, họp thâu đêm suốt sáng. Người ta có thể mua tất cả mọi thứ ngay dưới chân tôi. Tam giác kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh cũng từ đó mà hình thành. Dân tứ chiếng quần tụ về sinh sống buôn bán. Hà Nội từ 8.000 người tăng vọt lên hai vạn... và cứ thế phát triển...

Năm 1945, năm đói khủng khiếp, người chết la liệt nằm vắt ngang cả phần đường dành cho người đi bộ trên cầu. Những người thu gom phải mở cửa cả những căn hầm xây bằng đá dưới chân tôi cạnh Hàng Cót chất vào đó cơ man xác chết chưa đi chôn kịp! Thế rồi một thời gian sau, ở ngay những căn hầm từng là nhà xác ấy bao đứa trẻ lại cất tiếng khóc chào đời. 130 khoang ở chân cầu Đốc Gạch bỗng thành phố buôn bán sầm uất ồn ào thâu đêm suốt sáng...

Năm 1947, tôi nín thở trước cảnh tượng vượt sông ngoạn mục có một không hai trong thời kì "Sống mãi với thủ đô" của người dân Hà Nội: trên cầu lính Pháp lăm lăm súng canh chừng mà không hay biết Việt Minh và dân chúng từng đoàn rút êm ru sang vùng tự do ngay dưới chân, chỉ cách một tầm tay với. Về sau này cả văn học và phim ảnh còn nhắc mãi câu chuyện cảm động: Một bà mẹ đã phải bịt miệng đứa con mấy tháng tuổi đến ngạt thở!!!.

Những năm máy bay Mĩ leo thang bắn phá miền Bắc bằng B52, hàng tấn bom đạn đã nhằm vào tôi phá hủy huyết mạch giao thông gần như độc đạo lúc ấy vận chuyển hàng hóa thiết bị quân sự từ cảng Hải Phòng chi viện cho chiến trường. Đêm 10/9/1972, thân thể tôi tưởng như tan nát, trụ vỡ toác, ba nhịp bị chém đứt, tổng cộng 1.500m bị tê liệt. Nhờ bàn tay kéo léo và ý chí can trường của những người thợ cầu thời đó, tôi đã được: "hàn gắn" và nhanh chóng hồi phục..."

(Minh Thụy, *Long Biên tự sự*,
http://www.vnn.vn/psks/phongsu/2004/08/222710/)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. Phương thức biểu đạt của văn bản** Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử **là gì?

A. Tự sự | C. Biểu cảm

B. Miêu tả | D. Kết hợp cả A, B, C

2. Vì sao cầu Long Biên được coi là *chứng nhân lịch sử?*

A. Vì cầu đã tồn tại lâu năm.

B. Vì cầu đã chứng kiến nhiều giai đoạn lịch sử của đất nước, có hào hùng, có bi tráng, có đau thương.

C. Vì cầu đã trực tiếp chịu ảnh hưởng trong những giai đoạn lịch sử đáng nhớ của đất nước.

D. Kết hợp cả A, B, C.

3. Mục đích của văn bản *Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử* là gì?

A. Giới thiệu về cầu Long Biên với khách du lịch.

B. Những hồi ức, tình cảm của tác giả đối với cầu Long Biên.

C. Qua những hồi ức, tình cảm đối với cầu Long Biên, tác giả nêu lên vị trí của cây cầu trong xã hội và trong đời sống tinh thần con người hiện đại.

D. Thể hiện thái độ đối với thực dân Pháp.

4. Câu văn nào sau đây nêu rõ vị trí của cây cầu Long Biên trong cuộc sống hiện đại.

A. Cầu Long Biên được coi là một thành tựu quan trọng trong thời văn minh cầu sắt.

B. Rồi sẽ còn có những chiếc cầu khác hiện đại hơn nữa vượt sông Hồng.

C. Cầu Long Biên trong thời bình đã rút về vị trí khiêm nhường, nhưng nó đã trở thành chứng nhân lịch sử (...), một nhân chứng sống động, đau thương và anh dũng của thủ đô Hà Nội.

D. Bây giờ cầu Long Biên đã rút về vị trí khiêm nhường.

5. Trong những hình ảnh sau, hình ảnh nào không được so sánh với cầu Long Biên?

A. Toà tháp nằm ngang. B. Chiếc võng. C. Dải lụa.

II. TỰ LUẬN

1. Văn bản *Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử* đã thể hiện tình cảm gì của tác giả?

2. Từ văn bản *Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử* em hãy nêu suy nghĩ về thái độ cần có của con người đối với các *chứng nhân lịch sử*.

BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Xuất xứ

Năm 1854, tổng thống thứ 14 của Mĩ là Phrengklin Pio xơ tỏ ý muốn mua đất của người da đỏ. Tù trưởng Xi-at-tơn - người đứng đầu của bộ tộc da đỏ đã viết bức thư này để trả lời. Đây là bức thư nổi tiếng, được coi là văn kiện hay nhất xưa nay nói về quan hệ thiêng liêng giữa các tộc người thiểu số đối với đất đai ngàn đời của họ, cùng những quan niệm đúng đắn và tích cực về mối quan hệ giữa thiên nhiên và môi trường sống của con người.

2. Thể loại

Đây là bức thư nhưng có nội dung chính trị sâu sắc với phương thức chính luận (nghị luận). Có thể thấy, văn bản thuộc thể loại: thư từ - chính luận.

3. Bố cục

Đây là một văn bản trích, việc phân chia bố cục không được rõ ràng, vì vậy lưu ý tìm hiểu theo các luận điểm (vấn đề chính) mà văn bản đặt ra:

- Thiên nhiên, quê hương, môi trường đối với người da đỏ là thiêng liêng, là *bà mẹ* của người da đỏ nên không dễ gì đem bán.

- Người da trắng mới nhập cư đối xử với thiên nhiên, môi trường hoàn toàn đối lập với người da đỏ. Nếu buộc phải bán đất, người da đỏ yêu cầu người da trắng phải đối xử với thiên nhiên như người da đỏ.

- Nếu không, cuộc sống của người da trắng sẽ tổn hại bởi *điều gì xảy ra đối với đất đai tức là xảy ra với những đứa con của đất.*

II. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Bức thư thể hiện sự gắn bó mật thiết và tình yêu sâu thẳm của người da đỏ với thiên nhiên, với quê hương, đất nước, thể hiện sự bức xúc trước sự đối xử tàn nhẫn với thiên nhiên, môi trường của người da trắng. Từ đó văn bản nêu được một vấn đề

bức xúc và có ý nghĩa to đối với cuộc sống hiện nay: bảo vệ môi trường và giữ gìn sự trong sạch của thiên nhiên và môi trường.

2 Những khía cạnh chính

a. Đất đai là bà mẹ của người da đỏ. Người da đỏ sống hoà hợp với thiên nhiên, coi thiên nhiên là thiêng liêng, là gắn bó máu thịt. Họ trân trọng thiên nhiên, từ mỗi tấc đất, mỗi lá thông óng ánh, mỗi hạt sương long lanh, mỗi bãi đất hoang đến tiếng thì thầm của côn trùng và những dòng nhựa chảy trong cây cối... Ngay cả khi chết đi, họ cũng không thể quên được mảnh đất ấy. Lời văn tha thiết, mỗi hình ảnh được nhắc đến đều bình dị mà đẹp đẽ, xuất phát từ trái tim yêu mến vô cùng mảnh đất của mình. Biện pháp nghệ thuật nhân hoá càng khắc sâu hơn tình cảm gắn bó sâu đậm ấy.

b. Cách đối xử của người da trắng mới nhập cư đối với đất là hoàn toàn đối lập với người da đỏ. Họ sẵn sàng lấy đi từ lòng đất những thứ họ cần. Họ coi mảnh đất này là kẻ thù để chinh phục, đối xử với đất như với những vật mua được, tước đoạt được. Đó là cách đối xử vô tình, tàn nhẫn, thiếu tình yêu thương. Hậu quả là, họ để lại đằng sau những bãi hoang mạc, nỗi đau của đất đai, thiên nhiên và môi trường. Từ đó, thủ lĩnh Xiat-tơn đề nghị người da trắng phải đối xử với đất đai, cây cối, muông thú trên mảnh đất này như những người anh em. Nghệ thuật đối lập, phép điệp ngữ kết hợp, phép đối lập đã làm nổi bật lên những lời đề nghị tha thiết của thủ lĩnh Xiat- tơn.

c. Thủ lĩnh Xiat- tơn khẳng định mạnh mẽ hơn, dứt khoát quan điểm của mình: với người da đỏ, đất đai là máu thịt. Nếu buộc phải nhường lại cho người da trắng thì người da trắng phải biết kính trọng đất đai, phải biết đối xử với đất đai như người da đỏ. Thủ lĩnh da đỏ còn đưa ra lời cảnh báo: Nếu không thì ngay cuộc sống của người da trắng cũng bị tổn hại vì với bất cứ tộc người nào, thì Đất cũng là Mẹ: *Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của đất.*

III. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

Bằng giọng điệu chân thành, thẳng thắn vừa mềm dẻo lại vừa cương quyết, rất truyền cảm và thuyết phục, tác giả đã thể hiện rõ thái độ trân trọng của người da đỏ đối với môi trường sống.

Các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá, phép lặp và phép đối lập được sử dụng một cách độc đáo và có hiệu quả.

Nhiều hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp và thơ mộng thể hiện tình yêu đất đai và thiên nhiên sâu sắc.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Xiat- tơn (Seattle, 1786- 1866) là thủ lĩnh của các bộ tộc Đu-oa -mix (Duwamish) và Su-qua-mix (Suquamish). Các bộ tộc này được các nhà truyền giáo thuộc giáo hội Thiên Chúa giáo cải đạo vào những năm 1830. Xiat- tơn là một thủ lĩnh đầy quyền lực của người da đỏ sống ở miền Nam Pu-get. Ông và các bộ tộc của mình sống hoà bình với những người Anh sang định cư ở đây. Không lâu sau khi lãnh thổ Oa sinh tơn được thành lập vào năm 1853, I sa-ac Xti-venx (Isaac Stevens) thống đốc của vùng đất mới ấy đến thăm bộ lạc của Xiat-tơn để thảo luận hiệp ước giữa hai bên. Bài diễn văn của Xiat- tơn được phát biểu trong cuộc gặp gỡ với I-sa-ac Xtivenx.

Năm 1887, tiến sĩ Henri A.Xmit (Henri A.Smith), người cùng dự cuộc gặp gỡ ấy, đã cho in bài diễn văn của Xiat- tơn với tư cách là người chép lại lời phát biểu của vị thủ lĩnh. Năm 1855, Xi-at-tơn kí hiệp ước Pôt Ê-li-ôt (Port Elliot) đồng ý chuyển bộ lạc của mình đến định cư ở khu tự trị. Mặc dù Xi-at-tơn cực lực phản đối nhưng người ta vẫn lấy tên ông cho lãnh địa đó.

(Lê Huy Bắc, dịch từ *Hợp tuyển Hit (Heath) về văn học Mĩ*,
Tổng chủ biên Pôn - lo - tơ Niu Ooc, 1998)

* Bảo vệ thiên nhiên môi trường hiện nay là vấn đề sống còn đối với nhân loại. *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*, một văn bản ra đời cách đây gần hai thế kỉ, đã trở thành một văn bản hay nhất về thiên nhiên, môi trường vì nó đã đề cập một cách sâu sắc đến vấn đề này. Không dựa trên kiến thức khoa học, không dựa trên những lí luận khô khan, rời rạc, văn bản thuyết phục người đọc, người nghe bằng chính tình cảm tha thiết sâu lắng của thủ lĩnh Xi-at-tơn, một thủ lĩnh đầy quyền lực của người da đỏ, một người da đỏ yêu nước, đất đai của mình, cảm nhận rất rõ mình là một *sợi tơ trong cái tổ sống* thiên nhiên môi trường. Qua cách diễn đạt tự nhiên đầy hình ảnh: *mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi bờ cát, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi, mảnh đất này là bà mẹ của người da đỏ. Chúng tôi là một phần của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi (...) tất cả đều cùng chung một gia đình* ta thấy được sự cần thiết, sự quan trọng và gắn bó vô cùng của thiên nhiên đối với người da đỏ. Qua những miêu tả về cách đối xử của người da trắng với đất đai, *lấy đi từ lòng đất những gì họ cần, mảnh đất này là kẻ thù của họ, cư xử với mẹ đất và anh em bầu trời như những vật mua được, tước đoạt được*, ta thấy sự đau xót đầy ấm ức của vị thủ lĩnh da đỏ, thấy được thái độ phản đối cách đối xử

ấy của Xi-at-tơn. Không gọi thành tên nhưng qua đó ta thấy vị thủ lĩnh da đỏ đã nhận ra lối sống thực dụng và ích kỉ của người da trắng. Lối sống ấy phá vỡ mối quan hệ thân thiện giữa con người và môi trường. Cho nên, dù không muốn nhưng vị thủ lĩnh Xi-at-tơn vẫn buộc phải nhường đất cho người da trắng và ông đã yêu cầu người da trắng đối xử tử tế với đất đai. Xét cho cùng, người da trắng hay da đỏ sống trên mảnh đất ấy, thì việc trân trọng đất đai, thiên nhiên, môi trường cũng là bổn phận của loài người. Có lẽ đó chính là thông điệp có ý nghĩa với mọi thời đại. *Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra với những đứa con của Đất. Con người chưa biết làm tổ để sống, con người giản đơn là một sợi tơ trong cái tổ sống đó mà thôi. Điều gì con người làm cho tổ sống đó, là làm cho chính mình...*

(N.T.P.T)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* ***đã đặt ra những vấn đề gì*** ?

A. Mối quan hệ thân thiết giữa người da đỏ đối với thiên nhiên đất đai.

B. Người da trắng nhập cư có cách đối xử với đất đai hoàn toàn đối lập với người da đỏ.

C. Đề nghị người da trắng trân trọng đất đai, thân thiện với môi trường.

D. Kết hợp cả A, B, C.

2. Sự khác biệt, đối lập giữa người da đỏ và người da trắng được văn bản nêu lên ở khía cạnh nào?

A. Màu da.

B. Cách sống, thái độ với *Đất*, với thiên nhiên.

C. Người da đỏ sống lâu đời ở đó, còn người da trắng mới nhập cư.

D. Người da trắng giàu có, còn người da đỏ thì không.

3. Trong bức thư, thủ lĩnh da đỏ phê phán người da trắng vì điều gì?

A. Vì họ muốn mua lại mảnh đất của người da đỏ.

B. Vì họ có cuộc sống khác cuộc sống của người da đỏ.

C. Vì họ coi mảnh đất ấy là kẻ thù để chinh phục, để ngấu nghiến, tước đoạt.

D. Vì họ ở nơi khác đến.

4. Theo em, mục đích viết bức thư này của thủ lĩnh da đỏ là gì?

A. Trả lời lời đề nghị mua đất của tổng thống.

B. Bày tỏ cảm xúc, tình cảm với đất đai, môi trường thiên nhiên.

C. Đề nghị tổng thống và người da trắng giữ gìn đất đai, thiên nhiên

D. Kết hợp cả A, B, C.

5. Văn bản để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc vì điều gì?

A. Đây là bức thư trả lời tổng thống Phreng-klin.

B. Tình cảm gắn bó, yêu mến vô cùng mảnh đất quê hương của người da đỏ.

C. Nghệ thuật viết văn độc đáo, đặc sắc.

D. Có ý nghĩa khoa học to lớn.

II. TỰ LUẬN

1. Từ văn bản *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*, hãy nêu cảm nghĩ của em về vấn đề thiên nhiên, môi trường trong cuộc sống hiện tại.

2. Chỉ ra tình cảm của thủ lĩnh da đỏ thể hiện trong bức thư.

ĐỘNG PHONG NHA

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Động Phong Nha là một văn bản nhật dụng, có nội dung và hình thức văn bản gần gũi với chúng ta trong cuộc sống hiện tại. Văn bản được trích từ *Sổ tay địa danh du lịch các tỉnh Trung Trung Bộ*, nhằm giới thiệu một di sản thiên nhiên thế giới, vẻ đẹp cũng như tiềm năng của nó. Nội dung của văn bản không chỉ dùng riêng cho các nhà khoa học mà là rộng rãi cho mọi khách tham quan.

Bố cục của văn bản: Có thể tìm hiểu theo nhiều cách khác nhau nhưng để bám sát nội dung tác phẩm hơn, ta có thể tìm hiểu thành bố cục ba phần:

- Từ đầu đến *bãi mía nằm rải rác*: Giới thiệu vị trí địa lí và hai đường vào động Phong Nha.

- Tiếp theo đến *nơi cảnh chùa, đất Bụt*: Cảnh tượng động Phong Nha.

- Còn lại: Xác định giá trị của động Phong Nha, sức thu hút của động đối với khách tham quan và việc đầu tư khai thác để sớm biến động thành một địa điểm du lịch thám hiểm, nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Văn bản giới thiệu về động Phong Nha, một di sản thiên nhiên thế giới, nằm ở miền tây tỉnh Quảng Bình, được xem là kì quan thứ nhất (Đệ nhất kì quan). Vẻ đẹp kì ảo, ý nghĩa đối với cuộc sống Việt Nam khiến động Phong Nha đã và đang thu hút nhiều khách tham quan trong và ngoài nước. *Động Phong Nha* giúp chúng ta thấy tự hào về vẻ đẹp của động Phong Nha, từ đó có ý thức tham gia bảo vệ những danh lam thắng cảnh của đất nước.

2. Các khía cạnh chính

a. Giới thiệu vị trí và con đường vào động: Động Phong Nha nằm trong một quần thể hang động thuộc khối núi đá vôi Kẻ Bàng ở miền tây Quảng Bình. Du

khách có thể tới Phong Nha bằng cả đường thủy lẫn đường bộ. Muốn vào động Phong Nha thì ta đi bằng thuyền theo sông Son trong và xanh thẳm.

b. Giới thiệu về động Phong Nha và miêu tả vẻ đẹp của động: Động Phong Nha có hai bộ phận: động khô và động nước. Động khô cao, nhiều vòm đá trắng vân nhũ và cột đá màu xanh ngọc bích óng ánh. Động nước hiện còn một con sông dài chảy suốt ngày đêm, với hang có trần cao thấp khác nhau, còn cất giữ bao điều huyền bí, thú vị. Vào động Phong Nha ta sẽ thấy thích thú trước vẻ đẹp kì ảo, lộng lẫy của các khối thạch nhũ hiện lên đủ hình khối, màu sắc. Động Phong Nha còn giữ nét hoang sơ, bí hiểm lại vừa rất thanh thoát và giàu chất thơ.

c. Giá trị của động Phong Nha: Động Phong Nha được khẳng định *là hang động dài nhất và đẹp nhất thế giới.* (Hao-ơt Lim-be) đã và đang thu hút sự quan tâm lớn của nhiều nhà khoa học, nhà thám hiểm, khách du lịch trong và ngoài nước.

III. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

Với lối giới thiệu rất tự nhiên và rành mạch, tác giả dần dần đưa người đọc đến chiêm ngưỡng từng vẻ đẹp kì diệu của động Phong Nha.

Nhiều từ ngữ có khả năng gợi hình, gợi màu sắc và gợi âm thanh được kết hợp với nhau khiến cho động Phong Nha hiện lên với một vẻ đẹp lộng lẫy, kì ảo.

Những lời phân tích, đánh giá có cơ sở và đáng tin cậy của các nhà khoa học về động Phong Nha được dẫn vào một cách hợp lí cũng khiến cho bài viết của tác giả có thêm sức thuyết phục.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

... " Phong Nha – Kẻ Bàng là vùng Kast trẻ rộng lớn (khoảng 200.000 ha), và điển hình không chỉ của Việt Nam mà còn của cả thế giới, là một mẫu điển hình của quá trình địa chất về thể loại Kast và hình thành hang động đang diễn biến có giá trị toàn cầu không chỉ ở lĩnh vực đa dạng sinh học mà còn là một khu vực thắng cảnh hang động bậc nhất thế giới..

Vùng Phong Nha – Kẻ Bàng và phụ cận được giới hạn trong toạ độ 17⁰22' - 17⁰50'vĩ độ Bắc và 105⁰45' - 106⁰24' kinh độ Đông, bao gồm lãnh thổ một phần các huyện Quảng Ninh, Bố Trạch, Tuyên Hóa và Minh Hóa trải rộng từ biển tới biên giới Việt - Lào.

Có thể nói, đây là vùng có lịch sử phát triển địa chất phức tạp và lâu dài từ Cambi đến ngày nay. Trải qua các kì vĩ kiến tạo quan trọng và các pha chuyển động đứt gãy, phối tảng và uốn nếp đã liên tục tạo ra các dẫy núi trùng điệp do chuyển động nâng cao và các bồn trầm tích đa dạng về địa chất, địa hình - địa mạo,

mạng lưới thủy văn và tính đa dạng kì thú về hang động du lịch đối với các thành hệ đá vôi Phong Nha – Kẻ Bàng phát triển từ Devon đến Cacsbon – Trecmi.

Sông Son có sắc đỏ của đất phong hóa Terrarossa bắt nguồn từ vùng đá vôi hòa vào sông Nan và rào Đẩy. Tính đa dạng và độc đáo của địa chất, địa hình, địa mạo là điều kiện tiên quyết để kéo theo những tính độc đáo khác nữa đó là tính đa dạng sinh học, những cảnh quan đẹp và bí hiểm, những cảnh rừng hoang sơ như những khu bảo tàng thiên nhiên đầy bí mật được ít người biết đến. Giá trị khu động Phong Nha (trong vùng Kast Kẻ Bàng) là một tập hợp sinh cảnh cực kì quan trọng cho việc bảo tồn đa dạng sinh học, tiềm chứa nhiều nguồn gen quý hiếm, trong đó có những loài có giá trị toàn cầu như Sao la, Mang lớn...

Ngoài sinh cảnh thảm rừng và động vật hoang dã, vùng Kast này chứa đựng trong lòng nó cả một hệ thống trên 300 hang động lớn nhỏ được mệnh danh là "vương quốc hang động", đang tiềm ẩn trong nó nhiều điều kì lạ và hấp dẫn các nhà thám hiểm, các nhà khoa học và du khách. Khu động Phong Nha còn là nơi đã từng tồn tại và đang hiện diện cả một hệ di tích lịch sử văn hóa có giá trị cho nhiều thời đại như các di tích khảo cổ học tiền sử, di tích văn hóa Chàm, di tích các trọng điểm trong chiến tranh.

Đặc biệt, trong hệ thống các giá trị của khu vực Kast này, hệ thống động Phong Nha đã được Hội nghiên cứu hang động Hoàng gia Anh (BCRA) đánh giá là hang động có giá trị hàng đầu thế giới với bốn điểm nhất: Có các sông ngầm dài nhất, có cửa hang cao và rộng nhất, có những bờ cát rộng và đẹp nhất, có những thạch nhũ đẹp nhất. Hội nghị lần thứ 27 của Uỷ ban Di sản Thế giới họp tại Paris tháng 7 - 2003 đã công nhận Phong Nha - Kẻ Bàng là Di sản thiên nhiên thế giới.

(Nguồn : http://www.unet.org.vn/heritage/phongnha.htm)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. Văn bản** Động Phong Nha **đề cập đến vấn đề gì?

A. Ca ngợi vẻ đẹp của động Phong Nha.

B. Giới thiệu về động Phong Nha.

C. Tiềm năng kinh tế của động Phong Nha và ý thức khai thác giữ gìn thắng cảnh.

D. Kết hợp cả ba đáp án trên.

2. Cụm từ nào được dùng để diễn tả vẻ đẹp của động Phong Nha

A. Lộng lẫy, kì ảo.

B. Huyền ảo về màu sắc.

C. Vừa có nét hoang sơ bí hiểm, lại rất vừa thanh thoát giàu chất thơ.

D. Cả ba đáp án trên.

3. Động Phong Nha mở ra những triển vọng gì?

A. Khai thác kinh tế du lịch.

B. Thám hiểm.

C. Nghiên cứu khoa học.

D. Cả ba đáp án trên.

II. TỰ LUẬN

1. Cảm nhận của em về vẻ đẹp của động Phong Nha.

2. Văn bản đã đặt ra vấn đề gì? Em có suy nghĩ như thế nào về vấn đề đó?

GỢI Ý LÀM BÀI

CON RỒNG CHÁU TIÊN

I. TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5
C	C	D	B	B

II. TỰ LUẬN

1. Gợi ý

Hình tượng bọc trăm trứng và việc Lạc Long Quân và Âu Cơ chia con gợi cho ta suy nghĩ về:

- Nguồn gốc, nòi giống cao quí của dân tộc: Các dân tộc đều có chung một nguồn gốc, cùng được sinh ra từ bọc trăm trứng của cha Rồng, mẹ Tiên.

- Ý thức đoàn kết các dân tộc: Vì cùng chung giống nòi, vì lời dặn của cha Rồng khi có việc thì giúp nhau, đừng quên lời hẹn, nên các dân tộc trên mọi miền đất nước phải đoàn kết trong mọi việc.

2. Học sinh tự viết đoạn văn.

Những cảm nghĩ có thể có:

- Khâm phục trí tưởng tượng bay bổng, sức sáng tạo của nhân dân lao động; khâm phục lòng tự hào về nòi giống và ý nguyện đoàn kết của cha ông.

- Tự hào với nguồn gốc cao quí của mình.

- Cần có thái độ, tinh thần đoàn kết cho xứng đáng với truyền thống của dân tộc.

BÁNH CHƯNG, BÁNH GIẦY

I. TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5
D	D	C	B	A

II. TỰ LUẬN

1. Truyện có nhiều chi tiết khiến cho ta phải suy ngẫm

Các em có thể viết về những chi tiết sau:

- Lang Liêu được thần báo mộng: *Trong trời đất không gì quý bằng hạt gạo.* Đây là lời gợi ý mà nếu không có óc suy nghĩ, sự sáng tạo, lòng yêu mến hạt gạo do công sức mình bỏ ra thì không thể làm ra hai thứ bánh ngon và giàu ý nghĩa như bánh chưng, bánh giầy.

- Lang Liêu lấy gạo, đỗ, thịt, lá dong làm bánh: Thể hiện tấm lòng của chàng, óc sáng tạo và sự trân trọng hạt gạo mà mình làm ra.

- Vua dừng lại trước chồng bánh của Lang Liêu: Hùng Vương đã nhận ra tấm lòng đáng quý mà Lang Liêu gửi gắm vào những chiếc bánh, hiểu ý nghĩa của những chiếc bánh đó.

2. Truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy* cho ta nhiều hiểu biết

- Nguồn gốc của bánh chưng, bánh giầy.

- Ý nghĩa của bánh chưng, bánh giầy.

- Cần phải biết quí trọng hạt gạo do công sức lao động của mình làm ra.

- Phải có tấm lòng thật sự thành kính với Trời, Đất, Tổ tiên

THÁNH GIÓNG

I. TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4
C	B	D	D

II. TỰ LUẬN

1. Thánh Gióng trong truyền thuyết được xây dựng bằng nhiều chi tiết tưởng tượng, kì ảo giàu ý nghĩa. Có thể nêu cảm nghĩ về một trong những hình ảnh sau:

- Đứa trẻ lên ba không biết nói, biết cười, biết đi nhưng nghe tin sứ giả tìm người tài cứu nước bèn cất tiếng nói xin đi đánh giặc.

- Sau khi gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi.

- Khi ngựa sắt, giáp sắt, nón sắt, roi sắt được mang đến, Gióng vươn vai thành một tráng sĩ.

- Gióng cưỡi ngựa sắt phun ra lửa xông trận khiến quân giặc chạy tan tác.

- Roi sắt gãy, Gióng nhổ bụi tre bên đường làm vũ khí.

- Sau khi thắng giặc, Gióng cưỡi ngựa bay về trời.

2. Quan niệm, mơ ước của nhân dân ta về người anh hùng chống ngoại xâm, bảo vệ bờ cõi:

- Là một anh hùng thực sự, vừa bình thường, vừa phi thường, phi thường trong sự ra đời, lớn lên, trong việc đánh giặc, trong cách ra đi. Bình thường vì là con người dân lao động, lớn lên bằng cơm gạo của nhân dân, chiến thắng giặc không hề muốn được phần thưởng.

- Là một anh hùng mang trong mình sức mạnh tổng hợp của nhân dân.

Đó là quan niệm, mơ ước vừa bay bổng, lãng mạn vừa rất bình dị, có cơ sở thực tế. Nó tạo nên sức mạnh của quần chúng trước sự xâm lược của giặc ngoại xâm.

SƠN TINH, THỦY TINH

I. TRẮC NGHIỆM

1	2	3
A	D	D

II. TỰ LUẬN

1. Sơn Tinh: Là biểu hiện của sức mạnh chế ngự thiên tai, đại diện cho lực lượng nhân dân kiên trì đắp đê, ngăn lũ chống bão lụt, chiến thắng thiên tai. Sơn Tinh cũng chính là mơ ước của nhân dân về sức mạnh chiến thắng thiên tai, bảo vệ cuộc sống yên bình của người dân.

Thủy Tinh: là đại diện cho thế lực thiên nhiên khắc nghiệt, hung hãn nhất trong cuộc sống của cư dân nông nghiệp. Đó là tai họa mưa gió, bão lụt - một kẻ thù hung dữ, thường xuyên đe dọa cuộc sống của con người.

2. Sơn Tinh, Thủy Tinh là hai nhân vật mang ý nghĩa tượng trưng, thể hiện mơ ước của người xưa về sức mạnh chiến thắng thiên tai. Có thể nêu cảm nghĩ về một trong hai nhân vật.

- Sơn Tinh: tài giỏi, có nhiều phép lạ: Những phép lạ ấy không đe doạ cuộc sống và tính mạng con người nên được Hùng Vương có thiện cảm hơn. Là một người

không sợ sức mạnh của nước, chống lại thần nước để bảo vệ cuộc sống của người dân, Sơn Tinh có một vẻ đẹp thuần khiết, đặc biệt trong việc chống lại Thuỷ Tinh.

- Thuỷ Tinh: cũng tài giỏi, có nhiều phép lạ, nhưng những phép lạ của Thuỷ Tinh có nguy cơ đe dọa cuộc sống của con người. Thuỷ Tinh lại bị lòng ghen tuông làm cho mờ mắt, dâng nước đánh Sơn Tinh khiến cho cuộc sống của con người bị ảnh hưởng nặng nề. Thuỷ Tinh hiện lên trái ngược hẳn với Sơn Tinh. Thuỷ Tinh là hiện thân của thế lực thiên nhiên vô cùng hung dữ.

3. Nhân vật Hùng Vương, Mị Nương là những nhân vật phụ trong truyện nhưng có vai trò quan trọng, không thể thiếu.

- Nhân vật Hùng Vương đem lại màu sắc lịch sử cho truyền thuyết, là một trong những điều kiện dẫn tới cuộc giao tranh (ra điều kiện dâng lễ vật với ưu thế thuộc về Sơn Tinh).

- Nhân vật Mị Nương có vai trò làm đầu mối cho sự xung đột giữa hai vị thần, khiến truyền thuyết *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* trở thành chuyện kể về việc con người chinh phục thiên nhiên, bảo vệ cuộc sống hạnh phúc của mình.

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

I. TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5
B	C	E	A	D

II. TỰ LUẬN

1. Ý nghĩa của chi tiết lưỡi gươm thần toả sáng:

- Khi Lê Thận bắt được lưỡi gươm, nó chỉ là một thanh sắt. Nhưng khi Lê Lợi đến nhà Lê Thận thì thanh gươm tỏa sáng. Đó là ánh sáng khẳng định vai tro chủ tướng, minh quân của Lê Lợi. Khi chuôi gươm và lưỡi gươm hợp nhất, thanh gươm được dâng cho Lê Lợi với sự quy thuận lòng người của nhân dân trong vùng. Ánh sáng của thanh gươm chính là ánh sáng của chính nghĩa.

- Khi chiến đấu, gươm sáng rực, biểu hiện tinh thần, khí thế, sức mạnh của nghĩa quân.

- Khi gươm được trả cho Rùa Vàng, ánh sáng ấy còn le lói dưới hồ. Đó là hào

quang của thắng lợi còn lưu mãi muôn đời. Đó cũng là lời nhắc nhở con cháu luôn cảnh giác, là lời đe dọa quân xâm lược: gươm thần vẫn còn đây.

2. Việc Long Quân cho mượn gươm thần và đòi lại có ý nghĩa:

- Thể hiện hồn thiêng sông núi: Tổ tiên luôn ở cạnh, giúp đỡ chúng ta chống ngoại xâm.

- Gươm thần không được cho mượn cùng một lúc, cùng một người có nghĩa: Sức mạnh chiến thắng bắt nguồn từ sự đoàn kết toàn dân, từ sự thống nhất một lòng giữa chủ tướng và quân sĩ.

- Khi đất nước hoà bình, nhân dân bắt tay vào xây dựng lại cuộc sống, gươm thần đã hoàn thành vai trò của nó nên Long Quân đòi lại.

- Gươm thần trao lại cho Long Quân giữ, nghĩa là nó vẫn còn đó, và Long Quân sẽ cho mượn khi nào cần. Đây chính là lời đe dọa quân xâm lược.

3. Những suy nghĩ, tình cảm:

- Yêu mến cảm phục người Cha của dân tộc

- Long Quân luôn chứng giám cho nhân dân và ngầm giúp nhân dân.

- Khơi dậy lòng yêu nước, sức mạnh đoàn kết để chống kẻ thù.

SỌ DỪA

I. TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5
A	D	B	C	D

II. TỰ LUẬN

1. Ý nghĩa chính của truyện *Sọ Dừa:*

- Thể hiện tình cảm yêu thương đối với người bất hạnh.

- Đề cao vẻ đẹp, giá trị bên trong của con người.

- Thể hiện ước mơ đổi đời của người dân: Người tốt sẽ có cuộc sống hạnh phúc, tốt đẹp, xứng đáng với phẩm chất của họ.

- Chi tiết Sọ Dừa trao lại cho vợ ba vật: hòn đá, con dao và quả trứng gợi cho ta những suy nghĩ:

- Đó không phải là những vật thần kì, có sức mạnh siêu nhiên nhưng lại có ý nghĩa trong hoàn cảnh cô út gặp nạn. Con dao giúp cô thoát chết, rạch bụng cá lấy thịt ăn và chui ra được. Hòn đá giúp cô có thể sưởi ấm trên hoang đảo. Hai quả trứng nở ra hai con gà làm bạn với cô, báo hiệu cho Sọ Dừa đến đón cô.

- Như vậy, những chi tiết này thể hiện cái nhìn và quan niệm của nhân dân ta có sự thay đổi: trí lực con người cũng có thể giải thoát khỏi hoạn nạn và không dựa vào lực lượng siêu nhiên.

3. Truyện có nhiêu chi tiết để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. Các em có thể chọn một trong các chi tiết sau:

- Người mẹ có mang khác thường, sinh ra Sọ Dừa có hình dạng khác thường đến lúc lớn lên vẫn chẳng có gì thay đổi: Chi tiết gợi lên lòng thương cảm của người nghe với số phận nhân vật; có tác dụng mở hướng phát triển câu chuyện, thu hút sự chú ý của người nghe.

- Sọ Dừa chăn bò rất giỏi: Tuy có hình dạng khác thường nhưng Sọ Dừa lại làm được những việc như mọi người vẫn làm.

- Cô út phát hiện thấy Sọ Dừa không phải người phàm trần. Cô út có lòng yêu thương, đối đãi tử tế với Sọ Dừa nên đã biết được điều mà không ai biết.

- Trong ngày cưới, Sọ Dừa trở thành chàng trai tuấn tú: Chi tiết gây bất ngờ cho người đọc, người nghe, thể hiện ước mơ đổi đời của nhân dân lao động.

- Cô út thoát nạn, xứng đáng được hưởng cuộc sống hạnh phúc.

4. Qua *Sọ Dừa* và truyện dân gian nói chung, ta thấy:

- Nhân dân lao động có khả năng sáng tạo thật kì diệu, có trí tưởng tượng thật bay bổng.

- Luôn có niềm tin vào mơ ước về công lí xã hội.

- Có trái tim nhân hậu, giàu lòng yêu thương.

THẠCH SANH

I. TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5	6	7
B	C	A	B	C	D	D

chim chèo bẻo. Bởi vì nó là chim ác nhưng đã cải tà quy chính trở thành chim trị kẻ ác. Diều hâu, quạ và cắt là những loài chim ác thường giết hại những loài khác đều bị chèo bẻo trị tội. Chèo bẻo đánh diều hâu *túi bụi*, lần sau diều hâu không dám đến bắt gà con nữa. Chèo bẻo *vây tứ phía* đánh quạ, *có con quạ chết đến rũ xương*. Chèo bẻo cũng đoàn kết để đánh cắt. Chúng là loài duy nhất có thể trị tội được cắt. Dưới cái nhìn của tác giả, chèo bẻo thật dũng cảm và đoàn kết. Chúng như những anh hùng hảo hán làm việc nghĩa để tiêu diệt cái ác, cái xấu.

- Cái nhìn, cảm xúc và cách miêu tả của tác giả về các loài chim đậm chất văn hoá dân gian. Các loài chim luôn được đặt trong mối quan hệ với con người, với cuộc sống nhà nông, đôi khi chúng còn được gán cho những phẩm chất, tính cách của con người. Do đó thiện cảm dành cho các loài chim hiền, ác cảm dành cho các loài chim ác cũng chỉ là những quan niệm lâu đời và phổ biến trong dân gian chứ thực sự không có cơ sở khoa học.

Chất văn hoá dân gian còn thể hiện rõ trong cách viết có sử dụng nhiều đồng dao, thành ngữ, truyện cổ tích. Đó là bài đồng dao mà chị Điệp đọc: *Bồ các là bác chim ri. Chim ri là dì sáo sậu. Sáo sậu là cậu sáo đen. Sáo đen là em tu hú. Tu hú lại là chú bồ các,...*; là thành ngữ : *Dây mơ rễ má; kẻ cắp gặp bà già; lia lia láu láu như quạ vào chuồng lợn*; là truyện cổ tích: *Sự tích chim bìm bịp, Sự tích chim chèo bẻo.*

Tuy nhiên, qua cái nhìn hồn nhiên của tuổi thơ với sự am hiểu kĩ lưỡng và cách miêu tả sinh động tác giả đã đem lại cho chúng ta một sự hiểu biết nhất định về các loài chim đồng thời khơi dậy trong mỗi người những kỉ niệm, những tình cảm yêu mến với làng quê Việt Nam. Thế giới loài chim thật đa dạng, khung cảnh làng quê thật thanh bình. Đối với tuổi thơ của mỗi người, thế giới ấy chứa đựng rất nhiều điều thú vị.

3. Nghệ thuật

a- Khi miêu tả các loài chim tác giả rất chú ý đến từng nét nổi bật của từng loài để tập trung miêu tả. Ví dụ: các loài chim lành được miêu tả kĩ tiếng hót mang vui đến cho trời đất và con người; các loài chim dữ lại được chủ yếu miêu tả hoạt động. Đồng thời khi tả, tác giả cũng chú ý đến mối quan hệ giữa các loài, miêu tả xen kẽ hoặc phối hợp với nhau khiến cho chúng hiện lên thật sinh động (miêu tả diều hâu, quạ, cắt, chèo bẻo).

b- Kết hợp kể, tả, nhận xét, bình luận: Tác giả vừa tả, vừa kể sự tích của chúng (tả và kể về bìm bịp) hoặc nêu nhận xét của mình, nêu quan niệm của dân gian về các loài chim. Tất cả đều hiện ra rất tự nhiên dưới cái nhìn hồn nhiên của tuổi thơ.

c- Tác giả cũng sử dụng chất liệu văn hoá dân gian như đồng dao, thành ngữ, truyện cổ tích khiến cho bức tranh làng quê với thế giới các loài chim phong phú vừa rất gần gũi, thân thuộc lại vừa li kì, hấp dẫn.

d- Phải có một vốn hiểu biết phong phú, một sự gắn bó thân thiết và một tình cảm yêu mến sâu sắc cùng với ngòi bút miêu tả tinh tế thì Duy Khán mới có thể dựng lại một bức tranh làng quê sống động và nên thơ đến thế. Nó vui mà trong lành như chính tuổi thơ của ông vậy.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* *Lao xao* là một truyện hay trong tập tự truyện *Tuổi thơ im lặng*, miêu tả cuộc sống của cây cối, chim muông và con người trong một ngày ở làng quê. Câu chuyện được khép lại với cảnh bình yên buổi tối:

Chúng tôi no nê, rủ nhau rải chiếu ở hiên nhà ngủ cho mát. Ôi cái mùa hè hiếm hoi. Ngày lao xao, đêm cũng lao xao. Cả làng xóm hình như không ai ngủ, cùng thức với giời, với đất. Tôi khao khát thầm ước: Mùa hè nào cũng được như mùa hè này.

Các tác giả sách giáo khoa *Ngữ văn 6* đã trích nửa đầu của truyện để các em học sinh thưởng thức và tìm hiểu. Đoạn trích miêu tả diễn biến cảnh vật cuộc sống trong thời gian một buổi sáng.

Truyện được mở đầu bằng một đoạn văn đặc sắc, bao gồm những câu ngắn, câu đặc biệt, hành văn nhanh, linh hoạt, miêu tả nhiều đối tượng: *Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm. Cây hoa lan nở hoa trắng xoá. Hoa giẻ từng chùm mảnh dẻ. Hoa móng rồng bụ bẫm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên. Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa. Chúng đuổi cả bướm. Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao. Từng đàn rủ nhau lặng lẽ bay đi.*

Sớm, chúng tôi tụ hội ở góc sân. Toàn chuyện trẻ em. Râm ran.

Chỉ dăm bảy dòng chữ mà thể hiện được thần thái của bao nhiêu đối tượng miêu tả. Có không gian - thời gian tinh khôi, ấm áp của buổi sớm chớm hè. Có vẻ sum suê tràn trề sức sống của cây lá, Có mùi hương và màu sắc rực rỡ của hoa quả. Có cái nhộn nhịp, say sưa, rộn ràng tìm hoa hút mật của đàn ong. Có cái dễ thương,yểu điệu, mộng mơ của những cánh bướm. Và có cái vô tư, hồn nhiên của lũ trẻ em râm ran chuyện trò. Đó là một vẻ đẹp tự nhiên như không hề có sự can thiệp của con người. Người kể chuyện khéo léo dẫn dắt người đọc đi vào một không gian ngập tràn hương sắc thiên nhiên như thể đi vào một thế giới nguyên lành trong cổ tích. Thú vị ở chỗ, đây không phải là một động tiên trong huyền thoại mà vô cùng thân thuộc, gần gũi với mỗi người đọc, nhất là những người đã từng sinh ra và lớn lên ở làng quê.

Màu sắc của thế giới cổ tích được gợi ra ngay từ đoạn văn dẫn vào truyện này.

Nhưng hấp dẫn hơn cả có lẽ là phần tiếp sau, tác giả kể những câu chuyện nhỏ về mỗi loài chim. Có những giống chim hiền và có những giống chim ác. Những giống chim hiền *đều mang vui đến cho giời đất*. Sự xuất hiện của chúng bao giờ cũng báo hiệu những điều tốt lành như mùa màng bội thu, cuộc sống mọi người

được no ấm. Chim ác thường mang tội vạ đến. Chúng là diều hâu, những kẻ săn mồi nguy hiểm, thường bất thình lình vồ những chú gà con vô tội. Chúng là quạ, giống chim giảo hoạt, chuyên bắt gà con, trộm trứng gà. Chúng là chim cắt cực kì nguy hiểm, thường dùng đầu cánh nhọn sắc để sát hại những giống chim khác.

Câu chuyện được người kể chuyện kể theo cách của truyện cổ tích. Cuộc sống của loài chim trong truyện gợi về một gợi về cuộc sống xã hội loài người. Cái dây mơ rễ má nhà chim làm ta liên tưởng đến những quan hệ họ hàng trong làng trong xã. Hàng xóm tối lửa tắt đèn có nhau, chẳng chung huyết thống mà vẫn ấm cúng, tương thân tương ái như con một nhà. Chim hiền hay là hiện thân của người hiền lành, lương thiện, sẽ được hưởng một cuộc sống bình an. Chim ác tựa như kẻ xấu, chuyên làm chuyện hại người thì sẽ bị trừng trị đích đáng.

Có một giống chim được kể đến nhiều trong đoạn trích này với vai trò là người bảo vệ công lí tích cực, đó là chèo bẻo. Chèo bẻo như người xấu nhưng biết hối cải, sửa chữa sai lầm, lập công chuộc tội. Chèo bẻo sẵn sàng đánh lại những giống chim lớn hơn mình, mạnh hơn mình bởi chúng có lòng quả cảm và tinh thần đoàn kết. Nhờ vậy mà chèo bẻo có sức mạnh vô địch tiêu diệt cái ác và cái xấu. Chèo bẻo đã dạy cho những giống chim ác những bài học đích đáng. Vẻ dũng mãnh của chèo bẻo được miêu tả vô cùng hấp dẫn. Trước diều hâu to lớn, chúng lao vào đánh con diều hâu túi bụi. *Lông diều hâu bay tứ tung, miệng kêu la chéc chéc, con mồi rời mỏ diều hâu rơi xuống như một quả trứng rụng. Diều hâu biến mất. Con diều hâu được mẻ hú vía, lần sau cụ bảo cũng không dám đến.* Đối với quạ thì chỉ trong chốc lát, *Quạ vừa bay lên, chèo bẻo vây tứ phía, đánh. Có con quạ chết đến rũ xương.* Đáng sợ và nguy hiểm nhất là giống chim cắt. Thành ngữ có câu: *Nhanh như cắt.* Chúng hiếu chiến, tấn công đối phương bằng đầu cánh nhọn sắc, xỉa đối phương chết ngay. Chẳng có giống chim nào địch được nó. Nó được mệnh danh là loài quỷ đen, vụt đến, vụt biến. Vậy mà bằng tinh thần đoàn kết, chèo bẻo đã xông lên, thi nhau mổ vào kẻ thù, khiến cắt kiệt sức, quay tròn rơi xuống như cái diều đứt dây.

Mấy ai trong chúng ta từ thuở ấu thơ không thuộc nằm lòng một vài truyện cổ tích. Những câu chuyện về cuộc đấu tranh của người hiền lành lương thiện với sự giúp đỡ của thần, của bụt, của sức mạnh đại diện cho chân lí chống lại kẻ ác, kẻ xấu đều có một kết thúc thật thú vị mà người ta gọi là kết thúc có hậu. Người hiền lành lương thiện được bảo vệ, chở che và cuối cùng được hưởng hạnh phúc, còn kẻ ác có thể hành hạ người lương thiện, nhưng chúng không bao giờ thoát khỏi sự trừng trị của công lí.

Và ở truyện *Lao xao,* khi kể những câu chuyện nhỏ về loài chim, mặc dù là một tác phẩm văn học hiện đại, nhưng sự miêu tả và diễn biến số phận của các nhân vật vẫn tuân theo nguyên tắc nghệ thuật kể chuyện của thể loại cổ tích. Phải chăng vì thế, câu chuyện về những giống chim đã khiến người đọc bị hấp dẫn theo mạch kể.

Bạn đọc nhỏ tuổi thì say mê bởi câu chuyện quá hồn nhiên, tươi trẻ, tinh khôi; bạn đọc lớn tuổi được người kể chuyện đánh thức dậy bao kỉ niệm vô cùng đẹp đẽ của tuổi thơ, đánh thức dậy cả một vùng hồi ức thuở nhỏ từng chạy nhảy trên bãi đuổi chim, bắt bướm nơi thôn dã, xóm làng.

Bởi thế, có thể nói, đằng sau câu chuyện về những giống chim là câu chuyện về cuộc đời, là câu chuyện nói lên niềm mơ ước của con người về một thế giới luôn luôn công bằng, tinh khôi, tươi tắn, vui vẻ và hồn nhiên như tiếng cười trẻ nhỏ.

(Tùng Văn, *Đọc- hiểu truyện Lao xao, Ngữ văn 6, tập hai* - Tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*, Số 4 (106)/2005)

* Trong những tập hồi kí và truyện kể về tuổi thơ nhiều vẻ xuất hiện gần đây *Tuổi thơ im lặng* của Duy Khán là một tác phẩm độc đáo, đáng yêu, giàu chất thơ.

Người ta thường kể về tuổi thơ lưu lạc, thiếu thốn tình thương, phiêu lưu, mạo hiểm. Duy Khán lại kể một tuổi thơ rất đỗi bình thường, một tuổi thơ nghèo khổ nhưng lại giàu có trong tâm hồn, một tuổi thơ luôn bị giặc đói giặc dốt, giặc ngoại xâm đe dọa nhưng luôn luôn được ấp ủ trong tình thương yêu, nặng tình nghĩa, không ngừng ước mơ vươn tới.

Tuổi thơ im lặng là những truyện nhỏ về làng quê. Những mẩu chuyện, đúng hơn là những mẩu hồi tưởng của tuổi thơ ở đây, tưởng chừng như vặt vãnh, rời rạc chẳng có cốt truyện gì (và khó còn gì bình thường hơn thế được) đã làm sống dậy cả một làng quê vô cùng thân thiết, không chỉ là làng quê của riêng tác giả, mà còn là làng quê Việt Nam lâu đời. Đặc sắc của tập truyện không chỉ ở tình yêu quê hương nồng nàn, ở chất thơ thấm đượm trong chữ, trong lời mà ở chỗ tái hiện lại các môi trường văn hoá làng quê đã nuôi dưỡng những tâm hồn thơ bé Việt Nam từ nghìn xưa.

(Trần Đình Sử, *Tuổi thơ im lặng. Kỉ niệm về một tầng văn hoá làng quê lâu đời*; Báo *Văn nghệ*, Số 39, 27/9/1986)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời.

1. Dòng nào sau đây nêu nhận xét đúng nhất về bức tranh làng quê vào buổi sáng chớm hè?

A. Đó là một bức tranh yên ả, tĩnh lặng.

B. Đó là một bức tranh ồn ào, náo động.

C. Đó là một bức tranh tràn đầy sức sống, đẹp, thơ mộng và vui vẻ.

D. Đó là một bức tranh mang vẻ đẹp cổ điển, mẫu mực.

2. Các loài chim lành được chú ý miêu tả ở đặc điểm nào?

A. Hình dáng, màu sắc.

B. Tiếng kêu, tiếng hót.

C. Hoạt động.

D. Cả A, B, C đều sai.

3. Vì sao tác giả dành tình cảm yêu mến đặc biệt cho chèo bẻo?

A. Vì chèo bẻo là loài chim ác đã cải tà qui chính.

B. Vì vào ngày mùa, chèo bẻo thức suốt đêm, mới tờ mờ đất nó đã cất tiếng gọi người.

C. Vì chèo bẻo dũng cảm, đoàn kết trị tội các loài chim ác.

D. Cả A, B, C đều đúng.

4. Hãy ghép tên các loài chim ở cột A cho phù hợp với các đặc điểm của chúng ở cột B.

Cột A	Cột B
Tên các loài chim	**Đặc điểm**
1. Bồ các	a. Ngày mùa, chúng thức suốt đêm. Mới tờ mờ đất nó đã cất tiếng gọi người: *Chè cheo chét.*
2. Sáo sậu, sáo đen	b. Không bắt được gà con, không ăn trộm được trứng, nó vào chuồng lợn.
3. Tu hú	c. Nó có cái mũi khoằm, đánh hơi tinh lắm.
4. Bìm bịp	d. Đậu cả lên lưng trâu mà hót mừng được mùa.
5. Diều hâu	e. Cánh nhọn như dao bầu chọc tiết lợn.
6. Quạ	f. Kêu váng lên: "Các các các.
7. Chèo bẻo	g. Giời khoác cho nó bộ cánh nâu, suốt đêm ngày rúc trong bụi cây.
8. Chim cắt	h. Nó kêu tu hú là mùa tu hú chín.

II. TỰ LUẬN

1. Em hãy viết một đoạn văn miêu tả khu vườn vào một buổi sáng đẹp trời.

2. Em hãy tìm các chất liệu văn hoá dân gian như đồng dao, thành ngữ, truyện cổ tích được sử dụng trong bài. Theo em chúng có tác dụng gì trong việc kể và tả các loài chim?

3. Trong số các loài chim được miêu tả, em thích loài chim nào nhất? Vì sao?

VĂN BẢN TỰ SỰ NƯỚC NGOÀI

Trong chương trình Ngữ văn 6, phần văn bản tự sự nước ngoài có 5 tác phẩm thuộc các quốc gia Trung Quốc, Nga, Pháp: Cây bút thần, Ông lão đánh cá và con cá vàng, Mẹ hiền dạy con, Buổi học cuối cùng, Lòng yêu nước.

BẢNG THỐNG KÊ CÁC TÁC PHẨM, ĐOẠN TRÍCH

Số TT	Tên tác phẩm	Tên tác giả	Thể loại	Tóm tắt nội dung, ý nghĩa
1.	Cây bút thần	Nhân dân Trung Quốc	Truyện cổ tích	Truyện kể về cậu bé Mã Lương có niềm say mê và tài năng vẽ giống như thật. Được thần cho cây bút thần, cậu đã giúp đỡ người nghèo dụng cụ lao động và trừng phạt những kẻ tham lam độc ác. - Truyện thể hiện ước mơ và niềm tin về khả năng kì diệu của con người, khẳng định nghệ thuật chân chính thuộc về người có tài, phục vụ cho mục đích cao cả, chính đáng của con người. Truyện còn bày tỏ ước mơ về công lí xã hội.
2.	Ông lão đánh cá và con cá vàng	A. Pu-skin (Nga)	Truyện cổ tích	Một ông lão đánh cá nghèo khổ bắt được cá vàng, nghe lời van xin của cá, ông thả cá ra. Mụ vợ biết chuyện đánh mắng ông, năm lần bắt ông ra biển đòi cá thực hiện những yêu cầu ngày càng lớn của mụ: cái máng lợn, ngôi nhà mới, bà nhất

				phẩm phu nhân, nữ hoàng, cuối cùng đòi làm Long Vương. Cá vàng thực hiện bốn yêu cầu đầu nhưng đến yêu cầu cuối cùng, cá vàng tức giận lấy lại tất cả. Trở về, ông lão thấy mụ vợ ngồi trước túp lều cũ nát, bên cạnh cái máng lợn sứt mẻ. - Truyện ca ngợi lòng biết ơn đối với những người nhân hậu và nêu ra bài học đích đáng cho những kẻ tham lam bội bạc.
3.	Mẹ hiền dạy con	Lưu Hướng (77-6 Tr. Công nguyên) Trung Quốc	Truyện	Thầy Mạnh Tử lúc nhỏ hay bắt chước nên người mẹ phải chuyển nhà ba lần. Lúc đầu ở gần nghĩa địa, chuyển đến gần chợ rồi chuyển đến gần trường học để cho con học tập lễ phép. Mẹ Mạnh Tử luôn giữ lời để con học điều ngay thẳng. Mẹ Mạnh Tử cũng rất cương quyết khi dạy con. Chính vì thế Mạnh Tử chuyên cần học tập, sau trở thành một bậc đại hiền. - Truyện ca ngợi tấm gương sáng về tình thương con và đặc biệt là cách dạy con: Tạo cho con một môi trường sống tốt đẹp. Dạy con vừa có đạo đức vừa có chí học hành. Thương con nhưng không nuông chiều, ngược lại rất kiên quyết.
4.	Buổi học cuối cùng	An-phông-xơ-Đô-đê (Pháp, TK 19)	Truyện ngắn	Truyện kể về một buổi học cuối cùng đầy xúc động ở làng An-dát, một ngôi làng nhỏ của Pháp giáp biên giới nước Phổ, sau cuộc chiến tranh Pháp - Phổ năm 1870 - 1871. Qua hình tượng nhân vật thầy giáo Ha-men và cậu học trò Phrăng, truyện thể hiện lòng yêu nước trong một

				biểu hiện cụ thể là tình yêu tiếng nói của dân tộc và nêu chân lí: *Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù.*
5.	Lòng yêu nước	I-li-a Ê-ren-bua Liên Xô TK XX	Tuỳ bút - Chính luận	Lòng yêu nước bắt nguồn từ lòng yêu những gì gần gũi, thân thuộc của quê hương. Chiến tranh khiến cho mỗi công dân Xô viết nhận ra vẻ đẹp và yêu da diết quê hương mình. - Bài văn thể hiện, khơi dậy tình thần yêu nước tha thiết, sâu sắc của tác giả và người dân Xô viết trong hoàn cảnh thử thách gay go của cuộc chiến tranh vệ quốc.

CÂY BÚT THẦN

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. THỂ LOẠI

Cây bút thần thuộc loại truyện cổ tích thần kì, với nhân vật thuộc kiểu nhân vật tài năng kì lạ, luôn dùng tài năng để giúp đỡ người nghèo, chống lại những kẻ tham lam, độc ác.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Nội dung khái quát

Truyện kể về cậu bé Mã Lương có tài vẽ, được thần trao cho cây bút thần. Em dùng bút giúp cho người nghèo khó, trừng trị những kẻ tham lam độc ác. Cây bút thần với những khả năng, sức mạnh kì diệu của nó là chi tiết tưởng tượng, thần kì đặc sắc. Truyện thể hiện quan niệm của nhân dân về công lí xã hội, về mục đích của tài năng nghệ thuật, đồng thời thể hiện ước mơ về những khả năng kì diệu của con người.

2. Các khía cạnh chính

a. Mã Lương là cậu bé mồ côi nhưng có tài vẽ và rất chăm chỉ luyện tập. Sự thông minh, niềm say mê khiến em tiến bộ rất nhanh. Em được thần tặng cho cây bút kì diệu vẽ được những sự vật thật. Tài năng của em được chắp cánh, có cơ hội thể hiện. Cây bút thần là phần thưởng xứng đáng cho tài năng và lòng say mê ham học của em. Cây bút thần cũng rất phù hợp với tài năng của em.

b. Có cây bút thần kì diệu, em đã giúp người nghèo những vật dụng lao động cần thiết. Em quả là người có tấm lòng nhân hậu và lương thiện, em không dựa vào cây bút thần để lười nhác. Quả thực, Mã Lương rất xứng đáng được nhận phần thưởng quý giá ấy. Chi tiết này cho ta thấy, ở đâu người dân lao động cũng có tâm hồn hết sức đẹp đẽ. Cuộc sống của họ cho dù có nhiều khó khăn nhưng bao giờ họ cũng muốn sống bằng chính sức lao động của mình. Ngay cả trong ước mơ, họ cũng chỉ mơ có được dụng cụ lao động thiết yếu mà thôi. Chi tiết này làm ta nghĩ đến câu nói của người Việt Nam: *Cho cần câu hơn cho xâu cá.*

c. Em không vẽ theo ý của bọn vua quan tham lam, ngược lại còn chế giễu và chống lại chúng. Với tên địa chủ, Mã Lương không vẽ cho hắn, dù bị giam cầm. Tài năng và phép màu nhiệm không phục vụ cho những kẻ tham lam như thế . Cây bút đã giúp em trừng trị tên địa chủ khi hắn muốn cướp cây bút thần để thoả mãn lòng tham. Với tên vua, em vẽ cho hắn nào là gà trụi lông, cóc ghẻ...Mã Lương, và ở đây cũng là nhân dân lao động muốn nói với những kẻ tham lam rằng, chúng chỉ xứng đáng với những thứ xấu xa đó mà thôi. Mã Lương đã dùng tài năng và cây bút thần trừng trị tên vua tham lam độc ác. Em là người ngay thẳng và có những phẩm chất tốt đẹp. Không sợ cái ác, dám chống lại chúng là những phẩm chất đáng quý mà nhân dân lao động muốn gửi gắm vào các nhân vật yêu quý của mình.

d. Trừng trị tên vua độc ác, tham lam, Mã Lương được ca ngợi truyền tụng. Nhưng em đi đâu, không ai biết. Kết thúc truyện để lại nhiều dư âm trong lòng người đọc, người nghe. Em không muốn được tung hô. Em thật chất phác và giản dị. Có lẽ Mã Lương sẽ âm thầm giúp đỡ người nghèo khó và sống với niềm say mê vẽ của mình. Phần thưởng cho tấm lòng của em là cây bút và lòng yêu mến của nhân dân, là em được tự do với lòng say mê vẽ của mình.

e. Cây bút thần trong tay Mã Lương chính là đại diện cho công lí, lẽ phải. Mã Lương chỉ vẽ đồ dùng, công cụ cần thiết để lao động sản xuất cho người nghèo khổ bởi em hiểu: Của cải mà con người hưởng thụ phải do chính tay con người làm ra. Mã Lương không vẽ theo ý của tên địa chủ và vua vì ngòi bút không phục vụ cho kẻ ác, không tiếp tay cho lòng tham và sự gian trá. Bút thần đại diện cho công lí tiêu diệt những kẻ gian ác.

3. Đặc sắc nghệ thuật

Truyện được xây dựng theo trí tưởng tượng rất phong phú và độc đáo của nhân dân, với nhiều chi tiết kì thú:

+ Kiểu nhân vật có tài năng kì lạ (vẽ rất giống thật).

+ Mơ thấy cụ già râu tóc bạc phơ tặng cây bút thần, khi tỉnh dậy thấy cây bút trong tay.

+ Cây bút giúp Mã Lương vẽ được những điều kì diệu: Vẽ vật gì, vật ấy biến thành thật.

+ Cây bút giúp Mã Lương thực hiện công lí, lẽ phải: Giúp người nghèo và trừng trị kẻ gian ác.

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

**Cây bút thần* thuộc loại truyện cổ tích thần kì. Sức hấp dẫn của nó không chỉ do yếu tố thần kỳ có mặt khắp nơi trong câu chuyện kể mà còn chính là ở ý nghĩa

nội dung sâu xa của thiên truyện. Sáng tạo nên hình ảnh cây bút thần, người xưa muốn gửi gắm niềm khao khát, ước vọng có vật báu linh thiêng có khả năng giúp họ giành tự do, hạnh phúc, công bằng trong cuộc đấu tranh gay gắt với lũ vua quan tàn bạo.

Đọc *Cây bút thần* ta không khỏi kinh ngạc trước sự phong phú bay bổng kì diệu của trí tưởng tượng nhân dân... với biết bao điều biến hoá kì ảo hiện ra. Tuy nhiên đằng sau lớp sương mờ cổ tích ấy ta vẫn bắt gặp bóng dáng của một cuộc đấu tranh quyết liệt giữa cái Thiện và cái ác. Cái Thiện sẽ thắng cái ác. Công lí, lẽ phải sẽ thuộc về nhân dân.

(Hà Thị Hoà, *Phân tích - bình giảng tác phẩm văn học 7*,
NXB Giáo dục, H.2001)

* *Cây bút thần* là truyện cổ tích thể hiện rõ nét quan niệm và văn hoá của người dân Trung Quốc. Tài năng kì lạ của nhân vật không phải là dời non lấp bể, có sức khoẻ vô song, có đôi mắt cực tinh, đôi tai cực thính mà là tài năng vẽ giống thật. Nhân dân Trung Quốc vốn yêu cái đẹp và coi trọng người viết đẹp, vẽ đẹp nên nhân vật có tài năng kì lạ là phải như thế. Ta có thể thấy tấm lòng trân trọng của tác giả dân gian khi xây dựng hình tượng Mã Lương. Hơn thế nữa cậu chính là hình tượng mơ ước của người dân về một nghệ sĩ chân chính, nhận thức được rằng: nghệ thuật chân chính chỉ có ý nghĩa, chỉ có sức mạnh khi phục vụ nhân dân lao động.

Tài năng, trí thông minh, lòng nhân hậu đã khiến cậu được nhận một món quà vô giá: Cây bút bằng vàng thần kỳ. Với tài vẽ, cây bút thần quả là một báu vật (vì thế, khi rơi vào tay kẻ bất tài, cây bút không còn là báu vật nữa). Nhân dân đã rất có lý khi để cậu nhận được phần thưởng ấy. Vật thần kì không phải là cây đũa thần, là cái đàn thần, niêu cơm thần hay bất cứ thứ gì khác. Bởi vì, chỉ có cây bút thần mới phù hợp với tài vẽ của Mã Lương. Đến đây ta thấy trí tưởng tượng của nhân dân dù rất bay bổng nhưng cũng rất đỗi hợp lí.

Không chỉ thể hiện nét riêng trong văn hoá Trung Quốc, truyện còn mang nét chung của truyện dân gian, thể hiện quan niệm chung của nhân dân lao động trên toàn thế giới: Cái Thiện sẽ chiến thắng cái ác. Mã Lương là đại diện cho cái thiện, dùng cây bút thần thực hiện công lý của nhân dân. Giúp đỡ người nghèo, lương thiện, trừng trị những kẻ gian ác, bất lương. Chính điều này làm cho truyện trở nên gần gũi với mọi người trên toàn thế giới.

(N.T.P.T)

*... Cây bút thần là truyện cổ tích về nhân vật có tài năng kì lạ. Cây bút thần và bàn tay vẽ của Mã Lương có một khả năng và sức mạnh kì diệu vừa là chi tiết

tưởng tượng, thần kì vừa chứa đựng yếu tố hiện thực. Truyện thể hiện quan niệm của nhân dân về công lí xã hội, về mục đích của tài năng nghệ thuật. Hội họa nói riêng, các bộ môn khác như văn thơ, âm nhạc... phải biết hướng về nhân dân giúp người lương thiện chống kẻ tham tàn thì nghệ thuật ấy mới có sức mạnh, có khả năng thần kì. Câu chuyện cũng thể hiện ước mơ của nhân dân về những khả năng kì diệu của con người để giúp cho người lương thiện đối phó với bọn bất lương hằng ngày theo dõi, hãm hại con người. Truyện về một cây bút lặng lẽ mà cất lên bao lời nhắn gửi thiết tha, không chỉ tới người nghe người đọc bình thường mà còn tới cả những nhà văn, nhà thơ, các nhạc sĩ tài danh nữa đấy!

(Vũ Dương Qũy-Lê Bảo, *Bình giảng Ngữ văn 6*, NXB Giáo dục, H. 2005)

* Cây bút của Mã Lương vừa mang sức mạnh kì diệu của thần linh, vừa thấm đẫm sắc màu, đường nét của tấm lòng trân trọng trí tuệ con người. Rất thương dân làng mình nghèo khổ thiếu thốn, nhưng Mã Lương không chiều họ, tặng họ của cải ăn sẵn. Chàng đã nhắc nhở họ phải cầm lấy cày đi cày ruộng, cầm lấy cuốc mà cuốc vườn, không nên lười biếng, ỷ lại. Việc vẽ tranh tặng dân làng của Mã Lương gợi chúng ta nhớ đến một câu nói cửa miệng, cũng là một thái độ ứng xử đúng đắn của nhân dân ta: *Tôi không cho anh con cá để anh ăn sẵn mà tặng anh cái cần câu để anh tự đi câu cá về ăn.* (Cho cần câu hơn cho xâu cá). Cây bút thần và bàn tay người họa sĩ Mã Lương kì diệu và sáng suốt làm sao!

(Vũ Dương Quỹ-Lê Bảo, *sđd*)

C. LUYỆN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Chọn đáp án đúng bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời.

1. Mã Lương thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích?

A. Nhân vật là dũng sĩ

B. Nhân vật có tài năng kì lạ.

C. Nhân vật bất hạnh.

D. Nhân vật thông minh.

2. Vì sao Mã Lương được thần tặng cho cây bút thần?

A. Vì Mã Lương thông minh, chăm chỉ.

B. Vì Mã Lương thích học vẽ, dù không có bút nhưng vẫn say mê luyện tập.

C. Vì Mã Lương ngay thẳng, tốt bụng.

D. Kết hợp cả A, B, C.

3. Theo em, vì sao tên vua không vẽ được những thứ hắn muốn?

A. Vì hắn không có tài năng vẽ.

B. Vì hắn quá tham lam nên bút thần không theo ý hắn.

C. Vì hắn không phải là chủ cây bút nên bút thần không theo ý hắn.

D. Vì hắn vừa không có tài, vừa tham lam nên bút thần không theo ý hắn.

4. Hình tượng** cây bút thần **có ý nghĩa gì?

A. Người tốt sẽ được phần thưởng xứng đáng.

B. Thần trao cho Mã Lương vũ khí chống lại cái ác.

C. Là hình tượng đại diện cho công lý, chính nghĩa, lẽ phải.

D. Làm cho câu chuyện hấp dẫn hơn.

II. TỰ LUẬN

1. Tìm những chi tiết lí thú và gợi cảm trong truyện. Em thích nhất chi tiết nào? Vì sao?

2. Viết đoạn văn ngắn, nêu ý nghĩa truyện *Cây bút thần*.

ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÁC GIẢ

A-lêch-xan-đrơ Xec-ghê-ê-vích Pu-skin (1799 - 1837) là đại thi hào Nga, sinh ra ở Matxcơva trong một gia đình quý tộc. Từ nhỏ, Pu-skin đã có đầy đủ điều kiện để học tập và phát triển tài năng. Mặt khác, những gia nhân, nông nô, nhất là bà nhũ mẫu, đã giúp Pu-skin đi vào thế giới truyện cổ tích và dân ca Nga, gần gũi với tiếng nói hằng ngày của nhân dân. Pu-skin là nhà thơ có tinh thần yêu nước, yêu tự do, chống cường quyền bạo lực, căm ghét ách nô dịch, là nhà thơ nhân dân. Pu-skin kế tục những thành tựu của văn học Nga cổ (TK XI - TK XVII) và văn học Nga thế kỉ XVIII, là người mở đường phát triển cho văn học mới, là *"Khởi đầu của mọi khởi đầu" "đã đặt nền móng không gì lay chuyển nổi cho tất cả những gì sau này sẽ kế tục mình trong nghệ thuật Nga"*.

(M.Gorki)

II. TÁC PHẨM

1. Thể loại: Truyện cổ tích.

A-lêch-xan-đrơ Xec-ghê-ê-vích Pu-skin kể lại bằng 205 câu thơ dựa trên cơ sở truyện dân gian Nga, Đức. Truyện vừa giữ được nét chất phác, dung dị của nghệ thuật dân gian, vừa thể hiện tài năng sáng tạo của Pu-skin.

2. Nội dung

a. Nội dung khái quát: *Ông lão đánh cá và con cá vàng* là câu chuyện kể về ông lão đánh cá nghèo khổ, nhận hậu bắt được cá vàng, thả ra, không đòi hỏi trả ơn. Nhưng mụ vợ lão lại quá tham lam, đòi hỏi quá nhiều. Cuối cùng, lòng tham lam, sự bội bạc của mụ vợ đã bị trừng phạt đích đáng. Truyện ca ngợi lòng biết ơn đối với những người nhân hậu và nêu ra bài học đích đáng cho những kẻ tham lam, bội bạc.

b. *Các khía cạnh chính:*

b 1. Nhân vật ông lão đánh cá:

- Ông lão đánh cá hiện lên là một người có tấm lòng nhân hậu. Cuộc sống của vợ chồng ông lão tuy vất vả và nghèo khổ: sống trong một túp lều nát, ngày ngày

chồng đi thả lưới, vợ ở nhà kéo sợi; nhưng khi bắt được con cá vàng có phép lạ, ông lão cũng chẳng tham lam: *Ta không đòi hỏi gì cả, ta cũng chẳng cần gì.*

- Nhưng ông lão đánh cá cũng thật nhu nhược. Kể lại câu chuyện ấy với vợ, bị vợ mắng, bắt thực hiện những yêu cầu của mình, lần nào ông lão cũng ra biển gọi cá vàng để cầu xin. Cũng có những lần, ông thấy đòi hỏi của mụ vợ quá đáng, nhưng không ngăn được mụ và cũng không dám làm trái lời mụ. Khi mụ vợ có quyền lực rồi, ông lão càng sợ hơn.

b 2. Mụ vợ ông lão đánh cá:

- Ngược lại với ông lão đánh cá, mụ vợ ông là một kẻ vô cùng tham lam. Có thể nói lòng tham của mụ là vô đáy. Năm lần bắt ông lão ra biển gọi cá vàng là năm lần đòi hỏi của mụ tăng lên. Nếu như lần thứ nhất, lần thứ hai, mụ yêu cầu đáp ứng về vật chất, tuy có tăng lên nhưng vẫn có thể chấp nhận được, thì lần thứ ba, bên cạnh đòi của cải, mụ còn đòi về danh vọng. Lần thứ tư, mụ không chỉ đòi hỏi của cải, danh vọng mà còn đòi cả quyền lực nữa. Có cảm tưởng đòi hỏi của mụ đã lên đến đỉnh điểm, không còn gì hơn nữa. Nhưng lòng tham của mụ là không đáy, làm cho mụ trở thành mù quáng. Cuối cùng, mụ đòi hỏi một địa vị đầy quyền uy nhưng không có thật, đòi sở hữu quyền phép vô hạn. Chính lòng tham không giới hạn đã khiến cho mụ bị trừng phạt.

- Tuy nhiên mụ vợ ông lão đánh cá không chỉ bị trừng phạt bởi thói tham lam mà song hành với thói tham lam ấy là sự bội bạc xấu xa. Chính sự bội bạc này khiến cho mụ trở nên tồi tệ hơn, đáng ghét hơn, đáng bị trừng phạt hơn. Không có công lao gì với cá vàng nhưng lại cứ muốn cá vàng thực hiện yêu cầu của mình. Ngay cả với người chồng, người giúp mụ xin những ước muốn, mụ cũng đối xử rất tệ: *Mụ mắng ông lão, quát to lớn, mắng như tát nước vào mặt, giận dữ nổi trận lôi đình, tát vào mặt ông lão, nổi cơn thịnh lộ, sai người đi bắt ông lão đến.* Với người đã giúp mình, mụ đối xử thật thô lỗ, hành hạ ông lão, nào là mắng, đánh, bắt dọn chuồng ngựa, lại còn đuổi đi! Với cá vàng, lẽ ra phải coi là ân nhân thì mụ lại coi như công cụ thực hiện ước muốn của mình. Đỉnh điểm của lòng tham cũng là đỉnh điểm của sự bội bạc. Mụ còn muốn sở hữu cá vàng, sở hữu quyền phép vô hạn, có thể trực tiếp sai bảo cá vàng. Sự bội bạc ấy rất đáng bị khinh ghét, trừng phạt và khó tha thứ hơn cả sự tham lam.

- Mụ vợ bị trừng phạt: không được gì cả, trở về với túp lều nát, cái máng lợn bị sứt mẻ ngày xưa. Sau khi đã trải qua tột đỉnh của giàu sang danh vọng mà lại phải trở về cảnh nghèo khổ ban đầu, mụ sẽ lấy khó khăn và khổ sở vô cùng. Mụ sẽ phải suy nghĩ về việc làm của mình, vì tất cả những gì mình đã gây ra. Đó chẳng phải là sự trừng phạt đích đáng hay sao?

b 3. Hình tượng ông lão đánh cá, mụ vợ, cá vàng đều mang ý nghĩa tượng trưng, thể hiện tư tưởng của tác giả.

- Ông lão đánh cá: Tượng trưng cho nhân dân, có tấm lòng nhân hậu, có sức mạnh, khả năng (con cá vàng) nhưng nhu nhược nên bị đàn áp.

- Mụ vợ ông lão đánh cá: Tượng trưng cho chế độ thống trị tàn ác, độc đoán, tham lam và bội bạc.

- Cá vàng tượng trưng cho lòng biết ơn, đại diện cho lòng tốt, cái thiện, tượng trưng cho một chân lí của dân gian, trừng phạt đích đáng những kẻ tham lam, bội bạc.

b 4. Truyện ca ngợi lòng biết ơn đối với những người nhân hậu và nêu ra bài học đích đáng cho những kẻ tham lam, bội bạc.

3. Đặc sắc nghệ thuật

Truyện sử dụng những biện pháp nghệ thuật rất tiêu biểu của truyện cổ tích như:

- Sự lặp lại tăng tiến của các tình huống cốt truyện.

+ Năm lần ông lão ra biển gặp cá vàng, cảnh biển lại có sự thay đổi như tỏ thái độ đối với ước muốn ngày càng tăng dần của mụ vợ ông lão *Biển gợn sóng êm ả, Biển xanh đã nổi sóng, Biển xanh nổi sóng dữ dội, Biển nổi sóng mù mịt,* cuối cùng là *một cơn giông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm.*

+ Năm lần yêu cầu ông lão, thái độ của mụ vợ ngày càng tồi tệ: *mắng chồng, quát to hơn, mắng như tát nước vào mặt, giận dữ, nổi trận lôi đình tát vào mặt ông lão, nổi cơn thịnh nộ sai người đi bắt ông lão đến.*

+ Những đòi hỏi của mụ ngày càng tăng: từ vật chất đến danh vọng, quyền lực, cuối cùng là quyền lực tối thượng.

- Sự xuất hiện của các yếu tố tưởng tượng, hoang đường: Cá biết nói, có phép màu, thực hiện được ý muốn con người. ...

- Sự đối lập giữa các nhân vật: ông lão hiền lành, nhân hậu, mụ vợ ông lão thì tham lam bội bạc...

B. KIẾN THỨC MỞ RỘNG, NÂNG CAO

* Tên truyện là *Ông lão đánh cá và con cá vàng* nhưng nội dung chính của truyện lại tập trung phê phán thói tham lam, bạc bẽo của mụ vợ ông lão.

... Trong truyện, cá vàng đóng vai trò rất quan trọng, vì thế sẽ rất thiếu sót nếu chúng ta chẳng nói đến cá vàng. Cá vàng ở đây là một nhân vật kì ảo, một kiểu nhân vật quen thuộc trong nhiều truyện cổ tích. Cá biết nói tiếng người, biết đền ơn

- *Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ còn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù.* Biện pháp so sánh khẳng định sức mạnh, vai trò của tiếng nói dân tộc, một biểu hiện cụ thể và vững chắc của lòng yêu nước.

2. Trong buổi học cuối cùng, tâm trạng Phrăng có nhiều thay đổi:

- Trước buổi học: định trốn học nhưng cưỡng lại được. Thấy *ngạc nhiên* vì quang cảnh khác ngày thường.

- Khi buổi học bắt đầu: *Choáng váng* khi nghe thấy thông báo đây là buổi học tiếng Pháp cuối cùng. *Ân hận* vì trước đây quá ham chơi. Xúc động tiếc nuối, đau lòng khi không còn được học tiếng Pháp nữa.

- Khi thầy gọi đọc bài, thấy rầu rĩ vì không thuộc bài, rất thấm thía lời thầy trách.

- Khi nghe thầy giảng bài, cậu *kinh ngạc thấy sao mình hiểu đến thế* và cảm nhận được tình yêu tiếng nói dân tộc mình.

- Khi buổi học kết thúc: Thấy cảm phục thầy, nhận thấy tình cảm của thầy đối với học sinh, đối với đất nước.

* Đây là một cậu bé hồn nhiên, tuy mải chơi nhưng biết lẽ phải. Cậu biết quan sát, nhạy cảm và có tình cảm với đất nước, tiếng nói dân tộc mình. Cậu biết căm giận quân xâm lược.

3. Thầy giáo Ha-men để lại nhiều ấn tượng trong lòng người đọc

Là một người thầy có lòng yêu nước tha thiết, có lòng yêu thế hệ trẻ. Những ấn tượng ấy được cảm nhận qua những chi tiết:

+ Trang phục trong buổi học cuối cùng rất quan trọng, chứng tỏ buổi học có ý nghĩa đặc biệt với thầy.

+ Thái độ dịu dàng, ân cần, kiên nhẫn của thầy với học sinh, ngay cả những lời trách phạt, thể hiện tình cảm yêu mến vô cùng của thầy với học sinh, với tiếng nói dân tộc và sự nghiệp truyền thụ tri thức cũng như lòng yêu, tự hào về tiếng nói ấy. Ngay cả việc chuẩn bị những tờ mẫu chữ rông thật đẹp cũng cho ta thấy tấm lòng của thầy đối với học trò và nghề dạy học.

+ Ấn tượng nhất có lẽ là những lời thầy nói với học sinh về tiếng Pháp. Những lời nói ấy được rút ra từ trái tim yêu mến, tự hào về tiếng nói dân tộc mình. Đó là tất cả những gì tâm huyết nhất của thầy mà thầy muốn truyền thụ lại, khơi dậy lên trong lòng học sinh cũng như những người dân làng An - dat khác.

+ Cuối buổi học, hình ảnh thầy Ha - men trở nên lớn lao, đẹp nhất trong tâm trí Phrăng. Thầy tái nhợt người vì xúc động, không nói hết câu, dồn tình cảm của mình vào nét phấn dằn mạnh trên bảng. Dòng chữ thật to "*Nước pháp muôn năm*" chính là tình cảm lớn lao mà thầy muốn khắc ghi trong lòng những người dân mất nước.

Hình ảnh thầy giáo Ha - men là một thành công của tác phẩm thể hiện một cách sinh động và sâu sắc tình yêu nước qua tình yêu tiếng nói của dân tộc.

4. Dựa vào văn bản cụ thể và câu văn

Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ còn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khóa chốn lao tù để nêu lên vai trò của tiếng nói dân tộc. Cần thể hiện được các ý sau:

- Tiếng nói dân tộc thể hiện giá trị văn hóa của một đất nước, cho nên yêu tiếng nói dân tộc chính là yêu nước.

- Tiếng nói dân tộc có sức mạnh vô cùng lớn lao. Đó là sức mạnh của văn hóa, sức mạnh của niềm tin, sức mạnh của tình đoàn kết... Sức mạnh ấy khiến cho mỗi dân tộc bảo vệ được đất nước mình khi rơi vào ách ngoại xâm.

- Liên hệ với dân tộc Việt Nam: rơi vào vòng nô lệ của phong kiến phương Bắc hàng ngàn năm nhưng với tiếng nói bản sắc dân tộc mà quân xâm lược không thể đồng hóa được, nhân dân ta đã đánh bại kẻ thù, giành được độc lập tự do.

LÒNG YÊU NƯỚC

I. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	A	B	A	C	C

II. TỰ LUẬN

Văn bản *Lòng yêu nước* thể hiện rất sâu sắc tình cảm của tác giả cũng như tình cảm của mỗi công dân Xô viết với đất nước, khi đất nước đặt trước những thử thách mất - còn. Cần nêu được những ý sau trong đoạn văn:

- Văn bản đã nêu lên một chân lí phổ biến, giản dị và sâu sắc về lòng yêu nước.

+ Ban đầu, lòng yêu nước là lòng yêu những vật bình thường nhất, gần gũi và gắn bó nhất với con người. Tình cảm ấy ai cũng có nhưng không phải ai cũng nhận ra.

+ Trong thử thách, lòng yêu nhà, yêu làng xóm, miền quê cháy bùng lên, trở thành lòng yêu Tổ quốc mà ai cũng nhận ra.

- Tác giả viết bằng chính những tình cảm tha thiết nhất của mình nên mỗi câu văn đều thấm đượm lòng yêu nước, mỗi câu văn như một nhịp đập của trái tim yêu nước ấy.

ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ

MINH HUỆ

I. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4
Đáp án	D	C	D	C

II. TỰ LUẬN

1. Học sinh tự tìm các từ láy có ở trong bài.

Tác dụng của các từ láy:

- Tăng giá trị tạo hình của nhiều chi tiết, hình ảnh.
- Tăng giá trị biểu cảm, diễn tả cụ thể các trạng thái tình cảm, cảm xúc.

2. Các em có thể tham khảo các câu thơ sau:

Bác ơi tim Bác mênh mông thế
Ôm cả non sông mọi kiếp người.

(Tố Hữu)

Ôi lòng Bác vậy cứ thương ta
Thương cuộc đời chung thương cỏ hoa
Chỉ biết quên mình cho hết thảy
Như dòng sông chảy nặng phù sa.

(Tố Hữu)

Người là Cha, là Bác, là Anh
Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ.

(Tố Hữu)

3. Học sinh tự viết.

LƯỢM

TỐ HỮU

I. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4
Đáp án	C	D	B	D

II. TỰ LUẬN

1. Gợi ý:

- Các câu thơ, khổ thơ có cấu tạo đặc biệt trong bài thơ *Lượm* là:

+ Câu: "*Ra thế, Lượm ơi*! được ngắt ra thành hai dòng. Cách ngắt câu thơ như vậy thể hiện sự xúc động đến nghẹn ngào của tác giả khi nghe tin Lượm hi sinh. Cái tin ấy đến đột ngột quá khiến tác giả sững sờ. Một câu thơ ngắt thành hai dòng tạo ra một khoảng lặng, như một tiếng nấc trong lòng nhà thơ.

+ Câu: "*Lượm ơi, còn không?* được tách ra thành một khổ riêng có tác dụng tạo ra một khoảng lặng để tác giả tưởng nhớ lại hình ảnh đẹp đẽ của Lượm. Đó cũng là một câu hỏi tu từ khơi gợi trong lòng người đọc những suy nghĩ về sự còn hay mất của Lượm.

2. Học sinh tự làm.

3. Gợi ý:

- Hình ảnh Lượm nhỏ bé, nhanh nhẹn, hồn nhiên, vui tươi thật đáng yêu, đáng mến.

- Lượm say mê tham gia kháng chiến, dũng cảm, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ thật đáng cảm phục.

- Sự hi sinh của Lượm khiến ta xúc động nghẹn ngào, đau xót và tiếc thương vô hạn.

- Hình ảnh Lượm vẫn đẹp mãi trong lòng ta, là một tấm gương sáng về tinh thần lạc quan, sự hi sinh anh dũng, quả cảm.

MƯA

TRẦN ĐĂNG KHOA

I. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3
Đáp án	A	A	D

4. a.3 ; b.7; c.5; d.8; e.4; f.2; g.6; h.1.

II. TỰ LUẬN

1. Gợi ý:

Bài thơ có sử dụng rất nhiều hình ảnh nhân hoá. Em có thể chọn một hình ảnh nhân hoá mà em thích nhất và phân tích tác dụng của nó trong việc tái hiện lại thế giới sự vật.

2. Gợi ý:

Em xem lại phần viết về *con người trong cơn mưa* ở phần 2- *Nội dung cơ bản*, mục b- *Các khía cạnh chính*.

CẦU LONG BIÊN - CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	D	D	C	C	A

II. TỰ LUẬN

1. Văn bản *Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử* đã thể hiện những tình cảm, cảm xúc của tác giả đối với cầu, một nhân chứng sống động, đau thương và anh dũng của Thủ đô Hà Nội. Đó là những tình cảm:

- Yêu mến, gắn bó với cây cầu: Thể hiện ở sự hiểu biết về cầu từ khi xây dựng đến ngày nay; ở cái nhìn trìu mến thân thương *say mê ngắm nhìn màu xanh* từ trên cầu.

- Đau đớn trước sự tàn phá cầu của bom Mĩ: *nhói đau khi nhớ lại, những nhịp cầu tả tơi như ứa máu, tôi chạy lên cầu ngay khi tiếng bom vừa dứt (...) nước mắt ứa ra, tôi tưởng như mình đứt từng khúc ruột.*

- Trân trọng: *Tôi vẫn thường đưa những đoàn khách du lịch nước ngoài đến thăm cầu Long Biên* và *cố gắng truyền tình yêu cây cầu vào trái tim họ.*

2. Thái độ cần có của con người đối với các *"chứng nhân lịch sử"*

- Hiểu được vai trò của những chứng nhân ấy trong quá khứ và trong hiện tại.

- Trân trọng giá trị của những chứng nhân ấy.

- Góp phần giữ gìn, bảo vệ những chứng nhân lịch sử để thế hệ sau có thể hiểu về quê hương đất nước.

BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ

I. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	D	B	C	D	B

II. TỰ LUẬN

1. Học sinh tự suy nghĩ và trả lời. Cần nêu được một số ý cơ bản:

- Thiên nhiên môi trường là vấn đề đang được quan tâm trong cuộc sống hiện tại.

- Đó là một vấn đề lớn không chỉ của một dân tộc, một quốc gia mà còn là vấn đề của toàn nhân loại.

- Thiên nhiên, môi trường đang bị tàn phá nặng nề, cần góp sức giữ gìn, khôi phục để con người có cuộc sống bền vững hơn.

- Vấn đề mà *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* đặt ra vẫn có ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống của chúng ta ngày nay.

2. Những tình cảm của thủ lĩnh da đỏ thể hiện trong bức thư

- Yêu mến, gắn bó tha thiết với mảnh đất, với thiên nhiên hoang dã quanh họ.

- Hiểu, trân trọng thiên nhiên.

- Đau xót trước thái độ tàn nhẫn của người da trắng với thiên nhiên.

- Niềm mong mỏi tha thiết: người da trắng hãy đối xử với đất đai, thiên nhiên thân thiện hơn, trân trọng hơn, yêu quý hơn, giống như người da đỏ.

ĐỘNG PHONG NHA

I. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3
Đáp án	D	D	D

II. TỰ LUẬN

Học sinh tự viết đoạn văn nêu cảm nhận về vẻ đẹp của động Phong Nha được gợi lên từ bài viết. Chú ý những điểm sau:

- Đó là một quần thể hang động mới được phát hiện, rất độc đáo. Có cả động khô và động nước.

- Động khô đẹp ở những vòm đá trắng vân nhũ và vô số cột đá màu xanh ngọc bích.

- Động nước đẹp ở dòng sông khá sâu, nước trong xanh, lộng lẫy kì ảo với thạch nhũ đủ hình khối, màu sắc, với những nhánh phong lan xanh biếc.

Vẻ đẹp của động Phong Nha được gợi ra quả là một *kì quan đệ nhất động* với những nét hoang sơ bí hiểm mà lại thanh thoát, giàu chất thơ.

MỤC LỤC

GỢI Ý LÀM BÀI 187

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (04) 9715011; (04) 9724770; Fax: (04) 9714899

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO
Tổng biên tập: NGUYỄN BÁ THÀNH

Biên tập: NGUYỄN HOÀNG ANH
Chế bản: THUỲ DƯƠNG
Sửa bài: PHẠM MAI HƯƠNG
Trình bày bìa: NGUYỄN NGỌC ANH

Tổng phát hành bộ sách
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG VIỆT
TRUNG TÂM GIỚI THIỆU SÁCH PHÁP LUẬT

Địa chỉ: 104 Bàu Cát 2, Phường 12, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.4088402 - 0983815669 - FAX: 08.4088402
E-Mail: codovicom@yahoo.com.vn

ĐỀ ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN NGỮ VĂN 6

Mã số: 2L-84 ĐH2007
In 3000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình
Số xuất bản: 58 - 2007/CXB/74 - 03/ĐHQGHN, ngày 22/01/2007
Quyết định xuất bản số: 299 LK/XB
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2007.